

Vladimir Korotkevich

ĐỘI SĂN CỦA QUỐC VƯƠNG XTAC



Glagoslav

ĐỘI SĂN CỦA QUỐC VƯƠNG XTAC

Tác giả: **Vladimir Semenovich Korotkevich (Уладзімір Сямёнавіч Караткевіч - 1930-1984)**

Dịch giả: **Hoàng Minh Thắng**

Nhà xuất bản **Tác Phẩm Mới - 1985**

Khổ 13 x 19cm - 315 trang

Đánh máy: **thangnc; Ongrungf**

Ebook: **Thích Là Bụt**

Hoàn thành ebook: 07-2014

LỜI GIỚI THIỆU

Trong số Báo văn học (Literarurnaja Gazeta) gần đây, một số nhà phê bình văn học Liên Xô có lưu ý bạn đọc đến một hiện tượng độc đáo trong văn xuôi Xô-viết mà theo ông, còn chưa được đánh giá đúng mức – đó là các truyện dài và tiểu thuyết của Vladimir Kôrôtkêvich, một nhà văn Bêlôruxia quen thuộc.

V. Kôrôtkêvich sinh năm 1930 ở tỉnh Oócsa, Bêlôruxia, tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Kiep năm 1954 và khoa Đại học viết văn ở Mátxcơva năm 1960. Ông sáng tác thơ, tiểu thuyết, kịch.

Hầu hết tác phẩm văn xuôi của Kôrôtkêvich như các tiểu thuyết “Kitô giáng thế ở Gôrôđen (1966), Hành lúa dưới tay liềm (1968), Hắc lâu Oócsanxki (1979), các truyện dài Huyền thoại xa xưa (1961, nhạc sĩ Xmônxki soạn thành ca kịch năm 1978), Đội săn của Quốc vương Xtác (1964, dựng thành phim năm 1980), các tập tùy bút Cổ tích đất nước hổ phách (1963) và Tiếng chuông ngân dưới đáy hồ sâu thẳm (1969) v.v... – đều viết về lịch sử và thiên nhiên đất nước Bêlôruxi, bởi vì đối với ông, “Bêlôruxia là mảnh đất tươi đẹp nhất trên đời” (Truyện Hai chú gấu của tôi).

Nói đến văn xuôi Bêlôruxia hiện đại, người ta liên tưởng đến hai tiếng chiến tranh. Những truyện dài và tiểu thuyết nổi tiếng của Alêxi Adamôvich, Vaxin Bưkôp, Ivan Mêlêgiơ và Ivan Samiakin... đã cho cả thế giới thấy tinh thần quật cường của một dân tộc mà cứ bốn người dân thì một người đã ngã xuống trong vòng có bốn năm chiến tranh (1941-1945).

Trở lại với lịch sử xa xưa, với thiên nhiên đất nước, Kôrôtkêvich dường như muốn đi tìm cội nguồn của tinh thần quật cường ấy...

Bêlôruxia – Bạch Nga – là mảnh đất miền Tây Liên Xô, với những rừng thông bạt ngàn và rừng dương trắng ngần, với những sinh lầy rộng mênh

mông như biển cả, dài rộng hàng mấy trăm cây số, những hồ nước trong xanh giữa rừng hay đồng cỏ, những lâu đài trung cổ rêu phong vẫn còn gìn giữ bao điều bí ẩn: Những âm thanh huyền bí, những ảo ảnh lạ kỳ...

Vốn là một bộ phận của nước Nga Kiep cổ đại vì nằm lọt giữa những quốc gia phong kiến hùng cường thời trung cổ như Nga, Litva, Ba Lan, Áo – Hung nên mảnh đất Bêlôruxia đã phải chịu một số phận đau thương: bị giành đi giật lại, bị chia đôi xẻ ba, bị đàn áp đè nén. Trong những bước gian truân ấy của đất nước, các tầng lớp trên – tầng lớp địa chủ quý tộc Sliăcta trước kia và tầng lớp địa chủ tư sản sau này – vì những quyền lợi ích kỷ đã buôn đi bán lại cả Tổ quốc, phản lại cả dân tộc mình. Chỉ có một số ít những phần tử lẻ loi – những con quạ trắng – như Kaxtuxô Kalinôpxki, thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa 1863-1864 của nông dân Bêlôruxia, (sinh năm 1838, bị xử tử năm 1864), như các thanh niên trí thức tiên tiến Xvetilôvich và Bêlôretxki trong truyện *Đội săn...*, là dám đoạn tuyệt với gai cấp đã thoái hóa của mình đứng hẳn về phía nhân dân, cùng những người dân lao động Bêlôruxia đấu tranh bảo vệ tổ quốc.

Truyện của Kôrôtkêvich phong phú giá trị nhận thức và giáo dục có nhiều yếu tố ly kỳ. Văn ông giàu tính lãng mạn, đan quyện lẫn nhau những yếu tố thực và hoang đường. Truyện dài *Đội săn* của Quốc vương Xtác là một ví dụ tiêu biểu cho thể loại trình thám lịch sử, gần đây khá phát triển trong một số nền văn học dân tộc ở Liên Xô. Truyện lấy đề tài trong những truyền thuyết về lời nguyện muôn thuở và sự báo oán khủng khiếp của Quốc vương Xtác cùng đội săn của Người đối với dòng họ Sliăcta Janôpxki đã phản bội Tổ quốc Bêlôruxia.

Truyền thuyết, dẫu rùng rợn khủng khiếp đến đâu, vẫn không đáng sợ, vẫn đẹp như mọi câu huyền thoại. Nhưng đáng sợ thực sự, đáng cảnh giác thực sự khi cái đội săn tương truyền đã vùi xác dưới đáy sông lầy cách đây hàng mấy thế kỷ, nay bỗng thoát hiện, thoát ẩn, gây nên những tội ác đẫm máu và gieo rắc kinh hoàng khắp một vùng xung quanh. Vậy chúng là ai? Ma quỷ hiện hình hay một lũ bất nhân đội lốt ma quỷ? Xin để bạn đọc thưởng thức tài dẫn dắt câu truyện của Kôrôtkêvich.

VŨ THỂ KHÔI

LỜI DẪN

Tôi là một người già, già lắm rồi. Cho nên không một cuốn sách nào có thể cho các bạn biết hết nhưng điều mà tôi, tức Andrây Bêlôretxki, một lão già chín mươi sáu tuổi trời, đã từng mắt thấy tai nghe. Người ta bảo: tạo hóa thường ban cho những kẻ ngu đần một cuộc đời dài lâu để họ có thể lấy chằm bù khôn. Ừ thì vâng, tôi chỉ những muốn ngu đần gấp đôi để được sống ngần ấy năm nữa bởi lẽ kẻ tiểu nhân này bản tính tò mò, gì cũng muốn biết. Vậy là chín mươi sáu năm tới đây sẽ có biết bao nhiêu kỳ thú xảy ra trên trái đất này!

Ấy nhưng nếu có ai bảo rằng nay mai tôi sẽ chết thì cũng chẳng sao, được yên nghỉ đâu phải chuyện không hay. Hẳn sẽ đến một thời mà mọi người sẽ được sống lâu hơn tôi nhiều, sẽ không phải than thân tiếc phận: việc gì phải than tiếc nhỉ? Mùi đời tôi nếm đủ, đắng cay ngọt bùi đã từng, vậy có chi phải than tiếc! Chỉ còn việc ngả mình mà yên nghỉ giấc ngàn thu, môi mỉm cười mãn nguyện!

Giờ đây tôi một thân một mình. Hẳn các bạn nhớ nhà thơ Senli từng ca:

Bóng đêm dè nặng

Lên êm ấm giọng vĩ cầm

Nếu đôi lứa đã xa cách trăm năm

Thì cần chi nữa bao lời âu yếm

Nàng là một con người đôn hậu, và chúng tôi đã sống bên nhau như trong những truyện cổ thường nói “thuận hòa, sung sướng cho đến khi đầu bạc răng long”. Nhưng thôi, gieo rắc mãi nỗi buồn phiền vào lòng các bạn mà làm gì, bởi như tôi đã nói: tuổi già của tôi chính là niềm vui của tôi, vậy thì tốt hơn hết tôi xin kể các bạn nghe đôi chuyện từ thuở xa xưa, thời tôi còn trai trẻ. Có người đòi tôi kết thúc những hồi ức của tôi về dòng họ Janôpxki, về chuỗi ngày suy tàn của nó, về lịch sử thoái hóa của tầng lớp

Sliäcta – tiểu địa chủ quý tộc Bêlôruxia. Có lẽ tôi phải thực hiện yêu cầu đó, bởi vì quả thực, một thiên sử mà chẳng có đoạn kết thì còn đâu là sử với sách!

Hơn nữa, thiên sử này lại liên quan khá mật thiết với tôi, và giờ đây ngoài tôi ra không còn ai có thể kể lại nữa. Các bạn sẽ được nghe một câu chuyện kỳ thú, rồi lại được phán rằng nó tương tự một câu chuyện hoang đường.

Bởi vậy, trước khi bắt đầu, tôi xin cam đoan đây là một câu chuyện có thực, hoàn toàn có thực, từ đầu chí cuối, dẫu rằng các bạn chỉ còn mỗi một cách tin vào lời tôi.

CHƯƠNG 1

Tôi ngồi xe ngựa đi từ tỉnh lỵ M. đến một miền heo hút hẻo lánh nhất trong tỉnh. Cuộc công du thực địa của tôi sắp hoàn tất. Chỉ còn đâu đó hai tuần nữa phải ngủ trọ trong các kho cỏ khô hay ngay trên xe, dưới bầu trời sao, uống nước lạch đưng trong bình, giá lạnh ghê rãng, buốt đến tận óc, nghe các bà các chị hát những bài ca ê a ngân dài như nổi thống khổ của quê hương xứ sở Bêlôruxia. Thuở ấy, khổ nhục còn đang tràn đầy: thập kỷ tám mươi ngàn lần đáng nguyên rủa [1], còn chưa kết thúc.

Xin chớ vội nghĩ rằng thuở ấy chúng tôi chỉ biết kêu than với căn vặn đám dân cày: “Người chạy đâu đó, ơi bác thợ cày?” rồi lại: “Người bưng tỉnh chẳng, tràn đầy sức lực?...” [2]

Cái đó sau này, sau này mới biết đau đớn thực sự cho vận mệnh của nhân dân. Ai mà chẳng biết rằng con người ta ngay thẳng nhất cho đến tuổi hai năm, ở lứa tuổi ấy, người ta không sao chịu nổi sự bất công, song khốn nỗi, tuổi thanh xuân thường lắng nghe lòng mình quá nhiều, thường cảm quá mực những xúc cảm mới mẻ quan sát thấy trong chính bản thân mình (bởi tin chắc rằng, chưa một trái tim nào khác từng được nếm trải những rung động như vậy).

Chỉ sau này mới xịch đến những đêm dài mất ngủ, trước một trang báo, trên đó vẫn bằng những con chữ bình thường, vẫn in mọi tin tức khác, giờ người ta đăng tin hôm nay có ba người bị lôi lên giá treo cổ - bạn nghe rõ chứ; những ba người, ba con người sống động, tươi vui. Tiếp đó, mới nảy sinh nguyện vọng muốn xả thân. Cả một thế hệ, trong đó có cả tôi nữa, đều đã trải qua chặng đường ấy...

Tôi đã từng đi tìm kiếm nhân dân tôi, nhưng rồi cũng như nhiều người buổi ấy, bắt đầu hiểu ra rằng nhân dân ở xung quanh, ngay cạnh mình, có điều, dòng dã suốt hai thế kỷ người ra đã là cho giới trí thức chúng ta hầu

như mất hẳn khả năng hiểu ra điều đó. Chính vì lẽ ấy mà tôi đã chọn một công việc khác thường là nghiên cứu, tìm hiểu nhân dân mình.

Tôi tốt nghiệp trung học, rồi đại học, trở thành một học giả chuyên nghiên cứu văn học dân gian. Thời ấy, công việc này mới chỉ bắt đầu và bị những kẻ cầm quyền coi là nguy hiểm cho chế độ hiện hữu.

Tuy nhiên, ở khắp mọi nơi tôi đều được quan tâm giúp đỡ, vì vậy mà công việc tiến hành được dễ dàng. Khi thì đó là viên thu lại hương xã ít chữ ít nghĩa mà vẫn cố công ghi chép rồi gửi cho tôi và Rômanôp những câu chuyện thần thoại. Khi lại là một ông giáo làng luôn nơm nớp lo mất mẩu bánh nuôi thân. Thậm chí (Ôi! Nhân dân tôi vẫn sống), có cả ngài tổng đốc, một con người vô cùng tốt bụng, một con quạ trắng thực thụ: ông ta đã cho tôi một bức thư giới thiệu chỉ thị cho thuộc cấp phải bằng mọi cách hỗ trợ tôi, ai trái lệnh sẽ bị nghiêm trị.

Xin cảm ơn tất cả các bạn, những người dân Bêlôruxia!

Ngay cả giờ đây tôi vẫn đang tôn thờ các bạn. Kể chi thuở xa xưa ấy...

Dần dà tôi cũng đã hiểu ra chính mình.

Cái gì đã buộc tôi làm điều đó?

Phải chăng đó là những đốm lửa ấm áp trong các thôn xóm mà chỉ riêng tên gọi cũng đã giội vào lòng tôi như nước nhối đến tận ngày hôm nay : những làng Rừng Sồi, thôn Cây Gia, trại Bốn chục tên Tacta, xóm Đầm lầy Gãy sừng, rừng Bạch dương Thoả chí ?...

Hay đó là buổi chần ngựa đêm, khi ngồi nghe kể chuyện cổ xưa và cái ngủ lờ mờ vào tận dưới áo lông bán thân cùng với hơi sương giá lạnh ? Hay là hương cỏ mới cắt ngây ngất cùng ánh sao đêm rọi xuyên qua mái thủng kho chứa cỏ? Hay thậm chí chẳng phải tất cả những thứ đó, mà vèn vẹn chỉ là vài chiếc lá thông nhọn hoắt như kim ở trong siêu trà, mấy nếp nhà tranh vách đất tối tăm, ám khói, nơi có vài thiếu phụ vận váy dài andarac ngồi quay tơ và hát bài ca vô tận, nghe tựa tiếng khóc than.

Tất tật của tôi cả đó. Trong hai năm rông tôi đã đi khắp các tỉnh Minsk, Môghiliôp, Vitepsk và một phần tỉnh Vilnô. Và ở đâu đâu tôi cũng đã gặp

những người hành khất mù loà, cũng thấy nổi thống khổ của nhân dân tôi, mà tôi yêu quý hơn hết thấy trên đời - điều này giờ đây tôi thấm thía lắm.

Thuở ấy, cả một vùng đây là thiên đường đối với dân tộc học, mặc dù truyện cổ, nhất là truyền thuyết, vốn dĩ là những sản phẩm ít ổn định nhất của sáng tác dân gian, cũng đã bắt đầu lần khuất dần, ngày một sâu hơn, vào rừng rậm hoang dã.

Nhưng cả những nơi ấy, tôi cũng đã từng đến, tôi có đôi chân trẻ khoẻ và cả tấm lòng khao khát kiến thức cũng đang độ trẻ trung. Tôi đã được chứng kiến biết bao điều mới lạ!

Tôi từng được xem tục buộc bó lúa, kỳ lễ giáng sinh, rồi cả trò “thần lẩn” mà ngày ấy cũng đã ít gặp. Nhưng nhiều hơn cả, tôi đã từng thấy củ khoai cuối cùng trong nồi, miếng bánh đen đui như củ đất, tiếng “ê-ê-a” ngái ngủ trên miệng nôi, những cặp mắt to sâu, khóc đã cạn lệ của các bà mẹ, các chị.

Đó chính là Bêlôruxia thuở chính giáo xa xưa!

Đó là xứ sở của những thợ săn và dân du mục, của những người lấy nhựa cây, của tiếng chuông nhà thờ êm ả vọng từ xa xôi, ngân nga trên đầm lầy ; đó là xứ sở của những người hát rong và bóng tối.

Chính vào thời ấy, quá trình thoái hoá của tầng lớp sliăcta ở Bêlôruxia ta - một quá trình bệnh hoạn kéo dài – đang đi đến chỗ kết thúc. Sự chết mòn ấy, sự thối rữa ngay khi đang còn sống sờ sờ đấy, đã kéo dài dằng dặc gần hai thế kỷ.

Và nếu như ở thế kỷ 18 tầng lớp sliăcta chết dần mòn một cách âm ỉ, với những cuộc đấu gươm, đọ súng, ăn ngủ trên ổ rơm sau khi đã tiêu xài đến khuynh gia bại sản, nếu như vào đầu thế kỷ mười chín sự chết mòn vẫn còn thoảng nổi buồn êm dịu vẫn xương quanh những tòa lâu đài rêu phong ẩn sâu trong các khu rừng bạch dương thì vào thời buổi chúng tôi nó chẳng còn nên thơ, chẳng còn đượm buồn, mà chỉ kinh tởm, nhiều khi trần trụi đến ghê rợn.

Đó chỉ còn là sự chết mòn của một bầy chuột nước rúc sâu vào hang ổ, kiếp vật vờ của một đám hành khất mà tổ tiên ông cha từng được lưu danh trong sổ vàng Gôrôđen. Vậy mà hậu thế giờ đây sống trong những tòa lâu đài đồ nát, mặc những bộ quần áo tự dệt, ấy thế nhưngài g thói kiêu ngạo thì vô giới hạn.

Đó là cả một sự hóa đồ hóa đại không phương cứu chữa: cả một chuỗi những hành vi đốn mạt, nhiều khi đẫm máu mà nguyên có thể tìm kiếm nơi đáy sâu những cặp mắt của những tên côn đồ và những kẻ thoái hóa.

Chúng đốt lò sưởi lát gạch men Hà Lan bằng những mảnh bàn ghế vô giá của Bêlôruxia thế kỷ mười bảy, chúng ngồi thu lu như một lũ nhện độc trong các tư thất lạnh lẽo, mắt nhìn chăm chăm vào đêm đen mênh mông ngoài lớp cửa kính đang nhòa dần đi dưới màn mưa xiên xiên.

Vào đúng một thời buổi như vậy, tôi đi nghiên cứu thực địa ở N., một huyện hẻo lánh trong tỉnh. Tôi đã chọn phải một thời buổi quá ư tồi tệ. Tất nhiên, mùa hè, người đi sưu tầm văn học dân gian dễ chịu nhất: thời tiết ấm áp, phong cảnh ngoạn mục. Song, những ngày cuối thu u ám hay những đêm đông dăng dặc thường đem lại nhiều kết quả hơn cho công việc của chúng tôi.

Ấy chính là lúc bày trò, ca hát, lúc ngồi quay tơ kể chuyện liên hồi, tiếp đến là mùa cưới của bà con nông dân. Đó chính là buổi hoàng kim của chúng tôi.

Khốn nỗi, công việc chỉ cho phép tôi đi và đầu tháng tám, khi chẳng ai có thì giờ nghĩ đến kể thần thoại: trên khắp các cánh đồng chỉ nghe những bài ca thợ gặt ê a ngân dài. Tôi đi suốt tháng tám, tháng chín, một phần tháng mười. Tôi chỉ vừa chợp được mấy ngày cuối thư là lúc tôi hy vọng có thể thu lượm được đôi ba điều đáng giá. Nhưng những công việc cấp bách đang chờ tôi ở tỉnh lỵ.

Những thu lượm của tôi quá ư nhỏ bé cho nên tôi cúi kính như một cha cố đến làm lễ cho đám tang mà lại gặp vụ kẻ đã chết bỗng đứng sống lại. Căn bệnh u sầu cố hữu đang dày vò tôi – một căn bệnh gặm nhấm tâm can

mỗi người Bêlôruxia thời bấy giờ: nỗi hoài nghi đối với sự nghiệp của bản thân, sự bất lực, nỗi đau nhức nhối âm thầm-tóm lại đầy đủ mọi dấu hiệu của một thời buổi đảo điên và như lời một thi sỹ Ba lan nhận xét, đó là hậu quả nảy sinh từ mối đe dọa thường trực là bất kỳ giây phút nào đó, một kẻ vận sắc phục xanh lơ ^[3] cũng có thể bắt gặp anh, mỉm cười nhã nhặn mà rằng:

– Xin mời quý ông quá bộ đến sở mật thám

Vậy là lần ấy, tôi thu lượm được quá ít, đặc biệt là những truyền thuyết xa xưa mà tôi đang chú tâm tìm kiếm. Hẳn các bạn cũng biết rằng tất cả các truyền thuyết có thể chi ra làm hai loại lớn. Loại thứ nhất lưu truyền khắp mọi nơi, trong đa số dân chúng.

Trong văn học dân gian Bêlôruxia, đó là các truyền thuyết về nữ vương rắn nước, về lâu đài hổ phách và phần lớn những truyền thuyết tôn giáo.

Loại thứ hai như thế bị cột chặt vào một địa phương một huyện, thậm chí một làng. Chúng liên quan đến một tảng đá hình thù kỳ dị đứng ven hồ, đến tên gọi một loại cây hay một vật rừng, một cái hang cụ thể nào đó. Đương nhiên, những truyền thuyết loại này mai một nhanh hơn, mặc dù có khi nên thơ hơn những truyền thuyết lưu truyền rộng rãi, và mỗi dịp được công bố, thường được ưa chuộng hơn. Chẳng hạn, truyền thuyết về Masêka đã ra mắt độc giả như vậy.

Loại thứ hai này chính là loại tôi đang chú tâm săn tìm. Tôi nôn nóng, vội vã vì truyền thuyết và thần thoại đang ngày càng mai một.

Không biết các nhà sưu tầm khác ra sao, chứ tôi thì thường cảm thấy khó dứt áo đi khỏi địa phương mình đang nghiên cứu. Tôi cứ hay mường tượng rằng đúng vào những ngày đông tháng giá tôi ngồi lì ở thành phố thì ở nơi kia có một bà già quy tiên mà chính bà cụ đó - xin các bạn hiểu cho: chỉ còn độc nhất một cụ bà đó thôi! – là biết cái truyền thuyết xa xưa ly kỳ nọ. Vậy mà nay nó phải chết theo bà cụ, và không ai, không một người nào còn được nghe nó nữa, cho tôi lẫn nhân dân tôi đều phải chịu mất mát thiệt thòi.

Cho nên, có lẽ chẳng ai ngạc nhiên với sự cáu kính cùng nỗi buồn bực của tôi.

Tôi đang trong một tâm trạng như vậy thì một người quen khuyên tôi nên đến huyện N - một địa phương ngay cả ngày ấy cũng đã bị coi là nơi khi ho cò gáy.

Chẳng hiểu anh ta có hay biết là ở đó tôi phải một phen suýt mất trí vì những cơn hải hùng khiếp đảm, phát hiện ra lòng dũng cảm trong chính con người mình và đã tìm được... Nhưng thôi, vội nói trước làm gì...

Việc sắm sửa cho chuyến đi của tôi rất chóng vánh: xếp đồ đạc cần thiết vào một cái túi đi đường, thuê một cái xe ngựa và chưa đầy một tiếng sau tôi đã rời khỏi “đô thành” , trung tâm của một huyện bên cạnh, một vùng rừng rú và đầm lầy, có diện tích chẳng thua kém một quốc gia như Luyxembua hoặc thậm chí nước Bỉ.

Mới đầu, hai bên đường là những cánh đồng trải dài, đó đây rải rác những cây lê dại trông như sồi. Thỉnh thoảng lại bắt gặp những xóm làng, cò đậu từng đàn nhưng rồi những dải đất màu đã hết, bắt đầu đến những khu rừng kéo dài vô tận. Cây cối sừng sững như những dãy cột lớn, lá rụng trải đầy mặt đường, không còn nghe tiếng bánh xe lăn. Trong khe lũng ngạt ngào mùi lá mục rữa, với rêu phong. Chốc chốc lại một đàn gà lôi bay vụt lên ngay từ dưới vó ngựa (gà lôi bao giờ cũng họp đàn vào mùa thu). Lác đác dưới lớp lá thông lại lấp ló những cụm nấm trông ngoạn mục nâu nâu hay đã ngả màu đen vì già cỗi.

Đã hai lần chúng tôi phải trú đêm tại những căn lều gác rừng hẻo lánh và lần nào cũng mừng rỡ thực sự khi bắt gặp trong màn đêm mù mịt ánh lửa chập chờn nơi những ô cửa sổ kín mít.

Đêm mịt mùng, đứa con nít quấy khóc, mấy con ngựa ngoài sân đứng không yên, chắc hẳn đánh hơi thấy có gấu lảng vảng đâu đây.

Tít trên ngọn cây, trên đỉnh rừng bạt ngàn, cả một trời đầy sao đang lấp lánh. Trong căn lều ngọt ngào. Đứa bé gái vừa lấy chân đẩy chiếc nôi vừa hát một điệu ru cũng cổ xưa tựa thế gian này: “Àa ơi.....

Mèo ơi, chớ chạy quanh sân

Roi đây ta quật gãy chân chú mèo

Mèo ơi chớ leo cây kiêu

Roi đây, ra quất cho mèo cụt đuôi....”

Ôi Bêlôruxia! Nỗi u hoài của Người sao mà thâm thẳm khôn xiết, sao mà da diết khôn nguôi!

Đêm đen. Sao trời. Bóng tối hoang sơ giữa rừng thẳm.

Song dẫu sao vẫn còn quá tươi đẹp, còn là Italia so với những cảnh trí chúng tôi được thấy hai ngày sau.

Rừng thưa dần héo dần, và tiếp đến là những bình nguyên trải rộng mênh mông trước mắt chúng tôi.

Đó không phải là những cánh đồng bình thường rập rời sóng lúa đại mạch thưa thớt quê ta, cũng chẳng phải đầm lầy – đầm lầy còn rải rác những đám lau cỏ, những gốc cây cong queo trơ trụi, thảng hoặc có thể bắt gặp một mặt hồ long lanh. Không, đây là một quang cảnh ảm đạm nhất, thê lương nhất ở xứ sở chúng ta: những sinh lầy than bùn.

Phải là một kẻ hận thù nhân loại ghê gớm lắm mới có thể bày đặt ra những cảnh trí vốn chỉ có thể tưởng tượng ra trong trí não man rợ của một kẻ điên độn độc ác. Song, quang cảnh kia đâu phải điều bịa đặt: nó đang sờ sờ trước mắt chúng tôi...

Cả một cánh đồng mênh mông xám ngoét một màu, phẳng lì, đơn điệu, ảm đạm vô vọng.

Thảng hoặc mới bắt gặp những đồng đá lù lù hỗn độn, hoặc một đồng bùn màu nâu xỉn - đó chẳng hiểu một người nào bị đức chúa trời ruồng bỏ, đành đi kiếm than bùn chẳng biết để làm gì: đôi lần trơ trọi một nếp nhà tranh vách đất với ống khói ngất ngưỡng, với khung cửa nhỏ độc nhân cô đơn nhìn ra con đường vắng ngắt. Không một bóng cây. Đến cả cánh rừng trải dài tít tận bên kia cánh đồng xám ngoét ấy, trông cũng thành ảm đạm âm u, mà thực ra nó đâu phải như vậy. Phải đi một thôi đường nữa mới lại

thấy lác đác vài ốc đảo lơ thơ cây cối, thân đen xì, phủ đầy rêu và chẳng chịt mạng nhện, cánh nhành cong queo xấu xí trông giống hình vẽ mình họa những truyện cổ tích ma quái.

Nhưng những ốc đảo ấy hiện ra rồi biến mất, trước mắt lại trải dài những cánh đồng lầy vô cùng tận xám xịt một màu.

Tôi tưởng đến phát khóc lên vì bức tức.

Lại thêm cái tội thời tiết bỗng xấu đi: mây đen đang ùn ùn kéo về phía chúng tôi, đây đó từng vạt mưa xiên xiên nặng nề đang đổ xuống đồng trống. Không một bóng chim sơn ca trên khắp chặng đường chúng tôi đi, và đó là một dấu hiệu tồi tệ: trận mưa đêm nay sẽ lai rai.

Tôi bằng lòng ghé vào bất kỳ túp lều tranh nào, khốn nỗi cũng chẳng còn gặp một túp lều nào nữa. Tôi khép chặt tà áo khoác, vừa rửa thềm ông bạn quen, vừa giục người xà ích thúc ngựa chạy nhanh hơn

Mây đen mỗi lúc một dày đặc thêm, nặng trĩu bay là là mặt đất. Bóng tối nhập nhoạng đang lan dần khắp đồng lầy, ẩm đảm và lạnh lẽo đến sờn gai ốc. Một ánh chớp mưa thu ngập ngừng lé lên đấng chân trời

Tôi chỉ vừa mới kịp bầu víu một hy vọng mong manh là tiết thu đã quá muộn, làm gì còn mưa dông thì cả một biển nước giá lạnh trút xuống đầu tôi, anh xà ích và đôi ngựa.

Dường như có ai đó ném cả cánh đồng mênh mông vào nanh vuốt đêm đen và mưa gió.

Đêm ấy, trời tối như mực đến cả mấy ngón tay mình giơ ra ngay trước mắt mình tôi cũng không thấy, chỉ còn bằng vào sự lắc lư của thùng xe mà tôi phỏng chừng xe chúng tôi vẫn đang đi. Anh xà ích hẳn cũng chẳng thấy gì hơn, đành phó mặc cho bản năng của đôi ngựa.

Tôi không dám chắc là loài ngựa có cái bản năng ấy, bởi vì xe chúng tôi chốc chốc lại sa xuống hố, chồm lên mô đất rồi lại tụt xuống hố.

Từng mảnh đất bùn sinh lầy bắn tung tóe vào thùng xe, lên áo quần, lên mặt, nhưng tôi đành cam chịu tất cả, chỉ cầu trời khẩn chúa đừng sa xuống sinh lầy. Tôi biết rằng những nơi nguy hiểm chết người thường gặp phải

trong những vùng sinh lầy kiểu này đây: nó nuốt chửng cả xe lẫn người ngựa mà sẽ không một ai có thể ngờ rằng đã từng có người qua chốn này, rằng tại nơi đây đã có kẻ lâm nạn kêu cứu suốt mấy phút đồng hồ cho đến khi bùn lầy nhào nhoét lấp đầy miệng, rằng giờ đây con người khốn nạn ấy đang cùng ngựa xe nằm sâu dưới đáy tới ba xagien [4]

Bỗng ở phía bên trái vang lên một tiếng gầm rú vang rền ghê rợn, không giống tiếng người. Đôi ngựa giật mạnh cổ xe làm tôi suýt văng ra ngoài. Không còn hiểu chúng phóng đi đâu nữa, có lẽ chúng lao bừa vào đầm lầy.

Ngay sau đó tôi nghe có tiếng “rắc”, hai bánh sau lập tức lún sâu xuống. Cảm thấy nước đã tràn qua chân, tôi túm lấy vai anh xà ích. Anh ta thốt lên, giọng thờ ơ lạ lùng:

– Thầy tớ ta chết mất, Pan [5] à. Đến mất xác ở đây thôi.

Nhưng tôi không muốn chết. Giằng lấy chiếc roi ngựa tôi quất lấy quất để vào đêm đen – vào chỗ tôi phỏng chừng là mông ngựa.

Lại vang lên một tiếng kêu thất thanh nữa, rùng rợn đến nỗi đôi ngựa lại lồng lên như điên cổ xe rung toàn thân như gắng sức thoát khỏi sinh lầy, tiếp đó, nghe một tiếng “oạp” rất to dưới bánh xe, thùng xe nghiêng hẳn, rung lên bần bật, con ngựa cái hí lên rền rĩ. Thế rồi một điều kỳ lạ đã xảy ra: cổ xe chuyển bánh và chỉ lát sau đã bon bon trên mặt đất cứng rắn. Đến lúc ấy, tôi mới nhận ra: tiếng kêu thất thanh ghê rợn chẳng phải của ai khác mà của chính tôi phát ra. Tôi thấy tự hổ thẹn với mình.

Tôi đã định bảo anh xà ích dừng ngựa ở chỗ đất tương đối rắn chắc này chờ cho đêm tối qua đi, thì cơn mưa bắt đầu. Đường lúc ấy có vật gì đó ướt át và gai góc quật vào mặt tôi. “Cành tùng – tôi đoán vậy. – Có nghĩa là đã vào đến rừng, ngựa sẽ tự dừng lại”

Song, thời gian cứ trôi đi, những cành tùng còn quật vào mặt tôi hai lần nữa, vậy mà cổ xe vẫn lăn bánh đều đều và êm nhẹ.

Có nghĩa là xe chúng tôi đang đi trên một con đường rừng.

Tôi nghĩ rằng con đường nhất định phải dẫn đến đâu đó nên phó mặc cho số phận. Quả nhiên, độ nửa tiếng sau, ở trước mặt có ánh lửa hồng nhấp

nháy vẫy gọi, sao mà tha thiết, mà ấm cúng trong đêm đen lạnh lẽo và ướt át ấy.

Lát sau, chúng tôi đã có thể nhìn rõ đó không phải nếp nhà tranh vách đất của người gác rừng, cũng không phải túp lều của người đi lấy nhựa thông như tôi tưởng mà là cả một tòa nhà đồ sộ, quá đồ sộ ngay cả đối với một thành phố. Trước mắt chúng tôi là một bồn hoa, một rặng tùng sâu hun hút mà chúng tôi vừa mới rời khỏi, xung quanh là cây cối um tùm, ướt sũng.

Bậc tam cấp đặt dưới một vòm mái cao, trên cánh cửa lớn treo một vòng khóa đồng nặng trĩu.

Tôi, rồi anh xà ích, rồi lại đến lượt tôi gõ mạnh cái vòng khóa đó vào vừa. Thoạt đầu còn dụt dè nhẹ nhàng sau mạnh bạo hơn, rồi phang thẳng cánh, rồi ngừng một lát, rồi lại gọi, rồi co chân đạp thành thành - vẫn im lặng không một tiếng động.

Mãi cuối cùng mới nghe có tiếng bước chân sau cánh cửa rụt dè và lưỡng lự. Lát sau, đầu đó từ tầng trên vọng xuống một giọng phụ nữ khàn khàn:

– Ai đấy?

– Chúng tôi lỡ độ đường, cụ làm ơn cho ngủ trọ

– Các ông hẳn đi sẵn về, phải không?

– Sẵn bản gì đâu cụ! Chúng tôi ướt ráo từ đầu đến chân. Đang đứng không vững đây. Cụ làm ơn cho qua đêm ạ

Người đàn bà lặng thinh một lát, đoạn lại cất tiếng hỏi, giọng có vẻ do dự:

– Thế chứ các ông là ai? Họ tên gì?

– Tôi họ Bêlôrétxki. Cùng đi có anh xà ích đây

Bà già sau cửa bỗng hoạt bát hẳn lên:

– Bá tước Bêlôrétxki, phải không ạ?

– Tôi hy vọng sẽ trở thành bá tước nay mai – tôi đáp, giọng không được tôn kính lắm đối với các tước hiệu.

Người sau cửa nghiêm giọng:

– Vậy thì xin mời quý ngài đi đường quý ngài cho rảnh. Ra thế, ông ta mới hy vọng trở thành bá tước. Đêm hôm khuya khoắt mà còn đùa với rờn. Xin mời đi đi cho! Cứ việc tìm trong rừng cái ổ nào đó mà rúc vào nhé, nếu như ông anh ma lạnh như vậy

– Tôi xin cụ, - tôi van nài, - tìm được nơi trọ thì chúng tôi đã chẳng dám phiền cụ làm gì. Khốn nỗi, tôi từ xa đến, từ tít ngoài huyện lỵ kia. Vừa lạc đường vừa ướt ráo cả.

– Thôi đi đi, đi ngay cho, - vẫn cái giọng tàn nhẫn đáp lại

Người khác ở địa vị tôi có lẽ đã vớ lấy viên gạch đá mà nện vào cửa và nghiền rủa những chủ nhân nhẫn tâm, nhưng tôi thì ngay cả giây phút đáng bực mình ấy vẫn không quên được rằng ý sức đột nhập nhà người là điều không tốt. Bởi thế, tôi đành thở dài, quay lại bảo anh xà ích:

– Thôi đành đi khỏi đây vậy.

Chúng tôi đã quay gót định ra xe. Chắc chắn thái độ khiêm nhường của chúng tôi đã gây được ấn tượng tốt, bởi vì bà lão bỗng dịu giọng gọi với theo:

– Này khoan đã, ông khách ơi. Vậy các ông là ai chứ?

Tôi không dám trả lời “nhà sưu tầm” bởi đã hai lần nghe thấy từ đó, người ta tưởng tôi là quân đầu trộm đuôi cướp. Cho nên, tôi đáp:

– Tôi đi buôn.

– Thế làm thế nào mà các ông lọt được vào vườn vậy? Xung quanh có tường đá với hàng rào gang kia mà

– Tôi cũng chẳng biết được nữa. – Tôi thành thật đáp. – Hình như chúng tôi đi trên đầm lầy thì phải, xe thụt hố, thực khốn khổ mới thoát ra được ... Có tiếng con gà gầm rú khiếp quá...

Thú thật tôi chẳng còn hy vọng gì, thế nhưng sau những lời than vãn ấy của tôi, bà lão khẽ thốt lên “ôi?” đoạn kêu trời kêu đất:

– Ôi lạy chúa tôi! Thế ra các ông vừa thoát ra khỏi Bãi thụt Không lồ đấy, bởi vì chỉ có phía ấy là không có hàng rào thối. Các ông gặp may đấy, tốt phúc đấy. Quả có trời phù hộ, có Đức mẹ cứu giúp! Thực khốn khổ!

Giọng bà lão giờ đây nghe mới phúc hậu, mới thương xót làm sao, khiến tôi tức khắc tha thức cho bà cái tội đã thãm vấn chúng tôi cả tiếng đồng hồ ở ngoài cửa.

Bà lão lạch cạch then cài, cánh cửa kẹt mở, để lọt ra đêm tối một vệt ánh sáng lờ mờ vàng quệch.

Trước mắt chúng tôi hiện ra một bà lão nhỏ bé vạm một chiếc váy xòe rộng như cả một cái chuông, thắt dải tím – thứ trang phục có lẽ tổ tiên chúng ta từng mặc từ thuở Quốc vương Xtác. Đầu bà đội một chiếc mũ trùm hồ cứng. Mặt bà lão chẳng chịt nếp nhăn, mũi khoằm, miệng rộng, môi hơi giầu, thành ra trông giống như cái kẹp quả hạt dẻ. Tròn trĩnh như một cái chum cỡ trung bình, với đôi tay còn mũm mĩm nên trông bà ai cũng muốn gọi “mẹ ơi!”. Tay bà lão lăm lăm một thanh cời lò to tướng - ấy là vũ khí của bà. Tôi suýt bật cười, nhưng chợt nhớ đến chặng đường mưa gió qua sinh lũy nên kìm bưng chịu. Cho đến cả ngày nay vẫn còn biết bao người phải bậm bụng nhịn cười những chuyện nực cười khi chợt nhớ ra rằng ngoài đường kia đang mưa to gió lớn!

Chúng tôi bước vào một gian phòng nhỏ hôi hám mùi chuột. Nước mưa trên áo quần lập tức chảy dòng dòng xuống sàn. Tôi nhìn xuống chân mình và giật tóc mình: cả hai chân bê bết bụi nâu đến tận đầu gối, trông như đi ủng.

Bà lão chỉ còn biết lắc đầu:

– Ấy đấy, già đoán có sai đâu: sa vào đúng cái sinh lũy thiên la địa võng ấy rồi. Thừa pan thương gia, ngài phải sửa cây nển rỗ lớn mà tạ ơn chúa là đã thoát nạn – Nói đoạn bà mở cánh cửa dẫn vào buồng bên có lò sưởi đang hồng lửa. – Thật phúc đức quá đấy. Hai ông cởi quần áo ra mà hong. Các ông có quần áo thay chứ?

May mắn thay cái túi đi đường của tôi còn khô nguyên, tôi lập tức lại trước lò sưởi thay quần áo. Bà lão vợ quần áo của tôi, của anh xà ích mang đi đâu đó, lát sau bà quay lại mang theo quần khô cho anh xà ích. Bà lão thân nhiên bước vào phòng, không thể ý gì đến cảnh anh xà ích đang trần truồng, ngượng ngịu quay lưng lại phía bà.

Bà nhìn tấm lưng tím lạnh của anh ta và nói, giọng có vẻ không đồng tình:

– Này anh bạn trẻ, việc gì phải quay đi, mụ này già lão rồi. Và chớ có co quắp ngón chân như vậy. Quần áo đây, thay ngay đi.

Khi chúng tôi đã ấm người lên đôi chút cạnh lò lửa hồng, bà lão mới ngược cặp mắt hoãm sâu nhìn chúng tôi mà bảo rằng:

– Đã thấy nóng người lên chưa? Vậy thì ổn rồi. Chú mày đến ngủ cùng với lão Jan, ngủ ở đây bất tiện. Ồi lão Jan?

Lão Jan xuất hiện tức khắc. Ấy là một ông già tuổi chừng sáu mươi, râu tóc bạc phơ, mũi nhọn hoắt tựa một cái dùi, má hóp, ria mép quắp rủ đến giữa ngực.

Lúc nãy tôi đã ngạc nhiên thì thấy bà lão một thân một mình với chiếc cời lò trong tay mà dám mở cửa không hề sợ hãi hai kẻ đàn ông lạ mặt chẳng rõ từ đâu tới giữa đêm hôm khuya khoắt. Nhưng giờ đây, được giáp mặt lão Jan, tôi mới vỡ nhẽ: ông lão đã nấp kín đâu đây, nên bà ta tin rằng nếu cần đến sự yểm trợ thì nó sẽ có ngay tức khắc.

Mà sự yểm trợ quả thực đáng kể: tay ông lão lăm lăm một khẩu súng săn. Nói đúng hơn, đó không phải một khẩu súng săn, khẩu súng ông lão cầm trong tay nên gọi là một khẩu “ngự lâm hỏa pháo” mới phải. Nó cao vượt đầu lão Jan có đến sáu inơ [6] nòng chạm trổ, đầu nòng loe to, bóng nham nhở, mòn vẹt, từ ổ khóa lòng thòng cả một đoạn dây ngòi lửa. Tóm lại, lẽ ra nó phải được bảo quản từ lâu ở một viện bảo tàng. Những khẩu súng loại này thường nổ to như thần công và giật mạnh kinh khủng, người không dè chừng có thể đổ kèn như chơi.

Không hiểu sao bỗng dưng tôi tự thấy hài lòng là trong túi quần nặng nặng một khẩu súng săn tuyệt vời của Anh.

Lão Jan đưa anh xà ích ra cửa. Tôi nhận thấy lão lê từng bước, chân cứng đờ, tay run rẩy.

Thực là một lực lượng yểm trợ đặc lực cho bà chủ - tôi bỗng có một ý nghĩ chua chát.

Nhưng bà chủ đã chạm vào vai tôi mời đi theo và vào các “nội thất”. Chúng tôi đi qua một gian phòng nhỏ nữa, bà lão mở toang cánh cửa tiếp theo và tôi tức khắc thốt lên một tiếng ngạc nhiên và thán phục.

Trước mắt chúng tôi là một phòng khách cao rộng thường thấy trong những tòa nhà địa chủ cổ xưa. Thời nay, người ta gọi là “xalông”. Một cái phòng khách tuyệt đẹp! Nó rộng thênh thang đến nỗi hình dáng thảm hại của tôi phản ánh trong tấm gương gắn trên tường đối diện trông không lớn hơn ngón út là bao. Sàn lát những phiến gỗ sồi, đã khá mòn, bốn bề tường cao hun hút, ốp gỗ thanh nhẵn bóng trạm trổ những đường viền, màu đã sẫm lại với thời gian, những ô cửa sổ gần như sát ngay dưới trần nhà, hốc cửa hình cung, nhỏ và sâu.

Rõ ràng là mò mẫm trong đêm tối mù mịt, chúng tôi đã gõ nhầm vào cửa phụ, vì ở bên ngoài tôi vừa nhận ra còn có cổng chính, cao rộng, cửa cũng lại hình vòm nhọn, có cột gỗ ngăn theo kiểu tam quan, các cột đều khắc trổ những hình hoa lá, lâu năm đã nứt nẻ. Cuối tiền sảnh lại một cánh cửa nữa, cũng to và nặng, bằng gỗ sồi đóng những hàng đinh đồng mũ vuông đã xỉn màu.

Bên trên cánh cửa là một ô cửa sổ to đen ngòm trông ra đêm tối mù mịt. Trên cửa sổ có một chấn xong rèn uốn khá tinh vi.

Tôi dạo ngắm tiền sảnh mà lấy làm ngạc nhiên trước vẻ tráng lệ của tòa nhà cùng sự hoang tàn do thói trể nải của người đời. Đây, nhưng cổ bản ghế khá nặng nề kê xen tường. Kia, một pho tượng thánh Iuri tạc bằng gỗ đồ sộ, một trong những tác phẩm dầu mộc mạc chất phác mà vẫn tuyệt vời của thiên tài dân gian Bêlôruxia, dưới chân bức tường là cả một lớp bụi trắng

trắng như thể có người rắc đầy bột mỳ ra đấy: kiệt tác vô song ấy đang bị một hủy hoại. Trên kia nữa, sát dưới trần, một cây đèn chùm, cũng đẹp kỳ lạ, song những chùm tua rua cũng đã rơi rụng hơn quá nửa.

Tưởng như rằng không có ai trú ngụ nơi đây nếu không có những thanh củi đang cháy rùng rục trong cái lò sưởi to tướng và không có ánh lửa chập chờn đang lung linh mờ ảo khắp gian phòng.

Gần như ngay chính giữa gian tiền sảnh tráng lệ ấy, một bậc thang cẩm thạch thênh thang dẫn lên tầng hai. Trên này, tất cả hầu như lặp lại tầng một: cũng một gian phòng cao rộng, thậm chí cũng lại một lò sưởi y hệt đang cháy rùng rục, chỉ khác một điều là tường gỗ đen (có lẽ là gỗ sồi) xen lẫn với những mảng giấy bồi màu ca phê. Trên những mảng tường bọc giấy bồi ấy treo từng hàng chân dung lắp khung gỗ nặng nề. Với lại, cạnh lò sưởi có kê một chiếc bàn con và hai ghế bành. Bà lão giật tay áo nói:

– Giờ, già đưa pan về phòng dành riêng cho ngài. Ngay cạnh đây thôi, theo cái hành lang này. Sau đó có lẽ ngài sẽ dùng bữa tối chứ ạ?

Tôi không từ chối vì cả ngày hôm ấy chưa ăn uống gì.

– Vậy xin ngài chờ cho một lát...

Có đến mười phút sau, bà lão mới quay lại, tươi cười, cởi mở nói với tôi:

– Thưa quý pan dân quê thường đi năm sớm. Nhưng trong nhà chúng tôi đây không quen ngủ sớm, nên thường đi năm muộn. Với lại bà chủ chúng tôi không ưa tiếp khách. Không hiểu sao hôm nay bỗng dưng bà lại đồng ý để quý pan vào nhà, lại còn cho mời sự bữa tối nữa (vậy xin pan bỏ quá cho già này). Chắc hẳn quý pan đáng được tín nhiệm hơn cả trong số người đến với chúng tôi ba năm gần đây.

– Sao thế? – Tôi ngạc nhiên – Vậy ra cụ không phải chủ nhân của tòa nhà này à?

– Già là quản gia - bà lão trịnh trọng tuyên bố. - Là quản gia trong một nhà cao quý nhất trong những nhà cao quý, trong một gia đình cao thượng, xin quý pan thương nhân nhớ cho điều đó.

Cặp mắt bà lão quắc lên giận dữ:

– Ngài đang ở trang ấp Rừng Tùng Đầm lầy. Và quả thực đáng hổ thẹn là ngài chưa từng nghe danh các chủ nhân đây dòng họ Janôpxki. Ngài đã rõ chưa - dòng họ Janôpxki! Không lẽ ngài chưa một lần nghe danh ư?

Tôi trả lời là có từng nghe nhắc đến dòng họ danh tiếng ấy, khiến bà quản gia rất hài lòng.

Bằng một cử chỉ tương xứng với một nữ hoàng, bà mời tôi ngồi xuống chiếc ghế bành (đại khái các vị nữ hoàng trên sân khấu thường với động tác tương tự mời những tình nhân bất hạnh của các lệnh bà bước lên đoạn đầu đài: “Chỗ của nhà người đó, hồi kẻ vô phúc kia!”). Bà xin lỗi, đoạn bỏ mặc tôi ngồi lại một mình. Tôi vô cùng ngạc nhiên về sự thay đổi thái độ của bà lão. Dưới tầng một bà than vãn, vậy mà vừa mới bước chân lên tầng hai bà phút chốc biến thành một người khác hẳn. Có lẽ dưới tầng một, bà lão thấy như đang ở nhà mình, trên tầng hai bà chỉ là một mục quản gia, một khách lạ ít lai vãng, vì vậy mà bà luôn thay hình đổi dạng, thay cả lời ăn tiếng nói cho thích hợp. Ánh mắt bà lão vẫn hiền từ, song tôi vẫn không ưa sự biến hóa đột ngột như vậy.

Ngồi lại một mình, tôi bắt đầu chăm chú xem xét những bức chân dung lồng khung kính lấp lánh mờ mờ ảo ảo trên tường. Có đến ngót bảy chục bức tất cả, cổ xưa có, mới có, cả một gian triển lãm buồn thiu.

Đây, một vị quý tộc, nhưng ăn vận mộc mạc một chiếc áo lông thú bán thân, khuôn mặt rộng, đường nét thô như anh thợ cày, nhưng khỏe mạnh, đầy nhiệt huyết. Đó làm một trong những chân dung cổ xưa nhất.

Còn đây kia, bức thứ hai đã mặc một áo captan thêu kim tuyến, một chiếc cổ lông hải ly to rộng chùm kín vai (cứ trông mặt cũng đủ biết cha nội là một thằng ranh ma quỷ quái có hàng đó!). Ngay cạnh, chân dung một con người cường tráng, với đôi vai rắn chắc như đá, với ánh mắt chân thành, trên người khoác hờ một tấm áo choàng đỏ chói (cạnh đầu vẽ một cái khiên trang trí gia huy, nhưng nửa trên của gia huy lại bị bôi đen đi). Kế đến là những chân dung khác, cũng những trượng phu cường tráng như vậy, nhưng những cặp mắt lại ngây ngô đờ đẫn, mũi quặm, môi mím.

Tiếp theo là hàng chân dung những người phụ nữ vai trần thon thả - những đôi vai tạo hóa tạc nên để được vuốt ve âu yếm. Gương mặt họ có thể khiến cả kẻ đao phủ phải rơi nước mắt. Chắc hẳn, vào cái thời buổi tàn bạo xa xưa cũng đã có người trong đám mỹ nhân này phải kê đầu lên thớt chém. Thực chẳng thú vị chút nào khi nghĩ đến chuyện các bà mệnh phụ này từng ăn bốc và giường nệm nơi khuê phòng của họ lúc nhúc đầy rệp.

Tôi đứng lại trước một bức chân dung kiều diễm bởi một nụ cười kỳ lạ bí ẩn mà các họa sỹ xưa kia biết miêu tả một cách tài tình. Thiếu phụ trong tranh nhìn tôi với một vẻ quan tâm bí ẩn.

“Người là một kẻ tầm thường hèn kém, ánh mắt thiếu phụ như nói với tôi như vậy: - Người đã được nếm trải những gì ở đời? Ôi! Giá như người được thấy cảnh đèn đuốc rừng rực cháy sáng quanh tường phòng yến tiệc. Người sao hiểu nổi vị khoái lạc khi được hôn đến bật máu tươi những người tình, được khiến một đôi tình địch phải đọ gươm, được đầu độc một tình nhân khác, được trao một người tình nữa vào tay đao phủ, được tiếp tay cho chồng ẩn kín trong tháp canh bắn vào kẻ thù xông lên tấn công lâu đài, được sử dụng ma lực của ái tình đẩy tình nhân cuối cùng xuống huyết mộ, sau đó nhận hết tội lỗi của anh ta về phần mình, để rồi được đặt lên đoạn đầu đài mái đầu với vầng trán cao và kiểu tóc vấn cầu kỳ”.

Tôi xin đem sinh mệnh mình ra mà thề rằng người thiếu phụ trong tranh đã nói với tôi đúng như vậy, và mặc dù tôi ghét cay ghét đắng bọn quý tộc. Đứng trước bức chân dung ấy, tôi đã hiểu ra rằng: “dòng họ” quả là một thứ ghê gớm nó để lại dấu ấn sâu xa cho hậu thế, cả một gánh nặng khủng khiếp những tội lỗi từ xa xưa và sự thoái hóa hôm nay đè nặng lên vai những kẻ hậu sinh.

Tôi còn hiểu ra rằng đã biết bao năm tháng trôi qua kể từ thuở người thiếu phụ nọ ngồi trước giá vẽ của họa sỹ. Giờ họ ở nơi đâu, tất cả đám người mang trong mình dòng máu sôi sục cùng những dự vọng say mê ấy? Đã biết bao thế kỷ ầm ầm lướt qua trên năm xương tàn của họ?

Tôi cảm thấy luồng gió từ những thế kỷ xa xôi ấy vừa mới tràn qua sau lưng, thổi dựng ngược tóc sau gáy tôi.

Tôi cũng cảm thấy ngay trên từng làn da thớ thịt cái âm khí lạnh lẽo ngự trị trong tòa nhà mà những lò sưởi rừng rực cháy đêm ngày vẫn không sao xua tan nổi.

Những gian phòng đồ sộ, ẩm đạm, ván lát sàn luôn cót két, bóng tối dày đặc khắp xó xỉnh, gió lùa quanh năm tháng ngày, mùi bụi bặm và mùi chuột, và bao trùm tất cả là một khí lạnh đến đông máu trong huyết quản – một khí lạnh tích tụ qua nhiều thế kỷ, khí lạnh của chế độ trường tộc thống nhất, của một dòng họ lớn đã tàn tạ, gần như tuyệt tự.

Ôi, một âm khí lạnh lẽo mới đáng sợ làm sao! Nếu như có thể đưa đến đây chư vị thuộc môn phái suy đồi ở ta sau này - những kẻ sính ngợi ca các lâu đài quý tộc hoang tàn ấy, để chư vị ở lại đây một đêm thôi thì chư vị sẽ tức khắc van xin thả chư vị ra nội cỏ, dưới ánh mặt trời ấm áp.

Một con chuột cống đang hoảng chạy ngang qua giữa phong. Tôi rùng mình, vội quay lại với những bức chân dung. Đây là những chân dung thời sau này nên khác hẳn. Các đại diện nam giới đều có một vẻ đói khát, bức dọc, đôi mắt của những kẻ mê gái đã già đời, cặp môi nhếch mép khinh khỉnh, khó hiểu và rất khó chịu. Phụ nữ cũng khác hẳn: kiểu cách, và điều rõ rệt nhất là đôi tay đã trở nên ẻo lả: ở đàn ông và đàn bà những đường gân xanh nổi rõ dưới làn da trắng. Vai hẹp hơn xưa, dô ra đằng trước. Trên mọi gương mặt đều tăng thêm vẻ hiếu sắc.

Hồi cuộc đời, Người chơi những trò thực tàn nhẫn đối với những kẻ hàng bao thế kỷ đã sống biệt lập, tiếp xúc với dân chúng chẳng qua chỉ để cho ra đời những đứa con hoang.

Tôi cảm thấy vô cùng nặng nề, khó chịu khi nhìn ngắm tất cả dãy chân dung ấy. Và cái cảm giác ớn lạnh thấu xương một cách khó hiểu bỗng lại choán lấy thân thể tôi...

Tôi không hề nghe thấy tiếng bước chân ở sau lưng, dường như người lại gần tôi đã bơi đi trong không trung. Bỗng dưng tôi cảm thấy có ai đang nhìn vào gáy mình. Có vậy thôi, và tôi quay phắt lại. Trước mắt tôi là một thiếu phụ. Nàng kinh ngạc nhìn tôi, vẻ dò hỏi, đầu hơi cúi xuống. Tôi kinh

ngạc. Tôi có cảm tưởng là bức chân dung vừa mới cùng tôi trò chuyện, bỗng sống lại, thiếu phụ vừa mới từ trong tranh bước ra.

Thâm chí đến bây giờ tôi vẫn không hiểu nổi họ có gì giống nhau. Người trong tranh (ngoái nhìn lại tôi thấy bức chân dung vẫn nguyên vị) có lẽ tầm vóc cao cân đối, đầy sinh khí, tươi vui, khỏe mạnh và xinh đẹp. Người đang đứng trước mặt tôi là một thiếu phụ ẻo lả.

Vậy mà họ vẫn giống nhau - một sự giống nhau siêu việt vẫn khiến ta nhận ra giữa đám đông hai anh em ruột khác nhau: một đứa tóc đen, đứa kia tóc sáng. Không, đằng này hai thiếu phụ có nhiều điểm giống nhau hơn. Mái tóc họ hoàn toàn như nhau, mũi cùng một kiểu, cùng một khóe miệng, đến cả hàm răng trắng đều tăm tắp cũng như nhau. Thêm vào đó là sự giống chung trong nét mặt, một nét vĩnh cửu nào đó của dòng họ.

Song dầu sao, tôi cũng chưa từng gặp một nhân vật nào khác gây cho tôi ấn tượng khó chịu hơn thế. Tất cả đều vừa như nhau lại vừa khác hẳn nhau. Tầm vóc thấp bé, thân hình gầy đét, mảnh mai như cành liễu, cặp đùi kém phát triển và bộ ngực lép kẹp, gân xanh nổi chằng chịt trên cổ, trên cánh tay, như hoàn toàn không có máu. Trông cô nàng lả lướt như một ngọn ngải cứu mọc đầu bờ.

Một làn da quá mỏng manh, một cái cổ dài quá mảnh dẻ, đến cả kiểu vấn tóc cũng mờ nhạt một cách lạ lùng. Kỳ lạ hơn nữa là mái tóc ấy lại óng vàng, dày mượt và đẹp vô cùng. Nhưng cần gì đến cái búi tóc kỳ dị trên gáy kia chứ?

Các đường nét gương mặt khá gợi cảm, gọn gàng, cân xứng đến mức có thể làm hình mẫu cho một nhà điêu khắc vĩ đại. Song tuy vậy, tôi vẫn cho rằng chắc không một nhà điêu khắc nào dám cả gan tạc tượng mỹ nhân Junôna theo khuôn mặt đó: ít ai bắt gặp một gương mặt đáng thương hại đồng thời khó chịu đến nhường ấy. Làn môi méo mó, hốc mắt thâm quầng, da mặt xám ngắt, đường lông mày đen nhánh gấp khúc kỳ lạ, đôi mắt to dên nhưng trông đờ đẫn khó hiểu.

“Cô bé xấu xí như quỷ sứ” tôi lấy làm thương hại và vội cụp mắt xuống.

Tôi biết không ít phụ nữ đến tận ngày xuống mồ cũng không thể tha thứ cho tôi cái cụp mắt ấy, nhưng thiếu phụ này chắc hẳn đã quen bắt gặp vẻ thương hại tương tự trên gương mặt tất cả mọi người đã tiếp kiến, cho nên nàng hoàn toàn không chú ý đến cử chỉ của tôi.

Không hiểu thiếu phụ có định đưa tay cho tôi hôn không, hay chỉ định chìa tay cho khách bắt theo kiểu người Anh, mà cũng có thể cánh tay chỉ khẽ rung động tự nhiên, song tôi vẫn cầm lấy những ngón tay nàng và trân trọng đưa lên môi hôn. Có lẽ tôi đã cầm ngón tay ấy lâu hơn là phép lịch sự đòi hỏi: thì tôi cũng phải chuộc lại phần nào cái tội cụp mắt của mình chứ.

Khi tôi buông bàn tay nhỏ nhắn ra, trong khóe mắt cô gái – không, thậm chí phải gọi là cô bé gái – vụt le lói một ánh xúc động kỳ lạ, bệnh hoạn.

Vẫn lặng lặng như vậy, nàng chỉ cho tôi ngồi xuống chiếc ghế bành trước lò sưởi. Tuy nhiên tôi chưa vội ngồi khi nàng vẫn còn đứng. Lại một lần nữa, ánh mắt ngạc nhiên nọ léo lên trong khóe mắt. Tôi chợt nhớ lại là bàn tay nàng đã run lên khi chạm phải môi tôi, và tôi hiểu ra rằng nàng hoàn toàn không biết cách đưa tay cho người hôn, nàng chưa được ai hôn tay bao giờ. Mà quả thực còn có thể chờ đợi được cái gì ở cái xó xinh lầy lội giữa rừng hoang đã bị thượng đế phi nguyện này?

... Khi bà quản gia mím môi bưng bữa tối lên, xong, lập tức rời khỏi tầng gác, tôi mới cất tiếng hỏi tôi được hôn hạnh tiếp chuyên với ai vậy.

– Tôi là Nadia Janôpxkaia, nữ chủ lâu đài Rừng Tùng Đầm Lầy

– Xin tiểu thư thứ lỗi, lẽ ra tôi phải tự giới thiệu trước phải không ạ? Mặc dù không muốn vậy, nhưng tôi đã phải đánh lừa bà quản gia. Tôi không phải là thương gia...

– Tôi biết, nàng đáp rất bình thản – dám thương gia khác hẳn. Tôi đã quan sát ngài từ nãy. Ở ngoài đó, trên chỗ cửa ra vào có mấy lỗ nhỏ giấu kín chuyên dùng để quan sát. Mỗi khi có ai đến thăm, tôi tức khắc thấy ngay - Qua lỗ quan sát đó. Có điều, rất ít khách đến thăm chúng tôi, ít lắm. Họ sợ, và tôi cũng ít dám cho ai vào nhà. Ngài không như những người khác... Rất hiếm những người đáng tin cậy qua lại nơi đây.

Tôi có một cảm tưởng kỳ lạ hơi khó chịu trước thái độ nói nhẹ ra là quá bộc trực như vậy. Đó là cái gì? Một sự tính toán tinh vi ngay sự ngây thơ? Song, dẫu đã chăm chú quan sát gương mặt nhàn nhó ấy, tôi vẫn không phát hiện một nét thâm hiểm nào.

Gương mặt nàng chất phác thơ ngây, nhưng cái có sức thuyết phục hơn cả chính là giọng nói của nàng: chậm rãi, lười nhác, thờ ơ, đồng thời lại rung động, ngập ngừng tựa hồ giọng chim rùng.

– Với lại, tôi có gặp ngài, từ trước đây

– Ở đâu kia, thưa tiểu thư! – Tôi ngạc nhiên

– Tôi không nhớ. Tôi từng gặp gỡ với nhiều người. Tôi có cảm tưởng hình như đã gặp ngài trong giấc mơ... nhiều lần... và cũng có thể chẳng phải chỉ trong mơ. Ngài đã có bao giờ cảm giác như mình đã sống từ xưa từ lâu lắm rồi... và bây giờ chỉ phát hiện ra, chỉ thấy lại điều mình đã từng chứng kiến xưa kia... Ngài có bao giờ có cảm giác như vậy không?

Tôi là một người khỏe mạnh nên không hề biết là những chuyện tương tự đôi khi có xảy ra với những người thần kinh dễ bị kích động, quá nhạy cảm. Ở họ, không hiểu sao mối liên hệ giữa tri giác ban đầu và các biểu tượng tiếp theo của ký ức bị rối loạn. Cái giống nhau, họ tưởng là đồng nhất, họ khám phá trong các sự vật hoàn toàn xa lạ những điều gì đó họ đã biết từ lâu. Nhưng ý thức, vốn dĩ là nhà hiện thực từ muôn thuở, kháng lại cảm giác đó. Thành thử đâm ra sự vật vừa xa lạ vừa quen thuộc một cách bí ẩn.

Tôi xin nhắc lại, tôi chưa biết điều đó. Nhưng dẫu vậy, không một giây phút nào tôi nảy ra ý nghĩ là cô gái ấy có thể nói dối, từ mỗi lời nói của nàng đều toát lên sự chân thực, đồng thời lại thờ ơ lãnh đạm.

– Tôi đã từng gặp ngài – nàng nhắc lại một lần nữa – Nhưng ngài là người ra sao? Tôi không biết.

– Tên tôi là Andrêi Bêlôretski, thưa tiểu thư. Tôi là một học giả phonklorist. ^[7]

Nàng không máy may ngạc nhiên. Ngược lại, người phải ngạc nhiên lại là tôi khi tôi thấy nàng hiểu nghĩa từ thuật ngữ ấy.

– Một việc rất hay đấy. Vậy ngài quan tâm thể loại nào? Ca dao hay tục ngữ?

– Truyền thuyết, thừa tiểu thư. Tôi quan tâm các truyền thuyết cổ ở các địa phương.

Tôi phát hoảng lên thực sự, vì thiếu phụ bỗng giật nảy mình thẳng đuồn người ra như bị tra điện, mặt tái mét đi, hai mắt nhắm nghiền lại

Tôi chạy vội lại đỡ đầu nàng và kê cốc nước lại gần môi, nhưng nàng đã tỉnh lại. và ngay lập tức đôi mắt nàng sáng quắc lên giận dữ và đầy vẻ trách móc khó tả khiến tôi cảm thấy mình như một kẻ đê tiện hết chỗ nói, mặc dù tôi không hiểu vì sao lại không được quyền nói về nghề nghiệp của chính mình. Tôi chỉ kịp nảy ra một phỏng đoán mơ hồ là câu chuyện hẳn liên quan đến một quy ước tự cổ xưa: Ở trong nhà có người bị treo cổ không nên nhắc đến dây thừng.

Giọng nhát gừng, nàng nói:

– Đến cả ngài, cả ngài nữa... Cớ sao các người cứ đầy dọa tôi, vì lẽ gì mà tất cả các người ...

– Thừa pana, thừa tiểu thư! Xin tề danh dự, tôi không hề có ý xấu, tôi có hay biết gì đâu. Đây, xin tiểu thư xem giấy chứng chỉ của Viện hàn lâm, và đây là thư giới thiệu của quan tổng đốc. Trước đây tôi chưa hề tới vùng này. Xin tiểu thư thứ lỗi cho, bỏ qua cho tôi nếu như tôi đã vô tình xúc phạm tiểu thư.

– Không sao, - nàng đáp - không sao cả. Xin pan Bêlôretski cứ yên tâm. Tôi hay như vậy... Tôi căm ghét những sáng tác u mê tối tăm do trí não bọn người man rợ đẻ ra. Rất có thể rồi một lúc nào đó ngài sẽ hiểu ra cái mờ bòng bong tăm tối đó thực chất là cái gì. Còn tôi, tôi đã hiểu điều đó từ lâu rồi. Có điều trước khi hiểu nổi được đến cùng tôi sẽ chết.

Tôi hiểu ra rằng mọi câu dò hỏi sẽ bất nhã nên đành lạng thinh. Chỉ một lát sau, khi nàng đã bình tâm, tôi mới nói:

– Xin tiểu thư thứ lỗi cho tôi là đã làm cho tiểu thư quá xúc động. Tôi tự nhận thấy đã làm cho tiểu thư khó chịu. Bao giờ tôi sẽ phải đi khỏi đây? Tôi nghĩ tốt nhất là ngay bây giờ.

Gương mặt nàng lại một lần nữa nhăn nhó.

– Trời, vấn đề đâu phải như vậy. Không nên đâu, Ngài sẽ xúc phạm tôi thật sự nếu bỏ đi ngày bây giờ. Hơn nữa – giọng nàng bỗng run run: - Ngài sẽ thấy sao nếu như tôi mạo muội yêu cầu ngài, ngài hiểu tôi nói chứ ạ, tôi yêu cầu ngài ở lại đây, ở lại tòa nhà này độ vài ba tuần? Tóm lại là ở đây cho đến khi hết những đêm thu tối trời?

Ánh mắt nàng bỗng trở lên đờ đẫn. Làn môi hé một nụ cười thảm hại.

– Sau đó, tuyết sẽ rơi. Và trên tuyết sẽ có dấu vết. Tất nhiên, tùy ngài định đoạt. Nhưng tôi sẽ lấy làm phiền lòng nếu như người đời sẽ chê là đại diện cuối cùng của dòng họ Janôpxki đã quên mất lòng mến khách cổ truyền.

Nàng đã nói đúng những lời như vậy – “đại diện cuối cùng của dòng họ Janôpxki” – cái cô bé gái mới mười tám tuổi đầu ấy, khiến lòng tôi bỗng tự dưng đau nhói.

– Thôi cũng đành – nàng nói tiếp – nếu như ngài đã quan tâm những câu chuyện tục tĩu ấy, thì tôi đâu dám phản đối. Có những người còn sưu tầm cả răn độc nữa kia mà. Tôi xin nói trước là ngài đã đến một xứ sở của truyền thuyết đấy. Ở đây hồn ma bóng quỷ còn nhiều hơn cả những người đang sống. Đám nông dân bị sốt rét hành hạ quanh năm, kể những câu chuyện thực ly kỳ và rùng rợn. Họ sống bằng rau cỏ với cháo kiều mạch lẫn hồi cùng trí tưởng tượng. Ngài không thể ngủ lại trong các túp lều của họ, ở đó bẩn thỉu chật chội, đầy ổ bệnh sốt rét. Ngài cứ đi các trại quanh đây, trả cho họ vài xu để họ mua bánh mì hay rượu vôtca giúp sưởi ấm giây lát dòng máu đã lạnh ngắt vì sốt rét, thế là họ sẽ kể tất cả. Còn đến chiều tối thì ngài lại trở về đây. Trong tòa nhà này luôn luôn có món ăn, nệm và lửa ấm lò sưởi chờ ngài. Xin ngài nhớ cho rằng ở đây tôi là nữ chủ, nông dân nghe lời tôi. Ngài bằng lòng chứ?

Đến lúc ấy, tôi hầu như tin chắc rằng không còn ai nghe lệnh cô bé gái ấy nữa, không còn sợ ai nữa, không còn ai phụ thuộc vào nàng nữa. rất có thể với ai khác, tôi đã cười thẳng vào mặt, nhưng trong cái “lệnh” vừa được nghe có biết bao sự van lơn khó hiểu biết bao nỗi trông chờ cảm động, khiến tôi cụp mắt xuống đáp:

– Vâng, tôi xin phục tùng ý nguyện của tiểu thư.

Nàng không nhận ra chút xíu mỉa mai trong ánh mắt tôi nên thậm chí đôi má nhợt nhạt đã ửng hồng trong giây lát, có lẽ vì nàng thấy lời yêu cầu của mình đã được chấp thuận.

... Nhưng thứ còn lại sau bữa ăn tối đơn sơ đã được dọn đi. Hai chúng tôi vẫn ngồi lại trong những chiếc ghế bành trước lò sưởi. Janôpxkaia ngoái nhìn những ô cửa sổ đen ngòm. Ngoài trời, rừng cây cao to đang xào xạc, cành lá ngả nghiêng quệt vào ô kính. Nàng cất tiếng hỏi:

– Pan Bêlôretxki chưa buồn ngủ chứ ạ?

Cái buổi tối lạ kỳ ấy khiến tôi hết cả buồn ngủ. Hai chúng tôi cứ ngồi cạnh nhau như vậy mà ngắm nhìn lửa cháy trong lò. Bỗng nàng lại cất tiếng:

– Thưa ngài, ở nơi khác mọi người có sinh sống như chúng tôi đây không ạ?

Tôi ngược nhìn nàng thắc mắc: chẳng lẽ nàng chưa từng ra khỏi tòa nhà này bao giờ? Dường như đoán ra ý tôi nàng thanh minh:

– Tôi chưa từng đi đến đâu ngoài cái bình nguyên giữa chốn rừng rú này. Cha tôi, một con người tuyệt vời, tự dạy dỗ tôi. Người có một học vấn sâu rộng. Đương nhiên: tôi biết trên thế giới có những nước nào, không phải đâu đâu cũng chỉ mọc một loài tùng bách nơi đây. Nhưng xin ngài cho biết: phải chăng ở khắp mọi nơi con người cũng phải sống một kiếp lạnh lẽo tối tăm như nơi đây?

– Thưa tiểu thư, trên trái đất này vẫn còn quá nhiều người phải sống tối tăm lạnh lẽo. Kẻ có lỗi trong chuyện này là những người thèm khát một quyền lực vượt quá khả năng của con người. Một căn nguyên khác nữa là

đồng tiền, vì đồng tiền mà người ta chẹt họng nhau. Song, tôi nghĩ không phải mọi nơi đều cô liêu lạnh lẽo như ở đây. Ở đằng xa kia, ở ngoài khi rừng này còn có những đồng cỏ xanh rờn, nắng ấm, có hoa tươi và từng đàn cò trắng đậu trên cây cao. Ở đó cũng còn bàn cùng và tắm tối nhưng ở đó mọi người đang tìm cách tự giải thoát. Ở đó người ta còn trang trí cửa nhà, còn có tiếng cười của các thiếu phụ và tiếng nô đùa của trẻ nhỏ. Chứ ở đây, mọi thứ đó quá hiếm.

– Tôi cũng phỏng đoán như vậy-nàng nói: - cái thế giới ấy vẫn hằng vậy gọi, nhưng tôi chẳng cần cho nơi nào khác ngoại trừ trang ấp Rừng Tùng Đàm Lầy này. Và lại, tôi sẽ xoay xử ra sao nếu như ở đó cần có tiền? Thưa ngài, thế những thứ như tình yêu, tình bạn ở đó thắng hoặc cũng có chứ ạ? Hay là những thứ đó chỉ còn có trong tủ sách của cha tôi?

Lại một lần nữa tôi không may mắn hoài nghi rằng những lời lẽ đó chỉ là một câu bông đùa lập lờ, mặc dù tình cảnh của tôi quả đến éo le: giữa đêm hôm ngồi trong phòng cùng một tiểu thư chưa quen biết và đàm đạo về tình yêu theo sự gợi ý của chính cô nàng:

– Ở đó đôi khi cũng có đấy

– Tôi cũng nghĩ thế. Không thể có chuyện mọi người đều nói dối cả. Nhưng ở đây, thì những thứ đó hoàn toàn không có. Ở đây chỉ có đầm lầy và bóng tối. Và chó sói nữa... Những con chó sói mắt long sòng sọc. Những đêm như vậy tôi có cảm giác không nơi nào, không một góc nào trên trái đất này có ánh mặt trời.

Tôi bỗng thấy sợ hãi khi bắt gặp ánh mắt khô khan sâu thẳm của nàng, nên để chuyển đề tài câu chuyện, tôi hỏi:

– Không lẽ song thân của tiểu thư đã không yêu nhau?

Nàng mỉm cười bí ẩn:

– Ở trong lâu đài chúng tôi, người ta không bao giờ yêu. Tòa nhà này hút dần sinh khí của mọi người. Với lại, ai nói với ngài là tôi có mẹ. Tôi không còn nhớ Người, cũng không một ai trong nhà này còn nhớ Người. Đôi khi tôi có cảm tưởng là tôi đã tự sinh ra trên đời này.

Dẫu những lời nói ấy hồn nhiên sâu sắc, tôi vẫn hiểu rằng đây là một chương chưa được biết đến trong cuốn “Mười ngày” và không nên cười, bởi lẽ tất cả điều đó thật kinh khủng. Trước mặt tôi là một cô gái mười tám xuân xanh và cô đang trò chuyện về những điều từ lâu phải giấu kín trong lòng. Tuy nhiên, những điều ấy đối với cô chẳng hiện thực hơn là bao so với các tiên nữ trên thượng giới đối với tôi.

– Tiểu thư làm đấy – tôi lúng búng trong miệng – trên trái đất này, dẫu rất ít, song ta vẫn được ban tình yêu.

– Loài lang sói không thể biết yêu. Và lại, yêu sao được nếu như Tử thần đang luân quất xung quanh. Nó ở ngay ngoài khung cửa kia chứ đâu.

Cánh tay gầy gò trong suốt chỉ ra phía những ô cửa sổ đen ngòm. Và giọng nói nhỏ nhẹ lại cất lên:

– Những cuốn sách dối trá của các ngài viết rằng tình yêu là một bí ẩn lớn lao, là hạnh phúc và ánh sáng, rằng khi nó đến với người ra mà đối tượng lại không yêu thì người ta sẽ tự giết mình.

– Đúng như vậy, tôi đáp – Nếu không sẽ chẳng có đàn bà, cũng không có đàn ông.

– Các ngài chỉ nói dối thôi. Người ra không giết chính bản thân mình, người ta giết những người khác. Người ta đã thả ra trên trái đất này hàng ngàn vạn những hồn ma. Tôi không tin, tôi chưa bao giờ cảm thấy điều ấy, vậy là nó không có thực. Tôi không muốn chạm tới da thịt bất kỳ một người nào, tôi chỉ muốn lẩn tránh hết thảy mọi người. Tôi chẳng muốn “hôn” một ai hết – cái chuyện hôn hút này sách vở của các ngài viết nhiều và kỳ cục lắm. Người ta chỉ cắn nhau thôi.

Thậm chí ngày này, một câu chuyện như vậy còn khiến một số kẻ nam nhi e ngại, huống hồ thuở đó. Tôi không thuộc loại mặt trơ trán bóng, nhưng không hề thấy ngượng nghịu bởi lẽ nàng nói chuyện tình yêu cũng tự nhiên như những người đàn bà khác nói chuyện thời tiết vậy. Nàng chưa hề biết, chưa từng trải, nàng chưa được thức tỉnh, còn hoàn toàn giá lạnh, như một tảng băng. Thậm chí nàng còn chưa thể hiểu điều đó có đáng xấu

hồ hay không. Đôi mắt nàng cời mở nhìn thẳng vào mắt tôi. Đó không phải là một sự làm dáng.

Nàng còn là một đứa trẻ, thậm chí không phải là một đứa trẻ mà là một cái xác sống.

Nàng quấn chặt hơn tấm khăn choàng quanh mình mà nói:

– Trên trái đất này. Tử thần đang ngự trị. Điều này tôi rõ lắm. Nên tôi không ưa việc người ra nói dối về những chuyện chưa bao giờ có thực trên trái đất này.

Chúng tôi cùng lặng thinh. Gió ngoài cửa vẫn rú từng hồi. Nàng khẽ rùng mình và nói nhỏ:

– Một miền đất kinh khủng, những rừng cây kinh khủng, những đêm đen kinh khủng.

Tôi lại bắt gặp cái vẻ kỳ lạ ấy trên gương mặt nàng và lại không hiểu nổi nó.

– Thưa ngài, các thành phố Vinnhia mà Minxk có lớn không ạ?

– Cũng khá lớn. Nhưng Matxcơva và Petecbua lớn hơn.

– Thế ở đó đêm đêm mọi người cũng cảm thấy lạnh lẽo cô đơn ư?

– Đâu có, thưa tiểu thư. Ở đó ánh đèn chiếu sáng mọi ô cửa sổ, mọi người cười nói ngoài đường, tiếng chuông xe ngựa leng keng, đèn đường sáng rực.

Nàng bỗng trở lên dăm chiêu

– Ra thế đấy. Vậy mà ở đây không một ánh đèn. Quanh đây, khu vườn này dài rộng mỗi chiều hai dặm, bên ngoài khu vườn lát đá những mái tranh đơn độc, cũng không một ánh lửa. Trong tòa lâu đài này ngót năm chục gian phòng, vô số những hành lang, hàng hiên với hàng trăm xó tối. Nó được xây như vậy từ lâu lắm rồi... Và nó rất lạnh vì tổ tiên chúng tôi cấm được xây bếp lò trong nhà, chỉ đặt ít lò sưởi để cho nó khác hẳn trong nhà đám thường dân xung quanh. Lò sưởi đốt đêm ngày, nhưng dầu vậy các xó nhà vẫn ẩm thấp và trong nhà chỗ nào cũng lạnh. Năm chục gian phòng

chỉ có ba người ở. Bà quản gia ngủ ở tầng một, lão gác cổng cũng ngủ dưới đó. Ngoài ra, ở một trong những cái chái còn có lão gác vườn, mụ làm bếp và cô thợ giặt. Cái trái thứ hai với cửa vào riêng, là nơi ở của ông Ignat Becman Gaxeovich, người quản lý của tôi. Ông ta, cái ông quản lý ấy, ở đây làm gì, tôi không rõ, song lẽ nó như vậy. Trên cả cái tầng hai này, với ba chục gian phòng chỉ có một mình tôi. Lạnh lẽo, cô đơn đến nỗi chỉ muốn chui vào một xó, quấn chăn kín đầu như trẻ con vẫn làm và ngồi im. Đây, hiện giờ chẳng hiểu sao tôi cảm thấy ấm cúng và bình yên, có đến hai năm nay, từ khi cha tôi chết đi, tôi không bao giờ cảm thấy như vậy nữa. Và giờ đây tôi chẳng quan tâm đến chuyện ở bên ngoài những ô cửa kia có ánh lửa hay không. Thừa ngài, khi có người bên cạnh ta thật dễ chịu...

Nàng tiến tôi về đến tận cửa phòng (phòng nàng ở cách một gian) và khi tôi mở cửa, nàng nói:

– Nếu như ngài quan tâm đến các truyền thuyết cổ, thì xin thử tìm ở thư viện, trong tủ đựng các bản thảo. Ở đó phải có một tập bản thảo những truyền thuyết trong gia tộc chúng tôi. Và một vài tài liệu giấy tờ khác.

Đoạn, nàng nói thêm:

– Xin cảm ơn pan Bêlôretski.

Tôi không hiểu ra nàng cảm ơn tôi về việc gì, và thú thực cũng không bận tâm lắm đến điều đó mà bước thẳng vào căn phòng không có chốt cài cửa, đặt cây nến lên bàn.

Trong phòng kê một cái giường rộng thênh thang như bãi chiến trường ở Koidanôp ^[8] Trên giường là một chiếc màn trướng. Dưới sàn trải một tấm thảm thêu tuyệt đẹp. Mặt giường có trải đệm có lẽ phải trải bằng một chiếc gậy đặc biệt (như hai trăm năm trước đây) vì nó quá to rộng. Chiếc gậy vẫn dựng ngay cạnh đó. Ngoài giường ra, còn có một tủ ngăn, một bục đứng viết và một cái bàn. Chỉ có vậy.

Tôi cởi quần áo, đoạn tắt nến chui vào chăn ấm. Lập tức ở ngoài cửa sổ trên nền trời xanh tím hiện lên những bóng cây đen xì. Văng vẳng tiếng lá xào xạc đều đều ru ngủ.

Chẳng hiểu sao, một cảm giác về sự hoang phế tác động vào tôi kỳ lạ đến mức tôi duỗi thẳng chân, chắp tay sau gáy, suýt bật cười vì sung sướng và lập tức ngủ thiếp đi, dường như rơi xuống một vực thẳm tối đen nào đó. Qua giấc mơ màng tôi còn cảm thấy hình như có người bước đi những bước nhỏ và thận trọng ngoài hành lang, nhưng tôi không chú ý lắm, vẫn ngủ say sưa và lấy làm mừng là mình được ngủ một giấc ngon lành.

Đó là, đêm đầu tiên, đêm duy nhất yên lành của tôi trong tòa lâu đài của dòng họ Janôpxki ở trang ấp Rừng Tùng Đầm Lầy.

Xung quanh là khu vườn cổ hàng chục mẫu, bị bỏ mặc cho cỏ mọc hoang dại. Nhưng rặng cây, thân xấp xỉ lại vì mưa ướt, vẫn đang lay động xao xác trong mưa thu.

CHƯƠNG 2

Ngày hôm sau là một ngày xám xịt thường thấy vào mùa thu ở Bêlôruxia. Sáng dậy, tôi không gặp nữ chủ nhân đâu cả. Người ta cho tôi biết là đêm, nàng thường ngủ không yên giấc nên sáng hay dậy muộn. Bộ mặt bà quản gia lúc tôi ngồi ăn sáng, chẳng hiểu sao trông nhăn nhó lì lì đến khó chịu. Vì vậy, tôi không ngồi lại quá lâu ở bàn ăn, quay về phòng lấy một quyển vở dày đã hơi nhàu, dầm cái bút chì, khoác vội chiếc áo choàng đã kịp khô đi qua một đêm, hỏi thăm đường xá đến khu trại gần nhất và bước ra khỏi nhà.

Lập tức, tôi cảm thấy dễ chịu hơn mặc dù cảnh vật xung quanh chẳng có chút gì vui mắt. Mãi giờ đây đứng trên con đường mòn ướt át này tôi mới nhìn rõ tòa lâu đài. Đêm qua tôi tưởng tượng nó cũng nhỏ thôi bởi vì hai cánh nó đều ẩn kín sau những hàng cây trong khu vườn và toàn bộ tầng một ngập chìm trong rừng tử đinh hương bị bỏ hoang mọc um tùm cao vút. Dưới gốc rừng tử đinh hương, chen chúc rậm rịt những thực dược vàng, ngưu bàng, tầm ma cũng đủ loại cỏ dại...

Chỉ ngay trước cửa ra vào mới thấy có dấu vết bàn tay chăm sóc của con người: ở đó một bồn hoa lớn đỏ rực những bông cúc tây muộn mắn.

Tòa lâu đài trông quả thực ảm đạm và lạnh lẽo, khiến lòng tôi se lại. Tòa lâu đài gồm hai tầng, có một vọng lâu đồ sộ và vào tháp nhỏ ở hai cánh. Điều đập ngay vào mắt là nó chẳng theo một kiểu mẫu kiến trúc nào – một nét điển hình cho những tòa nhà của tầng lớp giàu sang ở Bêlôruxia thời bấy giờ khi tổ tiên chúng ta đã thôi không xây dựng các lâu đài trung cổ nữa, nhưng vẫn đòi hỏi các kiến trúc sư phải dựng lên những tòa điện tương tự như các hang ổ rêu phong cổ hủ này.

Tôi quyết định chỉ ra trại sau khi đã xem xét suốt lượt ở đây, nên đi học theo rừng cây. Có quỷ sứ mới biết được thằng cha ngu ngốc nào đã bày ra

trò trồng ở một chốn âm u ảm đạm này toàn một loài tùng bách. Tuy nhiên, ý đồ đó đã được thực hiện và khu vườn, chí ít ra cũng đã trăm năm, chẳng ngoạn mục hơn khu rừng nổi tiếng của Đãngtơ được mấy tí. Những cây tùng bách cao to hai người ôm không xuể lẫn gần đến toà nhà... chìa những cành lá rậm rịt vào tận cửa sổ, vươn những chóp xanh thẫm lên cao hơn mái nhà. Thân cây phủ kín rêu phong mốc thối, cành thấp lòa xòa tận mặt đất, khiến đường đi giữa rặng cây trông như hẻm núi. Sát tận chân tường mới thấy vài cây gia khổng lồ, thân sẫm màu vì mưa ướt, hầu như trơ trụi, cau có, và một cây sồi cổ thụ, có lẽ thuộc loại di tích bảo tồn, bởi vì ngọn nó vươn cao hơn những cây tùng cao nhất phải đến dăm bảy thước.

Chân tôi bước không tiếng động trên thảm lá tùng. Từ hướng bên trái có mùi khói bếp phảng phất đưa lại nên tôi rảo bước tới đó. lát sau, cây cối giãn ra để lộ một cái nhà ngang cũng lại um tùm bụi cây với cỏ dại, bậc thềm đã đổ nát, cửa sổ bịt kín.

“Từ đây đến lâu đài phải khoảng cây rưỡi – tôi thăm nghĩ – Ví thử có kẻ địch cắt cổ chủ nhân thì có bắn súng ở đây cũng chẳng ai nghe thấy”.

Ngay cạnh cửa sổ, trên hai viên gạch có bắc một nồi gang, một bà già lưng còng, tóc bạc phơ, đang dùng thìa ngoáy ngoáy trong nồi. Hẳn là trong ngôi nhà ngang, các bếp lò đều hun khói, vì vậy chủ nhân ngôi nhà đành phải nấu nướng ngay ngoài trời cho đến tận cuối thu thế này.

Tiếp nữa lại là rặng cây âm u. Tôi lần đi theo nó hồi lâu mới ra đến chỗ đê qua chúng tôi lọt vào khu vườn. Ở đây còn nguyên vết bánh xe của chúng tôi. Hàng rào gang, uốn cực kỳ công phu đã bị đổ, bị đứt từng đoạn, hất sang bên. Mấy thân bạch dương non nớt đã kịp mọc luôn qua những hình uốn khúc. Đến đây rặng cây rẽ trái và không hiểu dẫn đi đâu, còn bên kia hàng rào là cả một cánh đồng màu nâu xám trải rộng mênh mông, lác đác vài thân cây, cành nhánh cong queo, vài tảng đá khổng lồ và những bãi sình lầy xanh rêu (có lẽ đê qua chúng tôi đã suy t sa vào một cái bãi như vậy, giờ đây nghĩ lại tôi còn thấy lạnh xương sống).

Một con quạ đang lượn lờ trên cái vùng đất chết chóc ấy.

... Khi chiều tối từ khu trại trở về lâu đài, tôi mệt mỏi bạc nhược đến nỗi hầu như không còn tự chủ được nữa. Tôi bắt đầu có cảm tưởng tất cả đều tuyệt vọng rồi: cả những cánh đồng vô bờ màu nâu xám xịt ấy, cả những sinh linh, cả những con người sống dở chết dở vì sốt rét, cả khu vườn đang chết dần chết mòn vì già cỗi-tất cả mảnh đất vô vọng mà vẫn thân thương ấy, ngày u ám mây đen, đêm đỏ lừ mắt sói hoặc mưa xối xả không dứt cơn.

Nadêia Janôpxkaia đã đợi tôi, vẫn gian phòng hôm qua, và vẫn với vẻ kỳ lạ trên gương mặt nhăn nhó, ăn mặc vẫn xềnh soàng như vậy. Duy chỉ trên mặt bàn bày bữa trưa muộn mẫn là vài thay đổi.

Bữa ăn quá ư đậm bạc, không tốn của nữ chủ nhân đến một xu bởi vì các món ăn đều là thực phẩm sẵn có ở nông thôn. Nhưng ở giữa bàn có đặt một chai rượu vang, có lẽ cũng lấy ra từ hầm rượu của nhà. Tất cả những thứ khác còn lại chỉ là phô trương màu sắc sặc sỡ và hình dạng kỳ dị. Giữa bàn là một bình hoa bằng bạc cắm hai cành phong vàng rực: cạnh bình hoa là một bộ đồ ăn súp cũng bằng bạc, nhưng chắc hẳn thuộc một bộ khác – một chén để muối bằng bạc, bát đĩa. Tuy nhiên, điều làm tôi ngạc nhiên không phải là các bộ đồ bày biện bàn ăn hơn nữa chúng lại rất tạp nham, không đồng bộ, đã xin màu vì cũ kỹ, đôi chỗ đã móp méo. Điều khiến tôi ngạc nhiên là bộ đồ ấy đều là những đồ cổ do bàn tay các nghệ nhân địa phương làm ra.

Tất nhiên, các bạn đọc của tôi đều biết rõ là vài ba thế kỷ trước đây bát đĩa bằng vàng bạc ở Bêlôruxiá đều là đồ Đức và du nhập từ đất Phổ vào. Những đồ mỹ nghệ ấy trang trí chi chít những hoa văn, những hình vẽ thánh nhân và thiên thần, trông xinh xắn và diêm dúa đến buồn nôn. Biết làm sao được cái “mốt” thời bấy giờ nó như vậy.

Những đồ bày biện trên này đây đều của ta cả, những hình người thô thiển, chắc nịch trên bình hoa, những nét hoa văn độc đáo. Ngay cả đến những hình phụ nữ vẽ trên chiếc chén đựng muối cũng có diện mạo hơi thô của người địa phương đây.

Ngoài ra, trên bàn còn bày hai chiếc cốc lớn bằng thứ thủy tinh màu sặc sỡ cổ xưa mà bây giờ có các vàng cũng không tìm đâu được (miệng

một chiếc – chiếc đặt trước mặt nữ chủ nhân – hơi bị sứt).

Những tin nắng cuối cùng và cũng là duy nhất trong ngày hôm ấy lọt qua cửa sổ, rọi vào hai chiếc cốc thủy tinh làm rục lên những tia lửa sắc sỡ muôn màu.

Chắc hẳn nhận ra sự chăm chú của tôi nên nữ chủ nhân giải thích:

– Đây là những thứ cuối cùng trong số ba bộ đồ bày biện bàn tiệc lưu truyền lại từ cụ tổ dòng họ chúng tôi là cụ Rôman Git-Janôpxki. Vậy mà vẫn có một truyền thuyết thật vô lý cho rằng đây là tặng vật mà ...Quốc vương Xtác ban cho Người.

Hôm nay nàng có vẻ linh hoạt hơn, thậm chí trông không đến nỗi xấu như tôi tưởng, có lẽ vai trò nữ chủ tiếp khách khiến nàng hứng thú.

Chúng tôi nâng cốc, rồi vừa ăn vừa nói chuyện. Rượu màu đỏ như thạch lựu rất ngon. Tôi thấy vui, luôn pha trò khiến Nadêia phải bật cười và đôi má nàng hơi ửng hồng - một sắc hồng yếu ớt

– Tại sao tiểu thư lại thêm vào quý tính của cụ tổ nhà cái biệt hiệu “Git”^[9] ạ?

– Chuyện cũ lắm rồi thưa ngài - nàng bỗng sa sầm nét mặt đáp – Nghe đâu hình như xảy ra trong một cuộc săn thì phải. Quốc vương hơi nặng tai, nên không nghe thấy tiếng chân một con bò rừng đang lao vòà ngài từ phía sau lưng. Chỉ có mình cụ tổ chúng tôi là Rôman Janôpxki trông thấy mối hiểm họa ấy và hét lên “Git” – theo tiếng địa phương đây có nghĩa là “Cẩn thận kìa!”. Quốc vương quay phắt lại, nhưng khi nhảy tránh sang bên lại bị ngã. Cụ Rôman liều mạng nổ súng mặc dù có thể đạn sẽ trúng quốc vương. Viên đạn đã găm vào mắt con bò rừng, quật nó ngã lăn ngay cạnh quốc vương. Sau vụ ấy, trên gia huy dòng họ chúng tôi thêm hình cây hỏa mai, và họ thì thêm biệt hiệu “Git”

– Thời ấy quả có những trường hợp như vậy - tôi xác nhận. – Xin lỗi tiểu thư là trong vấn đề phả học này, tôi quả dốt đặc. Theo tôi hình như dòng họ Janôpxki bắt đầu tình từ thế kỷ mười hai có phải không ạ?

– Từ thế kỷ mười ba - nàng đáp. - Giá như đừng tính dòng tính họ thì lại hơn. Các luật lệ gia tộc là điều ngu xuẩn hoàn toàn, ấy thế nhưng không sao có thể chống lại chúng. Giả dụ những cái lò sưởi này, cùng sự bắt buộc người nổi dõi phải sống trong tòa nhà này, lời nghiêm cấm không được bán nó đi chẳng hạn. Vậy mà chúng tôi nghèo như những đứa ăn mày. Và lâu đài này là một tòa nhà khủng khiếp. Hình như có một lời nguyền treo lơ lửng trên số mệnh chúng tôi. Đã hai lần dòng họ chúng tôi bị tước gia huy, nhiều lần bị truy bức đàn áp. Hầu như không một ai trong tổ tiên chúng tôi được chết một cách bình thường. Đây, cụ mặc áo đỏ này bị làm lễ cầu hồn ở nhà thờ khi còn đang sống sờ sờ. Bà mệnh phụ có gương mặt khinh khỉnh này, một chị xa của chúng tôi họ là Đôxtôiépkaia (nhân tiện xin trình ngài rõ, bà ta thuộc tổ tiên xa xưa của nhà văn nổi tiếng đấy) – bà ta đã giết chồng và suýt giết nốt cả con chồng, bà bị kết án tử hình. Biết làm sao được, những kẻ hậu sinh phải trả giá cho tất cả những tội lỗi ấy, nên đến tôi thì dòng họ Janôpxki này sẽ tuyệt nọc. Đôi lúc sao mà tôi thèm được thoát ra dưới trời nắng ấm, được ngồi dưới bóng xanh rợp mát của những cây cao đầy sức sống không bao giờ mọc ở chốn này. Nhiều khi tôi nằm mơ thấy chúng – những thân cây xanh tươi, cao to và nhẹ nhõm tựa những đám mây xanh lục. Mơ thấy cả những hồ nước nữa, những hồ nước trong veo, tràn đầy đến ngợp cả người, đến ngừng cả nhịp đập của con tim vì cảm giác hạnh phúc. Còn như ở đây...ở đây chỉ có toàn một loại tùng bách xấu xí, ghê tởm, cùng với đồng lầy, bóng tối âm u...

Ánh lửa cháy, trong lò khiến gương mặt nàng hơn ửng hồng. Ngoài khung cửa sổ, đêm đen buông xuống ập từ lâu và hình như lại một trận mưa rào đang ập đến.

– Ôi, thưa pan Bêlôretxki, tôi rất lấy làm sung sướng được thấy ngài ngồi đây, được thấy cạnh mình còn có một người khác. Thông thường trong những đêm tối thế này tôi phải hát thật to, khốn nỗi tôi không biết một bài hát hay nào, toàn những bài hát cổ xưa, chép tay thành từng quyển mà ông nội tôi đã sưu tầm được. Trong các bài ca ấy lại cũng toàn những chuyện

hãi hùng: có kẻ khốn khổ đang lết vệt máu giữa sinh lầy từ lâu mà đêm đêm vẫn ngân vang, ngân vang mãi....

Ngày đến rồi lại qua đi...

Nàng bỗng cất tiếng hát, giọng run rẩy sâu lắng:

Ngày đến rồi lại qua đi

Đêm đen dần buông xuống

Chàng Xkakô cùng Kiecdiai Paxúc

Chiến đấu suốt một ngày một đêm

Máu dòng dòng chảy

Gươm va chan chát, chớp lửa sáng ngời

Xkakô ngã ngựa gọi vang đất trời:

“Các bạn nơi đâu, hỡi anh em đồng chí?”

Bạn hữu nơi xa nghe sao thấy nhỉ?

Riêng nàng Liupka nhận ra tiếng chàng

Liền tụ tập họ hàng kiêu dũng

Phóng ngựa như bay

Tới đầm lầy xa lác...

– Tiếp theo không hay chả nên hát. Riêng mấy câu kết là hay hơn cả:

Và họ đã yêu nhau

Cùng chung sống đến bạc đầu

Cùng soi chung bóng nhật nguyệt

Cùng bước xuống huyết sâu...

Tôi cảm động sâu sắc và chân thành. Phải là một người tin tưởng sâu sắc vào những điều mình hát, mới xúc động được như vậy. Và bài ca cổ thật tuyệt vời.

Nhưng bỗng dừng nàng gục mặt vào lòng bàn tay mà khóc nức nở. Xin thú thực trái tim tôi lúc ấy như rớm máu. Biết làm sao được, tôi hay thương

cảm quá đổi.

Tôi không còn nhớ đã an ủi nàng bằng những lời lẽ nào.

Bạn đọc kính mến, từ đầu cho đến đây, trong câu chuyện đang kể, có thể nói, tôi đã cố làm một nhà văn, hiện thực nghiêm ngặt. Bạn biết rồi đấy, tôi vốn không ham mê những cuốn tiểu thuyết kiểu bà Ratklip thường viết, cho nên chính tôi sẽ không tin vào những điều xảy ra tiếp sau đây. Bởi vậy mà giọng kể chuyện của tôi cũng đột ngột thay đổi.

Xin bạn hãy tin tôi, nếu tất cả chỉ là một trò bịa đặt thì tôi thà phía một chuyện khác. Tôi trộm nghĩ rằng thị hiếu của tôi không đến nỗi tồi, vậy mà những điều như câu chuyện sau đây thì không một nhà tiểu thuyết biết tự trọng nào lại dám cả gan đem mời những bạn đọc nghiêm túc.

Tuy nhiên, tôi đang kể lại những điều có thực trăm phần trăm. Tôi không thể nói dối được vì những điều kể dưới đây quá ư hệ trọng đối với riêng cá nhân tôi. Bởi vậy, tôi sẽ kể đúng như sự thực đã xảy ra.

Hai chúng tôi ngồi lặng thinh khá lâu. Lò lửa đang tàn, bóng tôi đang lan dần khắp xó xỉnh gian phòng rộng lớn. Chợt ngược mắt lên nhìn Nadêia tôi phát hoảng, đôi mắt nàng mở to, mái đầu cúi nghiêng kỳ lạ. Môi tái nhợt đi đến mức không còn thấy đâu nữa.

– Ngài có nghe thấy gì không?

Tôi lắng tai nghe. Thính giác của tôi khá tinh, nhưng phải đến một phút sau tôi mới phát hiện điều nàng đã nghe thấy.

Đâu đó ngoài hành lang, phía bên trái chúng tôi, có tiếng ván sàn cọt két dưới chân ai đó đang đi.

Có ai đó đang bước đi khắp các dãy hành lang thông thoáng và vô số góc ngách. Tiếng bước chân lúc hiện lúc mất.

– Ngài có nghe thấy không? két...két...két...

– Tiểu thư Nadêia! tiểu thư làm sao thế? Cái gì vậy?

– Xin ngài buồn tôi ra... Người Lùn đấy... Lại nó đấy mà... Nó đến đòi phần hồn tôi đấy.

Qua những lời thảng thốt ấy, tôi chỉ hiểu ra một điều là trong tòa nhà này có kẻ nào đó bày ra những trò đùa nghịch vô nghĩa lý, một tên vô lại nào đó chủ tâm dọa nạt người con gái.

Mặc cho Nadêia bám chặt vào tay áo tôi, cố níu tôi lại, tôi vơ cái que cời lò, lao qua mấy bậc thang nhảy ra hành lang. Trong phúc chốc, tôi đập tung cửa. Cái hành lang thông thoáng tối lờ mờ, nhưng tôi vẫn nhìn rõ là chẳng có ai ở đó cả. Đúng vậy, không một bóng người. Chỉ có tiếng chân bước, vẫn dò dẫm như ban nãy, nghe khá rõ.

Tiếng chân bước lúc đầu ngay cạnh tôi, nhưng dần dà đi xa dần về phía cuối hành lang.

Biết làm gì bây giờ? Đánh nhau với kẻ vô hình kia ư? Tôi biết đó là chuyện vô ích. Song vẫn ném mạnh que cời lò về phía có tiếng chân bước. Cái que lao vút qua khoảng không rơi loảng xoảng xuống sàn.

Tức cười lắm, có phải không ạ? Nhưng lúc ấy, hẳn các bạn đã đoán ra, tôi chẳng buồn cười chút nào. Đáp lại đòn hiệp sỹ đáng ngợi khen của tôi có một tiếng gì rên lên khùng khiếp, tiếp theo nghe rõ vài ba bước chân nữa, rồi tất cả im bật.

Đến lúc này tôi mới chợt nhớ ra là nữ chủ nhân ngồi lại một thân một mình trong gian phòng rộng lớn ánh lửa lù mù, nên vội trở lại với nàng.

Tôi cứ tưởng nàng đã ngất đi đã mất trí vì khiếp sợ, đã chết rồi cũng nên. Tôi không hề ngờ tới cảnh tượng đã bắt gặp khi trở vào phòng. Nadêia đang đứng cạnh lò sưởi, nét mặt nghiêm nghị, sa sầm, nhưng hầu như bình thản, và lại vẫn cái vẻ kỳ lạ khó hiểu ấy trong khóe mắt.

– Ngài lao ra đấy vô ích, - nàng nói – Tất nhiên là ngài đã chẳng thấy ai ở đó. Tôi biết như vậy bởi vì chỉ có tôi là hay nhìn thấy nó. Đôi khi bà quản gia cũng thấy. Cả Becman cũng đã có lần thấy.

– “Nó” là ai vậy?

– Người Lùn Rừng Tùng Đầm Lầy ấy mà.

– Hẳn là cái gì vậy?

– Tôi không biết. Nhưng nó thường xuất hiện mỗi khi ở Rừng Tùng Đầm Lầy có người sẽ phải chết bất đắc kỳ tử. Có khi nó còn phải đi lại hàng năm trời nữa, nhưng nó sẽ đạt được điều nó muốn.

– Rất có thể, nó sẽ còn phải đi lại chừng bảy chục năm nữa, cho đến khi cháu chắt tiểu thư sẽ chôn cất tiểu thư. – Tôi pha trò không đúng lúc.

Nàng ngẩng phắt đầu lên:

– Tôi căm ghét những kẻ lấy vợ lấy chồng. Và xin ngài chớ đùa chuyện này. Chuyện này rất nghiêm chỉnh. Đã tám người trong gia tộc chúng tôi chết như vậy - ấy là chỉ kể những người gia phải có ghi lại. Lần nào cũng có nhắc đến Người Lùn cả.

– Xin tiểu thư chớ qua lo lắng. Tổ tiên chúng ta đã chẳng từng tin là có ma quỷ đó sao? Và bao giờ chẳng có và ba kẻ thề độc địa là đã chính mắt thấy lũ ma quỷ ấy.

– Thế còn cha tôi? Còn cha tôi thì sao? Đây không phải là chuyện ghi chép nữa, mà chính tôi nghe, tôi thấy. Cha tôi là một người vô thần, nhưng ông cũng phải tin là có Người Lùn cho đến tận ngày bị đội săn giết chết. Chính tai tôi nghe mà, ngài có hiểu không? Trong chuyện này, ngài không thuyết phục nổi tôi đâu. Những tiếng chân ấy đã vang lên trong tòa lâu đài này hầu như ngày ngày trước khi cha tôi chết.

Tôi biết làm gì được? Thuyết phục nàng rằng đó chẳng qua chỉ là ảo ảnh thính giác ư? Nhưng tôi thì tôi đâu có bị ảo ảnh thính giác mê hoặc, tôi đã nghe rõ mồn một những bước chân ấy, cả tiếng rên nữa. Bảo rằng đó chỉ là một trò ảo thuật âm học ư? Không hiểu lời giải thích như vậy có hiệu quả hay không mặc dù đến quá nửa số lời đồn đại về những hồn ma trong các tòa lâu đài dòng họ Liubômirkki ở Đubrôpnia, cuối cùng được khám phá ra dưới dạng một chiếc bình đựng thủy ngân và những đồng tiền vàng. Một cha tình nghịch nào đó cách đây trăm năm đã “yểm” cái bình vào ống khói, về phía mặt trời. Cứ hễ có ánh mặt trời ấm áp chiều lên thay cho bóng đêm lạnh lẽo là trong hầu hết các gian phòng ở tầng hai bắt đầu nghe rõ tiếng hú man rợ tiếng sột soạt.

Nhưng làm sao mà thuyết phục được một con bé ngốc nghếch cơ chứ? Bởi vậy tôi đành hỏi ra vẻ quan trọng:

– Thế nó là ai vậy? Trông nó thế nào, cái tên lùn ở Rừng Tùng Đàm Lầy ấy?

– Tôi đã nhìn thấy nó ba lần, nhưng lần nào cũng từ xa. Một lần trước ngày cha tôi chết. Hai lần sau cách đây không lâu. Còn nghe thấy, phải đến trăm lần. Tôi không hề thấy sợ, có lẽ chỉ có lần gần đây nhất là hơi sợ. Tôi tiến lại phía nó, nhưng nó lập tức biến mất. Nó quả là một người lùn thật, đứng chỉ đến ngực tôi, trông còm nhom như một đứa trẻ yếu tướng. Đôi mắt nó to, buồn rười rượi, hai tay dài ngoẵng, cái đầu thuần ra. Nó ăn mặc như hai trăm năm trước đây, có điều là theo kiểu Tây Âu. Quần áo đều màu xanh lục. Tôi thường bị mất hút bóng nó ở chỗ ngoặt của hành lang hoang toàn kín. Ở đó, chỉ có một căn phòng chứa những đồ rách nát đã bỏ đi, nhưng cửa căn phòng đã đóng đinh năm phân bịt chặt.

Tôi thấy thương hại cô bé. Chắc hẳn, cô ta đang đi đến chỗ hoàn toàn mất trí

– Như vậy chưa phải đã hết đâu – Nadêia trở nên hoạt bát hơn. – Có lẽ đã ba trăm năm nay trong lâu đài này không còn bóng dáng thiếu phụ Áo xanh nữa, kia kia, cái bà trên bức chân dung treo kia, ngài có thấy không ạ? Những truyền thuyết trong gia tộc kể rằng bà ta đã uống no khát vọng trả thù, nhưng tôi không tin. Bà ta không phải hạng người như vậy. Năm 1501 khi bị lôi đi xử tử, bà ta đã hét vào mặt chồng: “Năm xương khô của bà còn chưa nằm yên chùng nào con rắn độc cuối cùng trong dòng họ nhà mày chưa chết nhăn răng ra”. Đến gần một trăm năm sau đó cả dòng họ đều đứng với bà ta: Khi thì dịch hạch, khi thì bình rượu chẳng biết bị ai bỏ thuốc độc, khi thì có người lăn ra chết vì những giấc mơ khủng khiếp. Mãi đến đời chút chút, bà ta mới thôi không báo thù nữa...

Nhưng bây giờ thì tôi tin rằng bà ta sẽ thực hiện đúng lời đã nguyện. Cách đây không lâu, Becman có nhìn thấy bà ta đứng trên cái ban công cũng đã đóng đinh bịt kín, những người khác cũng đã nhìn thấy... Riêng mình tôi là chưa nhìn thấy bà ta, nhưng bà ta vốn có thói quen như vậy, mới

đầu bà ta hiện về cho mọi người thấy đã, còn riêng với cái người bà ta cần gọi đi thì bà ta chỉ hiện về vào giờ tận số... Dòng họ tôi sẽ tuyệt tự ở tôi. Chẳng còn phải chờ đợi lâu la gì nữa đâu. Bọn họ sẽ được thỏa mãn.

Tôi cầm lấy tay nàng và xiết chặt mong làm cho nàng bình tâm lại, làm cho nàng khuây khỏa, quên đi những lời nàng vừa mới nói như trong một cơn mê sáng.

– Tiểu thư không nên quá lo lắng. Chuyện đã như vậy thì tôi cũng sẽ lưu tâm. Thời đại hơi nước không thể dung nạp những hồn ma bóng quỷ. Tôi xin thề rằng sẽ dành trọn hai tuần sống ở đây để khám phá cho ra những điều bí ẩn này. Quý thật, vô lý hết mức! Chỉ xin tiểu thư chớ quá lo sợ.

Làn môi nàng mím một nụ cười yếu ớt:

– Đâu có, thưa ngài...Tôi quen rồi mà. Chuyện như mới rồi, ở đây đêm nào chẳng có.

Trên gương mặt nàng lại thoáng hiện cái vẻ khó hiểu đối với tôi và làm xấu hẳn khuôn mặt nàng. Mãi đến lúc này tôi mới hiểu ra: đó là cái vẻ khiếp nhược một nỗi khiếp nhược cố hữu u mê. Không phải là một sự khủng khiếp khiến người ta phải dựng hết tóc gáy lên trong giây lát, mà là cả một nỗi khiếp nhược tích tụ qua bao năm dài, cuối cùng đã trở thành một trạng thái thường trực đến cả trong giấc ngủ mê mết vẫn không thoát ra được. Cô gái bất hạnh lẽ ra trông không đến nỗi nào nếu như trên gương mặt cô không ẩn hiện cái vẻ khiếp nhược ấy.

Mặc dù tôi ngồi gần như kề bên, cô gái xích lại sát tôi hơn để khỏi phải thấy bóng tối ở sau lưng.

– Ôi, khủng khiếp lắm, pan Bêlôrutxki. Tôi có tội tình gì, tại sao tôi phải trả nợ cho những tội lỗi của tổ tiên? Vậy mà toàn bộ gánh nặng khủng khiếp kia chất cả lên đôi vai gầy yếu của tôi. Lại toàn những của đen tối, nhớp nháp. Ngài không thể tưởng tượng nổi là đã biết bao máu đổ thân phơi, bao vụ hạ sát, bao nước mắt trẻ thơ côی cút, bao nhơ nhuốc trên mỗi tấm gia huy sliăcta! Đã biết bao người bị giết, bị đe dọa, hành hạ cho đến chết! Giai tầng chúng tôi quả không còn được quyền tồn tại nữa, kể cả

những kẻ trung thực, tốt đẹp nhất trong chúng tôi. Trong huyết quản chúng tôi đâu còn dòng máu xanh ^[10] chỉ toàn những máu như bần thôi. Chẳng lẽ ngài lại cho rằng chúng tôi, tất cả chúng tôi, cho đến tận đời thứ hai mươi không phải chịu trách nhiệm về những tội lỗi tà đình đó, không phải đền nợ bằng khổ đau, bần cùng, chết chóc hay sao? Chúng tôi sống thờ ơ với nhân dân, những người đã chịu khổ đau bên cạnh chúng tôi và do chúng tôi, chúng tôi coi họ là một lũ dân đen, là đồ súc sinh chúng tôi đổ rượu nho tràn trề, còn họ thì phải đổ máu lênh láng. Họ không được ăn thứ gì khác ngoài thứ bánh mì tồi tàn. Một hôm ông láng giềng của tôi là pan Đubôtôpkơ đến chơi với cha tôi có kể một giai thoại về chuyện một bà nông dân dắt con đến thăm cha cố mời món bánh khoai hấp nhân thịt. Đứa bé hỏi mẹ nó đây là bánh gì. Bà mẹ vốn quen phép lịch sự kiểu nhà quê, nên ngậm đá chân con dưới gầm bàn, thì thầm bảo: “Im đấy!”. Đứa bé ăn hết nhẵn cả một đĩa, đoạn thờ dài, nhỏ nhẹ “Con ăn một lúc hết cả mười cái im đấy”. Mọi người nghe đến đó đều phá lên cười riêng tôi lại muốn cho ông Đubôtôpkơ một cái tát. Có gì là đáng cười khi trẻ em chưa bao giờ được thấy một tấm bánh bột khoai, chưa bao giờ được biết mùi thịt. Tóc tai chúng lơ thơ, chân vòng kiềng, mười bốn, mười lăm vẫn còn là đứa bé, nhưng hai bốn - hai lăm đã thành những ông cụ, da dẻ nhăn nhúm hết. Nhưng thanh niên như vậy có cho ăn gì đi nữa, vẫn đẻ ra những đứa con yếu tướng, nếu như họ còn sinh nở được... Họ đáp lại chúng tôi bằng hàng loạt các cuộc khởi nghĩa họ tàn sát chúng tôi trong các cuộc khởi nghĩa ấy vì đã từng phải chịu đựng sự lăng nhục đầy đọa vô cùng tàn bạo. Sau đó, đến lượt chúng tôi treo cổ họ, đây ông mặc áo cổ lông hải ly này, đã từng tra tấn đến chết cả người em họ chỉ vì anh ta tham gia cuộc khởi nghĩa của Vasilô ^[11]. Người em tên là Agei Grukê-vich Janôpxki.

Chúng tôi sống bàng quang với đồng loại. Cũng những kẻ có hai chân như chúng tôi phải ăn cỏ qua ngày, mặc dù xứ sở chúng ta giàu có và hào phóng, một xứ sở tươi đẹp nhất trên trái đất này, không bao giờ để cho con người phải thiếu ăn. Chúng tôi đã buôn bán tổ quốc, bán rẻ quê hương cho các lân bang, cho bất kỳ kẻ nào muốn mua. Còn nông dân, họ lại yêu quý

Tổ quốc – người mẹ ghẻ đối với họ và... chết đói vì thiếu bánh ăn. Vậy thì ai có thể lên án họ khi họ với lấy cái đỉnh ba và xọc vào ngực chúng tôi? Tôi thiết nghĩ: ngay cả trăm năm sau nữa, khi tất cả lũ chúng tôi đã chết hết rồi, nếu như tình cờ cháu chắt những kẻ bất hạnh ấy bắt gặp một anh chàng sliăctich nào thì họ vẫn sẽ có quyền giết anh ta. Chúng tôi không có chỗ đứng trên trái đất này.

Tôi nhìn nàng mà ngạc nhiên. Những phút bông bột, sôi nổi ấy khiến gương mặt nàng trở nên khác thường. Tôi bỗng nhận ra rằng nàng đâu có xấu xí. Không! Trước mặt tôi là một cô gái khác thường, đẹp một cách kỳ lạ pha lẫn vẻ điên dại. Trời! Một sách đẹp huyền diệu... Chắc hẳn đó là vẻ đẹp của các vị “nữ tiên tri” ở xứ sở ta cổ xưa, từng tham gia chiến đấu trong các đội quan của Muraska và đức Khoristô thợ cày ^[12]. Đó là một vẻ đẹp siêu phàm, khổ hạnh, với làn môi xót xa và đôi mắt mở to ráo hoảnh.

Thế rồi... bỗng tất cả đều vụt biến mất. Trước mặt tôi lại chỉ là một con bé ẻo lả. Tuy nhiên, tôi cũng đã được biết về thực của nàng.

– Dầu sao tôi cũng không muốn phải chết. Tôi khát khao ánh mặt trời, những thảm cỏ xanh rờn mà tôi chưa hề được thấy, tôi thèm iếng cười của con trẻ. Tôi rất muốn sống, mặc dù không được quyền sống. Chỉ nhờ có những ước mơ ấy về cuộc sống mà tôi mới có đủ sức lực chịu đựng suốt hai năm nay, dẫu lối thoát vẫn chẳng thấy đâu. ở chốn này chỉ có những tiếng cân bước trong đêm hoang vắng cùng Người Lùn, Thiếu phụ Áo Xanh. Tôi biết tôi sẽ phải chết. Và trăm sự đều do đội săn của quốc vương Xtác. Nếu không, có lẽ chúng tôi sẽ còn được sống. Chính cái đội săn ấy sẽ giết hết chúng tôi.

Nàng im bật, lặng thinh suốt một tiếng đồng hồ, cho đến tận giờ đi nghỉ.

Nếu như trước đó tôi hầu như bàng quan với số phận của cô tiểu thư sliăctich yếu tướng ấy, thì sau khi những lời bông bột của nàng tôi hiểu ra rằng không rõ nhờ một phép màu nhiệm nào đó mà cô tiểu thư quý tộc này đã trở nên một con người chân chính. Vậy nhất thiết phải cứu giúp con người ấy.

Nằm chong mắt thâu đêm suốt sáng, tôi suy đi nghĩ lại một điều là, nếu như mới hôm qua tôi còn rắp tâm hai ngày nữa sẽ ra đi bỏ mặc xác cái chốn u ti quốc này cùng nữ chủ nhân thế gia vọng tộc của nó, thì giờ đây tôi quyết định sẽ ở lại đây tôi quyết định sẽ ở lại đây một, hai, ba tuần, cả tháng nước, để khám phá cho ra mọi điều bí ẩn và trả lại cho một con người sự thanh thản mà người ấy xứng đáng được hưởng.

CHƯƠNG 3

Việc đầu tiên tôi làm ngày hôm nay là phá cửa căn buồng bị đóng đinh bít kín - chỗ duy nhất Người Lùn có thể ẩn náu nếu như hấn bằng xương bằng thịt. Đinh đã han rỉ hết, mặc dù ván cửa còn nguyên vẹn. Trong phòng, sàn phủ một lớp bụi dày đến ba ngón tay. Không một ai có thể ẩn náu ở đó được, nên tôi lại đóng đinh bít kín cửa như cũ. Sau đó tôi lục soát tất cả các phòng ở cánh gà đối diện và đi đến kết luận là ở đó cũng không ẩn náu vào đâu được. Bên trên hành lang đêm qua tôi nghe thấy tiếng chân bước, có một gác xép sát nóc, nhưng ở đó cũng không có dấu vết gì. Phía bên phải là cửa dẫn vào phòng tôi và phòng nữ chủ nhân, tiếp theo là tường, phía ngoài tường là vườn ròi.

Tôi điên đầu lên vì tất cả những điều đó. Chẳng lẽ trên thế gian ngày nay còn tồn tại thứ gì đó siêu tự nhiên ư? Tôi, một kẻ “vô thần”, kiên quyết nhất không đời nào chấp nhận điều đó.

Tôi bỗng nảy ra một ý là phải lần mò vào thư viện tìm hiểu xem “đội săn” nó là cái của nợ gì vậy – hỏi nữ chủ nhân về điều đó tôi thấy bất tiện. Nhân thế, may ra sẽ tìm được một tấm sơ đồ thiết kế tòa nhà, cũ rích cũng được, để có thể bắt đầu cuộc truy tìm một cách có phương pháp hơn. Tôi biết là đôi khi trong tường một số tòa lâu đài cổ có gắn những thiết bị đặc biệt, thường gọi là “máy nghe”. Trong cái “máy nghe” ấy chèn kín những “máy nói”, tức những chiếc bình hình dạng đặc biệt dùng để khuếch đại âm thanh. Nhờ chúng mà chủ nhân dù đứng ở cuối tòa lâu đài vẫn có thể nghe rõ khách khứa hay gia nhân nói chuyện những gì ở tận đầu đối diện.

Rất có thể ở đây cũng có một thứ gì tương tự. Mục quản gia đi lại ở tận tầng một, vậy mà ở trên tầng hai vẫn nghe tiếng chân. Một hy vọng quá ư mỏng manh, song mọi sự đều có thể xảy ra được.

Tôi liền đến thư viện ở giữa tầng một và tầng hai trong một dãy nhà ngang.

Ít khi tôi được thấy những căn phòng bỏ hoang phế lên như vậy. Gỗ lát sàn long hết, cửa sổ đầy bụi bặm, các cụm đèn chùm bọc trong các bao cũng bụi bặm kinh khủng. Có lẽ đây là phần cổ xưa nhất của tòa nhà, trung tâm của cả tòa lâu đài xây sau này. Tôi nảy ra ý kiến ấy khi trông thấy trước thư viện một gian phòng kỳ lạ. Ở đây cũng có một lò sưởi, nhưng nó to lớn đến mức có thể quay cả một con bò rừng, thậm chí trên tường lò còn nguyên cả các hốc gác, que xiên thịt. Các cửa sổ đều nhỏ bé, lắp kính màu, tường trát xấu xí, hai chiếc dầm vuông vức nặng nề bắt chéo nhau đỡ lấy trần, những đường trạm trở trên dầm đã ám khói. Trên tường treo mấy khẩu súng cổ lỗ thô sơ.

Tóm lại, đó là gian phòng điển hình cho cái “thời sung sướng xa xưa” khi các pan với gia nô cùng tụ tập trong một gian phòng quanh lò lửa. Các panni và đám nữ tì quay tơ, trong khi đó pan chủ nhân ông chơi trò “mười hai ngón tay” hoặc chơi súc sắc với bọn gia nhân. Ôi cái thời buổi chủ tớ như cha với con xa xưa!

Của đáng tội, chính pan chủ nhân ông nhân đức nọ, khi ngồi mai phục trong cuộc săn mà bị rét cóng, có thể mổ bụng đưa gia nô đã dám thẳng bạc ngài, đoạn nhét cả hai chân vào giữa ruột gan anh ta mà sưởi cho ấm [13]. Đương nhiên, đó chỉ là những chuyện vặt vãnh, họa chẳng chỉ bọn đa sầu đa cảm mới lưu tâm mà thôi.

Xin các bạn đọc kính mến thứ lỗi cho, nhưng tôi không thể bỏ qua một gian phòng nào không kể đến. Biết làm sao được, về già người ta hay lảm lòi. Và lại, các bạn chưa từng bao giờ và cũng sẽ không bao giờ được thấy những điều tương tự, cho nên rất có thể có bạn sẽ lấy làm thú vị được nghe tôi kể.

Gian thư viện cùng một cung cách với gian tiền sảnh: vòm cao, các cửa sổ tận trên đỉnh cột trong, những chiếc ghế bành bọc da cũ kỹ đã ngả một màu nâu, những chiếc tủ đồ sộ bằng gỗ sồi ngâm tẩm và sách, sách, cơ man là sách!

Làm sao có thể bỏ qua chúng, không nói với các bạn đôi lời về chúng. Tim tôi như ngừng đập mỗi khi nhớ đến những pho sách ấy. Những pho sách cổ giấy bằng da cừu, những cuốn sách bằng giấy bản thô rồi đến sách in giấy nhẵn bóng đã ngả màu thời gian. Sách thế kỷ XVII mà ta có thể nhận ra ngay theo loại da bọc bìa.

Da bọc bìa màu vàng của thế kỷ XVIII, bìa gỗ bọc lớp da mỏng màu đen trên sách thế kỷ XVI...

Tôi mê mẩn với những pho sách đến nỗi không nhận ra ngay là trong phòng còn người khác. Anh ta đã rời chiếc ghế bành đứng dậy và đang nhìn tôi chờ đợi. Môi anh ra nở một nụ cười khả ái, cả đôi mắt to cũng đang cười triu mến. Một tay anh ra e thẹn giữ tà chiếc áo ngủ. Chúng tôi làm quen với nhau

– Tôi là Andrêi Bêlôretxki

– Tôi – Ignat Bécman-Gatxêvich, quản lý, giọng anh ta nhỏ nhẹ ân cần

Chúng tôi cùng ngồi xuống. Tôi tò mò nhìn con người ấy. Điều gì đã giữ chân anh ta ở lại cái ấp Rừng Tùng Đầm Lầy kinh khủng này? Tiền ư? Lấy đâu ra tiền! Dường như đoán ra ý nghĩ của tôi anh ta nói:

– Ngài thấy đấy, biết bao sách quý. Tôi ở lại đây chính vì chúng đấy. Tôi là một người mê sách mà.

Người mê sách tầm vóc thấp, thiếu cân đối. Khuôn mặt anh ta thanh tú, và dịu dàng quá dịu dàng đối với một người đàn ông ở tuổi ba mươi lăm, khiến tôi chú ý do một sắc hồng thiếu sinh động, trông như ở những con búp bê bằng sứ. và nói chung, cả con người anh ta có vẻ “búp bê” quá. Đôi mắt to màu xám, hàng mi dài, cái mũi dọc dừa xinh xắn, hai môi mỏng dễ thương. Y hệt một mục đồng trên mặt hộp thuốc lá. Đến bộ râu anh ta cũng thưa thớt, như thường thấy ở nhiều người Bêlôruxi vùng đầm lầy độc địa.

– Chắc ngài là người Bắc tỉnh Minxk phải không ạ?

– Ô! Pan đoán giỏi thật đấy – anh ta đáp – Trước tôi sống ở tỉnh ly, giờ thì ở đây.

Nếu như có ai hỏi tôi nét nào ở con người ấy đập vào mắt trước hết thì tôi sẽ trả lời “Sự hào hoa phong nhã khí cỡ”. Anh tỏ ra có gia giáo, cái anh chàng búp bê ấy, một kiểu gia giáo theo tinh thần phong nhã sliacta tinh lẻ khiến ta thấy nực cười. Mỗi khi nhìn những con người ấy ta luôn có cảm tưởng là trong gia đình họ, lũ trẻ chơi ú tim thường nấp dưới nếp chiếc váy len rộng thùng thình những sáu khổ vải của bà nội chúng, trong khi bà vẫn cặm cùi đan hoặc mạng lót những đôi tất mới tinh để khỏi chóng rách.

Tuy nhiên, cảm tưởng đó tan biến rất nhanh. Trong ánh mắt anh ra, trong khoe môi mím chặt có gì đó kiêu kỳ khổ hạnh và hơi khắc nghiệt.

Song, phải công bằng mà nói anh ta quả là một con người uyên thâm về sử sách. Chỉ hai chục phút sau tôi đã hiểu ra ngay điều đó, hơn thế nữa, tôi thấy rõ là anh ta hiểu biết văn học cổ điển chẳng thua kém gì tôi, một người có học vấn đại học.

Bởi vậy tôi liền xoay câu chuyện sang đề tài “đội săn của quốc vương Xtác”

– Vì cơ gì ngài quan tâm câu chuyện vậy?

– Tôi là nhà dân tộc học mà

– Ô! thế thì đương nhiên rồi. Nhưng chắc gì kẻ tiện nhân này đã đủ tài cán kể về chuyện ấy cho vừa lòng thượng khách. Nên chẳng, ta nhường lời cho những trang giấy đã ngả màu? Quý ngài đọc được ngôn ngữ văn học thế kỷ XVII chứ ạ?

Với một động tác rất nghệ sỹ (ngón tay anh ta thanh mảnh dài gấp đôi ngón tay người thường) anh ta ở một tủ sách. Và đây, trên đầu gối tôi lập tức xuất hiện một pho sách đồ sộ, trang nào cũng chi chít những nét chữ li ti nắn nót, đã ngả màu nâu cùng năm tháng: “Năm một ngàn sáu trăm lẻ một đất này bất an. Quan án sát Banvanôvích vừa mới xử xong vụ bọn gia nô hạ sát chủ nhân chúng là pan nhân đức Ianúc Bôboet. Nhiều miền đất khác cũng không được yên. Bọn dân đen vác gậy sồi tiến đến sát chân thành Vitepkơ, ở Kritsop, ở Moxchixlap, ở vùng ta, bọn nô bộc cũng làm

phản, đốt phá giết chóc. Mười bốn pan chủ nhân bị giết, ba vị nữa bị đánh đập tàn tệ, không biết liệu có qua khỏi được không”

Nhưng thôi, hỡi các bạn khó đọc cái giọng văn cổ ấy. Bởi vậy tôi xin thuật lại nội dung câu truyện thuyết xa xưa.

Số là thuở ấy không phải chỉ có nông nô nổi dậy, mà ngay cả tầng lớp sliäcta Bêlôruxia vốn bị những thế chế mới chèn ép, cũng bạo loạn. Khắp các vùng xung quanh Rừng Tùng Đầm Lầy đều sục sôi. Ngay ở trong khu rừng rậm Khôđanôp, ông Thọt Iarôsr Stmat lập bản doanh, hưởng ứng pan thế gia vọng tộc Bêlôruxia là Xtac Gooxki mà theo dòng dõi tôi tiên vốn là chỗ thân thích với vương công Vilnô là Alêchxandro. Pan Xtac, một sliäctich trai trẻ và đầy tham vọng theo đuổi một mục đích: giành cho được sự độc lập. Để làm việc đó, ông ta có đủ mọi tiền đề: dòng máu vương giả chảy trong huyết quản (thời ấy, điều này quan trọng lắm), sự ủng hộ của giới địa chủ quý tộc quanh vùng lực lượng quân sự hùng mạnh, sự ủng hộ của giới địa chủ quý tộc quanh vùng, lực lượng quân sự hùng mạnh, sự ủng hộ của đạo hữu chính giáo và “anh em lục lâm”, tài thao lược của bản thân và điều chủ yếu nhất là sự bần cùng, tình cảnh tuyệt vòn của nông dân. Khắp một miền đất lân cận, tất cả đều đã công khai tôn vị thủ lĩnh trẻ tuổi làm quốc vương.

Tuy nhiên, lúc ấy ông ta còn đang tập hợp lực lượng đồng thời khôn khéo dùng thủ đoạn ngoại giao mê hoặc chư vị đại diện chính quyền trung ương. Nghe nói, lực lượng ông ta đã lên đến tám nghìn kỵ sỹ, phần ẩn náu trong rừng sâu, phần ở ngay trong trang trại của ông ta.

Cuối cùng, đến mùa thu năm 1602 mọi sự đều đã sẵn sàng. Trong các nhà thờ quanh vùng, nông dân đã làm lễ tuyên thệ trung thành với quốc vương Xtac và ông ta đã bất ngờ tấn công chiếm một pháo đài mạnh nhất trong huyện. Chỉ còn chờ ông Thọt Iarôsr Stmate cùng thủ hạ đến tụ nghĩa. Quân nghĩa hùng hậu, quốc vương kiên quyết, cho nên rất có thể một trang chói ngời mới sẽ được ghi vào sử xanh Bêlôruxia.

Duy chỉ có một người không ngưỡng mộ quốc vương Xtac - ấy là Rôman Janôpxki, một lãnh chúa có thế lực, chủ nhân trang ấp Rừng Tùng

Đầm Lầy. Quốc vương ngờ rằng Rôman có những mối giao du khả nghi với quận trưởng Litva, thậm chí cả với nhà thờ La Mã. Ngài đã cảnh cáo Janôpxki rằng kết cục sẽ có thể rất tồi tệ đối với Rôman. Janôpxki vội tuân thủ lòng tôn kính và trung thành của mình đối với quốc vương. Xúc tin lời thề thốt của Rôman, thậm chí đã ôm hôn lãnh chúa Rừng Tùng Đầm Lầy, lấy máu hai người hòa lẫn trong cốc rượu, rồi hai bên thương thuyết cùng uống cạn. Quốc vương Xúc ban tặng Rôman một bộ bát đĩa bằng bạc.

Không rõ nguyên do gì đã sai khiến Rôman cả gan làm những việc tiếp theo đó, lòng hiếu danh ư? Hay thói bội bạc, hay một động cơ gì khác nữa. Ông ta là bạn của một quốc vương hợp pháp kia mà... Ông ta mời quốc vương Xúc đến dự cuộc săn và quốc vương đã đến Rừng Tùng Đầm Lầy cùng với một đội săn hai chục người ngựa. Stamet phải đến tụ nghĩa vào ngày hôm sau, thời gian còn nhiều, nên quốc vương quyết định nghỉ ở lại Rừng Tùng Đầm Lầy, hơn nữa còn mời thuộc loại hấp dẫn: báo đầm lầy, một con vật cả về tầm vóc lẫn màu lông đều giống hổ, thời bấy giờ cũng đã hiếm thấy trong các vùng hoang sơ quê ta, còn như sau này, tức một trăm năm sau, đã biến hẳn.

Pan Rôman đã trù tính một vụ phản đối đen tối. Bởi dẫu quốc vương Xúc là một ông vua của dân cày, dẫu ngài bạo loạn chống lại các đảng trị vì nhân danh thượng đế, song phải chăng chính thượng đế sẽ không ban phước cho quyền lực của ngài nếu như ngài giành lại được ngôi báu của tổ tiên?

Thế là quốc vương Xúc đã đến Rừng Tùng Đầm Lầy và để rước mừng ngài, người ta đã giăng đèn kết hoa, mở yến tiệc linh đình. Và ngài đã ăn uống, cười đùa cùng Rôman, cùng các pan khác nữa, số pan này có đến cả trăm. Rồi đêm đến, họ cùng đi săn, bởi dạo ấy, đêm thanh gió mát, những đêm như vậy con báo đầm lầy rời hang ổ trong lau lách, lang thang khắp mọi vùng từ Rừng Tùng Đầm Lầy đến các thung Gò mộ và Gốc cụt, rình vồ cả súc vật lẫn những người bộ hành lẻ loi.

Chính bởi vậy, tất cả đều thù ghét nó, chính vì vậy người ta tiêu diệt nó. Chó sói gặp người là lảng xa. Báo rừng cũng thường vòng tránh, chứ báo

đêm thì không: nó là giống ăn thịt người.

Vậy là, khách khứa đã ra về cả, riêng quốc vương Xtác với đội săn cùng Rôman với trưởng đàn chó săn thân tín là Alêchnô Vôrôna và sliăctich Dubôtôpkơ kéo cả đoàn đi săn báo đêm lầy. Hôm ấy phải một đêm tối trời, mảnh trăng lưỡi liềm le lói, cảnh vật mờ mờ, vậy mà họ vẫn phóng ngựa trên khắp đầm lầy, bất chấp đêm thu hoang vắng cùng ma chơi chập chờn xanh lè.

Thế rồi, ánh lửa trong mấy nếp nhà cũng đã tắt, và ai mà biết được có khi Thượng đế với thiên ý cao siêu cũng đã tắt luôn ánh sáng trong cõi lòng đôi kẻ làm người. Bởi thế pan Rôman cùng quốc vương Xtác mới tụt lại cách xa đoàn người đi săn.

Hai vị chưa kịp định thần xem xét xung quanh thì một con báo đêm lầy từ trong bụi nháy xổ ra, lao ngực vào ức ngựa Rôman, xé bụng con ngựa, lôi ra cả một tảng thịt cùng ruột gan lòng thòng – cái thói loài báo này nó như vậy đó. Rôman ngã nhào, hãi hùng trước cái chết khôn phương trốn tránh bởi con dã thú đang hướng cặp mắt rực lửa nhìn ngài chòng chọc, mà nó lại to lớn dài rộng hơn ngài.

May thay, quốc vương Xtác tức khắc từ trên lưng tuấn mã phi thân lao lên lưng báo, một tay túm tai con thú, quay ngoặt mồm nó rời xa họng Rôman, tay kia vung lưỡi đoản kiếm chém một nhát vào họng báo. Con mãnh thú giãy chết tạt quốc vương một cái bắn ra xa và lập tức chồm lên người ngài. Lại may thay, pan Rôman kịp vùng dậy, giang rìu chiến phang một đòn vỡ sọ con ác thú. Cả ba nằm chùng chất lên nhau, pan Rôman đỡ quốc vương đứng dậy, hôn vào miệng ngài và bảo:

– Vậy là ra cùng hết nợ nhé người anh em. Anh cứu mạng tôi còn tôi đã giải thoát phần hồn cho anh.

Sau đó, đoàn săn kịp đến đón họ và tất cả cùng quyết định ngủ lại trong rừng để tiếp tục tiệc tùng vui chơi bởi máu còn đang sôi, tim còn đang hăng sau cuộc huyết chiến với mãnh thú, còn đòi thêm chất men say. Thế rồi họ đốt lửa lên trong khu rừng hoang dã và bắt đầu chè chén. Mà đêm thì mịt

mù và khi mảnh trăng đã khuất thì chỉ đi xa đồng lửa mười bước giơ tay lên không trông thấy ngón. Họ vắn thùng rượu Rôman cho mang theo, mở ra cùng uống, cùng đùa vui... Khốn thay không ai hay biết là rượu đã đánh thuốc mê, duy có Rôman, Vôrôna với Đubôtôpkơ là đã tập cho mình quen với thuốc ấy.

Mọi người thả sức uống rượu, riêng quốc vương Xtác uống ít.

Khoan đã nào Rôman! Người làm gì vậy, hỡi Rôman? Con người ấy đã quyết xả thân cứu quê hương đấy. Vậy có sao người dám cả gan đem mưu đồ riêng thay ý nguyện chúa đã tiền định? Người nuôi tiếc quyền thống trị của riêng người, vậy chứ người có nghĩ chẳng bọn ngoại bang đan dày xéo tự do của nhân dân người, chà đạp tiếng nói cùng tín ngưỡng, cùng linh hồn của họ? Người đâu có nghĩ đến điều đó lòng người tối tăm vì tị hiềm và hiểu thẳng.

Vậy là họ cứ tiệc tùng cho đến khi các kỵ sỹ trong đội sẵn của quốc vương Xtác díp mắt, lú lờ. Riêng quốc vương vẫn thao thao bất tuyệt rằng ngài sẽ đem ấm no hạnh phúc lại cho muôn dân sau khi giành lại được ngôi báu của tổ tiên.

Đến lúc ấy, Rôman mới rút đoản kiếm, nắm chặt trong hai tay, lên đến sau lưng quốc vương Xtác, giơ cao đoản kiếm, đâm mạnh mũi kiếm nhọn hoắt xuống gáy quốc vương. Quốc vương gục đầu, nhưng rồi lập tức ngừng lên nhìn thẳng vào mắt Rôman, và gương mặt của ngài đầm đìa những máu, tựa hồ thét lên khủng khiếp kêu xin thương để báo thù.

– Nhà người đã làm gì vậy? Nhà người là anh em kết nghĩa với ta kia mà!

Thế rồi quốc vương gắng gượng đứng lên quát lớn:

– Có sao mi lại phản bội nhân dân mình, hỡi tên đạo tặc kia? Giết ta, mi đã cướp đi phúc lớn của muôn nhà đó!

Rôman đâm tiếp nhát thứ hai, quốc vương khụy xuống nhưng ngài vẫn còn nói được:

– Vậy thì hãy coi chừng, quân phản bội. Ta nguyện rửa mi cùng cả dòng họ đen tối nhà mi! Cầu cho miếng bánh mì bụng đến miệng còn hóa đá, cầu cho vợ con lũ người tuyệt đường sinh nở, cầu cho cha, anh, chồng họ hộc máu tươi mà chết!

Đoạn, ngài nói tiếp, giọng đã yếu ớt lắm rồi mà vẫn đanh thép:

– Mi đã bán rẻ quê hương rồi, thẳng khốn nạn nguyên là anh em kết nghĩa với ta. Nhưng ta sẽ không chết đâu. Ta cùng đội săn sẽ còn hiện về với mi, với con cháu mi, với hậu thế mi.

Bọn ta sẽ báo thù không thương xót đến tận đời thứ mười hai, và bọn mi sẽ không trốn đâu cho thoát. Nghe rõ chưa - đến tận đời thứ mười hai! Và mỗi thế hệ bọn mi sẽ run sợ khủng khiếp hơn ta lúc này ở dưới chân mi.

Nói rồi, đầu quốc vương gục xuống đội săn của ngài đến giờ mới tỉnh cơn mê, vội vợ lấy gươm đao. Và hai chục kỹ sỹ đã chiến đấu chọi lại có ba. Một trận đánh khủng khiếp. Nhưng rồi ba người tinh đã thẳng hai chục người say và giết sạch đến người cuối cùng. Sau đó họ dùng dây cột cả những người chết lẫn những người tử thương còn đang rên rỉ vào yên ngựa rồi quất cho những con ngựa lồng lên lao qua rừng rậm về phía Bãi thụt Khổng lồ.

Và không ai lưu tâm việc quốc vương vẫn đang còn thoi thóp. Đàn ngựa phóng như bay vào đêm đen, mảnh trăng lưỡi liềm le lói soi những bờm ngựa lòa xòa tung bay, và đâu đó phía trước, những ngọn lửa ma chơi xanh lè là lè bay chuyền trên các mô đất giữa đầm lầy.

Và từ bầy ngựa hoang vô chủ ấy vọng lại giọng nói của quốc vương Xtác:

– Ta sẽ hiến dâng phần hồn cho quý dữ, nếu như Thượng đế không giúp ta báo thù. Mi hãy đợi đấy, Rôman, bọn ta sẽ phóng ngựa về hỏi tội mi! Hãy run lên, kẻ tử thù muôn kiếp! Bọn ta sẽ đến! Bọn ta nhất định sẽ trả mối thù này!

Vậy mà không một ai ngờ rằng những lời vọng lại ấy là sự thật, quốc vương Xtác quả đã biến thành vũ khí trong tay quý dữ, thành công cụ báo

thù và trừng phạt. Bởi không một sự hạ sát nào đáng bị trừng phạt khủng khiếp hơn sự hạ sát anh em kết nghĩa.

Lũ sát nhân sống sung sướng chẳng được bao lâu. Trưởng đàn chó săn Vôrôna là kẻ đầu tiên đối mặt với những hồn ma của quốc vương Xtác cùng các thuộc hạ của ngài, chỉ hai tuần sau đó mà thôi. Đội săn không lựa đường sá, phóng như bay trên đầm lầy gớm ghiếc nhất, trên rừng rậm trên mặt nước khe lạch. Không một tiếng hàm thiếc lách cách, không một tiếng gươm kiếm lạch cạch. Các kỹ sỹ trên mình ngựa đều câm lặng và phía trước đội săn của vương quốc Xtác chập chờn những đốm lửa ma chơi xanh lè.

Alêchnô Vorôna mất trí, Đubôtôpkơ ít lâu sau cũng chết bất đắc kỳ tử. Quận trưởng Litva đánh tan các đội nghĩa binh nông dân đã mất thủ lĩnh, Iarôsr chết trận. Riêng Rôman Janôpxki vẫn sống, vẫn cười.

Nhưng rồi một ngày kia Rôman đi ăn trở về một mình qua khu bãi hoang. Ánh trăng in soi lờ mờ mặt đường mòn, bỗng sau lưng Rôman những ánh lửa đầm lầy xanh lè bay loạn xạ rồi từ phía đó vọng lại tiếng tù và cùng tiếng vó ngựa xa xa. Chỉ lát sau, lần lượt hiện ra lờ mờ bóng các kỵ sỹ. Bờm ngựa tung bay trong gió, cả đoàn lẳng lẳng không một tiếng động phóng như bay, lướt trên ngọn lau lách đầm lầy. Các kỵ sỹ đều câm lặng, và phóng đi trước tất cả là một kỵ sỹ cao lớn, dáng hình lờ mờ dưới ánh trăng – quốc vương Xtác! Và gần ấy cặp mắt người ngựa, báo hiệu rục rịch.

Rôman chạy đoàn kỵ sỹ phóng đuổi theo, câm lặng và nhanh kinh khủng ngựa chỉ khẽ động vó trong không trung, lau lách lao xao, và trăng ...lạnh lùng rọi theo cuộc săn đuổi.

Rôman ba lần kêu to: “Đội săn!” – những tiếng kêu thất thanh mà cả mọi người trong mấy nếp nhà xa tít cũng nghe thấy. Thế rồi, đội săn đã đuổi kịp Rôman, Rôman vỡ tim mà chết.

Từ thuở ấy, đã nhiều người nhìn thấy đội săn của quốc vương Xtác trên các đồng lầy than bùn. Và mặc dù không phải ai cũng bị đội săn trừng phạt,

nhưng ít ai không vỡ tim mà chết khi tình cờ gặp phải những bóng ma âm đạm ấy giữa đêm lầy.

Lũ người trong dòng họ Janôpxki đều đã chết như vậy – cả con Rôman, rồi đến con của con Rôman. Chính sau cái chết này, tôi mới viết lại ra đây tất cả để răn dạy hậu thế của y, may ra họ sẽ chuộc lỗi xưa bằng nhiều việc thiện khiến cho lời nguyện muôn thuở không còn hiệu lực.

Hỡi người đời, hãy tránh xa đêm lầy, hãy tránh xa sinh lầy đêm hôm, khi những ngọn lửa xanh lè hội tụ và bắt đầu cuộc nhảy múa ở những nơi hiểm nhất. Chính những nơi ấy, các người sẽ gặp phải hai chục kỹ sỹ cười những con ngựa thuần giống đứctăng [14].

Và kỵ sỹ thủ lĩnh luôn đi đầu, cách xa đoàn tùy tùng. Chiếc mũ gấp vành chụp sát mắt. Gươm kiếm không lách cách, ngựa không hí dài. Chỉ thoảng hoặc từ đâu đó xa xăm vọng lại tiếng tù và ngân nga. Bờm ngựa tung bay, những ánh lửa đêm lầy chợp chờn dưới vó ngựa.

Trên lau lách hoang vu, trên đêm lầy chết chóc, đội săn vẫn đang phi ngựa và sẽ còn phi mãi chừng nào còn tồn tại thế gian này. Đội săn này cũng là quê hương ta, mà ta không yêu quý, mà ta ghê sợ. Cầu chúa tha tội cho chúng con!

Tôi rời mắt khỏi những trang giấy, lúc lắc đầu, mong mau chóng thoát khỏi những hình ảnh man rợ, Bécman nhìn tôi chờ đợi.

– Thế nào, thưa pan, xin lỗi, tôi hỏi khí đường đột, ngài nghĩ gì về những chuyện ấy?

– Một truyền thuyết mới kinh khủng, mới đẹp, mới hoang đường làm sao! – tôi chân thành thốt lên. Quả là một chủ đề tuyệt hay cho một cây bút cỡ lớn! Biết bao cảnh tượng tuyệt vời có thể dựng lên!

– Ôi xin ngài thứ lỗi, giá như đó chỉ là một truyền thuyết. Thưa ngài, tôi là một người có tư tưởng tự do, tôi là một người vô thần như mỗi người hăng sống bằng trái tim trong thời đại văn minh chúng ta. Nhưng tôi tin là đội săn của quốc vương Xtác là có thật. Không tin mới thực kỳ lạ. Cái đội

săn ấy đã làm cho bao người trong hậu thế Rôman phải chết, dòng họ Janôpxki gần như tuyệt nọc

– Tôi đã từng nói với mọi người – tôi đáp, - và giờ xin được trình bày với ngài. Tôi có thể say mê sưu tầm các truyền thuyết, nhưng lý gì bắt tôi phải tin chúng có thật? Con cháu Rôman chết “bởi tay đội săn” cách đây đã hai trăm năm. Thuở ấy biên niên sử thành Môghiliốp từng nghiêm chỉnh khẳng định rằng trước khi nổ ra chiến tranh trên tường đá thành Môghiliốp, ở chỗ con người không thể nào leo tới được, thường xuất hiện những bàn tay đẫm máu.

– Có, tôi có nhớ chuyện ấy – vị mê sách xác nhận. – Cũng có thể nêu một số ví dụ khác, nhưng chúng ... e – hèm... Khí tục tũ. Các bậc tiền bối của chúng ta là những con người thô lỗ.

– Thế đấy - tôi nói có ý trách móc. – Vậy mà ngài lại tin cái chuyện đội săn...

Tôi bỗng có cảm giác là người búp bê hơi dao động.

– Thế ngài sẽ bảo sao nếu như tôi tuyên bố là chính mắt mình thấy đội săn ấy?

– Chuyện bịa đặt - tôi cắt ngang, gay gắt. - Chẳng lẽ ngài không xấu hổ khi đem những chuyện vớ vẩn ấy ra dọa nạt đàn bà con trẻ ư?

Đây không phải là chuyện bịa đặt – Bécman hơi đỏ mặt. – Đây là chuyện nghiêm chỉnh. Chẳng phải ai cũng trở thành anh hùng hảo hán được, tôi xin thú thực là tôi sợ. Thậm chí giờ đây tôi còn không dám ngồi ăn cùng bàn với nữ chủ nhân, bởi vì cơn thịnh nộ của quốc vương Xtác cũng giáng xuống đầu những kẻ liên quan. Chắc ngài còn nhớ, trong cuốn bản thảo....

– Ngài nhìn thấy đội săn trong hoàn cảnh nào vậy?

– Y như viết trong sách đây. Tôi đến chơi nhà Đubôtxkơ – ông láng giềng của Janôpxki. Nhân thế tôi xin giới thiệu: ông ta là hậu thế của Đubôtxkơ trong truyện. Khi về, tôi đi đường bãi hoang, qua đúng cái đồng đá tảng to tướng ấy. Đêm hôm ấy khá sáng trời. Tôi không nghe thấy họ

xuất hiện lúc nào! Họ phi ngựa ngay trên đầm lầy, qua ngang trước mặt tôi! Ôi! Thực khủng khiếp!

Trong khóe mắt anh ta bỗng hiện ra một ánh đèn dẫn. Tôi chợt nghĩ: Trong tòa nhà này, hơn thế nữa – trong cả vùng bình nguyên quanh đây đã có điều gì đó không ổn xảy ra với trí não mọi người.

“Liệu ở đây có được một ai là người bình thường không? Hay là mọi người đều đã mất trí cả rồi?” Tôi thầm nghĩ.

– Lạ nhất là họ phi ngựa không một tiếng động. Ngựa toàn một giống cổ, ngay này có đốt đuốc ban ngày đi tìm cũng không thấy nữa: những con tuấn mã thuần giống đứctăng vùng Pôlêxia cắt gần đuôi. Bờm ngựa, áo choàng hiệp sỹ tung bay trước gió.

– Áo choàng hiệp sỹ chỉ mặc khoác ngoài áo giáp trụ, - tôi ngắt lời một cách hơi khiếm nhã. – Đi sẵn ai mặc áo giáp trụ làm gì?

– Tôi biết – người búp bê lập tức đồng ý, giọng giản dị và chân thành: anh ta giương đôi mắt to, hiền lành như mắt nai vàng nhìn tôi – Xin ngài tin cho rằng nếu tôi bịa đặt, tôi có thể nghĩ ra những điều có lý hơn.

– Ngài bỏ qua cho, - tôi bối rối xin lỗi.

– Áo choàng hiệp sỹ bay phấp phới sau lưng. Giáo mác tua tủa chĩa ngược lên trời. Và họ phi ngựa, lướt tới như xung trận.

– Xin quý ngài bỏ quá cho tôi một câu hỏi khiếm nhã nữa: hay là trong bữa tối ở nhà ông láng giềng, gia chủ đã thiết đãi ngài món rượu mật ong?

– Tôi không uống rượu, – Bécman–Gatxêvich mím môi, giọng đầy tự trọng. – Tôi xin nói thêm là họ không để lại một dấu vết gì. Sương mù che khuất vó ngựa. Gương mặt quốc vương bình thản, ảm đạm, không hồn, khô khan và xám xịt như sương mù. Điều đáng lưu ý nhất là họ đã đến lâu đài nhà Janôpxki vào đúng đêm ấy. Về đến nhà, mọi người kể lại với tôi rằng đúng nửa đêm, cái vòng khóa trên cửa bỗng đập loảng xoảng rồi có tiếng quát gọi: “Rôman đòi thứ mười hai, ra ngay!”

– Sao lại Rôman?

– Bởi vì tiểu thư Nadeia là người nối dõi cuối cùng của dòng họ Rôman, đúng đời thứ mười hai.

– Tôi không tin, – tôi càng khẳng khẳng phản đối vì thấy mặt Bécman tái đi thật. Xin ngài đưa tôi cuốn gia phả họ Janôpxki.

Becman ngay tức khắc lôi ra một pho bản thảo giấy da cừu. Quả nhiên, tính từ đời Rôman đã được mười một thế hệ. Dưới đời thứ mười một, cũng lại tên Rôman, có ghi mấy dòng sau bằng những nét chữ li ti:

“Ngày 26 tháng 10 năm 1870, con gái tôi ra đời, đặt tên là Nadêia. Hỡi số mệnh khắc nghiệt, xin hãy cởi bỏ cho chúng tôi lời nguyện muôn thủa. Xin hãy đoán thương nhúm xương thịt nhỏ xíu này. Xin cứ việc gọi tôi đi, nếu cần phải như vậy, nhưng xin buông tha cho đứa con nít được sống. Nó là hòn máu cuối cùng của dòng họ Janôpxki. Trăm sự tôi nhờ ơn số mệnh”

– Đây là cụ thân sinh tiểu thư Nadeia viết à? tôi cảm động hỏi và thoáng nghĩ năm nàng sinh tôi đã tám tuổi.

– Vâng, chính ông ta, Ngài thấy đấy, ông ta đã linh cảm trước. Số phận của ông ta là một bằng chứng cho tính xác thực của truyền thuyết về quốc vương Xtác. Ông ta biết truyền thuyết này, mọi người trong dòng họ ấy đều biết, bởi vì lời nguyện nọ như búa rìu đao phủ luôn treo lơ lửng trên đầu hậu thế những kẻ vô phúc ấy. Người thì mất trí, kẻ bị anh em máu mủ giết chết vì tiền. Người thứ ba chết trong cuộc săn bắn. Ông ta biết trước nên đã thu xếp đầu vào đấy, bảo đảm cho tiểu thư một món thu nhập dẫu quá ư bé nhỏ, tìm kiếm trước người bảo trợ, lập sẵn chúc thư (nhân thể xin nói thêm là tôi rất lo ngại mùa thu này, nhiều người trong dòng họ Janôpxki không sống được đến tuổi thanh niên: hai hôm nữa sẽ đến lễ sinh nhật của tiểu thư Nadêia, vậy mà hai lần liền đội sản xuất hiện ở ngay dưới chân tường lâu đài). Rôman không bao giờ ra khỏi nhà vào ban đêm. Nhưng hai năm trước đây một bà cô bên họ mẹ là vợ sliăctich Kunsa mời tiểu thư Nadêia đến chơi. Cô bé ở chơi bên ấy tới khuya. Pan Rôman rất hay sốt ruột mỗi khi con gái vắng nhà. Nhà Kunsa ở ngay cạnh Bãi thụt Khổng lồ. Ông ta lên ngựa đi đón con. Cô bé được gia nhân của Kunsa tên là Rưgôơ đưa về tận nhà rồi mà mãi chẳng thấy pan Rôman đâu. Gia nhân bỏ đi tìm. Cũng đúng

vào dịp mùa thu, chính là lúc đội săn của quốc vương Xtác đặc biệt hay xuất hiện. Chúng tôi lần theo dấu vó ngựa pan Rôman cưỡi. Tôi và Rưgôơ. Tôi thì hết hồn mà tên Rưgôơ cứ tỉnh như không. Dấu vó ngựa đi theo đường mòn, sau đó rẽ ngoặt sang bên và bắt đầu vòng vèo trên đồng cỏ. Dọc một bên, Rưgôơ tìm thấy những dấu vó ngựa khác.

Hắn ta là một thợ săn cừ khôi, cái thằng cha Rưgôơ ấy. Thật khủng khiếp, thưa ngài! Dấu vó ngựa chi chút, phải đến hai chục con. Móng sắt đều loại cỡ cả, có hình đinh ba, như cái nạng xọc rơm. Ở ta từ lâu không còn đóng những móng sắt như vậy nữa. Những dấu vết ấy lúc mất lúc hiện, cách quãng đến hai ba chục bước, y như thể đàn ngựa bay lên không trung vậy. Sau đó, chúng tôi tìm thấy nùi nhồi đạn súng săn của Pan Rôman, tôi nhận ra ngay dù có trộn lẫn với hàng trăm loại khác Rưgôơ sức nhớ ra là khi đưa cô bé về hắn có nghe tiếng súng ở phía Bãi thụt. Hai chúng tôi thúc ngựa đi nhanh hơn, vì đã năm tiếng đồng hồ trôi qua, đêm chuyển dần về sáng. Lát sau chúng tôi nghe có tiếng ngựa hí. Chúng tôi tiến ra một bãi trống to rộng. Đến đây Rưgôơ nhận thấy tốp ngựa đội săn dàn đội hình hàng ngang và phi nước đại. Còn ngựa ông chủ cưỡi vấp liền mấy lần, có lẽ, vì đã quá mệt – Giọng Becman bỗng lạc hẳn đi, rồi im bặt – Thế rồi... ở cuối bãi trống, đứng ở nơi bắt đầu Bãi thụt chúng tôi trông thấy con ngựa nằm lẩn ở đó, nó còn sống nhưng gãy chân, tiếng nó kêu như tiếng người rên, thực hãi hùng. Rưgôơ bảo: ông chủ phải ở đâu đây thôi. Chúng tôi tìm thấy vết chân ông ta, kéo một vệt từ phía Bãi thụt tiến lại. Tôi lần theo dấu chân nhưng chúng dẫn đến chỗ con ngựa nằm thì mất hút. Đến đây, trên mặt đất ẩm ướt, có vệt lún như thể có người ngã xuống đó. Và không thấy gì nữa. Không một dấu vết nào cạnh đó. Đội săn đã rẽ ngoặt đi chừng hai chục mét cách đó. Hoặc Pan Rôman bay lên trời, hoặc đội săn của vương quốc bay lên không trung đuổi kịp Rôman và bắt đi mất. Hai chúng tôi đứng đợi chừng nửa tiếng, đến khi trời tang tảng sáng Rưgôơ vỗ trán đến đét mồ cái và bảo tôi đi tước vỏ cây bạch dương. Tôi – một sliăctich, hoàn toàn phục tùng tên nông nô: lúc ấy hắn như một lãnh chúa, có uy quyền ghê gớm đối với tôi. Khi chúng tôi đốt bó đuốc vỏ cây lên, hắn liền cúi sát đất,

xem xét các vết chân. Đoạn hẳn hỏi, giọng rất kẻ cả: "Thế nào, pan bảo sao?" Tôi lúng túng đáp: "Ta không hiểu có sao ông chủ lại đi ngựa từ phía Bãi thụt lại đây, và bằng cách nào ông ta lại ra được tận đây". Nghe vậy thằng dân đen ấy cười phá lên: "Ông chủ không hề đi ngược từ Bãi thụt lại đây, và hai bàn chân ngài cũng chẳng hề quay lộn ngược ngón ra phía sau, gót ra phía trước như quý pan mừng tượng đâu. Ông chủ đi giật lùi giật lùi về phía Bãi thụt, giật lùi trước một cái gì đó gồm ghiếc tiến dần đến ngài. Quý pan có thấy không đến đây ông chủ ngã. Rồi con ngựa gãy chân và ông chủ lộn mình qua nó. Thưa quý pan, ông chủ bị sái chân, đây, quý pan thấy không, vết chân phải to hơn và sâu hơn, vậy là ông chủ bị sái chân trái. Ngài lùi dần về phía sinh lầy. Giờ ta đi đến đó, chắc chắn ở đó ta sẽ thấy được kết cục". Quả nhiên, chúng tôi đã được thấy kết cục ấy. Rừng rờ soi ngọn đuốc về phía bờ vực thụt xuống sinh lầy và nói: "Quý ngài thấy không chỗ này ông chủ trượt chân". Tôi ôm lấy ngang lưng Rừng rờ, hẳn cúi nhìn xuống dưới bờ vực, đoạn gọi tôi: "Pan nhìn kìa". Bây giờ tôi mới trông thấy đầu Rôman lấp ló dưới lớp bùn lầy nâu xỉn váng đọng và cánh tay co quắp cổ nín lấy chùm rễ một cái cây đã thối mục. Vất vả lắm hai chúng tôi mới lôi được ông chủ lên, đúng hơn – lôi cái xác ông chủ lên: dưới những vực thăm sinh lầy thường có những mạch nước ngầm giá lạnh, nên ông chủ đã chết cứng. Hơn nữa, tim đã không chịu đựng nổi, theo nhận xét của ông thầy thuốc. Lạy chúa, mặt ông chủ méo xệch đi, bởi một nỗi kinh hoàng ghê gớm, ai đã trải qua không bao giờ sống nổi! Tay ngài có một vết cắn, cổ áo rách tan. Chúng tôi dùng dây cột thử thi vào ngựa và quay về. Nhưng chúng tôi vừa mới đi chưa được hai chục bước thì trông thấy một đoàn bóng ngựa mờ ảo bay qua đường mòn. Thật kỳ lạ: không nghe tiếng vó nện. Lát sau, đâu đó ở phía khác hẳn có tiếng tù và cất lên, nghe ọ ẹ như bị bịt bông. Hai chúng tôi im lặng nặng nề, ngựa đi như không yên vì chúng đánh hơi thấy mùi tử thi. Thực là một đêm kinh hoàng! Đâu đó vẫn văng vẳng tiếng tù và của đội săn. Thời gian sau đó đội săn chỉ thỉnh thoảng mới hiện về. Và bây giờ lại bắt đầu... Giờ báo oán lại đã điểm.

Becman im lặng, gục đầu vào lòng bàn tay - đôi tay với những ngón trắng muốt rất nghệ sỹ, và dài đến gấp đôi ngon tay người thường. Tôi im lặng, rồi bỗng nổi nóng:

– Thật đáng xấu hổ, thưa ngài. Một lũ nam nhi những mấy người đàn ông trai tráng! Thế mà không bênh vực nổi một người con gái! Thì cứ cho đó chính là quý sứ hiện hình đi – phải đánh chứ, quý tha ma bắt các vị đi ! Và tại sao không phải bao giờ cái đội săn ấy cũng hiện về? Tại sao từ ngày tôi ở đây nó không hiện về?

– Dù nó có hiện về luôn luôn thì cũng không bao giờ về vào những đêm trước các ngày lễ thánh cũng như vào thứ tư và thứ sáu.

– Hử? Những bóng ma kỳ lạ ấy, – Thế vào chủ nhật? Trong lòng tôi dấy lên mỗi lúc một mạnh hơn ý muốn giáng vào cái mặt như sứ, buồn bã và thờ ơ nọ một cái tát, bởi vì những kẻ như vậy không bao giờ có khả năng làm một việc thiện hay việc ác – chúng không phải là người mà là đám cỏ dại có cơ tràn ngập luống rau.

– Thế vào những ngày lễ thánh Philip và tháng Piôt chúng có hiện về không, nếu chúng là những hồn ma chi thánh như vậy?

– Ngày chủ nhật thì chính chúa đã cho phép họ về bởi vì, nếu như ngài chưa quên, quốc vương Xtác bị hạ sát đúng vào “Chúa nhật”. - Becman trả lời hoàn toàn nghiêm chỉnh.

– Nếu vậy thì ông ta là thứ của nợ gì vậy, cái ông Thượng đế của chư vị ấy? – Tôi bỗng quát lên - Chẳng lẽ ông ta đàn đúm cả với quỷ dữ hay sao? Chẳng lẽ ông ta sẵn lòng hãm hại linh hồn cả các cô gái vô tội chỉ vì trong huyết quản họ may ra có được một giọt máu của Rôman sao!

Becman im lặng.

– Chỉ có một phần bốn nghìn chín trăm lẻ sáu máu Rôman trong huyết quản của tiểu thư Nadêia – Tôi nhắm tính – Như vậy thì đấng Thượng đế của chư vị được cái tích sự gì?

– Xin ngài chớ báng bổ! – Becman hãi hùng thốt lên – Ngài định bênh vực ai vậy?

– Hơi quá nhiều ma quỷ trong một tòa nhà đấy, – tôi chưa thôi. – Người Lùn này, Thiếu phụ Áo xanh này, rồi lại cả một đội săn của quốc vương Xtác nữa. Nội công, ngoại ứng – cầu trời thiêu ra tro cái tòa lâu đài này!

– À... xin nói thực với ngài, thưa quý pan tôn kính, tôi không tin vào chuyện Người Lùn và Thiếu phụ Áo xanh.

– Mọi người trong nhà đã nhìn thấy. Cả ngài cũng đã thấy mà.

– Tôi chưa nhìn thấy, mới nghe thấy thôi. Nhưng bản chất của âm thanh ta chưa rõ. Hơn nữa tôi là một người có thần kinh quá nhạy cảm.

– Nữ chủ nhân cũng đã nhìn thấy.

Cặp mắt của Becman bỗng khiêm tốn sụp xuống. Anh ta do dự một lát rồi nói:

– Tôi không thể tin lời tiểu thư trong mọi việc được. Tiểu thư... tóm lại, tôi có cảm tưởng là cái đầu đáng thương của tiểu thư đã không chịu đựng nổi bấy nhiêu điều khủng khiếp. Tiểu thư... à... hừm... là một người khí độc đáo về mặt tâm thần nói nhẹ ra là như vậy.

Tôi cũng nghĩ vậy, nên đành lặng thinh.

– Nhưng chính tôi cũng đã nghe thấy tiếng bước chân.

– Chuyện hoang đường. Đó chỉ là một ảo ảnh thính giác, ảo giác, thưa quý pan tôn kính.

Chúng tôi ngồi lặng thinh một lát. Tôi cảm thấy chính bản thân đang bắt đầu loạn trí vì những chuyện quái gở xảy ra ở nơi đây.

Đêm ấy, tôi nằm mơ: đội săn của quốc vương Xtác phi ngựa không một tiếng động. Ngựa hí không thành tiếng, vó nện lặng lẽ xuống mặt đường, dây cương trạm trổ đung đưa. Lau lách lạnh buốt dưới chân những bóng kỵ sỹ xám xịt cúi rạp người phi ngựa, những ánh lửa đêm lầy xanh lè trên trán ngựa. Trên đầu tất cả, trên trời cao lấp lánh độc nhất một ngôi sao, nhọn hoắt như mũi kim.

Mỗi lần tỉnh giấc tôi đều nghe thấy tiếng chân Người Lùn bước đi ngoài hành lang thẳng hoặc lại cất lên tiếng rên rỉ của hân ta nữa. Rồi sau đó tôi

lại chìm sâu vào giấc mơ nặng nề, và đội sấn lại lao đi như tên bắn trên ngọn lau lách trên sông lầy.

CHƯƠNG 4

Các điền chủ vùng Bãi thụt Khổng Lồ hẳn không ưa đi dự những vũ hội lớn. Tôi nghĩ như vậy bởi vì lễ thành niên của người thừa tự duy nhất một gia sản dòng họ lớn đâu có phải là việc xảy ra luôn luôn ở cái xó hoe hút này, vậy mà hai ngày sau chỉ có không được bốn chục người tụ hội ở trang ấp Rừng Tùng Đầm Lầy. Tôi cũng được mời tới dự, tuy nhiên tôi nhận lời một cách miễn cưỡng: tôi vốn dĩ không ưa giới sliäcta tinh lẻ, vả lại phần công việc của tôi, mấy ngày vừa qua hầu như chẳng làm được gì. Không ghi chép được gì mới và điều chủ yếu là chẳng nhích lên được bước nào trong việc khám phá những bí ẩn của cái hang ổ ma quỷ này. Trên sơ đồ thiết kế từ thế kỷ XVII không hề có một lỗ nghe nào, vậy mà tiếng chân bước và tiếng rên rỉ đêm nào cũng vang lên, đều đặn đến phát ghen lên được.

Tôi điên đầu suy nghĩ về những trò ma quỷ đó nhưng không nghĩ ra được biện pháp gì.

Vậy là, có thể lần đầu tiên trong hai chục năm nay, tòa lâu đài mới đón tiếp khách khứa. Người ta đốt những đèn đĩa lớn trên cổng vào, cởi bỏ bao bọc đèn chùm, người gác cổng ăn vận lễ phục đón khách, thêm ba nữ hầu bàn nữa được tuyển từ các trại quanh vùng. Tòa lâu đài trông giống như một bà già bôi son trát phấn chuẩn bị đi dự vũ hội một lần đổi già, ôn lại những kỷ niệm thời xuân sắc để rồi bước xuống mồ.

Không biết có nên tả lại cuộc hội ngộ ấy của giới sliäcta hay không nhỉ? Ôi lạy chúa tôi, những cỗ xe mới thảm hại làm sao! Cũ kỹ, da bọc đã nhăm nhúm, sần tróc, không lò xo, bánh cao đến hai mét. Những cỗ xe nào cần thiết cũng có người hầu đứng bám sau thùng xe, tay chân đen thui đất cát. Nhưng con ngựa mới thiếu nào làm sao. Ngựa Rôtxinăng mà đứng cạnh thì ta phải tưởng Rôtxinăng là tuần mã Butxêphan: còm nhom, môi dưới trễ

xuống, răng như cóc gặm. Cương đai hầu như toàn bằng dây thừng, ấy thế nhưng đôi chỗ lại lấp lánh những khóa mạ vàng, hẳn là được lắp sang dây từ những bộ yên cương của “thời buổi hoàng kim”.

“Bớ bà con đồng bào! Thiên hạ đảo điên rồi hay sao thế này? Xưa một pan đi xe sáu ngựa, mà nay những sáu pan cưỡi một ngựa kia!”. Toàn bộ quá trình phá sản của tầng lớp sliăcta bó gọn trong một câu châm biếm ấy của dân chúng.

Becman – Gatzêvich đứng sau lưng tôi và luôn luôn bình phẩm chua cay về quan khách đang lục tục tề tựu.

– Xin ngài chiêm ngưỡng con lừa kia. Chắc hẳn nó từng được một quốc vương triều Xắc ngự giá: quả là một tuấn mã công huân... Còn bà mệnh phụ kia nữa, ngài có thấy bà ta ăn mặc sang trọng không kia: cứ như đi dự lễ thánh Antônô ấy... A... xin ngài lưu ý cho đám Zigan kia.

Anh ta gọi là Zigan một đám người quả thật kỳ lạ. Một chiếc xe bò bình thường lọc cọc tiến đến cổng trên xe lố nhố một đám người kỳ lạ nhất mà tôi được chiêm ngưỡng từ trước đến nay. Có cả tôn ông lẫn quý bà khoảng chín mười người ăn mặc sặc sỡ nhưng nghèo nàn. Họ ngồi chen chúc trên xe như một đám Zigan. Cả đến cái mừng cũng giăng trên bốn cọc y hệt dân Zigan chỉ thiếu có con chó chạy quẩn dưới gầm xe. Đám người đó là dòng họ Grukêvisep đã sa sút, lang thang từ vũ hội này đến vũ hội khác ăn chực năm chờ. Nhà Grukêvisep có họ xa với Janôpxki. Và là hậu thế của “lãnh chúa đỏ rực” cơ đấy! Lạy chúa tôi, người trừng phạt ghê gớm quá chừng!!!

Khách đến tiếp theo là một mệnh phụ đứng tuổi vận một chiếc áo váy vải láng sang trọng kiểu cổ xưa, đã hơi sờn, tùy tùng bà ta là một chàng thanh niên gày như que củi, có bộ mặt xu nịnh. Que củi âu yếm đỡ khuỷu tay mệnh phụ.

Bà ta sức thứ nước hoa rẻ tiền mùi hắc đến nỗi bà ta vừa mới bước vào phòng, Becman liền bắt đầu hắt hơi... các quan khách khác cũng khá ly thú. Những bộ mặt nhàu nát hoặc quá nhẵn nhụi những cặp mắt hau háu, những

cặp mắt mệt mỏi, những cặp mắt van lơn, những cặp mắt “dài dại”. Một trang công tử có cặp mắt lồi thô lỗ của con kỳ nhông sống tận đáy đầm lầy.

Tôi đứng khuất sau cửa quan sát phần nghi thức đón tiếp ấy. Tiếng nói không vọng đến chỗ tôi đứng bởi vì một dàn nhạc gồm tám vị phế binh công huân trong chiến trận Pôntava [15] đã đang thổi kèn đồng ồm ồm. Tôi thấy những bộ mặt bóng nhẫy đang nở những nụ cười phong nhã, thấy những cặp môi dướn tới hôn bàn tay nữ chủ chìa ra. Khi họ cúi xuống hôn, ánh sáng rọi từ trên xuống nên mũi họ trông dài đến kỳ lạ, miệng lại sâu hoắm.

Họ cúi chào, nói năng, tất cả đều không một âm thanh, sau đó, môi nở một nụ cười, họ nhẹ nhàng lướt sang bên người chỗ cho đợt khách mới lướt tới. Tất cả diễn ra như trong một cơn ác mộng.

Họ hôn tay mà nhăn răng ra như những hồn ma vừa mới rời huyết mộ tôi có cảm tưởng là họ hút máu của nàng, rồi cầm lặng lướt đi tiếp. Còn nàng trình bạch trong chiếc áo trắng mở rộng cổ, nàng chỉ đôi lần hơi đỏ lựng lên mỗi khi một tên Đông Gioăng tân thời mặc chiếc quần bó sát người, cúi hôn tay nàng quá nồng nhiệt. Tôi có cảm giác là những chiếc hôn ấy để lại trên này nàng những vết bẩn thỉu, nhớp nhúa.

Chỉ đến lúc này tôi mới hiểu rằng thực ra nàng rất cô đơn, cô đơn chẳng những trong tòa lâu đài của nàng, mà ngay cả giữa bọn nửa người nửa ngợm kia.

“Cảnh này giống đâu nhỉ? – Tôi thầm nghĩ – À, nàng Tachiana của Puskin giữa bày ma quỷ trong túp lều. Tội nghiệp, chúng quây chặt nàng như quây con nai vàng trong cuộc săn”.

Ở đây không có lấy một cặp mắt trong sạch, nhưng cái dòng họ thì mới kêu làm sao! Tưởng đâu như tôi đang ngồi ở kho lưu trữ mà đọc các văn kiện cổ xưa của một tòa án hòa giải ở Pinxkơ.

– Pan Xôva Matpheevich Xtakhôpxki cùng các cậu ấm – tên gia nhân đồng dục thông báo.

– Panni Agata Iuriepna Phalendươ –Xôbôlexa cùng phu quân và thân hữu của gia đình.

– Pan Inakup Bacbara Garabuôcđa.

– Panni Anna Avramôvich Bôxiatxkaia cùng quý nương.

Becman vẫn đứng sau lưng tôi mà ném ra những lời bình phẩm.

Lần đầu tiên trong mấy ngày qua tôi thấy thích anh ta, trong những lời bình phẩm của anh ta có biết bao sự cảm tức, mắt anh ta nãy lửa đón tiếp mỗi vị khách mời, đặc biệt là bọn thanh niên.

Nhưng bỗng trong khóe mắt anh ta vụt thoáng qua một ánh rất khó hiểu khiến tôi bất giác cùng nhìn về một phía với anh ta và... mắt tôi phải trợn ngược lên bởi vì tôi đã thấy một cảnh tượng đến kỳ cục: một người như đang lặn xuống theo các bậc thang dẫn vào phòng, đúng là đang lặn xuống, không thể nói khác được. Ấy là một người cao đến hai mét, đại loại cao như tôi, song có đến ba Andrêi Bêlôretxki chui vào bộ áo quần ông ta vẫn cũng vừa. Một cái bụng to tướng dùi như đôi giò lợn, bộ ngực rộng ghé gớm, bàn tay tựa cái xẻng. Tôi ít khi gặp những người khổng lồ như vậy. Nhưng điều đáng ngạc nhiên nhất không phải cái đó. Người đón vận một bộ đồ giề đây chỉ có thể tìm thấy trong viện bảo tàng: đôi ủng đỏ chói để cao, đóng móng sắt, quần bằng da mỏng bó sát người. Chiếc áo giupna màu mận chín pha vàng chỉ chực nứt chỉ ở ngực và bụng. Ngoài cùng, người khổng lồ mặc một chiếc Iruga, loại áo khoác dài cổ xưa của người Bêlôruxia. Chiếc Iruga vận thoải mái, buông những nếp gấp thẳng đẹp toàn bộ lấp lánh những đường thêu xanh, vàng, đen. Một chiếc khăn thổ sặc sỡ thắt đai cao gần như tận nách.

Trên hết, gặp một cái đầu nhỏ một cách kỳ lạ so với một thân hình như vậy, hai má phồng lên dường như ông ta sắp cười tít, bộ ria sẫm màu (vì sợi bạc hơn) quặp xuống tận ngực. Diện mạo người khổng lồ hoàn toàn hiền lành, nếu không kể cây roi bện ngắn có gắn dây bạc ở đầu mà ông ta để treo lủng lẳng trên cánh tay trái. Tóm lại, một con gấu tinh lẻ, vui tính và nát rượu, thoáng trông đủ biết.

Mới bước đến ngưỡng cửa, ông ta đã hô hố, một giọng trầm vui vẻ và âm vang, khiến tôi cũng bất giác mỉm cười. Ông ta lách đi đến đâu mọi người giãn ra đến đấy, đáp lại ông ta bằng những nụ cười chỉ có thể xuất hiện trên những bộ mặt ỉu xìu – bộ mặt của những con người thuộc giai tầng đang thoái hóa. Rõ ràng là ông ta được mọi người yêu quý.

“Cuối cùng, dấu sao cũng được một đại biểu của thời oanh liệt xa xưa – tôi tự nghĩ. – Không phải một quái thai, một kẻ mất trí sẵn sàng lập chiến công, cũng lại sẵn sàng phạm tội ác. Đây là một người khổng lồ đôn hậu và giản dị. Và ông ta nói tiếng Bêlôruxia mới hay, mới giàu hình ảnh làm sao!”

Xin các bạn chớ vội ngạc nhiên về ý cuối cùng. Mặc dù trong giới sliăcta tiểu chủ hồi ấy dùng tiếng Bêlôruxia, giới sliăcta mà tôn ông họ là thành viên thường không biết tiếng mẹ đẻ thực sự: trong số quan khách chỉ độ mười người nói được ngôn ngữ của Macxinkêvich và Karatưnxki, tất cả số còn lại đều dùng một thứ tiếng pha trộn cả Balan, Nga, và Bêlôruxia....

Vậy mà vị khách mới đến nói năng như là một nông thôn thực thụ. Những tiếng sắc bén, những câu bông đùa, thành ngữ, tục ngữ tới tấp tuôn ra từ cửa miệng ông ta suốt đoạn đường đi chỉ có từ cửa lên đến phòng khách trên gác. Xin thú thực, mới thoát nhìn ông khách đã gây được cảm tình ở tôi chính vì lẽ đó. Ông ta nổi bật hẳn lên khiến tôi không chú ý ngay đến người đi cùng với ông, mặc dù anh ta cũng đáng được lưu ý. Xin các bạn hãy hình dung một thanh niên cao lớn, vóc dáng cân đối, ăn mặc đúng thời trang – một điều hiếm có ở cái xóm heo hút này. Trông anh ta sẽ đẹp trai nếu như nước da không quá nhợt nhạt, má không quá hóp và nếu như cặp môi mím chặt không bộc lộ một vẻ hằn học khó hiểu. Đáng chú ý hơn cả trên bộ mặt cau có mà vẫn đẹp là cặp mắt đen to ươn ướt nhưng thiếu thần sắc, gần như không hồn, trông mà ớn lạnh.

Vị khách khổng lồ bước đến bên tên gia nhân hơn thong manh, lại nặng tai, lắc mạnh vai hẳn.

Thì ra tên gia nhân gà gật ngủ đứng, tuy nhiên hẳn lập tức tỉnh như sáo. Nhận ra mặt hai vị khách mới, hẳn cười nhăn nhở, hét vẳng nhà:

– Pan phụ mẫu đại tôn kính Grưn Đubôtôpkơ cùng pan Alêxi Vôrôna!

– Grưn tôi xin kính chào chư pan cùng panni, giọng Đubôtôpkơ oang oang – Cớ sao chư vị trông buồn thiu như chuột sa bẫy vậy? Không sao, chúng tôi xin tức khắc mua vui cho quý vị. Nay bạn Vôrôna có thấy không: cả một bày pan tiểu thư xinh đẹp. Tiếc thay ta quá vội ra đời. Ôi nghiêng nước nghiêng thành!

Ông ta đi xuyên qua đám khách khứa (Vôrôna đứng lại cạnh một tiểu thư nào đó) và tiến lại gần Nadêia Janôpxki. Cặp mắt ông nheo lại, long lanh cười.

– Grưn tôi xin có lời mừng nữ chúa! – Ông hôn vào trán Nadêia đánh “chục” như một phát súng, đoạn lui ra một bước - Ồ, cháu gái tôi lớn lên trông gọn ghẽ, thanh tú, xinh đẹp làm sao! Cả xứ Bêlôruxia này đến phải phủ phục dưới chân cháu tôi mất thôi. Chú thề cho quý Luxiphe ở thế giới bên kia cứ là đem lưng chú ra mà chuyên chở hắc ín nếu như thằng chú già nua tội lỗi này nói sai: Chỉ một tháng nữa là chú sẽ được rót rượu ngang vào chiếc hài xinh xinh của cháu mà tu trong tiệc cưới cháu đấy. Nhưng này, sao đôi mắt xinh xinh buồn rười rượi thế? Không sao, chú sẽ làm cho cháu phải vin ngay tức khắc.

Ông ta quay ngoắt nửa vòng, duyên dáng như một chú gấu to

– Nào Antôn, linh hồn đen tối đâu rồi! Griska đâu! Pêtruxơ đâu! Ôn dịch lôi cổ chúng bay đi hết rồi hay sao?

– Antôn, Griska, Pêtruxơ nhất loạt xuất hiện, lưng còng xuống dưới những bọc to tướng nặng nề.

– Nào, cái quân chậm chân tay, hay mồm mép này, đặt mau xuống dưới chân nữ chủ. Mở ngay ra! Ở cái thằng, tay mà mọc đấng lưng hả? Quà mừng của cháu đây.

– Một tấm thảm lông to tướng trải ra trên sàn ngay dưới chân Nadeia

– Chú tặng cháu, của cụ nội chú cơ đấy nhưng chưa dùng lần nào cả. Cháu bảo đem trải sang buồng ngủ ấy. Buồng cháu gió lùa, mà chân cả họ Janôpxki nhà cháu vốn dĩ yếu chịu rét. Dẫu sao, cháu thật đại dột khi hai

năm trước không đồng ý sang ở với chú, mặc dù chú đã cố nài nỉ. Nhưng thôi giờ thì đã quá muộn rồi, cháu đã lớn khôn. Và chú cũng thở phào được rồi. Cho quý tha ma bắt cái nợ bảo trợ này đi.

– Xin chú thứ lỗi cho cháu – Nadêia nhỏ nhẹ nàng cảm động về sự quan tâm của ông chú bảo trợ - Chú biết rõ idấy, cháu không muốn rời nơi cha cháu từng ở...

– Thôi thôi mà – Đubôtôpkơ vụng về an ủi – Đừng nhắc lại nữa. Chú cũng cố tình không đến thăm cháu đâu, sợ cháu buồn. Chú với cha cháu là chỗ thân bằng cố hữu. Bọn chú, dĩ nhiên, một lũ người trần mắt thịt, phàm ăn, phàm uống, rượu chè bét nhè, nhưng không sao cháu ạ: chúa thấu hiểu lòng người. Mà chúa đã thấu hiểu thì ông bạn Rôman của ta, dẫu bình sinh lui tới nhà thờ nhiều hơn tửu quán, giờ đây cũng đang được nghe các đấng thiên thần múa hát trên thiên đường đang ngồi ngắm nhìn người vợ trẻ bất hạnh của ông cũng tức là chị họ của ta. Thượng đế chẳng phải kẻ ngu đần. Điều quan trọng là cái lương tâm, chứ còn cái lỗ mồm nó cứ ngoác ra làm cho cốc rượu cứ lăm le chui lọt vào – điều đó chẳng hệ trọng gì. Giờ thì song thân đang ngự trên thiên đàng cúi nhìn đứa con gái yêu dấu, và hẳn mẹ cháu chẳng hề nuối tiếc đã phải đổi mạng để sinh ra cháu đâu: cháu tôi xin đẹp như một nàng công chúa ấy. Sắp lấy chồng đến nơi rồi, từ cánh tay bảo trợ của chú chuyển sang vòng tay âu yếm mà vững mạnh của chồng. Lấy chồng thôi chứ, cô nàng?

– Trước cháu không thiết, giờ thì cũng chẳng biết nữa – Nadêia bất ngờ đáp...

– Thế đấy... Đubôtôpkơ bỗng nghiêm nét mặt. – Miễn sao được người tốt bụng. Cháu chớ vội vàng. Đây tặng cháu cái này nữa. Một bộ xiêm y xưa cũ, chính hiệu xiêm y chớ không phải thứ đồ giả ngày nay. Lát nữa, trước khi đi bắt đầu vũ hội, cháu đi thay áo, mặc bộ xiêm vào. Chứ mặc cái của nợ thời trang này làm gì.

– Chưa chắc bộ xiêm y đã hợp, chỉ làm hồng dáng người thôi – một sliăctich phu nhân xen vào, giọng xu nịnh.

– Xin quý bà im đi cho. Tôi biết việc tôi làm, Đubôtôpkơ lâu bầu. – Còn đây nữa, cháu Nadêia tặng phẩm cuối cùng. Chú cứ suy đi nghĩ lại mãi không biết có nên tặng món quà này không. Nhưng chú không có thói quen dùng chạc đồ người. Cái này vốn là của cháu. Trong số chân dung treo tường nhà cháu kia còn thiếu một bức. Hàng ngũ tổ tiên không được phép đứt đoạn. Điều đó hẳn cháu phải hiểu bởi vì cháu thuộc một dòng họ cổ xưa nhất tỉnh nhà.

– Trên sàn, sau khi lột bỏ tấm vải trắng bao phủ hiện ra một bức chân dung rất cổ, nét vẽ khác lạ, có lẽ, của một họa sỹ Ý – một phong cách hầu như không gặp trong nghệ thuật vẽ chân dung Bêlôruxia đầu thế kỷ XVII. Không có bước tường phẳng lì sau lưng, không có cả gia huy thường treo trên bức tường ấy. Ngược lại có một ô cửa sổ lớn mở ra cảnh đêm lầy buối chiều tà, bầu trời ảm đạm và một người đàn ông ngồi xây lưng lại cảnh vật ấy. Ánh sáng xanh xám xám rọi xuống gương mặt xương xương xuống những ngón tay đan chặt vào nhau, xuống y phục đen tuyền pha những đường nét màu vàng.

Gương mặt người đàn ông ấy còn sống động hơn gương mặt nhiều kẻ đang sống sờ sờ. Một gương mặt kỳ lạ, tàn nhẫn và ảm đạm khiến nhìn vào người ta thấy sợ. Hốc mắt thâm quầng, và có cảm tưởng như mạch máu nơi mi mắt vẫn đang phập phồng. Khuôn mặt hoàn toàn giống khuôn mặt Nadêia, nhưng nếu như tất cả các đường nét cô gái đều xinh xắn dễ thương thì ở người trong chân dung trông gồm ghiếc kinh khủng. Vừa thông minh, vừa điên dại, vừa phản phúc cùng một lúc bộc lộ trên bộ mặt ngao ngán ấy. Vừa độc đoán đến ngoan cố, vừa sùng đạo đến cuồng tín, vừa nhẫn tâm đến hung bạo. Tôi né tránh sang bên - cặp mắt mở to như rọi thấu tâm can người đời, lập tức liếc theo và lại nhìn chòng chọc vào mặt tôi.

Có tiếng ai thở dài.

– Cụ tổ Rôman đấy – Đubôtôpkơ thì thảo. Tuy nhiên tôi cũng đã tự đoán ra đó là ai, bởi khi đọc truyền thuyết tôi đã hình dung ông ta y như vậy. Tôi đoán ra ngay kẻ đã gây ra oán thù truyền kiếp đối với dòng họ còn do gương mặt nữ chủ nhân bỗng tái đi, và người nàng hơi lão đảo.

Không hiểu cảnh câm lặng đó sẽ kết thúc ra sao. Song ngay lúc ấy, một người lẳng lẳng huých vào ngực tôi một cái rất bất lịch sự, khiến tôi bất giác né tránh sang bên. Thì ra pan Vôrôna đang lách qua đám người và định bước lại bên Nadêia nên đã đẩy tôi sang bên. Y bình thản bước tiếp, không xin lỗi, thậm chí không buồn quay lại nhìn tôi, như thể tôi là một vật vô tri vô giác.

Tôi vốn xuất thân từ tầng lớp tri thức bình dân, nhờ công lai bản thân từ đời này qua đời khác mà được tấn phong tước hiệu quý tộc. Là những học giả, kỹ sư, chúng tôi vẫn chỉ là hàng thứ dân dưới con mắt của tên sliăctich ngạo mạn - y hãnh diện vì tổ tiên y từng làm trưởng đàn chó săn của một lãnh chúa sát nhân giàu sang. Tôi đã từng nhiều phen buộc phải bảo vệ danh dự của mình trước những tên sliăctich như vậy, cho nên lúc này dòng máu “thứ dân” trong tôi sôi lên.

– Này pan – tôi to tiếng – ngài cho rằng hích phải người rồi không xin lỗi là phẩm giá cao thượng của một bậc quý tộc chăng?

Y quay phắt lại:

– Ngài nói với tôi?

– Với ngài – tôi bình tĩnh đáp – Một sliăctich chân chính cũng phải là một bậc quân tử

Y bước lại gần tôi, giương mắt tò mò xem xét. Đoạn nói:

– Hử, ai định lên giọng dạy sliăctich phép lịch sự vậy?

– Không biết – tôi đáp, bình thản nhưng giọng mỉa mai. – Chí ít thì không phải ngài. Một thầy tu dốt nát không nên đi dạy tiếng La tinh cho người khác bởi lẽ kết quả sẽ thảm hại

– Nhìn qua vai y, tôi thấy gương mặt của Nadêia. Tôi mừng thầm là cuộc cãi cọ của chúng tôi đã khiến nàng không chú ý đến bức chân dung nữa. Máu lại dồn lên mặt nàng, trong khóe mắt thoáng qua một vẻ lo lắng, sợ hãi.

– Ngài nên lựa lời cho cẩn thận – Vôrôna rít qua kẽ răng

– Tại sao phải lựa? Và cái chính là với ai? Một người có giáo dục tất biết rằng chỉ nên lịch sự với những người lịch sự, còn như giữa đám lỗ mãng thì lịch sự nhất sẽ là ăn miếng chả, trả miếng nem.

Rõ ràng tên Vôrôna này không quen bị phản đối. Tôi từng gặp những con ngỗng nghênh ngang như thế này rồi. Vôrôna thoáng ngỡ ngàng, nhưng ném nhanh một ánh mắt về phía nữ chủ nhân y quay lại phía tôi. Cặp mắt y long lên một cách căm tức đen tối.

– Ngài biết đang tiếp chuyện ai không?

– Ai vậy? Đáng thương để chắc?

Tôi nhận ra nữ chủ nhân đã xuất hiện bộ mặt tò mò của Đubôtôpkơ. Vôrôna bắt đầu phát khùng

– Ngài đang tiếp chuyện tôi – một người có thói quen bẹo tai những hạng thứ dân hãnh tiến.

– Vậy ra ngài chưa hề nghĩ tới chuyện có đôi kẻ thứ dân hãnh tiến cũng biết bẹo tai ư? Xin ngài chớ tiến gần hơn, bằng không, xin cảnh cáo trước, ngài sẽ được ném thử những đòn mà chưa từng một vị sliăctich nào được ném đâu

– Một kiểu tay đấm chân đá của lũ tiện dân! – Y phát khùng

– Biết làm thế nào được? – tôi lạnh lùng đáp lại – Tôi từng gặp đôi kẻ quý tộc mà người ta không sao tác động nổi với những biện pháp khác. Họ xuất thân không phải hạng thứ dân, tổ tiên họ từng là những giám mã trưởng, khuyến ưng trưởng, nhân ngãi trưởng của các bà chúa đất góa bụa.

– Tôi kịp tóm ngay cổ tay y và xiết mạnh trong những ngón tay tôi rắn chắc như gọng kìm.

– Đây...

– À, mà! - Y rít lên.

– Hai ngài, xin hai ngài bình tĩnh lại! – Nadêia thốt lên lo lắng. Pan Bêlôretski, không nên, không nên thế! Pan Vôrôna, ngài phải biết xấu hổ chứ!

Gương mặt nàng đầy vẻ van lơn.

Có lẽ Đubôtôpkơ cũng thấy là đã đến lúc phải can thiệp. Ông ta bước lại đứng xen vào giữa hai chúng tôi và đặt bàn tay hộ pháp lên vai Vôrôna. Mặt ông ta đỏ bừng.

– Quân chó đẻ! – ông ta quát, - thế mà cũng gọi là người Bêlôruxia, là cư dân trong lãnh địa dòng họ Janốpxki, là sliăctich à?! Ai lại lăng nhục thượng khách như vậy bao giờ! Thật nhục cho mái đầu bạc của ta. Anh không có mắt sao? Anh cậ khía với ai vậy? Ngài đây đâu phải là hạng hiệp sỹ hề với trái tim gà mái, đâu phải hạng gà nhép, mà đường đường là một trang nam nhi. Ngài vậ râu anh dễ như bỡn. Hăn ngài là quý tộc, thưa ngài?

– Vâng, tôi là quý tộc.

– Đấy, anh thấy chưa, pan đây là một người quý tộc. Nếu anh cần thù tiếp ngài thì hai bạn nhất định sẽ mau tìm được tiếng nói chung. Ngài đây quả là một sliăctich, một sliăctich chân chính, làm bạn với các bậc tổ tiên ta cũng xứng muôn phần đâu phải hạng vậ mũi không sạch ngày nay. Anh xin lỗi nữ chủ nhân đi, nghe không?

Vôrôna bỗng thay đổi hăn thái độ. Y lúng búng gì đó rồi cùng Đubôtôpkơ lảng đi nơi khác. Tôi đứng lại với nữ chủ nhân.

– Trời, pan Andrêi, tôi lo cho ngài quá. Ngài là một người nhân hậu, dính dáng với anh ta làm gì.

Tôi ngẩng đầu lên. Đubôtôpkơ đứng từ xa, tò mò hết nhìn tôi lại nhìn Nadêia.

– Thưa tiểu thư Nadêia, - tôi nói, giọng trù mến lạ thường ngay cả đối với bản thân tôi. – Tôi vô cùng hàm ơn tiểu thư. Tiểu thư là một con người nhân hậu và chân thành. Tôi sẽ ghi lòng tạc dạ sự quan tâm của tiểu thư đối với tôi. Còn như sự cố vừa rồi, xin tiểu thư hiểu cho, lòng tự trọng đó là thứ duy nhất mà tôi có, tôi không thể cho phép một ai dẫm đạp lên nó.

– Đúng vậy, - nàng cụp mắt xuống. – Ngài quả không như bọn họ. Không ít kẻ trong số người thế gia vọng tộcn ày gặp sự cố như vậy có lẽ đã

cẩn rằng chịu nhục. Chắc hẳn sliäctich chân chính ở đây chỉ có một mình ngài, còn bọn họ chỉ làm ra vẻ thôi... Có điều, xin ngài nhớ cho là tôi rất lo ngại cho ngài. Anh ta là một con người nguy hiểm, có một lai lịch bất hảo.

– Tôi có biết, - tôi nói đùa. – Anh ta là “bò rừng” sở tại chứ gì, một sự pha trộn anh chàng Nôđrôp ^[16] với...

– Xin ngài chớ đùa. Anh ta là một kẻ hay gây gỗ, đã lừng danh khắp vùng này. Bảy mạng người bị giết trong các cuộc đấu súng thì cả bảy đều chết bởi tay anh ta. Và có lẽ việc tôi luôn đứng cạnh ngài thế này sẽ lỗi thôi cho ngài đấy. Ngài biết ý tôi chứ ạ?

Tôi đâu có thích con búp bê với đôi mắt mở to buồn rười rượi ấy, tôi hoàn toàn chẳng quan tâm những mối quan hệ của nàng với Vôrôna, anh ta đang thầm yêu trộm nhớ hay là người tình bị bỏ rơi thì cũng mặc, song phải lấy lòng tốt đáp lại lòng tốt. Nàng thật đáng yêu với sự quan tâm của nàng đối với tôi, bởi vậy tôi nâng tay nàng lên hôn.

– Xin cảm ơn nữ chủ nhân.

Nàng không rút tay về, những ngón tay xanh xao trong suốt khẽ run lên dưới môi tôi. Tóm lại, tất cả đều y như trong một cuốn tiểu thuyết đa sầu đa cảm và khí ré tiền viết về sinh hoạt ở giới thượng lưu.

Dàn nhạc của mấy bác phế bình chơi điệu vanxơ “Mixiôn”, và lập tức ảo giác về giới thượng lưu biến mất. Dàn nhạc ấy thì phải mũ áo ấy, mũ áo ấy thì phải điệu nhảy ấy... Toàn những điệu đã hết thời: “Sacôn”, “Pađêđê” thậm chí cả “Thiên nga”, một vũ khúc kiểu cách của Bêlôruksia, bắc chước “Mênuê”. Cũng may là tôi biết nhảy tất cả các điệu đó vì vốn dĩ yêu thích các điệu múa dân gian và các vũ khúc cổ.

– Xin cho phép tôi mời tiểu thư đi một điệu vanxơ.

Nàng do dự giây lát, ngược làn mi rầu rĩ, rụt rè nhìn tôi.

– Có một thời tôi cũng đã được dạy nhảy điệu này. Chắc tôi quên hết rồi. Thế nhưng...

Và nàng đặt bàn tay lên vai tôi, rụt rè và vụng về. Thoạt tiên, tôi thầm lo hai chúng tôi sẽ thành trò cười cho thiên hạ, nhưng chỉ lát sau đã hoàn toàn

yên tâm. Tôi chưa bao giờ gặp một sự nhẹ nhàng thanh thoát trong bước nhảy như ở cô gái ấy. Dường như nàng không nhảy mà bay trên không, dường như tôi bế nàng lướt đi là là trên sàn. Đầu đó giữa điệu nhảy tôi chợt nhận ra gương mặt nàng, trước đó còn tư lự và nghi hoặc, bỗng trở nên giản dị và rất đáng yêu. Đôi mắt long lanh, làn môi dưới hơi trễ ra một chút.

Sau đó chúng tôi còn nhảy với nhau nữa. Nàng hoạt bát hẳn lên, má ửng hồng, gương mặt nàng rạng rỡ, tươi trẻ, say sưa và hân hoan khiến tôi cảm thấy ấm áp trong lòng.

“Em đây, - dường như lòng nàng cất tiếng qua đôi mắt mở to, đen láy long lanh, - đây mới chính là em. Anh tưởng em không tồn tại, vậy mà em đây, em đây. Dẫu chỉ một chiều ngắn ngủi này, em hiện ra trước mắt anh, làm anh phải ngạc nhiên. Anh cho em không sinh khí, nhợt nhạt, thiếu máu như thể một nhành thực được mọc dưới hầm sâu, nhưng chính anh đã đem em ra ánh sáng, em vô cùng biết ơn anh, anh nhân hậu quá. Anh thấy chưa, trong nhành hoa em cũng đã xuất hiện màu xanh sinh sôi, và chẳng bao lâu nữa, nếu như vầng mặt trời sẽ rọi những tia nắng ấm, em sẽ cho đời thấy bông hoa đỏ thắm diệu kỳ của em. Có điều, không nên, đừng nên nhốt em trở lại dưới hầm tối.”

Tôi cũng say mê niềm hân hoan, với cảm giác chứa chan hạnh phúc được sống trọn vẹn, đang long lanh trong khóe mắt nàng. Có lẽ, mắt tôi cũng long lanh. Tôi chỉ lơ mơ, loáng thoáng nhìn thấy những cảnh cùng người xung quanh.

Nhưng rồi bỗng nhiên con sóc lại vọt biến vào hốc cây, niềm hân hoan biến khỏi đôi mắt nàng, nỗi khiếp nhược cố hữu lại ẩn náu sau làn mi: Thì ra Vôrôna đang chỉ bảo cho hai gia nhân treo lên khoảng tường phía trên lò sưởi bức chân dung của cụ tổ Rôman.

Nhạc im bật. Đubô tôpơ, mặt đỏ gay và rất vui, tiến lại gần chúng tôi.

– Cháu Nadêia, tuyệt thế giai nhân của chú ời. Đưa bàn tay xinh xinh cho thẳng già này nào.

Ông ta quỳ một gót và vừa tươi cười vừa hôn tay nàng.

Nhưng phút sau, ông ta đã nói bằng một giọng khác hẳn.

– Trong lãnh địa dòng họ Janốpxki có một quy tắc như sau: phải tuyên đọc bá cáo bảo trợ ngay tức khắc, đúng vào phút người được bảo trợ tròn mười tám tuổi.

Ông ta rút trong túi ra một chiếc đồng hồ cổ to tướng, thân hình củ hành nạm bạc, nghiêm nét mặt, trịnh trọng tuyên bố.

– Đúng bảy giờ. Chúng tôi đi tuyên đọc bá cáo bảo trợ. Tham dự có tôi và theo sự ủy nhiệm có các pan Vôva-Xtakhốpxki và pan Alexi Vôrôna, thay mặt cho người bảo trợ thứ hai là pan Kôlôtêsu Kôzlốpxki sống ở tận ngoài tỉnh, hôm nay không đến được vì đang lâm bệnh. Cần chứng giám của một người ngoài. Nên... Cặp mắt Đubôtôpkơ nhìn tôi dò hỏi, - nên, ngài chẳng? Ngài còn trẻ, đời còn dài, sau này ngài có thể làm chứng cho là mọi việc đều đã được tiến hành một cách sòng phẳng, theo đúng lệ xưa và lương tri con người. Pani Janốpxkaia mời đi với chúng tôi.

Cuộc nghị luận của chúng tôi diễn ra chóng vánh. Đầu tiên người ta tuyên đọc bản kiểm kê động sản và bất động sản mà người cha đã để lại. Hóa ra, chủ yếu đó là tòa lâu đài và khu vườn, những bảo vật gia tộc phải gìn giữ bất di bất dịch, không suy chuyển “đặng lưu tồn muôn thừa vinh quang cùng niềm hãnh diện của gia tộc.”

“Niềm hãnh diện mới báu chứ! – Tôi thầm nghĩ. – Hãnh diện được chết đói trong tòa lâu đài sang trọng”.

Đubôtôpkơ chứng minh rằng bất động sản đã được gìn giữ nguyên vẹn.

Tiếp theo, văn bản đã làm sáng tỏ rằng người con trưởng và là người thừa tự duy nhất là Pani Nadêia Janốpxkaia.

Sau đó, người ta chuyển sang phần lợi tức, Đubôtôpkơ thông báo rằng một số vốn nhỏ mà ông Rôman Janốpxki đã ký gửi vào hai nhà ngân hàng lấy tám phần trăm lợi tức nhưng không có quyền động chạm đến vốn cơ bản, hiện giờ đem lại hai trăm rưỡi đến một trăm bảy rúp mỗi tháng. Lợi tức này, nhờ những nỗ lực của người bảo trợ đã tăng lên, ngoài ra đã bổ

sung được vào vốn cơ bản hai trăm tám mươi lăm rúp – một món khi cần thiết có thể lấy ra làm của hồi môn cho nữ chủ.

Mọi người đều lắc đầu. Lợi tức quá ư nhỏ nhoi, đặc biệt nếu như tính đến việc phải bảo tồn tòa nhà cho xứng đáng.

– Vậy thì lấy gì trả công cho gia nhân? – tôi hỏi.

– Trong chúc thư, họ được dành một phần gia sản thừa tự bởi vì họ cũng là một bộ phận của gia sản.

– Tôi muốn phiên pan Đubôtôpkơ giải thích cho chúng tôi được rõ sự thể phần đất cho cấy thuê thuộc trang ấp Rừng Tùng Đầm Lầy hiện thời ra sao? – ông Xôva Xtakhôpxki hỏi. Ông ta người nhỏ bé, gầy gò, hai đầu gối nhọn hoắt, có cảm tưởng chúng sắp đâm toạc chiếc quần màu sáng của ông. Hẳn là ông ta thường va chạm với Đubôtôpkơ, nên bây giờ nêu ra cho địch thủ một câu hỏi hiểm hóc. Nhưng pan Đubôtôpkơ không hề lúng túng. Ông ta lôi trong túi ra đôi mực kính gọng bạc to tướng, chiếc khăn tay mà ông trải ngay trên đầu gối, rồi đến chiếc chìa khóa, cuối cùng – một mẫu giấy con. Không cần giương mực kính, ông ta đọc luôn:

– Cụ tổ pan Janôpxki có mười nghìn mẫu ruộng, đất màu mỡ, không kể rừng. Pani Janôpxkaia, hẳn là ngài đã biết, thừa pan Xôva Xtakhôpxki tôn kính, chỉ có năm chục mẫu ruộng đất cần cỗi. Pani còn có một khu vườn, không cho hoa lợi được một chĩnh, và một khu rừng mà trên thực tế cũng là gia tộc sản, bởi vì đó là khu rừng cấm. Xin nói thẳng là chúng tôi có thể không tuân thủ lệ cũ, thế nhưng, thứ nhất là phu đốn gỗ không thể nào vào tới rừng được vì xung quanh đều là sinh lầy. Và thứ hai là, làm như vậy liệu có khôn ngoan không? Pani Janôpxkaia còn có thể có con. Chúng sẽ làm gì với năm chục mẫu đất nghèo xác kia? Như vậy gia tộc sẽ hoàn toàn suy tàn. Đương nhiên, pani Janôpxkaia giờ đây đã trưởng thành, có thể tự...

– Cháu đồng ý với chú, - Nadêia nói, mặt đỏ bừng đến phát khóc. – Cứ để cho khu rừng già sống yên. Cháu lấy làm mừng là chỉ có thể vào đó qua những con đường mòn, mà cũng chỉ vào thời tiết nắng ráo mới đi được.

Chặt khu rừng ấy đi thật đáng tiếc. Rừng già hoang sơ là vườn nhà chúa mà.

– Ngoài ra, - pan bảo trợ nói tiếp, - pani Janõpxkaia còn có quyền sở hữu đối với toàn bộ lãnh địa Janõpxki, song đây toàn là đầm lầy, sinh than bùn và bãi hoang, không một thứ cây gì đó có thể mọc nổi trừ lau lách. Tự bao đời nay, không có ai sống được trên đất ấy. Vậy là, chúng ta chỉ kể năm chục mẫu cho cấy rẫy. Ruộng không được chăm bón, nên chỉ trồng được mỗi giống đại mạch, thu hoạch ba bốn chục pút ^[17] một mẫu. Giá đại mạch là 50 côpêk ^[18] một pút, tức là một mẫu đem lại thu nhập mười rúp mỗi năm, vì chi toàn bộ ruộng đất đem lại 500 rúp một năm. Tất cả chỉ có vậy. Món tiền hoa lợi ấy không bao giờ bị giao trả chậm trễ, pan Xtakhõpxki có thể kiểm tra lại.

Tôi lắc đầu. Nữ chủ nhân một trang ấp lớn mỗi háng chỉ thu nhập có hơn hai trăm rúp. Một viên nha lại hạng trung cũng đã được lĩnh mỗi tháng 125 rúp. Đương nhiên, pani Janõpxkaia có nơi ở, có thức ăn, thế nhưng rõ ràng là túng thiếu, một sự túng bấn cùng quẫn. Tôi, một anh chàng vô gia sản, học giả và nhà báo, tác giả bốn cuốn sách, hàng tháng còn có bốn trăm rúp. Nhưng tôi đâu có phải đổ tiền vào cái Bãi thụt Khõng lồ là tòa lâu đài, là quà cáp cho những người hầu hạ, và cả một khu vườn đòi hỏi phải chăm sóc cho tạm coi được. So với nàng, tôi quả là một trọc phú.

Tôi thấy thương nàng, một đứa con nít phải đặt lên vai một gánh nặng quá sức.

– Pani quá nghèo đấy, - Đubõtõpkõ buồn rầu nhận xét. – Sau khi trừ bỏ mọi chi phí cần thiết đi, pani chỉ còn lại ít xu dính túi mà thôi.

Và ông ta ném một ánh mắt đầy ý nghĩa về phía tôi. Tuy nhiên, tôi cho rằng bộ mặt tôi lúc ấy chẳng bộc lộ gì cả. Mà quả thực, bấy nhiêu điều phỏng có liên quan gì đến tôi?

Người ta trao lại các giấy tờ cho nữ chủ mới. Đubõtõpkõ hứa sẽ đích thân chỉ thị cho Bécman, hôn vào trán Janõpxkaia, rồi bước ra. Chúng tôi

cũng lục tục trở lại phòng khách. Mọi người nhảy múa đã mệt, nên Đubôtxkơ lại pha trò, gây nên những trận cười vui ròn rã.

Tôi không biết nhảy một điệu vũ địa phương, thì ngay lập tức Vôrôna cuốn nàng vào vòng nhảy. lát sau, nàng biến đi đâu mất. Tôi đang đứng xem mọi người nhảy bỗng cảm thấy có ai chăm chú nhìn mình. Đứng cách tôi không xa lắm có một thanh niên người xương xương, khỏe mạnh, mái tóc sáng, gương mặt cởi mở dễ mến, ăn mặc giản dị nhưng cẩn thận gọn gàng.

Tôi không để ý anh ta từ đâu tới, song mới thoáng nhìn tôi đã có cảm tình ngay, đã ưa ngay cả vẻ khổ hạnh trong khóe miệng rộng mà đẹp, trong cặp mắt nâu thông minh. Tôi mỉm cười với anh, và anh dường như chỉ chờ có thể, liền sai những bước dài tiến lại gần, chìa tay cho tôi bắt:

– Anh tha lỗi cho tôi cái tội đường đột nhé. Tôi là Andrêi Xvetilôvich. Từ lâu tôi đã mong muốn được làm quen với anh. Tôi nguyên là sinh viên Đại học tổng hợp Kiép, bị đuổi học vì tham gia biểu tình của sinh viên.

Tôi cũng tự giới thiệu. Anh cười, để lộ hàm răng trắng đều – một nụ cười rất tươi và hiền hậu. Khiến gương mặt anh đẹp hẳn lên.

– Tôi có nghe danh, đã từng đọc các công trình của anh. Nói thế này, anh đừng cho là tôi khen lấy lòng nhé, vì tôi vốn không ưa thích cái lối xã giao ấy, nhưng quả thực tôi rất có cảm tình với anh sau khi đọc các công trình ấy. Anh đang làm một việc hữu ích, cần thiết, anh lại ý thức rất rõ nhiệm vụ của mình. Ấy là tôi xét theo những lời đề tựa của anh.

Hai chúng tôi lập tức bị thu hút vào câu chuyện và lui dần về phía cửa sổ ở một góc gian phòng. Tôi hỏi sao anh lại rơi vào cái nơi khi ho cò gáy này. Anh cười:

– Tôi có họ xa với Nadêia Janôpxkaia. Xa lắm. Thực ra, gốc gác Janôpxki giờ đây chỉ còn có Nadêia và tôi, theo đảng họ mẹ. Hình như cũng có giọt máu nào đó của những lãnh chúa Đayna chảy trong huyết quản của Garabuôcđa, thế nhưng việc ông ta cũng như Gritkêvisép có họ hàng với Janôpxki thì có lẽ không một chuyên gia uyên thâm nào về phả

học có thể chứng minh nổi. Đó chẳng qua chỉ là truyền thuyết gia tộc. Nữ chủ Janõpxkaia, ngày nay chỉ còn có một người độc nhất.

Gương mặt anh bỗng dịu xuống, trở nên tư lự.

– Nói chung, - tất cả cái trò đại gia tộc chỉ là những điều đại ngu xuẩn: cả những lãnh chúa cùng những vụ kiện tụng lôi thôi về gia tộc sản. Tôi mà có phép thần thông thì tôi đã tháo cho chảy bỏ sạch dòng máu lãnh chúa trong huyết quản mình. Nó chỉ gây nên những dẫn vật của lương tâm mà thôi. Tôi cảm thấy hình như Nadêia cũng cùng một tâm tư như tôi.

– Thế mà người ta nói với tôi rằng tiểu thư Nadêia là người duy nhất còn lại trong dòng họ Janõpxki.

– Thì cũng đúng như vậy. Tôi là một người họ xa, rất xa, hơn nữa mọi người lại cho là tôi đã chết rồi. Tôi không lui tới Rừng Tùng Đầm Lầy đã dăm năm, nay tôi hai mươi ba. Cha tôi tổng khứ tôi khỏi nơi đây bởi vì hồi mười tám tuổi tôi chết mê chết mệ vì mối tình với một cô bé mới mười ba. Cái đó thực ra cũng chẳng sao. Chỉ việc chờ hai năm là ổn cả, nhưng cha tôi tin vào ma lực của lời nguyện muôn thuở.

– Thế sao, cuộc đi đây chữa anh khỏi bệnh ái tình chứ? – tôi hỏi.

– Chẳng ăn thua gì. Trái lại, chỉ cần hai lần gặp lại cũng đủ để tôi cảm thấy sự si mê ban đầu đã thành tình yêu thực sự.

– Thế tiểu thư Nadêia nghĩ sao?

Anh đỏ mặt đến nỗi mắt đã long lanh đẫm lệ.

– Ồ!... Anh đoán đúng đấy! Tôi van anh giữ kín cho! Bởi vì tôi chưa rõ nàng sẽ nhìn nhận chuyện này ra sao. Vả lại, điều đó đâu có quan trọng gì... Xin anh hãy tin lời tôi. Chẳng quan trọng gì đối với phía tôi. Được nhìn thấy nàng – như vậy tôi đã sung sướng rồi, dầu nàng có thờ ơ với tôi thì cũng vậy. Tôi vẫn thấy hạnh phúc được sống trên mảnh đất này, bởi vì nàng cũng sống nơi đây. Nàng là một con người phi thường. Xung quanh toàn một lũ ngợm bẩn thỉu, đê tiện, một sự nô lệ luồn cúi công khai, vậy mà nàng vẫn trong trắng, vẫn nhân hậu.

Tôi mỉm cười bởi bỗng trào dâng trong lòng tôi một mối thiện cảm đặc biệt đối với chàng thanh niên có gương mặt đẹp và trong sáng. Anh lại tưởng tôi cười nhạt.

– Đây, cả anh cũng lại chế nhạt tôi, y như người cha đã quá cố của tôi, y như chú Đubôtôpkơ...

– Tôi hoàn toàn không có ý cười anh đâu! Ngược lại, tôi lấy làm vui mừng được nghe những lời anh vừa mới nói. Anh là một con người trong sáng, tốt bụng. Nhưng có lẽ không nên kể chuyện này với một ai cả. Anh vừa mới nhắc đến ông Đubôtôpkơ...

– Tôi rất cảm ơn anh đã có những lời tốt đẹp về tôi. Nhưng chẳng lẽ anh lại có ý nghĩ là tôi có thể kể những điều vừa rồi với một người nào khác nữa ư? Anh thì anh đã tự đoán ra rồi. Cả chú Đubôtôpkơ nữa cũng vậy, không hiểu do đâu.

– Còn may cho anh là Đubôtôpkơ chứ không phải là Alêxi Vôrôna đoán ra, - tôi nói. – Chứ không thì mọi sự có thể kết thúc không hay cho một trong hai bạn. Đubôtôpkơ thì không sao. Ông ta là người bảo trợ, tất nhiên mong muốn tiểu thư Nadêia kiếm được tấm chồng xứng đáng. Với lại, ông ta là người tốt bụng, sẽ chẳng để hở cho ai biết chuyện đâu, cũng như tôi thôi. Tuy nhiên, nói chung anh nên giữ kín chuyện này.

– Đúng vậy, - anh ta đồng ý, vẻ hối hận. – Thế mà tôi không hề nghĩ ra, một sơ hở, thậm chí rất nhỏ, cũng có thể làm hại Nadêia. Anh nhận xét đúng lắm! Đubôtôpkơ là một người rất tốt, rất chân thành! Đúng là một pan võ biên, giản dị, hơi cổ lỗ nữa! Và cái chính là chân thành, vui vẻ! Ông yêu quý mọi người, không bao giờ gây trở ngại cho ai cả. Anh thấy ngôn ngữ ông thế nào? Lần đầu mới nghe tôi cứ có cảm giác như có một bàn tay ấm áp vuốt ve trái tim mình.

Cặp mắt anh lại long lanh ngấn lệ, anh yêu quý Đubôtôpkơ biết chừng nào. Tôi đồng tình với anh về nhiều điều.

– Giờ, anh biết hết mọi chuyện rồi, ngoài ra sẽ không một ai được biết nữa. Tôi sẽ không để tổn thương đến thanh danh của nàng. Tóm lại, tôi sẽ

cầm hoàn toàn. Anh nhảy với nàng – tôi thấy vui. Nàng trò chuyện với ai đó – tôi cũng thấy mừng. Tôi chỉ mong cốt sao cho nàng hạnh phúc. Tuy thế, có một điều tôi thành thực mà nói với anh, - giọng Andrei bỗng đành lại, mặt sất lại như gương mặt của Đavít niên thiếu khi quyết sống mái với Gôliap. – Nếu như từ nơi nghìn trùng cách trở tôi cảm thấy có kẻ định hại nàng thì tôi sẽ bay về ngay và dẫu kẻ đó có là Thượng đế, tôi cũng sẽ nện vỡ sọ hắn, tôi sẽ cắn xé hắn, sẽ đánh nhau với hắn đến hơi thở cuối cùng để rồi được lết đến dưới chân nàng mà chết. Xin anh cứ tin chắc như vậy. Dù ở xa đến đâu, tôi vẫn luôn luôn bên nàng.

Ngắm nhìn gương mặt anh, tôi hiểu ra tại sao những kẻ cầm quyền lại run sợ trước những chàng trai thanh tú, trong trắng và ngay thẳng như vậy. Ở họ, đứng nhiên, đôi mắt còn rộng mở, nụ cười còn ngây thơ, cánh tay còn non nớt, cái cổ cao kiêu hãnh mịn trắng như cẩm thạch, dường như sinh ra chính là để bọ đao phủ thủ búa rìu, nhưng họ, những chàng trai ấy còn có sự quyết liệt không hề biết khoan nhượng, còn có lương tri nhất quán đến cùng, trong cả những điều nhỏ nhặt nhất, họ không thèm đếm xỉa đến ưu thế trội hẳn của thể lực hung bạo, họ trung thành đến cuồng tín đối với chân lý. Trong cuộc đời, họ như những đứa con nít ngây dại, cả tin cho đến lúc bạc đầu, trong cuộc phụng sự chân lý, họ thường xui xẻo, nên trở thành chua chát, nhưng vẫn trung thành đến phút chót, sáng suốt và kiên định, bất khuất. Bọn ti tiện sợ những người như vậy ngay cả khi họ chưa bắt đầu hành động, bởi thế, theo bản năng vốn có của giống dê hèn, chúng luôn luôn tầm nã họ. Giống hèn mặt cảm thấy rằng họ là mối nguy hiểm lớn nhất đe dọa sự tồn tại của chúng.

Tôi hiểu ra rằng nếu trao khẩu súng lục vào tay một người như anh, anh ta vẫn nở nụ cười chân thành, hé hàm răng trắng muốt kia mà tiến đến bên tên bạo chúa, găm vào người hắn một phát đạn, rồi sau đó bình thản bảo tử thần: “Đến bắt ta đi!”. Anh sẽ bất khuất trước mọi cực hình và nếu như không chết gục trong tù vì nổi khao khát tự do, thì sẽ bình thản bước lên đoạn đầu đài.

Chàng trai ấy ngay tức khắc chinh phục được lòng tin của tôi, nên hai bàn tay chúng tôi gặp nhau, xiết chặt. Tôi mỉm cười với anh như với một người bạn thân thiết và hỏi:

– Anh bị đuổi học về chuyện gì vậy?

– À... một chuyện vặt. Mọi sự bắt nguồn từ việc chúng tôi định tổ chức kỷ niệm Sepsenkô [19]. Họ dọa sẽ đưa cảnh sát đến đàn áp. – Anh đỏ mặt, bẽn lẽn. – Thế là chúng tôi nổi loạn. Tôi hết toáng lên là nếu họ dám cả gan đưa cảnh sát vào dưới mái trường thiêng liêng của chúng tôi, thì chúng tôi quyết lấy máu rửa sạch vết nhơ ấy và phát đạn đầu tiên sẽ dành cho kẻ nào dám ra cái lệnh như vậy. Thế là náo động cả lên, và tôi bị tóm lôi đi. Ở sở cảnh sát, khi họ hỏi thành phần dân tộc, tôi đáp: “Cứ viết – người Ukraina”.

– Câu trả lời thật hay.

– Tôi biết trả lời như vậy rất thiếu thận trọng đối với những người đang đấu tranh.

– Không, câu trả lời rất hay cả cho họ nữa. Một câu trả lời như vậy bằng cả mười phát súng. Nó có nghĩa là tất cả đều chống kẻ thù chung. Làm gì có sự khác biệt giữa người Bêlôruxia và người Ukraina, nếu như roi vọt giáng xuống lưng cả hai.

Chúng tôi lặng thình nhìn đám người nhảy múa. Bỗng Xvetilôvich nhăn mặt.

– Nhảy với múa suốt. Có mà quỷ sứ biết như vậy là ra làm sao. Uốn éo như một lũ thằn lằn thời tiền đại hồng thủy. Nhìn nghiêng thì mặt mũi y như mõm loài súc sinh cả. Trí não chỉ bằng cái móng tay, mà quai hàm thì y như của loài khủng long, chứa cả bảy trăm răng. Áo xống lê thê như đuôi ấy. Mặt mũi một lũ quái thai cả... Dân tộc ta thật vô phúc, anh Bêlôrétxki ạ.

– Vì sao?

– Chúng ta chưa hề có những tư tưởng gia độc tôn bao giờ.

– Biết đâu, như vậy chả hơn.

– Dẫu sao, chúng ta cũng là một dân tộc phiêu bạt. Suốt bảy thế kỷ buôn bán tổ quốc. Đầu tiên bán cho Litva, sau đó, khi dân ta vừa mới kịp đồng hóa nó, lại bán cho Ba Lan, rồi cả tứ xứ mười phương. Thực vô liêm sỉ, vô lương tâm!

Vài quan khách đang nhảy múa quay lại nhìn chúng tôi.

– Anh thấy không, họ đã bắt đầu lờ mờ nguýt đấy. Hễ thấy có tâm hồn ai khắc khoải rên la là họ khó chịu rồi. Tất cả bọn họ ở đây một giuộc cả. Họ chà đạp kẻ yếu hèn, từ bỏ lương tri, bán con gái cho những lão già lợm khộm giàu có. Anh có thấy cái ông Xôva Xtakhôpxki kia không? Đến ngựa tôi, tôi cũng không thể nhốt chung một chuồng với ông ta được, vì tôi lo cho cái đực của con ngựa. Kia là bà Khôbaleva, một Mêxalina tình lẻ. Còn lão kia, họ Axanôvich, đã đưa một cô gái nông nô xuống mồ. Giờ đây thì lão không còn cái quyền ấy ^[20], nhưng cái trò dâm loạn thì lão vẫn tiếp tục. Ôi Bêlôruksia đáng thương! Một dân tộc hiền lành, dễ dãi, rộng lượng và mơ mộng, vậy mà vận mệnh nằm trong tay một bọn vô lại. Chừng nào nhân dân còn ngu dốt, cái cơ sự ấy sẽ còn tồn tại. Dem những đứa con ưu tú của mình, những thi sĩ ưu tú của mình bán cho người, con đẻ của mình, thì đem đặt tên kẻ khác, như thể mình thừa thãi lắm rồi. Trao các anh hùng của mình cho giặc phanh thây, để rồi chính mình lại ngồi trong cũi với bát nước lã, rau cháo cầm hơi mà giương mắt ếch. Tôi xin mãi mãi tôn sùng ai đập đổ được cái ách sliăcta mục nát đang đè lên đầu lên cổ nhân dân, tống khứ cả một lũ hãnh tiến ngu xuẩn kiêu căng, cả một bọn bồi bút đã bán rẻ cả lương tâm lẫn ngòi bút, làm cho nhân dân trở thành chủ nhân vận mệnh của chính mình! Tôi xin trao cho người đó tất cả máu nóng đang chảy trong tôi.

Có lẽ, cái giác quan của tôi trở nên nhạy bén hơn chăng? Vì tôi luôn luôn cảm thấy có ánh mắt trên lưng mình. Xvetilôvich vừa dứt lời, tôi quay phắt lại và... sững sốt. Nadêia đứng ngay cạnh, đang chăm chú nghe. Nhưng đó không phải là nàng nữa, đó là ước mơ, là nữ thần rừng xanh, là nàng tiên cổ tích. Nàng mặc bộ xiêm y trung cổ - một bộ áo váy may tốn ít ra cũng ngót năm chục thước gấm vùng Oócsa, choàng lên trên bộ xiêm y ấy là một chiếc áo váy khác, trắng toát, tà màu thanh thiên ánh bạc, xẻ nhiều đường ở

thân và tay. Eo lưng thắt chặt một dây lưng mỏng manh vàng chói, buông thả hai bông tua rua gần chấm đất. Vai khoác một manh áo bướm mỏng bằng vải tabin óng ánh bạc. Mái tóc bao trong lưới nhỏ, đầu đội một mũ miện cổ trông hơi giống một con tàu xinh xinh dẹt bằng chỉ bạc. Từ hai móm đầu và đuôi con tàu xinh xinh ấy buông rủ xuống một tấm voan trắng trong suốt.

Đó là công chúa thiên nga, nữ chúa lâu đài hổ phách, tóm lại, có mà quý biết được là ai nữa, nhưng dứt khoát không phải là chú vịt con xấu xí mới đây nữa. Tôi thấy pan Đubôtôpkơ tròn xoe mắt, miệng há ra: Rõ ràng ngay cả ông ta cũng không ngờ ấn tượng lại mạnh đến thế. Một tiếng vĩ cầm rít lên. Rồi tất cả im bật.

Bộ xiêm y khá bất tiện, thông thường nó gò bó đối với người đàn bà không mặc quen, làm cho trở nên vụng về và nặng nề, vậy mà cô gái này mặc bộ xiêm y trông tựa một nữ hoàng, dường như cô ta mặc nó suốt đời: đầu cất cao kiêu hãnh, nàng bước đi trang trọng, yêu kiều. Dưới tấm voan, đôi mắt như vừa bừng tỉnh trước sắc đẹp của bản thân, mở to long lanh một nụ cười tinh quái và kiêu hãnh.

Pan Đubôtôpkơ thốt lên một tiếng “Ồ!” kinh ngạc và bước nhanh lại phía Nadêia. Với một vẻ đau đớn khó hiểu trong khóe mắt, ông ta ôm gọn gương mặt Nadêia vào lòng bàn tay, hôn lên trán nàng, miệng lẩm bẩm: “Một nhan sắc thế này mà buộc phải...”

Nhưng rồi ông lại tươi cười:

– Một nữ hoàng! Tuyệt thế giai nhân! Cúi trình chư vị thánh nhân tuần tiết: chư vị đã không uống công mong đợi. Đây, nữ chúa Janôpxkaia. Janôpxkaia đến tận chân răng kẽ tóc!!! Ta xin hôn gót son của con.

Và con gấu khổng lồ ấy vừa e hèm vừa phủ phục xuống sàn, khễ chạm môi vào mũi hài xinh xắn. Đoạn đứng dậy cười phá lên ha hả:

– Này con, với món của quý nhường này thì liệu mà ngồi im thít như chuột nhắt, kéo người ta cướp mất đấy.

Bỗng ông nháy mắt:

– Hay là đổi già một cái nhĩ? Cháu còn nhớ hồi nhỏ cháu nhảy với ta thế nào không? Cháu tặng con gấu già này một điệu nhảy nhé? Xong, ta có chết cũng vui lòng.

Nữ hoàng áo trắng đưa tay cho ông dắt.

– Nào, các trang tuần tú! – Đubôtôpkơ hét to bảo dàn nhạc phế binh. – Bắt đầu điệu “Ngọn gió nhỏ” của ta đi, độ hai vòng, sau đó chuyển sang điệu mazuôcka nhé!

Ông quay lại nói thầm với tôi:

– Các điệu nhảy của ta đều hay cả, nhưng bốc lửa như điệu mazuôcka Ba lNa thì không có một điệu nào. Có lẽ chỉ đĩaa “Cô Liavôntikha” là có thể so tài hơn thua, nhưng phải có vài cặp mới nhảy được. Khốn nỗi mấy mụ chết yếu với mấy thằng còm cõi kia nhảy sao nổi. Phải có đôi chân vũ nữ ba lê như chân ta đây mới chơi được.

Ông lại cười ha hả. Còn tôi, tôi nhìn cặp giò lợn của ông mà phát hoảng: “Ông ta làm hỏng điệu vũ hay này mất thôi!”

Trong khi đó các quan khách đã giãn ra nhường chỗ. Tôi nghe những tiếng xì xào:

– Chính ông... Chính ông ta sẽ nhảy đấy!

Tôi không rời cái đám diễn trò hề ấy chỉ vì muốn được xem một điệu múa cổ mà đã nhiều lần tôi được nghe nói đến và người ta bảo tám chục năm trước đây rất phổ biến.

Thân hình đồ sộ của pan Đubôtôpkơ thẳng ngay ra, ông “hừ” một tiếng, nhón hai ngón tay cầm lấy bàn tay trái trắng muốt của Nadêia.

Những nốt nhạc đầu tiên của điệu nhảy “Ngọn gió nhỏ” vừa mới nổi lên, ông giậm gót giày và lướt đi ba bước một, lần lướt chân phải, rồi chân trái. Cái thân hình đồ sộ ấy di chuyển bỗng nhẹ nhàng, mới đầu cứ ba bước lại khễ dận gót, sau đó chỉ lướt đi trên đầu ngón chân. Và bên cạnh là nàng, tựa như một con chim thần tiên, bay lượn trong không trung, óng ánh sắc vàng, trắng, thanh thiên, thấp thoáng tấm van trong suốt.

Rồi đôi bạn nhảy ấy quay tròn lại lướt đi, lúc tiến lại gần nhau, lúc tách ra xa, lúc đan chéo nhau.

Không, đây đâu phải một trò hề tầm thường, cũng như có bao giờ thành trò hề vũ khúc của một diễn viên về già, đã nặng nề, song từng có thời là một nghệ sĩ vĩ đại. Đây quả là một “ngọn gió nhỏ”, mạnh dần lên thành vũ bão, chỉ còn thấy tấm voan quay tròn trên không và những cặp chân loáng thoáng dưới sàn. Rồi bỗng các nhạc công cùng tấu lên điệu mazurka. Thực ra, đó không phải là mazurka, mà là một biến dạng cổ xưa của nó ở địa phương đây, bao gồm cả một số động tác của điệu “Ngọn gió nhỏ”.

Nhạc với mới chuyển làn, con người khổng lồ đã vút lên trước, hai gót giày nện rền vang, rồi thân hình đồ sộ bắt đầu nhịp nhàng bay lên không, hai chân đập đập vào nhau. Còn nàng... nàng vẫn lướt đi ngay cạnh, nhẹ nhàng, tươi cười và trang trọng.

Đó quả là một điều kỳ diệu thực sự: hai con người mặc xiêm áo cổ xưa đang dựng lại trước mặt chúng tôi một cảnh thần thoại.

Múa tròn một vòng, pan Đubôtôpkơ dắt Nadêia đến trước mặt tôi. Mặt ông đỏ dừ như tôm luộc.

– Con bé nó làm tôi đứt hơi rồi... “Chú cứ như trai tân ấy thôi. Tra-ai tân mấy chả trai tân! Thôi xin đủ: thân tôi ngựa già, mỗi gối chồn chân rồi. Chẳng mấy chốc nữa mà đi hầu rượu cụ tổ Abram. Xin nhường các bạn trẻ: các bạn cứ việc sống, cứ việc ca hát, cứ việc nhảy múa. Nhảy đi, anh bạn trẻ.

Các vũ khúc lại bắt đầu. Xvetilôvich không thích nhảy. Vôrôna còn đang giận dữ, không lại gần, cho nên tôi đành phải nhảy với Nadêia cho đến tận bữa ăn tối. Nàng nhảy thật tuyệt! Tôi bất giác ngắm nhìn gương mặt ngây thơ bỗng chốc trở nên sinh động và tinh quái dễ thương. Hai chúng tôi nhảy không biết chán, chúng tôi lướt nhanh trên sàn, những bức tường gian phòng quay tròn, không còn có thể nhận ra thứ gì trên đó nữa. Chắc hẳn nàng cũng có những cảm giác tương tự như tôi, mà cảm xúc của tôi lúc ấy thì chỉ có thể so sánh với những giấc mơ ngày niên thiếu: bạn mơ thấy

mình đang nhảy múa và một niềm hạnh phúc vô bờ tràn ngập trong lòng bạn. Tôi chỉ nhìn thấy gương mặt ửng hồng của nàng, hơi ngả về phía sau, mái tóc khẽ lắc lư theo phách nhạc

Rồi chúng tôi đi ăn tối. Tôi dắt tay nàng đưa vào phòng ăn. Khi đi qua một góc phòng, tôi thấy hình như có tiếng xì xào. Tôi liếc nhìn về phía đó, vào xó tối, bắt gặp ánh mắt những ai đó – vài ba mệnh phụ thì phải. Bước đi tiếp, tôi còn kịp nghe một giọng khàn khàn hần học:

– Cô ả như vui chơi gỡ gạc trước giờ tận số ấy. Tội chồng tội chất, trời không dung, đất không tha, thế mà còn nhảy với múa được... Thật là một dòng họ đáng nguyên rủa... Cứ chờ đấy, đội sẵn sập hiện về rồi... Gớm chưa, cái con vô liêm sỉ, cả một buổi chiều cứ bám riết lấy cái tên lạ mặt vô đạo. Vợ được nhân ngãi rồi mà... Được lắm, thế có chúa chứng giám: Quốc vương Xtác sẽ hiện về bắt cả cho mà xem. Những đêm thu tối trời lại bắt đầu rồi.

Những lời đê tiện, nghe ớn lạnh con tim ấy khiến tôi cảm thấy lo lắng. Thực vậy, tôi rồi sẽ rời nơi đây, vậy mà rất có thể, tôi làm cho cô gái này không thể lấy chồng được. Tôi cặp kè với nàng cả một dạ hội để làm gì cơ chứ! Tôi đang làm gì vậy? Tôi hoàn toàn không yêu nàng và sẽ chẳng bao giờ yêu vì tôi hiểu rất rõ trái tim mình. Tôi quyết định dứt khoát sẽ không nhảy với nàng nữa, cũng không ngồi cạnh bàn. Tóm lại là phải rời khỏi nơi đây. Xin đủ cái trò du dương này với các pan sliăctich, mau sớm quay về với những người bình dân, với công việc. Tôi mời nàng ngồi, mình thì chỉ đứng cạnh, hy vọng sẽ tóm được anh chàng Xvetilovich và đặt ngồi cạnh nàng. Tuy nhiên, mọi hy vọng của tôi tan ngay thành mây khói, Xvetilovich bước vào phòng là ngồi ngay xuống cuối bàn. Còn Đubôtôpkơ thì ngồi xuống cạnh bên phải nữ chủ nhân và lâu bầu bảo tôi:

– Sao lại đứng thế? Ngồi xuống đi!

Tôi vừa ngồi xuống, ông ta nói tiếp:

– Độ trăm năm trước đây có lẽ anh phải trở thành một sliăctich tuyệt vời đấy. Cánh tay vững chắc, cặp mắt cứng cõi. Lại điển trai nữa. Có điều ta tò

mò rất muốn biết anh bạn có phải là một người nghiêm túc không? Hay cùng một giuộc vô tích sự cả?

Tôi đành phải ngồi cạnh nữ chủ nhân, săn sóc nàng, động chạm vào tay nàng, thậm chí đôi lần đầu gối tôi chạm đầu gối nàng. Tôi thấy vui vui, đồng thời cũng rất bực mình với pan Đubôtôpkơ. Ông ta ngồi cau có như quý dữ, nhìn tôi chăm chăm dò xét. Có lẽ xét nét tôi xem có xứng với vai trò phu quân của tiểu thư do ngài đỡ đầu chăng?

Một lát sau mọi người đều trở nên hoạt bát. Ăn đã nhiều, uống lại càng nhiều. Các bộ mặt đã đỏ gay, những lời bông đùa phun ra như mưa.

Đubôtôpkơ ăn nhiều, uống vô hồi, pha trò liên tục khiến các quan khách cứ ôm bụng mà cười.

Nỗi bực bội của tôi cũng dần dần tan biến. Thậm chí, tôi thầm cảm ơn Đubôtôpkơ là ông đã giữ tôi lại.

Ăn xong, lại nhảy múa đến tận năm giờ sáng khách khứa mới ra về. Pan Đubôtôpkơ là một trong những người ra về cuối cùng. Đi ngang qua chỗ chúng tôi, ông tiến lại gần và nói giọng khàn khàn:

– Anh bạn trẻ này. Ta mời anh ngày kia đến dự một bữa tiệc nhỏ giữa những kẻ tu mi nam tử. Cả con nữa, thế nào? Hay là con cũng đến ngồi chơi với con gái ta chăng?

– Thưa chú thôi ạ, cảm ơn chú. Cháu ngồi nhà thôi. Người không lờ thờ dài:

– Con tự hủy hoại thân mình đấy. Thôi được. – Quay về phía tôi, ông nói tiếp: - Ta sẽ chờ anh. Đừng quên đấy. Nhà ta không có những của ngoại lai này. Chắc là anh sẽ hài lòng.

Hai chúng tôi chào nhau. Tôi cũng chia tay thân mật với Xvetilôvich.

Những bước chân đi xa dần, tòa nhà trở lại vắng vẻ, lặng lẽ và hoang vu, rất có thể sẽ hoang vu trong mười tám năm tới. Gia nhân đi tắt nển. Nữ chủ nhân biến mất. Bước vào phòng khách, tôi thấy nàng đang đứng cạnh lò lửa rùng rục, vẫn mặc nguyên bộ xiêm y cổ tích. Bóng tối lại bao trùm khắp xó

xinh trong gian phòng tưởng như còn vang vọng tiếng nhạc, tiếng nói cười. Tòa nhà lại tiếp tục cuộc sống thường ngày, cảm lạnh và tối tăm ảm đạm.

Tôi bước lại gần hơn và bỗng nhận thấy gương mặt nàng tái nhợt, những dấu vết cuối cùng của ánh hân hoan đã tắt ngấm. Gió đang hú từng hồi trong ống khói.

– Vắng lặng quá, thưa ngài Bêlôrétxki, - nàng nói. – Từ lâu, tôi đã quên mất sự huyền ảo vui vẻ rồi. Ta đi một điệu vanxơ nữa nhé, trước khi vĩnh viễn...

Giọng nàng đứt quãng... Tôi đặt tay lên eo lưng nàng, và hai chúng tôi cùng lắng nghe theo âm nhạc còn đang ngân vang trong lòng chúng tôi, lướt đi trên sàn. Tiếng chân chúng tôi bước vang vọng dưới trần nhà âm u. Không hiểu sao tôi thấy rờn rợn như thể mình đang dự một lễ an táng ai. Nhưng còn nàng, nàng đang sống lại không khí buổi dạ hội. Eo lưng nàng nhỏ nhắn và mềm mại, khế đung đưa dưới bàn tay tôi, chiếc khăn voan bay phấp phới, xiêm y rực rỡ lên mỗi khi hai chúng tôi lọt vào vùng ánh lửa lò sưởi, rồi lại chuyển sang màu xanh khi chúng tôi lướt ra xa. Bộ xiêm y cổ xưa ấy, tấm voan mỏng manh đôi lúc khế chạm vào mặt tôi ấy, cái eo lưng thon thả ấy dưới tay tôi cùng đôi mắt tư lự cặp hai hàng mi ấy, có lẽ tôi sẽ không bao giờ quên được.

Bỗng nàng khẽ gục đầu vào vai tôi trong giây lát.

– Thôi. Tôi xin chịu. Đủ lắm rồi. Thế là hết. Xin cảm ơn ngài về tất cả mọi điều.

Tôi cúi nhìn nàng và bắt gặp đôi mắt long lanh những giọt lệ không ứa ra được.

Nàng về phòng riêng. Tôi còn đứng rõi theo mãi thân hình nhỏ bé trong bộ xiêm y cổ xưa đi xa dần về cuối phòng rồi tan biến trong bóng tối, dưới ánh mắt của các bậc tổ tiên trên tường.

Đêm ấy tôi quen không tắt ngọn nến để trên chiếc bàn con kê cạnh cửa sổ. Nằm trên chiếc giường rộng thênh thang như một thảm cỏ và mơ màng đi vào giấc ngủ thì tiếng chân bước ngoài hành lang làm tôi bừng tỉnh. Biết

có nhìn ra sẽ lại chẳng thấy ai, tôi vẫn nằm yên. Lát sau, tiếng chân im bật. Tôi lại đã thiu thiu ngủ thì bỗng nhiên choàng dậy.

Qua khung cửa sổ, một bộ mặt người đang nhìn tôi.

Đó là một người rất nhỏ bé (tôi thấy toàn bộ người hằn từ thắt lưng trở lên), mặc một chiếc áo Kaptan cỡ rộng. Đó quả là một con người, song mặc dù vậy, trông diện mạo của hằn vẫn có nét gì đó không người chút nào. Đầu hằn dẹt hai bên thái dương, do đó dài đuồn ra kỳ quặc, những món tóc dài lơ thơ rủ xuống mặt mũi. Nhưng kỳ quặc nhất chính là khuôn mặt Người Lùn. Da mặt hằn xanh lợt y như màu áo, mồm rộng, không có môi, mũi nhỏ, mắt cóc. Tôi thầm so sánh hằn với một con khỉ, nhưng có lẽ diện mạo hằn giống cóc thì đúng hơn. Cặp mắt thô lỗ, đen ngòm, nhìn tôi về hằn học đàn độn. Sau đó, xuất hiện cánh tay dài ngoẵng, cũng màu xanh lợt. Bỗng hằn rên lên một tiếng khàn khàn. Chính tiếng rên ấy khiến tôi sực tỉnh cơn bàng hoàng ngây dại. Tôi nhảy bổ lại bên cửa sổ, nhưng vừa chạm đến khung kính thì không còn thấy Người Lùn ở đấy nữa. Hằn đã biến mất.

Tôi mở toang cửa sổ, khí lạnh tràn vào phòng. Thò hằn đầu ra, tôi ngó nhìn tứ phía – không một bóng người. Dường như hằn tan biến thành hơi. Hằn không thể nhảy xuống đất được vì chỗ tường này cao không phải hai mà những ba tầng (tòa nhà xây trên sườn đồi). Cửa sổ bên phải, bên trái đều đóng chặt, gờ tường nhỏ hẹp đến nỗi chuột nhắt cũng khó chạy qua. Tôi đóng cửa lại, nằm suy nghĩ và lần đầu tiên thấy nghi ngờ không hiểu đầu óc mình còn minh mẫn nữa không.

Nó là cái gì nhỉ? Tôi không tin vào chúa, cũng chẳng tin có ma quỷ, song sinh vật vừa mới rồi không thể là một con người bằng xương bằng thịt được. Hằn xuất hiện từ đâu ra, rồi biến đi đâu mất? Hằn tồn tại ở đâu? Trong tòa lâu đài này có những gì đó không lương thiện, bí ẩn. Nhưng cái gì nhỉ? Chẳng lẽ lại là những hồn ma thật sao? Nhưng toàn bộ quá trình giáo dục của tôi phản đối kết luận ấy. Hay là tôi say rượu? Không, tối qua, tôi hầu như không uống. Vậy thì ở đâu ra những tiếng chân bước lại đang nghe rõ mồn một ngoài hành lang kia? Lúc tôi nhìn thấy bộ mặt con quái vật ấy ở cửa sổ thì có tiếng chân bước không nhỉ?

Trí tò mò của tôi đã lên đến cực điểm. Không, tôi sẽ không rời khỏi đây vào ngày mai như đã định, tôi phải khám phá cho ra ngọn ngành. Người con gái đêm qua đã ban tặng tôi một kỷ niệm đẹp nữa, chắc đến phải phát điên vì khiếp sợ, ở đây đang diễn ra những điều trái với quy luật tự nhiên, vậy mà tôi lại bỏ đi. Nhưng ai sẽ giúp tôi trong việc tìm kiếm này? Ai? Tôi chợt chợt nhớ đến những lời của Xvetilovich: “Tôi sẽ lết đến dưới chân nàng mà chết”. Đúng rồi, tôi sẽ phải gặp anh ta. Chúng tôi sẽ tóm cổ con quái vật ghê tởm này, bằng không – từ nay tôi sẽ tin là có những hồn ma xanh lệt cùng những thiên thần của chúa trời.

CHƯƠNG 5

Hai ngày sau, tôi sang thăm Đubôtôpkơ. Tôi không muốn đi, nhưng Nadêia nói: “Ngài cứ đi đi, tôi ra lệnh đấy. Ở lại đây một mình tôi sẽ không sợ đâu”.

Đường tôi phải đi hướng về phía đông nam tòa lâu đài. Một rặng cây rậm rạp, hai bên là khu vườn âm u như rừng, dẫn tôi đến tường rào. Chỗ này mất một thanh sắt rào (đó là điều bí mật của Nadêia mà nàng đã hé cho tôi biết), có thể chui qua được. Vì vậy tôi không phải đi vòng lên hướng bắc theo rặng cây đã đưa tôi đến lâu đài, không phải đi vòng khắp khu vườn để ra con đường dẫn đến nhà Đubôtôpkơ. Tôi chui qua lỗ hồng, bước ra một bãi phẳng. Bên trái và trước mặt tôi là những bãi lau lách hoang vu vô tận, lác đác vài gốc cây, bên phải là những bụi rậm, tiếp đến một dải sông con, bên kia sông là một cánh rừng bị sinh lầy làm đổ nghiêng ngả, xa nữa, có lẽ là đến những sinh lầy hiểm nghèo. Xa tít bên kia khu bãi hoang, lộ nhô những ngọn cây, chắc ở trang ấp của Đubôtôpkơ.

Tôi bước chậm rãi trên bãi hoang, thỉnh thoảng mới tìm ra đường mòn. Mặc dù bãi hoang ngày thu trông âm đạm, cô liêu, mặc dù đã hai lần một con quạ to tướng bay vù trên đầu tôi, nơi đây vẫn dễ chịu hơn ở Rừng Tùng Đàm Lầy. Cảnh vật xung quanh đều quen thuộc: những đám rêu xanh trên các mô đất, lau sậy khô cằn, một chú chuột nhắt đang tha những bông lau trắng vào lót ổ, sẵn sàng đón mùa đông tới.

Tôi đến nhà Đubôtôpkơ thì trời đã nhá nhem tối, các ô cửa sổ đã sáng rực ánh đèn. Ngôi nhà cũng bình thường như mọi ngôi nhà sliăctich khác: kiểu cổ, thấp bé, ô cửa kính nhỏ, mái lợp gỗ ván, tường quét vôi sạch sẽ, có bậc thềm bốn cột tròn. Nhà kiến trúc tinh lẻ hảnh không nằm được một bí quyết phổ biến, cho nên các cột tròn trông như hơi phồng ở đoạn giữa, giống như những thùng rượu. Quanh nhà trồng một hàng cây đa cao to, đã

già lắm, lá rụng gần hết. Phía sau nhà có một vườn cây ăn quả, sau vườn là một vạt ruộng mới cày.

Có lẽ tôi đến hơi muộn, vì trong nhà đã ồn ào nhiều giọng nói. Tôi được đón tiếp rất nồng hậu.

– Ôi Cha mẹ ôi! Chư vị thánh nhân tuần tiết ôi! - Đubôtôpkơ hét oang oang. – Vậy là cũng đến nơi rồi kia, đưa con lạc đàn đến rồi. Mời vào bàn mau, Antôxơ, bay đâu rồi, cái quân tay chiêu đập niêu không vỡ? Một cốc đầy mời khách “Khởi động”, mau! Một lũ quý sứ, quên cả chào thượng khách, một cốc mừng khách xuống ngựa, cũng quên nốt. Ôi cái lũ ngu độn...

Ngồi quanh bàn tiệc có chừng mười người, toàn đàn ông, trong đó đã quen biết tôi chỉ có Xvetilôvich, Alêxi Vônôna và Xtakhốpki. Hầu như tất cả đã chuyển choáng hơi men, và không hiểu tại sao đều ngăm nghĩa tôi hơi quá chăm chú. Bàn tiệc đầy đồ ăn thức uống: rõ ràng Đubôtôpkơ là một điền chủ quý tộc giàu có trong vùng. Tuy nhiên, sự sung túc của ông ta cũng chỉ tương đối. Đồ ăn thức uống có thừa, nhưng nhà cửa, xét theo những gian phòng tôi đã đi qua, bày biện không thuộc loại sang trọng. Tường quét vôi trắng, cửa chớp đều chạm trổ và sơn màu sặc sỡ, bàn ghế giường tủ đều cổ, nặng nề và không lấy gì làm đẹp lắm. Nếp sống điền chủ quý tộc tỉnh lẻ lộ ra khắp xó xỉnh. Trong phòng ăn không bày biện gì ngoài một chiếc bàn gỗ sồi to rộng, những chiếc ghế bành kiểu gai óng mượt, màu xanh, hai chiếc ghế bành kiểu Đanzich bọc da dê màu vàng, và một tấm gương đứng ba mặt, khung màu nâu trang trí cảnh thành phố với những nóc quả bông của các nhà thờ. Các vị khách ăn mặc lòa lẹt vẫn mãi tò mò ngăm nhìn tôi.

– Sao lại trở mắt ra cả lũ thế kia? – Đubôtôpkơ quát to. – Chưa được thấy người kinh đô bao giờ hay sao, hở lũ gấu rừng? Nào, tiếp đồ ăn cho khách quý đi, tiếp nhiều vào, tùy khẩu vị mỗi anh.

Những cái mồm xồm xoàm nhả nở cười, những cẳng tay bắt đầu động đậy. Chỉ một loáng, trên đĩa tôi đã ngự cả một chú ngỗng to tướng, tần với nước sốt việt quất, một cái tỏi gà tây hấp tảo, năm muối chua, chục chiếc bánh khoai nhân thịt, vậy mà khắp tứ phía vẫn tiếp tục những lời mời mọc!

– Bánh xèo với tôi nữa này... Xin mời pan nếm thử một miếng chân giò lợn rừng tẩm ớt, cay xé miệng đây. Xin thề mồ ma cụ bà tôi – ngon tuyệt... Đây nữa, nhất hạng... Đây nữa này, ngon thượng hảo hạng...

Đó, ở quê Bêlôruxia ta, đãi khách như vậy đó, - chủ nhân cười ha hả khi thấy tôi bối rối.

Cả một núi thức ăn mọc lên trước mặt tôi. Tôi cố chối từ, nhưng chỉ làm cho các vị khách rầm rầm phản đối (một vị còn nhỏ cả mấy giọt nước mắt nữa, tuy nhiên, ông ta đã say mềm). Tôi đành khuất phục.

Anh chàng Antôxơ bưng ra trên khay một bình rượu “khởi động”. Từu lượng tôi vào loại khá, vậy mà tôi vẫn phát hoảng. Trong bình có đến cả một chai thứ nước vàng vàng trong vắt.

– Tôi chịu thôi.

– Chịu là thế nào? Chỉ có gái tơ mới “Chịu thôi”, nhưng cô ả cũng lại đồng ý ngay ấy mà.

– Nhiều quá, pan Đubôtôpkơ ạ.

– Nhiều, ấy là khi có ba mụ vợ trong một nhà cơ, mà cũng còn tùy xem đối với thằng chồng nào... Ê – ê, anh em ơi, người ta khinh anh em ta. Thịnh cầu thượng khách đi chứ!

– Chúng tôi xin ngài... Xin mời ngài, - các quan khách há hốc những mồm gấu đồng thanh gào lên!

Tôi đành phải uống cạn. Rượu vào như thiêu đốt hết ruột gan tôi, mắt nổ đom đóm, đầu óc quay cuồng, nhưng tôi cố không nhăn mặt.

– Quả xứng mặt trượng phu!

– Rượu gì vậy? – nuốt chửng một miếng chân giò to tướng, tôi hỏi.

– Hô! Biết rượu xtacka Ba Lan, biết vôtka Nga, biết cả xpôưkat Ukraina, mà lại không biết “tơrít Livinirit” xứ ta. Cái của này, anh bạn trẻ ạ, theo tiếng Litva là “ba lần chín”, tức vôtka ngâm hai mươi bảy vị cỏ thuốc. Dân ta lấy được bí quyết rượu này của bọn Litva từ mấy thế kỷ trước đây kia. Ngày nay chính bọn Litva đã quên biến bí quyết ấy rồi, nhưng dân

ta vẫn nhớ. Uống nữa đi, anh bạn, rồi ta sẽ còn thết anh món rượu mật ong nữa.

– Món gì thế này? – Tôi xọc đĩa vào một món gì đen đen.

– Anh bạn yêu quý ơi, món môi nai ngâm dấm chua ngọt đấy. Ăn đi, anh bạn, cho nó khỏe người. Món ăn của các tráng sĩ đấy. Tổ tiên chúng ta, cầu cho các cụ mồ yên mả đẹp, các cụ đầu có ngu ngốc. Ăn đi, đừng có mà lười, ăn đi.

Một phút sau, quên phắt là vừa mới quảng cáo “món môi”, ông ta lại oang oang:

– Không được, anh bạn, anh không thể chuồn khỏi tay ta mà chưa nếm thử món bánh rán nhồi gan ngỗng. Antôxơ!

Antôxơ tiến lại với cả mâm bánh. Tôi thử chối từ.

– Bay quỳ xuống dưới chân thượng khách, mau! Giập cái đầu ngu đần của bay xuống mà van xin thượng khách đừng chê ta nghèo khó.

Chẳng bao lâu, cả tôi nữa cũng đã chuenh choáng. Quanh bàn đều la hét, hát hò. Đubôtôpkơ níu lấy vai tôi mà lúng búng điều gì đó trong mồm, nhưng tôi không chăm chú nghe lắm. Gian phòng bắt đầu chao đảo.

A-ha ta cạn chén nhất

A-ha ta cạn chén hai

Tiếng ai đó gào lên. Bỗng tôi sực nhớ đến tòa lâu đài trong rừng tùng nơi xa, những thân cây mốc thối, cái lò sưởi và cạnh nó là một bóng người nhỏ nhắn, rầu rĩ. Một nỗi buồn đột ngột xâm chiếm lòng tôi. “Ta chỉ là một con lợn say mèm, tôi thầm nhắc đi nhắc lại, - không thể ăn chơi thỏa thích khi người khác đang đau khổ”. Tôi thấy thương nàng đến phát khóc lên được và... ngay lập tức tôi tỉnh rượu.

Các quan khách đang lục tục rời bàn tiệc.

– Xin chur vị dạo chơi cho một lát, - Đubôtôpkơ nói. Phải dọn lại cái bàn một chút.

Lạy chúa tôi, ra đây mới chỉ là khởi đầu! Vậy mà, họ đã say khướt cả một lũ. Mới tám giờ tối. Không sao. Còn sớm chán. Tôi biết nếu đã đột ngột tỉnh rượu ngay tức khắc thì hôm nay tôi sẽ không say nữa, nhưng tuy vậy tôi vẫn quyết định sẽ uống dè dặt: lỡ sa vào sinh lầy thì lôi thôi to.

Các quan khách nghỉ ngơi, trò chuyện. Đubôtôpkơ đem khoe một bộ sưu tập các vũ khí cổ. Ông ta hết lời khen một thanh gươm cổ mà ông xin được của Rôman Janôpxki. Ông bảo: thép “bulat” của Nga chặt đứt tấm đồng, thép “Zichmun” Ba lan chặt đôi các đinh khá dày, thép gươm này của xứ sở ta, bí quyết luyện nó bọn Tacta đem đến xứ ta từ thời Đại công tước Vitôptơ kia. Trong lòng lưỡi thép là thủy ngân, nhát chém mạnh đến nỗi chẳng những chặt đứt đồng tấm mà còn chặt đôi cả một súc gỗ to. Mọi người tỏ vẻ không tin. Đubôtôpkơ nổi nóng, quát gọi Antôxơ khiêng vào một khúc gỗ ngắn to gấp ba lần cái cổ người và đặt xuống sàn.

Tất cả đều im bật. Đubôtôpkơ nhắm nhắm, bỗng nhe răng, lưỡi gươm vung lên, vẽ một hình bán nguyệt lên không trung.

“Hự” một tiếng tận trong ruột. Đubôtôpkơ giật mạnh lưỡi gươm về phía mình, chặt chéo súc gỗ làm đôi. Mọi người im lặng, kinh ngạc.

– Phải như vậy đấy, - Đubôtôpkơ buông thông một câu.

Lúc ấy tôi rủ được Xvetilôvich ra bậc thềm và sau khi đã nhắc lại lời anh nói, tôi kể hết cho anh nghe những điều đã xảy ra ở Rừng Tùng Dầm Lầy.

Anh tỏ ra rất xúc động. Anh bảo trước đây có nghe nói đến những chuyện ấy, nhưng anh không tin lắm.

– Bây giờ anh tin chứ?

– Tôi tin anh, - anh đáp giản dị. – Và xin thề: tôi còn sống thì không một kẻ nào đụng được đến một sợi tóc trên đầu nàng. Đó là quỷ thần hay hồn ma hay cái gì khác nữa tôi cũng sẽ chẹn ngang đường nó.

Chúng tôi thỏa thuận sẽ cùng nhau điều tra vụ này và hai ngày nữa anh sẽ đến kể cho tôi biết những điều anh tìm hiểu được ở các xóm làng quanh vùng (những lời đồn đại, thêu dệt nhiều khi cũng có ích chút ít đấy). Chúng

tôi cũng nhất trí chưa vội cho Đubôtôpkơ biết chuyện: ông lão có thể quá kích động và theo tính nết ông, cứ phang bừa thẳng cánh thì hỏng.

Bữa tiệc lại tiếp tục. Lại ăn, lại uống. Tôi nhận thấy Đubôtôpkơ rót đều rượu cho mình và cho tôi, vừa uống vừa nhìn tôi, dò xét. Mỗi lần tôi uống cạn cốc, ông tỏ ra rất hài lòng. Cứ như thế một cuộc thách thức đua tài. Xen giữa những cốc rượu, ông mời tôi nào bánh bột hấp với nước sốt “masanka”, nào bánh “stônich” nhân thịt thả chảo mỡ, các bậc thánh nhân cũng chưa từng được nếm. Rõ ràng ông ta đang tìm hiểu tôi về mọi mặt. Tôi vẫn uống và hầu như không say.

Những người khác, trừ Xvetilovich, đều đã đến độ không còn nghe ai nói nữa, người nốc rượu cứ nốc, người kể chuyện tình cứ kể, người thứ ba hò hét để mọi người phải lưu ý đến một chi tiết hay ho trong lai lịch bản thân, người thứ tư hồi tưởng thân mẫu anh ta hiền hậu biết bao, vậy mà anh ta, một thằng bợm rượu, một đồ đê tiện đang bôi nhọ thanh danh bà do lối sống sa đọa của mình.

Họ hát hò, ôm hôn nhau, ai đó rên rĩ:

Vợ trẻ chờ nhà,

Mà tôi lang bạt

Rượu nốc từng bát

Bò bán chủ quán

Hồn gán Sa tăng.

Một giọng khác ê a:

Bớ bà con nói giùm tôi biết.

Chồng tôi nay chẵn gối nơi đâu?

Nếu đường xa sương gió dãi dầu

Tôi cầu chúa rủ lòng cứu giúp

Nếu nơi giường quả phụ ôm nhau

Tôi cầu chúa thẳng tay trừng phạt.

Nếu nơi giường quả phụ ôm nhau...

Một vị khách đang gục đầu trên bàn tiệc, bỗng ngừng lên hát tiếp câu cuối vừa mới tự biến tấu:

Cầu chúa cũng một tay trợ giúp.

Tất cả cười hô hố.

Bỗng Đubôtôpkơ lắc lắc đầu như muốn trút bỏ men say, đoạn đứng dậy tuyên bố:

– Rốt cuộc ta đã tìm ra một trang sliăctich chân chính. Anh ta uống rượu nhiều hơn ta, ta say còn anh ta vẫn tỉnh như sáo. Cả lũ các anh ở đây có lẽ cũng không nốc nổi lấy một nửa chừng ấy, chín trong mười anh sẽ lăn đùng ra sàn, anh thứ mười thì sẽ khóc rống lên như chú bê non. Chứ đây – đường đường một trang nam nhi! Một đấng trượng phu! Anh ta, chỉ một mình anh ta, mới xứng được ta nhận làm “bằng hữu thừa thiếu thời” mà thôi.

Tất cả cùng đồng thanh hét “Vẻ vang thay!”. Riêng Vôrôna vẫn nhìn tôi, móm móm và hằm hè. Họ nâng cốc chúc mừng tôi, chúc mừng giai tầng sliăcta “muối của đất” [21], chúc mừng người vợ tương lai của tôi.

Khi cơn nồng nhiệt đã tạm lắng, Đubôtôpkơ nhìn thẳng vào mắt tôi và hỏi với một giọng tâm tình:

– Sắp lấy vợ chứ?

Tôi lắc đầu, tảng lờ, mặc dù hiểu rất rõ ý của ông hỏi. Rõ ràng ông ta tin chắc vào điều đó, mà tôi thì không muốn làm ông phải thất vọng. Ông lão quý tôi, lại đang say, nên rất có thể sẽ phật lòng, nếu tôi trả lời thẳng thừng là chưa hề nghĩ đến và không muốn nghĩ đến chuyện đó.

– Nó xinh đấy chứ, - Đubôtôpkơ nói tiếp, đoạn thở dài, quay mặt đi.

– Ai? – tôi hỏi.

– Con cháu đỡ đầu của ta ấy.

Câu chuyện đã đi quá xa, tảng lờ nữa không được. Tảng lờ nữa, vô tình tôi sẽ bôi nhọ thanh danh cô gái.

– Tôi chưa hề nghĩ đến chuyện ấy, - tôi nói. – Mà giả thử đã có nghĩ đến thì chuyện đâu phải chỉ phụ thuộc vào tôi. Trước hết, phải hỏi ý kiến tiểu thư đã chứ.

– Anh lẩn tránh câu trả lời thẳng thắn, - bỗng Vônôna rít qua kẽ răng những lời châm chọc. (Tôi không ngờ y có thể nghe lỏm câu chuyện nhỏ to giữa hai chúng tôi). – Anh không dám trả lời thẳng thắn và công khai trước mặt những người đứng đắn là anh chạy theo tiền, đang đeo đuổi một mục vụ danh giá chứ gì.

Tôi bắt đầu sôi lên. Cố giữ bình tĩnh, tôi đáp:

– Tôi chưa có ý định lấy vợ. Và nói chung, tôi cho rằng giữa một đám đàn ông say rượu mà bàn tán về một người con gái – điều đó không xứng đáng với danh dự một sliäctich chân chính. Tôi yêu cầu pan Vônôna chấm dứt ngay, không đem một cô gái trinh bạch ra làm đề tài đàm tiếu giữa đám đàn ông say rượu, không bôi nhọ danh dự nàng. Nếu được như vậy, tôi sẽ tha thứ cho ngài những lời nhục mạ kinh khủng mới rồi.

– Hô! – Vônôna thốt lên. – Hãn mà đòi tha thứ cho ta – cái con mèo đực ghê, cái của cặn bã này!

– Ông im đi! – tôi quát lên. – Ông xúc phạm tiểu thư khi nói những lời lẽ như vậy. Ông thử nghĩ kỹ mà xem!

– Hai ngài! Xin hai ngài! – Đubôtôpkơ can chúng tôi. – Vônôna, anh say rồi đấy!

– Mi nghĩ đi thì hơn. Ta đã một lần tha tội cho mi, lần nữa, quyết không!

– Đồ dê tiện! – Tôi phát khùng, quát lên.

– Ta ấy à?

– Phải, ông! – Tôi quát to đến nỗi những người ngủ gục bên bàn tiệc cũng phải ngừng đầu dậy. – Tôi sẽ buộc ông phải câm họng.

Một lưỡi dao ăn bay vèo trên không, sổng dao đập vào tay tôi. Tôi chồm dậy túm lấy ngực Vônôna, lắc mạnh. Ngay lập tức, Đubôtôpkơ tóm vai hai chúng tôi, tách xa nhau, đẩy mạnh vào vai Vônôna.

– Thật xấu hổ, Alêxi! – Tiếng ông vang như sấm. – Anh chỉ là một con chó ghê... Hòa giải đi, mau!

– Không, khoan đã, Đubôtôpkơ. Chuyện này nghiêm trọng. Đi quá xa rồi. Chạm đến danh dự của tôi. – Vôrôna rít lên.

– Cũng chạm đến cả danh dự của ta với tư cách là chủ nhân. Từ nay còn ai dám đến với ta nữa. Mọi người sẽ bảo: Đubôtôpkơ không thết đãi rượu ngon, chỉ mời món đấu súng thôi.

– Thì mặc xác ông. – Vôrôna nhe răng hét.

Đubôtôpkơ lẳng lặng giáng cho y một cái tát.

– Giờ thì trước hết anh phải đấu gươm với ta, vì ngài đây mới chỉ thọt ngược anh, - ông thì thào mà khiến nhiều kẻ phải rùng mình. – Ta sẽ làm cho thượng khách của ta rời khỏi nơi đây, toàn mạng và nguyên vẹn.

– Ông tính nhằm đấy, - Vôrôna đáp, giọng hầu như bình thản. - Ai lẳng nhục trước, kẻ đó sẽ đấu trước. Sau đó tôi xin độ gươm hầu ông, ông có giết tôi cũng được.

– Alêxi, - Đubôtôpkơ gần như van xin. – Đừng làm ô nhục mái nhà ta.

– Hãn phải độ sức với tôi. – Vôrôna cương quyết.

– Thôi được, - chủ nhân đột ngột đồng ý. – Không sao cả, thưa pan Bêlôrétxki. Mong ngài hãy dừng cảm. Con lợn kia say đến độ cầm khẩu súng không xong. Có lẽ tôi sẽ đứng cạnh ngài. Nơi có mặt tôi sẽ là vị trí an toàn nhất.

– Không đời nào, thưa ngài Đubôtôpkơ... – Tôi đặt tay lên vai ông. – Không cần thiết. Tôi có sợ đâu. Tôi cũng xin ngài hãy dừng cảm lên.

Vôrôna chăm chăm nhìn tôi bằng cặp mắt đen ngòm như mắt tử thần.

– Tôi còn chưa nói xong. Cuộc độ súng sẽ diễn ra không phải ở trong vườn, e rằng tên công tử kia chuồn mất. Và không phải là vào ngày mai, vì hãn có thể đi khỏi đây. Cuộc độ súng sẽ diễn ra tại đây, ngay bây giờ, trong gian phòng bỏ không gần nhà nuôi ong. Mỗi bên bắn ba phát. Trong bóng tối hoàn toàn.

Đubôtôpkơ định phản đối, nhưng lòng tôi đang ngấm ngấm một nỗi căm giận điên cuồng. Tôi bất cần tất cả, tôi căm thù con người kia, tôi đã quên khuấy cả Nadêia, cả sự nghiệp, cả bản thân mình.

– Tôi phục tùng ý muốn của ông. – Tôi đáp, giọng châm chọc. – Nhưng liệu ông có lợi dụng bóng tối để chuồn khỏi tay tôi không nhỉ? Thôi tùy ông.

– Quả là một sư tử! – Tôi nghe thấy giọng xúc động của Đubôtôpkơ.

Tôi liếc nhìn ông và lấy làm kinh ngạc. Trông ông lão thật đáng thương. Mặt ông nhăn nhó, mắt đầy vẻ buồn rầu và xấu hổ, xấu hổ đến nỗi đẹn thổ được... Ông suýt phát khóc, một giọt nước khả nghi đã cheo leo đầu mũi. Thậm chí, ông không dám nhìn thẳng vào mặt tôi nữa, khoát tay, quay vội đi.

Nhà nuôi ong dựng kế tiếp ngôi nhà ở. Đó là một nhà ngang rộng lớn, rêu bạc phủ kín các hốc tường. Mạng nhện tựa những súc vải trải ra, treo rủ từ mái tranh xuống đất, đung đưa theo bước chân chúng tôi. Hai vị sliäctich cầm nến đưa chúng tôi vào gian phòng cạnh nhà nuôi ong, một gian phòng trống hoàn toàn, không một ô cửa sổ, tường xám ngoét bần thiu. Trong phòng nồng nặc mùi hôi tổ chuột và mùi rêu mốc.

Nói thực tình, tôi sợ, thậm chí rất sợ. Trạng thái tinh thần của tôi chỉ có thể đem so với trạng thái của con bò trong lò sát sinh hay của một người ngồi chờ bị vạ rặng: vừa kinh khủng, vừa ghê tởm mà không thể bỏ chạy được.

“Hắn mà bắn thủng bụng ta thì sẽ ra sao nhỉ? Trời, như vậy thật khủng khiếp! Giá như nắp kín được vào đâu nhỉ!”

Không hiểu sao lúc ấy tôi đặc biệt thấy sợ bị thương vào bụng. Tôi lại vừa mới ăn no như vậy.

Thiếu chút nữa thì tôi rên lên vì tuyệt vọng và kinh tởm. May sao tôi kịp sức tỉnh khi ngược mắt nhìn Vôrôna. Y cùng hai nhân chứng đứng cạnh tường đối diện, tay trái dứt túi áo đuôi tôm màu đen, tay phải cầm khẩu súng lục chúc đầu xuống đất. Hai khẩu khác giắt túi quần. Bộ mặt vàng

ệch, khô khan của y bình thân, pha chút ghê tởm. Về phía mình, tôi không dám chắc tôi có được vẻ mặt tương tự.

Hai nhân chứng của tôi (một là Đubôtôpkơ) đưa tôi một khẩu súng. Hai khẩu nữa họ nhét vào túi quần tôi – tôi không hề để ý tới họ, tôi chỉ chăm chú vào bộ mặt của kẻ tôi sẽ phải giết, nếu không y sẽ giết tôi. Tôi nhìn y với một sự chăm chú khó giải thích, dường như mong hiểu ra vì lẽ gì y định giết tôi, tại sao y căm thù tôi.

– “Thế còn mình, sao mình định giết y? – Tôi thầm nghĩ, làm như thế chỉ có tôi đang cầm súng trong tay. – Không, không nên giết y. Và lại vấn đề không phải ở đó, mà là ở chính cái cổ mảnh mai này kia – một cái cổ quá ư yếu ớt của con người, cho nên dễ vụn gãy nó lắm”. Tôi cũng không muốn chết, vì vậy quyết định sẽ làm cho Vôrôna bắn đủ ba phát rồi kết thúc cuộc đấu súng.

Các nhân chứng ra hết, để mình hai chúng tôi lại trong phòng, đóng cửa lại. Lát sau, có tiếng hô của một trong hai nhân chứng phía Vôrôna:

– Bắt đầu đi.

Tôi lập tức đưa chân trái bước hai bước về bên trái, sau đó nhẹ nhàng đặt chân trở lại vị trí cũ. Tôi ngạc nhiên thấy mọi sự xúc động vụt biến hết, tôi hành động như một cái máy, nhưng nhanh nhẹn và sáng suốt như chưa từng hành động bao giờ khi có sự giám sát của trí tuệ. Không phải là tai tôi, mà chính là da tôi cảm giác sự có mặt của Vôrôna trong phòng, ở đâu kia cạnh bức tường đối diện.

Cả hai cùng im lặng. Bây giờ mọi sự phụ thuộc vào mức độ kiên gan của mỗi người.

Một ánh lửa lóe lên rọi sáng gian phòng. Vôrôna không chịu đựng nổi. Viên đạn rít lên đầu đó bên trái tôi, đập vào tường. Tôi có thể nổ súng ngay khoảnh khắc đó vì trong ánh lóe sáng tôi thấy rõ nơi Vôrôna đứng. Nhưng tôi không bắn, chỉ đưa tay sờ sờ chỗ viên đạn đập vào. Không hiểu tôi làm như vậy để làm gì. Tôi vẫn đứng nguyên vị trí cũ.

Có lẽ Vôrôna không thể nào ngờ rằng tôi lại sử dụng thủ thuật cũ lần thứ hai. Tôi nghe rõ tiếng y thở hổn hển.

Lại một phát súng nữa của Vôrôna vang lên. Tôi lại không bắn. Tuy nhiên tôi không còn đủ sức để đứng bất động, hơn nữa tôi nghe thấy rất rõ Vôrôna đang lần men theo tường tiến về phía tôi.

Thần kinh tôi không chịu đựng nổi nữa, tôi cũng bắt đầu thận trọng di chuyển. Bóng tối nhìn tôi bằng cả nghìn họng súng. Điểm nào cũng có thể có họng súng, tôi có thể va bụng vào nó, hơn nữa tôi đã mất hút kẻ thù, thậm chí không còn xác định được đâu là cửa, đâu là tường.

Tôi đứng lại nghe ngóng. Ngay khoảnh khắc ấy, một linh cảm nào đó bắt tôi đổ ập xuống sàn.

Phát súng nổ ngang trên đầu tôi, thậm chí tưởng như thổi tung cả tóc.

Tôi còn nguyên ba phát đạn. Trong giây lát, một niềm vui mừng man rợ tràn ngập lòng tôi, nhưng tôi sức nhớ đến cái cổ mảnh khảnh của con người nên hạ súng xuống.

– Trong đó ra sao rồi? – Có tiếng hỏi sau cửa. – Sao chỉ có một người bắn. Một người bị rồi hay sao? Bắn nhanh lên chứ! Thôi cái trò này “kulaga” [\[22\]](#) ấy đi!

Lúc ấy tôi mới giơ súng lên, hướng nó ra xa, chỗ Vôrôna đứng khi bắn phát thứ ba, đoạn bóp cò, thì cũng phải nổ một phát chiếu lệ chứ.

Thật bất ngờ cho tôi, một tiếng rên vang lên cùng tiếng thân người đổ xuống.

– Vào đây, mau lên! - Tôi kêu. – Mau lên! Giúp tôi với! Hình như tôi giết chết anh ta rồi.

Một vệt sáng vàng chói lòa hắt xuống sàn. Khi mọi người bước vào, tôi trông thấy Vôrôna nằm ngửa, sóng sượt, bất động. Tôi lao lại bên anh ta, khẽ nâng đầu lên. Tay tôi chạm phải cái gì âm ỉm, lầy nhầy. Da mặt Vôrôna càng vàng ệch ra.

Không chịu nổi nữa, tôi bóp má anh ta, cúi sát mặt, lay gọi:

– Vôrôna! Vôrôna! Tỉnh lại đi! Tỉnh lại đi nào?

Đubôtôpkơ, cau có và lầm lì từ đâu đó như từ trong sương mù hiện ra. Ông bắt đầu loay hoay cạnh Vôrôna, sau đó nhìn vào tận mắt tôi và bỗng phá lên cười hô hố. Tôi tưởng mình phát điên. Tôi đứng dậy, bàng hoàng, gần như mê đi, tay tự động rút khẩu súng thứ hai trong túi ra. Một ý nghĩ thoáng qua là chỉ việc đưa họng súng lên thái dương và...

– Tôi không muốn, tôi không muốn gì nữa sắt!

– Thôi mà, anh bạn trẻ, thôi mà người anh em quý mến, - tôi nghe văng vẳng tiếng Đubôtôpkơ. – Đâu có phải là bạn lãng nhục hẳn, chính hẳn định làm nhục bạn với ta đấy chứ. Không sao, bạn còn hai phát nữa. Gớm chưa kìa, trông anh bạn đến khổ! Chưa quen đó thôi, tay còn sạch, lương tâm còn trong trắng mà. Thôi nào, thôi mà... Bạn đã giết chết hẳn đâu. Chưa! Hẳn mới chỉ bị choáng như chú bò bị búa ở lò sát sinh thôi. Trông này, bạn chơi hẳn một cú cừ khôi đấy. Xơi tái một mẫu tai với lại lột một miếng da đầu nữa. Không sao, chỉ nằm một tuần hẳn lại đâu hoàn đấy thôi.

– Tôi không cần hai phát ấy nữa đâu. Tôi không muốn, tôi hét lên như một đứa con nít, suýt thì dậm chân đành đạch. – Tôi biểu không anh ta hai phát ấy đấy!

Một nhân chứng của chúng tôi cùng sliăctich nữa, anh chàng có bộ mặt chỉ thấy độc cái mũi to tướng – khiêng Vôrôna đi đâu không biết.

– Ừ thì cho không hẳn hai phát đạn ấy.

Chỉ đến lúc này tôi mới hiểu ra giết một con người là một việc làm kinh khủng chừng nào! Có lẽ thà mình tự nhận lấy cái chết còn hơn. Không phải vì tôi là một thánh nhân đâu. Chẳng thà trong xung đột, nơi chiến trận, trong cơn điên khủng – nó đi một nhẽ. Chứ đằng này – một căn phòng tối om, và một con người phải trốn tránh anh như con chuột trốn tránh chó săn. Tôi nổ liền hai phát vào tường, vứt súng xuống đất và ra thẳng.

Lát sau, khi bước vào gian phòng nơi đã xảy ra cuộc xích mích, tôi thấy mọi người đã lại tề tựu quanh bàn. Vôrôna được bố trí nằm tĩnh dưỡng tại một phòng ngủ, có thân nhân Đubôtôpkơ túc trực chăm sóc. Tôi định ra về

ngay tức khắc nhưng mọi người không cho. Đubôtôpkơ kéo tôi ngồi cạnh, bảo:

– Không sao đâu, anh bạn ạ. Do thần kinh cả thôi. Hãn còn sống, vết thương sẽ lành nganh, còn cần gì hơn nữa? Từ nay hãn sẽ biết đường cư xử với các bậc quân tử. Đây, uống đi... Ta nói thực tình, anh là một sliăctich chân chính. Hành động khôn ngoan như quý sứ, can đảm chờ đợi cả ba phát súng nhắm vào mình – cái đó chả phải anh nào cũng làm nổi đâu. Rất tốt là anh tỏ ra cao thượng như vậy, anh hoàn toàn có quyền bắn chết hãn với hai phát đạn còn lại, nhưng đã không làm như vậy. Từ nay cả nhà ta sẽ hàm ơn anh cho đến ngày tận số.

– Nhưng dấu sao cũng ghê gớm quá, - một sliăctich nói. – Gan lì đến mực ấy, đâu phải là người.

Đubôtôpkơ lắc đầu.

– Lỗi tại hãn, đồ lợn ấy. Tự hãn, cái thằng ngu nát rượu, gây sự chứ. Còn ai có thể nghĩ đến móc mõi chuyện tiền nong ngoài hãn ra? Chắc anh bạn cũng có nghe hãn từng cầu hôn Nadêia, nhưng được nhận bí ngô [23] chứ? Ta tin rằng pan Bêlôrétxki đây gia cảnh sung túc hơn nhà Janốpxki. Anh bạn ta có cái đầu thông minh, đôi tay thành tạo và công việc chắc chắn. Cô gái cuối cùng của dòng họ Janốpxki thì chỉ được thừa kế một gia tộc sản phải ôm giữ khư khư như chó canh đồng rơm, có mà chết đói nhăn răng trên cái đồng tiền ấy.

Đoạn, ông quay ra nói với tất cả:

– Thừa chứ vị, ta hy vọng nơi danh dự chứ vị. Ta thiếu nghĩ nên im lặng về những chuyện đã xảy ra ở tại đây. Chẳng vẻ vang gì cho Vôrôna - ừ thì mặc xác hãn, hãn đáng phạt tội đồ, cái chính là chẳng vẻ vang gì cho ngay cả chứ vị, cho đứa con gái bị thằng hề say rượu đem tên họ ra đàm tiếu... Đối với ta lại càng chẳng vẻ vang gì. Người duy nhất đã xử sự đúng tư cách một người quân tử, chính là pan Bêlôrétxki, và đương nhiên với tư cách một người quan tử, pan sẽ không bao giờ bép xép.

Mọi người đều đồng ý. Và các quan khách bữa ấy chắc hẳn đều biết giữ mồm giữ miệng bởi vì khắp vùng xung quanh không một lời xì xào về chuyện đã xảy ra.

Khi tôi ra về, Đubôtôpkơ tiến chân ra đến thêm, dừng tôi lại, hỏi:

– Bảo thẳng ngựa nhé, bạn Andruxơ [24]?

Tôi đi ngựa không tồi, nhưng giờ đây muốn đi bộ dạo chơi cho khuây khỏa. Vì vậy, tôi từ chối.

– Thôi thì tùy bạn...

Tôi về nhà theo đường mòn qua bãi hoang. Đêm đã khuya, mảnh trăng lưỡi liềm lặn vào mây đen, một ánh sáng xám xám lơ mờ bao trùm khắp bãi. Thảng hoặc một đợt gió tràn qua làm lau sậy khô lao xao, rồi cảnh vật lại càng tĩnh mịch hơn. Cạnh đường đi đó đây lù lù những tảng đá lớn. Một con đường hắc ám. Bóng đen từ những tảng đá hắt xuống mặt đường từng mảng tối sẫm. Cảnh vật u ám, buồn thảm. Tôi bắt đầu buồn ngủ, nên phát hoảng khi nghĩ đến chặng đường dài phải đi qua: phải vòng tránh khu vườn, rồi tránh Bãi thụt Khổng lồ. Hay là cứ xuyên thẳng qua bãi hoang rồi tìm lỗ hổng bí mật của Nadêia ở hàng rào?

Tôi rời mặt đường, rẽ xuống bãi và lập tức sa vào một bãi lầy, lấm bết lấm bết mới leo lên được chỗ khô ráo, lại sa vào bãi lầy, cuối cùng đứng sững lại trước một dải sinh lầy khá dài. Tự rửa mình vì tội vòng vèo loanh quanh, tôi rẽ sang trái, hướng tới những bụi rậm ven sông (tôi biết ở đó phải khô ráo hơn vì các con sông thường hút khô đất trên hai bờ). Lát sau, tôi lần ra đến con đường mòn đã dẫn tôi đến nhà Đubôtôpkơ. Đi đã cách xa nhà ông ta chừng nửa dặm, tôi men theo vạt bụi cây đi về phía Rừng Tùng Đầm Lầy. Xa xa, cách khoảng dặm rưỡi đã thấp thoáng đường nét lơ mờ của khu vườn, thì bỗng một linh cảm khó hiểu dừng tôi lại: không hiểu thần kinh tôi đã quá căng thẳng do rượu, do mối nguy hiểm vừa trải qua hồi buổi tối, hay là một cảm giác thứ sáu nào đó ngầm báo cho tôi biết rằng không phải chỉ có mình tôi trên cánh đồng ruộng hoang vu.

Kẻ thứ hai nữa là cái gì, là ai, tôi chưa rõ, nhưng biết chắc rằng nó còn ở xa. Tôi rảo bước hơn và một lát sau vòng qua đầu dải sinh lầy vừa nãy tôi bị sa vào, bị nó chặn ngang đường. Hóa ra tôi đứng hầu như ngay cạnh đám bụi rậm, ngay trước mắt tôi, cách chừng một dặm là khu vườn Rừng Tùng Đàm Lầy. Dải sinh lầy rộng độ mười mét ngăn cách tôi với chỗ tôi đứng và sa lầy bốn mươi phút trước đây. Bên kia dải sinh lầy là bãi hoang trải ra bằng phẳng dưới ánh sáng mờ ảo, cuối bãi hoang là con đường. Ngoái nhìn lại, xa tít về phía phải, tôi trông thấy ánh lửa hồng thanh bình nhấp nháy trong ngôi nhà Đubôtôpkơ. Về bên trái, cũng xa tít, ở tận sau cái bãi hoang, khu rừng cấm của dòng họ Janốpxki sừng sững như một bức tường đen ngòm. Khu rừng ấy xa lắm, tận ranh giới giữa bãi hoang và sinh lầy.

Tôi đứng lắng tai nghe, mặc dù một cảm giác lo lắng nhắc nhở tôi: nó đã gần hơn hồi nãy. Nhưng tôi không muốn tin vào linh cảm: phải có một nguyên nhân hiện thực nào đó cho tâm trạng hiện thời của tôi. Tôi không trông thấy cũng không nghe thấy một điều gì khả nghi cả. Vậy thì đó là cái gì, cái tín hiệu báo động ấy từ đâu tới? Tôi nằm xuống đất, áp tai nghe và cảm thấy mặt đất khẽ rung rung đều đặn. Tôi không dám tự nhận là một người rất can đảm, bản năng tự vệ ở tôi có lẽ còn phát triển hơn ở người khác, nhưng tôi bản tính tò mò ham tìm hiểu. Tôi quyết định sẽ chờ xem. Lát sau, tôi đã được thỏa trí tò mò. Từ phía khu rừng một đám gì đó đen đen đang di chuyển khá nhanh ra các bãi hoang. Thoạt tiên tôi không đoán ra đó là cái gì. Lát sau, nghe rõ tiếng vó ngựa phi bồm đều đều. Tiếng lau sậy lao xao. Sau đó tất cả biến mất, đám đen có lẽ đã khuất dưới một lũng nào đó. Khi nó lại xuất hiện thì không còn nghe tiếng vó ngựa nữa. Nó phóng đi không một tiếng động, như thể bay trên không trung và tiến đến mỗi lúc một gần hơn. Một giây sau, tôi rướn cả người về phía trước mà nhìn. Trong những làn sương mù trong suốt bập bành hiện lên rõ mồn một hình bóng những kỵ sĩ đang phóng nước đại, bồm ngựa tung bay trước gió. Tôi đếm được đúng hai chục. Kỵ sĩ thứ hai mươi một phóng ngựa ở trước đội hình. Tôi còn đang bán tín bán nghi thì một cơn gió đưa vọng lại từ đâu

đó xa xa tiếng tù và đội sấn. Một cảm giác ớn lạnh chạy dọc khắp sống lưng tôi.

Những bóng đen mờ ảo phóng ngựa từ đường cái rẽ xuống lũng lầy. Những tà áo choàng hiệp sĩ bay phấp phới, các kỵ sĩ ngồi cứng đờ trên yên như thể những hình nhân. Không một tiếng động nhỏ vọng lại. Chính sự câm lặng ấy mới kinh khủng. Có những chấm sáng gì đó nháy nhót trong sương mù. Kỵ sĩ thứ hai mươi một vẫn phóng ngựa đi trước, ngồi bất động trên yên, chiếc mũ cắm lông công chụp sát mắt, gương mặt nhợt nhạt, u ám, môi mím chặt.

Chỉ nghe tiếng lau lách lao xao dưới vó ngựa.

Tôi chăm chú nhìn những chiếc mũi nhọn thò ra dưới vành mũ, những cặp chân ngựa thon dài, phần dưới mọc đầy lông – chân một giống ngựa rất lạ.

Đội sấn của Quốc vương Xtác đang lặc lẽ phóng ngựa lướt đi trên lau lách, các kỵ sĩ hồn ma xám xịt hơi ngả người về phía trước.

Tôi không hiểu ngay ra là họ lang thang trên sinh lầy tìm dấu chân tôi. Bây giờ họ đã tìm thấy rồi, đang phóng đuổi theo đòi linh hồn tôi đó. Họ dừng ngựa, cũng không một tiếng động, cạnh nơi tôi bị sa lầy. Tôi đứng chỉ cách họ chưa đầy hai chục mét sinh lầy, thậm chí tôi còn nhận ra ngựa của họ, những con ngựa mờ ảo, đều mã ngựa ô và khoang, song vẫn không nghe một tiếng động nhỏ nào, chỉ đâu đó gần khu rừng cấm vẫn văng vẳng tiếng tù và. Tôi thấy một kỵ sĩ cuội xuống xem xét các dấu chân rồi lại thẳng ngay người ra. Kỵ sĩ thủ lĩnh vẫy tay về phía tôi vừa mới đi qua để vòng tránh dải sinh lầy. Đội sấn lập tức phóng đi. Chỉ mười lăm phút nữa, vòng tránh dải sinh lầy, họ sẽ có mặt ở chỗ tôi đang đứng. Một sự tức giận lạnh lùng sôi lên trong tim tôi: đừng hòng, bọn bay là hồn ma hay là gì đi nữa, ta cũng sẽ đón tiếp đàng hoàng! Khẩu côn này sáu viên đạn, để rồi xem. Tôi thọc nhanh vào túi và... toát mồ hôi lạnh: Khẩu súng không có đây. Bây giờ tôi mới sực nhớ là để nó ở nhà, trong ngăn bàn.

“Thế là hết” – tôi nghĩ.

Nhưng tôi vốn không có thói quen buông xuôi tay chờ kết cục. Mười lăm phút nữa, họ sẽ đến đây. Địa hình quanh này gập ghềnh, xen lẫn những hố thụt nhỏ, tôi có thể nhảy chuyền qua các mô đất, chứ đội kỵ sĩ có thể sa lầy. Như vậy tôi có cơ chạy thoát. Tuy nhiên nếu hỏ quả là những hồn ma thì sẽ bay qua những chỗ nguy hiểm.

Tôi cởi bỏ giày để tiếng chân bước không làm những kẻ truy đuổi chú ý, tôi len lén bước đi. Khi dải lầy đã khuất sau vạt bụi rậm, tôi rảo bước hơn. Tôi đi vòng vèo, chân đạp lên lau sậy. Chân tôi ướt đẫm sương đêm. Mới đầu, tôi chạy dọc theo dải sinh lầy, sau đó quay ngoặt về phía Rừng Tùng Đàm Lầy. Tôi chạy bừa qua vũng nước, vũng bùn: còn tâm trí đâu mà để ý đến những điều vật vãnh ấy nữa. Lát sau, tôi lại đã ra đến đường mòn. Ngoái nhìn lại, tôi thấy đội săn đã sáng đến phía bên này dải sinh lầy. Họ kiên trì lần theo dấu chân tôi. Cuộc truy đuổi vẫn tiếp tục, bồm ngựa, áo choàng tung bay trong gió.

Lợi dụng những bụi rậm che khuất và đường đang xuống dốc, tôi biểu diễn một tốc độ chạy đua không tiền khoáng hậu. Gió rít ù ù bên tai, ngực như tắc thở, mồ hôi chảy xuống mắt cay xè. Đội săn vẫn bám sau lưng tôi và tiến đến mỗi lúc một gần hơn. Chẳng bao lâu, tôi tưởng sắp gục ngã đến nơi và sẽ không đứng dậy được nữa (tôi quả cũng đã vấp hai lần). Nhưng tôi vẫn chạy, chạy, chạy miết. Khu vườn tối đen nhích lại quá chậm, mà tiếng vó ngựa thì đến gần sao nhanh thế.

May cho tôi, tôi đã ăn nhịp chân, rồi chạy theo đường thẳng, vượt qua hố qua khe, vòng tránh những ngọn đồi, sợ họ dễ phát hiện. Tiếng vó ngựa nghe lúc gần lúc xa, lúc bên trái, khi bên phải. Không còn thì giờ để ngoảnh lại, vậy mà một lần tôi vẫn ghé nhìn qua bụi rậm. Họ, các kỵ sĩ đội săn, vẫn đang lướt theo tôi trong màn sương mù trắng đục bay là là mặt đất.

Ngựa phi rập mình trên không, kỵ sĩ ngồi bất động, lau sậy xao xác dưới vó ngựa. Trên đầu họ, giữa mảnh trời quang mây, một ngôi sao lấp lánh sáng chói.

Tôi lao xuống dốc, vượt qua con đường mòn khá rộng, nhảy xuống con hào và chạy dọc theo lòng nó. Con hào cách hàng rào không xa. Lên khỏi

hào, tôi nhảy một bước đến hàng rào. Họ còn cách tôi chừng bốn – năm chục mét, nhưng mất hút dấu chân tôi nên khựng lại chốc lát, do đó tôi kịp chui qua lỗ hồng ở hàng rào và nấp vào bụi tử đinh hương. Trong khu vườn tối om, vì vậy khi phóng ngựa trên đường mòn, chạy ngang qua chỗ tôi nấp, tôi không nhìn rõ họ. Nhưng tôi nghe rất rõ kỵ sĩ thủ lĩnh rên lên: “Ra Bã thụt”.

Đội săn phóng đi tiếp. Tôi ngồi bệt xuống đất. Tim tôi đập như trống đờ hời. Nhưng tôi lại chồm dậy ngay vì sức nhớ là không nên ngồi sau khi vừa mới chạy. Tôi biết là chỉ mới được tạm tha thôi. Họ có phóng ngựa đi đường vòng thì cũng sẽ đến lâu đài trước khi tôi về tới nơi bằng đường thẳng. Bởi vậy tôi lại chạy. Chân tôi sây sước hết, bật máu, tôi ngã dúi mấy lần vì vấp phải rễ cây, à luôn bị cành tùng quất vào mặt. Tòa lâu đài vụt hiện ra trước mắt tôi, đột ngột, đồ sộ. Ngay lúc đó, tôi cũng nghe thấy tiếng vó ngựa ở phía trước mặt. Nó lại vang lên, nó rền gấp, tôi cảm thấy bằng da thịt mình là họ phóng một nước đại nhanh kinh khủng.

Tôi đánh bài liều. Tôi có thể nấp kín trong khu vườn, nhưng trong tòa lâu đài còn có cô gái có lẽ đang chết khiếp. Tôi phải ở cạnh nàng, ở đó còn có vũ khí của tôi.

Tôi nhảy liều mấy bước dài đến tận thềm và đập cửa gấp gấp:

– Nadêia! Tiểu thư Nadêia! Mở cửa mau!

Nàng có thể ngất đi vì tiếng gọi cửa thất thanh của tôi. Nhưng tiếng vó ngựa đã dồn dập đâu đây, cạnh tòa lâu đài. Nên tôi lại đập cửa thành thành.

Cánh cửa mở tung ra đột ngột. Tôi nhảy vào nhà, khóa trái cửa và đã định lao đi lấy súng, nhưng qua lỗ quan sát tôi thấy bày ngựa mờ ảo phóng vụt qua và mất hút sau chỗ rẽ ngoặt trong hàng cây.

Tôi nhìn Nadêia, rồi nhìn vào tấm gương. Chắc nàng phát hoảng vì diện mạo của tôi: quần áo tả tơi, mặt mũi chân tay sây sước rớm máu, đầu tóc rối tung. Tôi lại đưa mắt nhìn sang Nadêia: mặt tái mét, nhắm nghiền, nàng hỏi:

– Bây giờ nàng tin có đội săn của Quốc vương Xtác chứ?

– Bây giờ thì tôi tin là có, - tôi cau có đáp. – Vậy mà tiểu thư không ngại mở cửa vào lúc ấy ư?! Quả là một trái tim nhỏ dũng cảm...

Đáp lại, nàng khóc nức nở:

– Pan Bêlôrétxki... pan Andrêi... Andrêi. Tôi sợ quá, tôi sợ cho ngài quá. Lạy chúa... Lạy chúa. Lạy chúa tôi. Con xin Chúa hãy gọi mình con đi thôi!

Hai tay tôi nắm chặt lại.

– Thưa tiểu thư Nadêia, tôi không rõ đó có là những hồn ma hay không. Hồn ma thì không thể thực đến như vậy, mà người thì không thể huyền ảo đến thế, không thể hần học mờ ám đến thế. Nhưng tôi xin thề với tiểu thư: vì sự khiếp sợ của tiểu thư, lũ chúng sẽ phải trả với tôi một giá rất đắt. Tôi xin thề với tiểu thư như vậy.

Tận đâu đó xa xôi, tiếng vó ngựa phi gấp gấp tắt dần...

CHƯƠNG 6

Nếu như trước đây câu chuyện của tôi tiến chuyển hơi chậm chạp thì từ nay có lẽ nó sẽ phóng nước đại. Nhưng biết làm sao được, từ cái đêm khủng khiếp ấy các sự kiện diễn ra với một tốc độ làm tôi chóng cả mặt.

Sáng hôm sau, tôi cùng Nadêia sang làng bên, nơi tôi đang ghi lại một số truyền thuyết. Suốt dọc đường tôi chỉ thuyết phục nàng không nên sợ đội săn đến như vậy, kể cho nàng nghe đêm qua tôi đã lừa họ một vố ra sao, tuy nhiên trong đầu tôi vẫn lờm vờn điều thắc mắc: “Nó là cái gì vậy nhỉ? Là cái gì mới được chứ?”

Cô chủ nhân của tôi có vui hơn đôi chút, nhưng vẫn còn lo lắng: tôi chưa thấy nàng lo âu đến như vậy bao giờ. Khi trở về tòa lâu đài, Nadêia còn đứng lại với người gác cổng cạnh nhà ngang, tôi phát hiện một mẫu giấy bẩn thỉu, cắm bằng gai vào thân cây tùng ở nơi lộ liễu nhất. Tôi giật lấy tờ giấy, đọc:

“Cái gì tận số thì phải chết. Mi, một tên lang thang, một kẻ từ phương xa đến, hãy tránh xa. Mi là kẻ khác dòng máu, không liên can gì đến gia tộc bị nguyền rủa này. Đội săn của quốc vương Xtác sẽ đến vào hồi nửa đêm. Hãy chờ đấy!”

Tôi chỉ nhún vai. Sau cơn khiếp đảm đêm qua, tôi thấy lời đe dọa này chỉ là một trò hề diễn tời, một bước giả tạo. Có điều, nó đã giúp tôi khẳng định lại lịch trần tục của lũ ma quỷ nọ.

Tôi giấu tờ giấy đi. Đêm ấy, xảy ra liên tiếp hai sự kiện. Giờ đây tôi ngủ rất kém, những cơn ác mộng luôn dày vò. Khoảng nửa đêm, những tiếng chân bước làm tôi thức giấc. Lần này, tự nhiên tôi có một niềm tin chắc chắn: đó không chỉ là những âm thanh đơn thuần, vì vậy tôi vùng dậy. Khoác tấm áo choàng, tôi nhẹ nhàng mở cửa bước ra hành lang. Tiếng chân bước vọng lại từ cuối hành lang. Tôi lần bước theo và... trông thấy mục quản

gia, tay cầm nển, đang dò dẫm đi. Tôi thận trọng lần theo, luôn cố ẩn vào bóng tối. Mụ bước vào một căn phòng. Tôi định vào theo nhưng bỗng mụ lại ló đầu ra cửa khiến tôi chỉ kịp áp người vào tường. Lát sau, mon men đến gần căn phòng, tôi thấy trong đó chỉ có một cái bàn làm việc cũ kỹ, một cái tủ trạm trổ. Cây nển để trên bậc cửa sổ. Tôi bước vào phòng, thận trọng ghé nhìn vào trong tủ: nó trống rỗng. Căn phòng cũng trống không. Rất tiếc là tôi không thể đứng lại trong phòng vì có thể làm hỏng hết cơ sự. Vì vậy tôi quay lại nấp vào chỗ ngoặt của hành lang. Khoác vội có một chiếc áo choàng, nên tôi rét run, hai chân lạnh cóng, nhưng tôi vẫn đứng đợi. Có lẽ phải đến một tiếng đồng hồ đã trôi qua thì bỗng một hiện tượng nữa khiến tôi kinh ngạc. Tít tận cuối hành lang, có bóng một thiếu phụ, áo màu xanh, đang di chuyển. Bà ta từ đâu hiện ra – tôi không rõ, hành lang ở đầu ấy cũng rẽ ngoặt. Thiếu phụ di chuyển nhịp nhàng, dường như lướt đi. Tôi tiến mấy bước về phía ấy, nhưng đứng sững ngay lại, kinh ngạc. Gương mặt thiếu phụ giống như in gương mặt Nadêia Janôpxkaia, chỉ biến sắc một cách kỳ lạ. Nó có vẻ trang nghiêm, đỉnh đạc và già dặn hơn. Tôi đã nhìn thấy gương mặt này ở đâu nhỉ? Tôi đoán ra rồi, nhưng vẫn không dám tin vào mắt mình. Phải rồi, tất nhiên. Đó là chân dung người thiếu phụ đã bị xử tử. Thiếu phụ Áo xanh!

Tôi quên khuấy ngay mụ quản gia, quên cả lạnh, quên tất. Gì chứ cái điều bí ẩn này, tôi phải khám phá ngay tức khắc. Mãi đến lúc này tôi mới phát hiện ra là cái cửa sổ lớn ở hành lang, một cánh mở tung: Thiếu phụ bước lên bậc cửa thấp lè tè và biến mất. Tôi chạy lại bên cửa sổ, thò đầu ra ngoài, nhưng chẳng thấy gì cả, cứ như có ai cố tình trêu người vậy. Tuy nhiên, góc nhà ở ngay cạnh đó, nhưng gờ tường rất nhỏ hẹp, cũng như chỗ dưới cửa sổ phòng tôi. Tôi bấu mạnh vào tay mình: không, tôi không ngủ mê.

Tôi quá kinh ngạc trước sự kiện mới này, nên suýt bỏ qua mất lần đi trở lại của mụ quản gia. Mụ lần bước đi, tay giơ nển, tay cầm một tờ giấy gì đó. Tôi nép vào hốc cửa, mụ đi ngang qua, dừng lại bên cửa sổ, vừa lắc đầu vừa lẩm bẫm, đoạn đóng cửa lại.

Sau đó mụ lần bước theo bậc thang, xuống tầng dưới.

Mụ ta lên trên này làm gì nhỉ? Tôi đã định về thẳng phòng, nhưng đi ngang qua phòng Nadêia, tôi bỗng dừng lại gõ cửa. Có mà quý sứ biết được, chưa chừng đó chính là cô ta cũng nên? Tôi thì thào gọi:

– Tiểu thư Nadêia! Cô ngủ à?

Tôi chỉ nghe tiếng lẩm bẫm mê ngủ đáp lại.

Tôi trở về phòng, ngồi chồm hổm trên giường, không thắp nến. Tôi run lên vì lạnh, đầu thì tưởng chừng đến vỡ toác ra vì hàng trăm ý nghĩ mâu thuẫn nhau.

CHƯƠNG 7

Hôm sau, khi cùng Nadêia dạo chơi trong rừng cây, tôi kể lại cho nàng nghe về những sự việc xảy ra đêm qua. Có lẽ tôi không nên làm như vậy chẳng? – cũng có thể, nhưng tôi không làm sao quên đi được ý nghi ngờ mù quáng gia có điều mờ ám. Nadêia không hề tỏ ra ngạc nhiên, nàng ngược đôi mắt to và thùy mị nhìn tôi, đoạn trả lời:

– Ngài thấy chưa? Còn tôi... tôi lo cho ngài quá nên mãi không ngủ được. Sau đó tôi thiếp đi mê mệt nên chẳng nghe thấy gì cả. Đêm, ngài đừng mò dậy nữa, pan Bêlôrétxki ạ. Ngộ nhỡ có gì xả ra không hay đối với ngài thì tôi sẽ ân hận suốt đời. Về bà quản gia thì ngài nhầm đấy. Thực ra, bà ta có quyền đi lại khắp mọi nơi, tôi không theo luật lệ cũ quy định người quản gia chỉ được lên tầng trên khi chủ gọi. Điều đáng sợ không phải là bà quản gia đâu, mà là Thiếu phụ Áo xanh cơ. Bà ta lại xuất hiện. Nhất định sẽ xả ra điều gì đó hết sức tồi tệ.

Đoạn, nàng nói thêm, giọng can đảm nghiêm nghị:

– Chắc hẳn đó sẽ là cái chết. Và tôi có đầy đủ căn cứ để nghĩ kẻ phải chết sẽ là tôi.

Chúng tôi ngồi trong một nhà hóng mát cũ kỹ, bỏ hoang từ lâu. Những tảng đá phủ đầy rêu xanh rờn sau trận mưa. Giữa nhà có một tượng vệ nữ bằng cẩm thạch, mũi bị cụt, một con sâu đang bò trên mặt. Nadêia nhìn bức tượng, mỉm cười buồn rầu:

– Chúng tôi cũng vậy thôi. Cuộc sống của chúng tôi cũng đầy rẫy những ghê tởm của sự hoang phế. Ngài bảo ngài không tin lắm nhưng đó là những hồn ma. Tôi không đồng ý với ngài. Mà cứ cho là ngài đúng đi nữa thì có hơn gì đâu. Chịu khổ nhục do ai mà chẳng thế, nếu như phải chịu đau khổ, phải chuộc tội lỗi xưa?

– Với hai năm qua, tiểu thư đã chuộc hết tội lỗi rồi.

Nhưng nàng không nghe tôi nói.

– Mọi người cắn xé lẫn nhau như lũ nhện độc nhốt chung trong một cái hộp. Giới sliăcta đang thoái hóa. Đã từng có thời chúng tôi cứng cáp rắn khỏe như đá, bây giờ thì... Ngài biết không, nếu đem bỏ đôi những phiến đá của một tòa nhà cũ kỹ, có khi thấy loài sên lãi ở giữa. Không hiểu chúng ăn gì mà sống, nhưng những phiến đá như vậy chỉ đập một nhát là nát vụn. Chúng tôi cũng thế. Nên chẳng thà cứ đập sớm đi lại hơn.

– Tiểu thư không ham tiếc cảnh vật đẹp đẽ này ư? – Tôi đưa tay chỉ xung quanh.

– Không. Chỉ mong nó nhanh nhanh lên. Nói chung từ lâu tôi đã sẵn sàng tan biến đi cùng cái hang ổ này. Tôi không thấy tiếc nó, cũng chẳng thương thân mình. Nhưng ít lâu nay tôi tự nhận thấy có ham tiếc cuộc sống đôi chút. Có lẽ, cuộc đời chẳng đến nỗi tệ như tôi hằng nghĩ. Chắc hẳn, có nghĩa lý nhất định trong niềm tin vào ánh mặt trời, vào bè bạn, vào cây cỏ xanh tươi, vào đức quả cảm và lòng chung thủy.

– Tiểu thư bắt đầu nghĩ được như vậy là rất tốt.

– Không, là rất tồi tệ. Yêu cuộc đời mà phải chết sẽ thấy đau khổ gấp bội so với điều tôi hằng tưởng tượng trước kia. Trước kia sự khiếm nhược là trạng thái thường trực trong lòng tôi, giờ đây nó biến thành một cảm giác nào đó khác, không biết gọi là gì, nhưng là một cảm giác tôi không mong muốn. Và mọi sự đều do tôi bắt đầu tin người đời. Không nên có lòng tin ấy, không nên có niềm hy vọng ấy. Thà như trước lại hơn. Yên tâm hơn.

Chúng tôi cùng im lặng. Nàng vít một cành phong xuống sát đầu gối và vuốt ve.

– Hóa ra, không phải bao giờ mọi người cũng nói dối. Tôi vô cùng biết ơn pan Bêlôrétxki về điều đó. Xin ngài thứ lỗi cho tôi về việc tôi đã nghe lỏm câu chuyện của ngài với Xvetilôvich – anh ta quả là một tâm hồn trong trắng, nhân hậu và ngoại trừ ngài cùng chú Đubôtopkơ ra thì có lẽ đó là Con Người duy nhất trong vùng. Tôi cảm ơn Thượng đế là trên đời này

không phải đâu đâu cũng chỉ một lũ người mặt trơ trán bóng, đầu óc lì lợm, mít đặc như gang.

– Tiểu thư vừa mới nhắc đến pan Đubôtôpkơ, vậy theo tiểu thư, tôi có nên cho ông biết mọi chuyện để cùng hiệp lực khám phá toàn bộ những điều mờ ám ở địa phương đây không?

Mí mắt Nadêia chớp nhanh một cái.

– Không nên. Chú tôi là một người nhân hậu, đã có tới hàng trăm lần chứng tỏ lòng thành thủy chung như nhất đối với gia đình chúng tôi. Ông đã ngăn cản không cho pan Garabuôcđa kiện đòi khấu phạt ký phiếu hồi cha tôi còn sống, dẫu cách ngăn cản của ông có khi phi pháp: ông thách pan Garabuôcđa quyết đấu và dọa rằng cả họ nhà ông sẽ theo nhau thách quyết đấu chừng nào Garabuôcđa còn sống. Chính vì vậy mà tôi không muốn chú Đubôtôpkơ dính líu vào chuyện này. Ông quá nóng nảy, ông chú tôi ấy.

Đôi mắt nàng, thường tư lự và buồn rầu, bỗng long lanh.

– Thừa pan Bêlôrétxki, từ lâu tôi đã muốn khuyên ngài một điều. Sau câu chuyện hôm qua, khi ngài thốt ra lời thề, thì tôi hiểu ra rằng không thể chần chừ được nữa... Ngài phải rời khỏi Rừng Tùng Đầm Lầy. Đi ngay hôm nay, chậm nhất là ngày mai, ngài phải trở về thành phố. Thế là đủ lắm rồi! Vĩ cầm đã dứt tiếng, xiêm y đã cất hòm. Giờ đây tử thần lại ngự trị, nên ngài chẳng còn việc gì để làm ở đây nữa. Ngài hãy đi đi. Hãy rời bỏ cái tòa lâu đài đã ô uế hàng mấy thế kỷ nay cùng những con người đã thối rữa với những tội ác của họ, hãy bỏ mặc học cho cái nếp sống phù hợp với họ hơn cả là đêm đen và mưa gió. Ngài quá ư giàu sinh khí đối với nếp sống ấy. Hơn nữa, ngài là người xa lạ.

– Tiểu thư Nadêia! – Tôi thốt lên. – Tiểu thư nói gì kỳ vậy? Ở đây, đã có người trách móc tôi, gọi tôi là kẻ xa lạ. Nhưng thực tình, tôi không ngờ lại phải nghe lời tàn nhẫn ấy từ miệng tiểu thư. Tôi nào có tội lỗi gì để bị đối xử như vậy?

– Ngài không có lỗi gì, - nàng đáp lạnh lùng – nhưng quá muộn rồi. Mọi sự trên đời đều đến quá muộn. Ngài quá giàu sinh khí. Ngài hãy trở lại với

nhân dân của ngài, hãy trở lại với những người đang sống, đang đói khát mà vẫn tươi cười. Ngài hãy đi chiến thắng. Còn những kẻ đã chết rồi, hãy để mặc họ với huyết mộ của họ...

– Vậy ra tiểu thư không phải là nhân dân của tôi sao? – tôi xẵng giọng. – Và dân chúng nơi đây, những người đang bị hà hiếp, đói khát, họ cũng không phải là nhân dân của tôi sao? Rồi Xvetilôvich mà tôi buộc phải phản bội nữa – cũng không phải là nhân dân của tôi sao? Còn những đồng lầy Thượng đế đã nguyện rửa này nữa – nơi đang diễn ra những điều bỉ ổi – cũng không phải là đất nước của tôi sao? Còn những em bé đêm đêm khóc thét lên khi nghe tiếng vó ngựa đội săn và suốt đời phải run sợ hãi hùng – đó cũng không phải là con cái những người anh em đồng bào của tôi sao? Vậy có gì tiểu thư dám khuyên tôi những lời như thế?

Nàng vắn các ngón tay:

– Pan Bêlôrétxki... Chẳng lẽ ngài không hiểu rằng đã quá muộn rồi, cả xứ sở này, cả tôi nữa, đều không còn có thể thức tỉnh, kêu gọi vươn tới một cuộc đời mới được nữa. Chúng tôi đã mòn mỏi chán chường hy vọng rồi. Xin đừng thức tỉnh những hy vọng của chúng tôi nữa. Muộn rồi! Quá muộn rồi! Chẳng lẽ ngài không hiểu rằng ngài đơn thương độc mã, ngài sẽ chẳng làm gì được, cái chết của ngài sẽ chỉ là một sự hy sinh vô ích! Và tôi sẽ không bao giờ tha thứ được cho mình tội lỗi ấy. Ôi, phải chi ngài hiểu ra được những hồn ma ấy đáng sợ nhường nào! Chúng khát máu người đến kinh khủng!

– Thưa tiểu thư Nadêia, - tôi lạnh lùng, - lâu đài của tiểu thư là một chiến lũy mạnh. Nếu tiểu thư đuổi tôi đi, thì buộc lòng tôi phải tìm kiếm một chiến lũy ít chắc chắn hơn, chứ quyết không rời khỏi chốn này. Giờ đây chỉ còn cách hoặc là chết hoặc là chiến thắng. Phải chết, nếu đó là những hồn ma. Phải chiến thắng, nếu đó là lũ người. Tôi sẽ không đi khỏi đây, quyết không đi với bất kỳ giá nào? Nếu tôi làm phiền tiểu thư thì đó là chuyện khác. Còn nếu như yêu cầu của tiểu thư chỉ xuất phát từ sự lo sợ cho tôi, không muốn tôi phải liều thân, thì tôi sẽ ở lại. Nói cho cùng, cái thân tôi là

của tôi, nên tôi có toàn quyền định đoạt nó tùy ý tôi muốn. Tiểu thư hiểu ý tôi nói chứ?

Nàng ngược nhìn tôi, bối rối, mắt đăm lẹ.

– Làm sao mà ngài có thể nảy ra ý nghĩ, dù chỉ trong giây lát, là tôi không mong muốn được thấy ngài trong nhà này? Sao ngài có thể nghĩ như vậy được? Ngài là một người dũng cảm. Ở bên ngài, tôi thấy yên tâm. Hơn thế nữa, tôi thấy sung sướng ngay cả những ngài tàn tệ thô bạo như vừa rồi. Một sliăctích không bao giờ ăn nói như vậy. Họ lịch thiệp, trang nhã, khéo che giấu ý nghĩ thực của mình. Nhưng tôi chán ngấy những trò ấy rồi. Tôi rất muốn được thấy ngài trong lâu đài này, tôi chỉ không muốn phải thấy ngài trong cảnh ngộ như đêm qua, hay là...

– Hay là bị giết chứ gì? – tôi tiếp lời nàng. – Xin tiểu thư bình tâm. Tiểu thư sẽ không bao giờ phải thấy tôi như đêm vừa rồi nữa. Từ nay, vũ khí luôn mang bên mình. Từ nay không phải là tôi, mà là bọn họ sẽ phải chạy trốn, nếu như trong huyết mạch lũ ma quỷ ấy có máu chảy, dẫu chỉ một giọt.

Nàng đứng dậy rời khỏi nhà hóng mát. Ra đến cửa ngài dừng bước giây lát, quay người lại, mắt cụp nhìn xuống chân, nói:

– Tôi chỉ không muốn ngài liều mình. Rất không muốn. Sau câu chuyện vừa rồi, tôi nghĩ về ngài càng tốt đẹp hơn gấp trăm lần. Có điều, xin ngài thận trọng. Đừng bao giờ quên mang theo vũ khí. Tôi... mừng là ngài đã không nghe theo lời khuyên của tôi, đã quyết định ở lại. Tôi nhất trí với ngài là cần phải giúp mọi người nơi đây. Mỗi nguy hiểm đang đe dọa tôi chỉ là chuyện vặt vãnh so với sự bình yên của mọi người. Có lẽ, họ còn đáng được hưởng hạnh phúc hơn là những người sống trên các bình nguyên chan hòa ánh nắng, bởi lẽ họ đã phải chịu đau khổ nhiều hơn trong tháng năm dài chờ đợi. Cho nên tôi cũng nghĩ như ngài là phải giúp họ.

Nàng bỏ đi rồi mà tôi còn ngồi mãi suy nghĩ về nàng. Tôi ngạc nhiên là đã gặp ở chốn heo hút này một tấm lòng cao đẹp nhường ấy.

... Chiều hôm đó, Xvetilôvich đến gặp tôi. Nữ chủ nhân bị nhức đầu, nên đã về buồng riêng từ trước lúc Xvetilôvich đến. Hai chúng tôi ngồi cạnh lò sưởi nói chuyện và tôi đã kết hết cho anh về những sự việc xảy ra đêm hôm trước.

Anh tỏ vẻ ngạc nhiên, nên tôi hỏi điều gì đã khiến anh ngạc nhiên đến thế.

– Không có gì, - anh đáp. – Việc mù quạ gia chỉ là chuyện vợ vãn. Rất có thể mù ta ăn cắp những khoản thu nhập nhỏ nhoi của nữ chủ, cũng có thể gì đó khác nữa. Tôi biết mù đàn bà ấy từ lâu: vừa keo kiệt, vừa ngu tối như cái hũ nút. Đầu óc mù ta đặc sệt rồi, mù không còn khả năng phạm tội ác, tuy nhiên có lẽ cũng nên theo dõi mù ta. Thiếu phụ Áo xanh cũng là chuyện nhảm nhí. Lần sau nếu còn thấy bà ta nữa, anh cứ nổ một phát về phía đó. Tôi không sợ những hồn ma đàn bà. Tóm lại, anh thử đoán xem tại sao tôi lại ngạc nhiên khi nghe đội săn xuất hiện đêm trước?

Tôi nghĩ ngợi một lát.

– Thú thực, tôi cũng đã có ý nghi ngờ tương tự. Rất có thể tôi đã phát triển chúng đi xa hơn nếu không biết đích thực là Vôrôna bị thương nằm liệt giường.

– Liệt giường chỉ là chuyện vợ vãn. Anh vừa ra về thì hẳn đã mò ra bàn tiệc, xanh rớt và cau có, nhưng hầu như tỉnh táo. Vụ trích huyết té ra khá hiệu nghiệm. Đầu hẳn cuốn đầy băng, trông như cái bắp cải, chỉ hở mũi và hai con mắt. Đubôtôpkơ bảo hẳn: “Thế nào, chàng trai, xấu mặt chưa? Nốc rượu say bết nhè, thách ta quyết đấu, nhưng lại vợ phải trang nam nhi nó mới cho no đòn, sướng chưa?” Vôrôna cố gượng cười: “Thưa chú, cháu cũng tự nhận là một thằng ngu. Pan Bêlôrétxki đã cho cháu một bài học nhớ đời, từ nay chừa thói cà khịa với mọi người”. Đubôtôpkơ chỉ lắc đầu: “Đấy, cái anh rượu ngang nó làm cho con người ta trở thành những thằng vô tích sự như vậy đó”. Vôrôna đáp: “Cháu nghĩ phải xin lỗi anh ta. Bất nhã quá. Mời người ta đến chơi mà thành ra mời đến thết đòn”. Nhưng sau hẳn nghĩ lại: “Không, cháu sẽ không xin lỗi đâu, vẫn còn hơi tức. Vả lại anh ta cũng đã được thỏa mãn rồi kia mà”. Tôi xin nói thêm là hẳn ngồi

uống rượu với chúng tôi đến tận sáng. Đubôtôpkơ say bí tỉ đến mức mừng tượng mình là thánh nhân tuân tiết cạnh Nê-rông và cứ lăm le thò tay vào bát rượu lửa [25]. Cái lão đã làm nhân chứng của anh trong vụ đấu súng, một tên ngu độn chạc tứ tuần, vừa khóc lóc vừa rống lên: “Ôi mẹ thân yêu ơi, mẹ đến đây đi, đến âu yếm con, vuốt mái đầu con. Thiên hạ đang hành hạ con trai mẹ, không rót rượu cho con trai mẹ nữa đây này!”. Mấy tên lăn ngủ ngay dưới gầm bàn. Không ai trong bọn họ ra khỏi nhà đến một phút, do đó cả Vôrôna lẫn Đubôtôpkơ hoàn toàn không liên can gì đến đội săn.

– Thế nào? Anh đã nghi ngờ cả Đubôtôpkơ à?

– Sao lại không? – Xvetilôvich đáp, giọng gay gắt. – Bây giờ tôi chẳng tin ai cả. Chuyện liên quan đến vận mạng Nadêia. Tại sao tôi lại phải loại trừ Đubôtôpkơ ra ngoài trong số người khả nghi? Vì lý do gì vậy? Vì ông ta nhân hậu ư? Hừ, con người ta tài giả vờ lăm! Bản thân tôi cũng vậy... Khi xảy ra vụ đấu súng vừa rồi, tôi đã cố tình không lại gần anh để họ khỏi nghi ngờ, nếu như họ là một lũ tội phạm. Và tôi sẽ tiếp tục giấu kín tình bạn giữa hai chúng ta. Tôi đã có lúc nghi cả anh nữa: biết đâu, nhờ... may sao, tôi tỉnh ngộ ngay. Một nhà dân tộc học nổi tiếng mà lại tham gia một đảng cướp! Ha-ha! Còn như Đubôtôpkơ thì ông ta có thể giả làm cừ non lăm. Cái chính là tôi không ưng tặng phẩm cuối cùng của ông ta, cái bức chân dung cụ cố Rôman ấy. Cứ như cố tình làm cho cô bé mất ăn mất ngủ ấy...

– Đúng thế, - tôi sức nghĩ ra, - quả đáng nghi thật... Từ hôm ấy Nadêia sợ không dám ngồi cạnh lò sưởi nữa.

– Chứ không à, - Xvetilôvich cau có khẳng định. – Vậy là Quốc vương Xtác không phải là ông ta. Thế mà món tặng phẩm nọ đã khiến tôi có thể nghi cho ông ta. Cả sự kiện hôm qua nữa.

– Đây anh bạn, - tôi nói, - thế sao lại không có thể giả thiết rằng Quốc vương Xtác chính là anh? Hôm qua anh về sau tôi, anh lại đang ghen tôi vì nàng, mặc dù chẳng có cơ sở quái gì. Biết đâu, anh chỉ tung hỏa mù vào mắt tôi, chứ thực ra tôi vừa bước ra khỏi cửa là anh đã hô: “Lên ngựa, anh em ơi!”

Tôi chưa hề nghĩ như vậy, nhưng tôi không hài lòng là chàng trai cả tin và chân thành ấy hôm nay lại đa nghi đến thế.

Xvetilovich nhìn tôi, kinh ngạc, chớp mắt liên hồi, rồi bỗng cười phá lên và lập tức lại biến thành chàng trai trong trắng, nhân hậu trước đây.

– Chứ không à? – tôi nhại giọng anh. Không nên nghi oan cho những bậc lão thành như ông Đubôtôpkơ. Để đến chỗ vu oan giá họa cho người ta lắm.

– Bây giờ thì tôi hết nghi ông ta rồi, - anh vẫn vừa cười vừa nói. – Tôi chả vừa bảo anh rằng đêm qua họ ngồi với tôi suốt sáng là gì. Khi trời rạng sáng Vôrôna lại chóng mặt, máu từ vết thương lại bật ra, hấn ta bắt đầu mê sảng. Phải cho người đi gọi thầy lang, rồi thậm chí phải cho xe ra tận huyện đón bác sĩ về. Bác sĩ “kết án” Vôrôna như sau: năm cấm cố một tuần. Họ nói dối với bác sĩ là mọi sự do chuyện rủi ro ngẫu nhiên mà thôi.

– Vậy thì còn ai nữa nhỉ?

Chúng tôi đã điếm danh cả một vùng xung quanh, nhưng không kết luận được là ai cả. Thậm chí, đã nghi cả Becman, và mặc dù biết rằng anh tả chỉ là loại cừ non, vẫn quyết định viết thư cho bạn bè Xvetilovich ở tỉnh, nhờ tìm hiểu xem Bécman đã từng sống ở thủ đô ra sao, bản thân anh ta là người thế nào. Đó là một điều cần thiết, bởi vì Bécman là người duy nhất trong số cư dân lãnh địa Janôpxki mà chúng tôi không nắm được lai lịch. Chúng tôi đoán già đoán non mãi mà vẫn không đi đến được một kết luận nào.

– Ai giàu có nhất quanh rừng Rừng Tùng Đầm Lầy này? – tôi hỏi.

Xvetilovich nghĩ ngợi một lát.

– Có lẽ, Janôpxkaia... Tuy nhiên của cải của nàng là vật chết. Sau nàng là Gôrôvích (ông ta không sống ở đây), tiếp theo là Garabuôcđa. Nhân tiện xin nói anh biết: ông ta là người thừa kế chính, nếu như Nadêia chết ngay bây giờ. Sau nữa chắc đến Đubôtôpkơ. Ông ta ít ruộng đất, nhà cửa, cơ ngơi, anh thấy rồi đấy, cũng xuềnh xoàng nhưng có lẽ không ít tiền bạc, vì lúc nào cũng có khách khứa ăn uống tiệc tùng. Số còn lại đều loại tép riu cả.

– Anh bảo Garabuôcđa là người thừa kế chính của Janốpxkaia. Tại sao là ông ta chứ không phải là anh, một người họ hàng thân thích với nàng?

– Tôi đã kể với anh là cha tôi tự nguyện khước từ quyền thừa kế mà. Vừa nguy hiểm, trang ấp lại chẳng đem lại thu nhập gì, theo lời đồn đại, lại còn những ký phiếu gì đó luôn đe dọa nó nữa.

– Vậy anh không nghĩ là chính Garabuôcđa...

– Hừm. Liệu ông ta được lợi lộc gì trong việc chiếm đoạt bằng thủ đoạn tội lỗi những thứ đương nhiên thuộc về ông ta? Cứ cho là Janốpxkaia đi lấy chồng, thì ký phiếu vẫn nằm trong tay ông ta, nếu như đó không phải chuyện tầm phào. Với lại, ông ta vào loại nhát gan hiểm có.

– Thế đấy, - tôi nghĩ ngợi. – Nếu vậy chúng ta sẽ tìm khác khác. Cách như thế này: cần phải tìm cho ra ai đã rọi Rôman ra khỏi nhà vào chiều hôm ấy. Chúng ta biết những gì rồi? Cô con gái ông đến thăm nhà Kunsà nào đó à? Có thể là Rôman không cười ngửa đến nhà họ chẳng? Tôi mới biết điều đó qua lời kể của Bécman. Phải hỏi nhà Kunsà. Phần anh, xin anh tìm hiểu hộ về cuộc sống của Bécman ở tỉnh lỵ.

Tôi tiễn Xvetilôvich đến đường cái và trở về theo lối hàng cây khi trời đã nhá nhem. Trong lòng thấy buồn bực, khó chịu. Đường giữa hàng cây từ lâu đã biến thành đường mòn rậm rạp, có chỗ vòng qua một bụi tử đinh hương um tùm. Những chiếc lá hình trái tim ướt át, vẫn còn xanh tươi, lấp lánh lờ mờ, những giọt nước mưa trong vắt rơi tí tách. Bụi cây như đang nức nở.

Tôi vòng qua bụi tử đinh hương và đi qua đã được mười bước thì ở sau lưng vang lên một tiếng nổ khô khốc. Tôi lập tức thấy vai đau nhói.

Thật đáng xấu hổ, nhưng phải thú thực rằng chân tay tôi run bắn lên. “Đó, - tôi thầm nghĩ, sắp một tiếng nổ nữa thế là hết”. Lẽ ra phải bắn vào bụi tử đinh hương hoặc phải bỏ chạy – cả hai chẳng, chẳng nào cũng sẽ là khôn ngoan hơn điều tôi đã làm lúc ấy. Vì quá hốt hoảng, tôi quay lại và lao thẳng tới bụi tử đinh hương, giơ ngực ra hứng đạn. Tôi nghe rõ tiếng răng rắc trong bụi, có kẻ bỏ chạy. Tôi chạy như điên, đuổi theo hẩn và chỉ ngạc

nhiên: sao hần không bắn nữa? Có lẽ hần cũng hành động theo bản năng, tức tháo chạy bán sống bán chết, nhanh đến nỗi chẳng những tôi đuổi không kịp mà còn chẳng thấy bóng vía hần ra sao.

Tôi đàn quay lại đi về nhà, vừa đi vừa suýt khóc rống lên vì bức tức. Về đến phòng riêng, tôi xem xét vết thương, thấy nhẹ không, chỉ sưng tấy da ở bắp thịt vai. Nhưng vì lý do gì nhỉ? Vì sao nhỉ? Đã kể chuyện thực thì không được thêm bớt. Chắc hần sau những lo sợ đã trải qua, thần kinh tôi rệu rã. Suốt hai tiếng đồng hồ tôi co quắp trên giường vì khiếp sợ. Chưa bao giờ tôi có thể tưởng tượng nổi một con người lại có thể hèn hạ như loài giun dế, lại vô tích sự đến thế.

Tôi nằm nhớ lại những lời hăm dọa, tiếng chân bước ngoài hành lang, bộ mặt gớm ghiếc ở khung cửa sổ, Thiếu phụ Áo xanh, cuộc bỏ chạy trên bãi hoang lau lách, phát súng bắn vào lưng.

Chúng sẽ giết, nhất định sẽ giết chết tôi. Tôi có cảm giác hình như bóng đêm đang nhìn tôi bằng cặp mắt vô hình của một quái vật, hình như có kẻ đang lần mò tới gần, sắp vồ tôi đến nơi. Thật xấu hổ mà thú thực rằng tôi đã kếp chần trùm kín đầu làm như cái chần có thể che chở được cho tôi. Và một ý hèn nhát bỗng nảy ra trong óc: “Phải bỏ chạy thôi. Hy vọng vào tôi - điều đó quá ư nhẹ nợ đối với họ. Cứ mặc cho họ tìm hiểu những trò ti tiện cùng cái đội săn ấy. Mình đến mất trí nếu còn lại ở đây một tuần nữa.”

Không một tiêu chuẩn đạo đức nào có tác dụng lúc bấy giờ, tôi run như chiếc lá trước gió thu, rồi kiệt sức vì khiếp sợ, đã ngủ thiếp đi. Chắc hần nếu đêm đó lại vang lên những tiếng chân bước ngoài hành lang thì tôi đến chui xuống gầm giường. May thay, chuyện đó đã không xảy ra.

... Ánh sáng ban mai đã trả lại cho tôi lòng dũng cảm, tôi lại bình tĩnh lạ thường.

Tôi quyết định đến thăm Bécman từ sáng sớm, vì nữ chủ nhân bị mệt vẫn chưa dậy. Phía sau tòa lâu đài là cả một vườn ngưi bàng rậm rạp, cao lớn hơn đầu người, lá đang khô dần sương đêm. Tôi lách qua, đi thẳng đến bậc thềm nhà ngang, gõ cửa. Không có tiếng trả lời, tôi khẽ kéo cánh cửa thì nó

mở ra. Trong gian tiền sảnh nhỏ bé không một bóng người, chỉ thấy chiếc áo bành tô của Bécman treo trên mắc. Tôi dặng hăng. Trong phòng có tiếng sột soạt. Tôi gõ cửa. Giọng Bécman nhát gừng:

– A-ai đó? Vào – vào đi.

Tôi bước vào phòng, Bécman đang ngồi ở bàn, nhồm dậy cài vội khuy ngực áo choàng. Mặt anh ta nhợt nhạt.

– Chào pan Bécman.

– X-xin mời ngài ngồi. – Anh ta lảng xảng mời chào khiến tôi phát ngượng.

“Mình đến đây làm gì cơ chứ? Người ta thích cô độc. Trông kìa, anh ta tất bật khổ chưa...”

Nhưng Bécman đã bình tĩnh lại.

– Xin mời ngài ngồi xuống đây, quý hóa quá, xin mời – xin mời thượng khách.

Tôi nhìn chiếc ghế bành còn đặt cái đĩa với một món ăn dở dang và một cái thìa con. Bécman vội thu dọn đi cả.

– Xin ngài thứ lỗi. Tôi vừa định à... biết nói thế nào nhỉ... à thỏa mãn nhu cầu ăn uống.

– Xin ngài cứ tự nhiên, - tôi đáp.

– Ấy chết, đâu dám! Ăn uống trước mặt thượng khách... tôi đâu dám vô lễ.

Búp bê sứ nhếch mép cười duyên dáng.

– Không biết quý ngài có nhận thấy là cái cảnh con người ăn uống chẳng ngoạn mục tí nào cả không? Ôi, thật kinh tởm! Anh ta chép chép, nhồm nhoàm như một con vật. Mỗi người đều có cách ăn giống hệt con vật nào đó. Người ăn như sư tử, kẻ ăn ngoàm ngoạp như con vật – ngài thứ lỗi cho – con vật mà đứa con lạc đàn hăng chần dặt. Không, thưa quý ngài, tôi không bao giờ ăn uống trước mặt người khác.

Tôi ngồi xuống. Gian phòng bày biện đơn sơ. Một cái giường sắt trông như máy chém, một cái bàn ăn, hai chiếc ghế, và một cái bàn nữa đầy sách vở, giấy tờ. Chỉ có chiếc khăn trải trên cái bàn thứ nhất là lạ mắt: nó rất nặng, màu xanh pha vàng, phủ sát đến tận sàn nhà.

– Ngài ngạc nhiên ư? Ồ, thưa quý pan, đây là vật lưu niệm duy nhất còn lại từ thời xa xưa.

– Pan Bécman...

– Dạ, xin quý ngài cứ truyền bảo.

Anh ta ngồi xuống, cúi cái đầu búp bê, mở to đôi mắt màu xám và nhướn hai hàng lông mày.

– Tôi muốn hỏi: ngài có những sơ đồ khác của tòa lâu đài không?

– Hừm... à... không ạ... Còn một bản nữa, vẽ ba mươi năm trước đây, nhưng có ghi chú rõ là vẽ lại từ bản tôi đã đưa quý pan, chỉ thêm vài vách ngăn mới. Đây, bản sơ đồ ấy đây.

Tôi nhìn qua sơ đồ. Bécman nói đúng.

– Xin ngài cho biết có căn phòng bí mật nào trên tầng hai, cạnh phòng có kê cái tủ bỏ trống hay không?

Bécman suy nghĩ.

– Thưa quý pan, tôi không biết... tôi không rõ ạ... ở đâu đó phải có phòng lưu trữ mật của dòng họ Janõpxki, nhưng ở đâu thì tôi không biết. Kh-không biết ạ...

Những ngón tay anh ta lướt nhanh trên tấm khăn trải bàn, gõ nhịp một hành khúc khó hiểu nào đó.

Tôi đứng dậy, cảm ơn chủ nhân căn phòng và bước ra.

“Tại sao anh ta lại hết hoảng thế nhỉ? – Tôi nghĩ – Ngón tay luôn di động, mặt tái mét. Ha, thằng cha quen sống độc thân bắt đầu sợ tiếp xúc với mọi người...”

Tuy nhiên, một ý ngờ vực vẫn xoáy vào óc.

“Tại sao? Tại sao nhỉ? Không, ở đây có gì đó mờ ám. Và không hiểu sao hai tiếng “bàn tay” cứ lớn vồn trong đầu mình. Bàn tay. Bàn tay. Bàn tay thì liên quan gì đến đây nhỉ? Phải có gì đó ẩn khuất sau hai tiếng này, nếu như chúng cứ ngoan cố nẩy ra từ nơi sâu thẳm của tiềm thức”.

Tôi rời căn phòng anh ta với một điều tâm niệm dứt khoát là phải cảnh giác. Tôi rất không ưa cái thằng người nhỏ bé giống búp bê ấy, đặc biệt là những ngón tay của y, những ngón tay dài gấp đôi ngón tay bình thường, những ngón tay uốn éo như những con rắn bò trên mặt bàn.

CHƯƠNG 8

Hôm ấy là một ngày u ám, ảm đạm, bầu trời xám xịt lạnh lùng đến phát khóc lên được. Tôi đến thăm trại Giabitri của gia đình Kunsu. Những đám mây xám xịt bay là là trên các sinh than bùn. Một cảnh vật đơn điệu như trại lính trải ra trước mắt tôi. Trên cánh đồng bằng phẳng một màu nâu xỉn đó đây có những vệt xám xám di động: ấy là đàn cừu đang được một mục đồng chăn dắt. Tôi men theo bờ Bãi thụt không lồ, mắt đã mỏi mà chẳng biết nhìn đâu cho đỡ nhức nhối. Bỗng có vật gì đen đen nằm trên cỏ. Tôi bước lại gần. Đó là một cây thập ác bằng đá rất to, dài đến ba mét, bị đổ đã từ lâu, bởi vì hố chôn nó hầu như đầy đất, và cỏ mọc um tùm. Những hàng chữ khắc trên thập ác đã nhòa hết nét:

“Nơi đây, kẻ tôi tớ nhà chúa, tên gọi Rôman, đã đột ngột lìa đời. Hỡi lũ du khách tha hương, xin hãy cầu nguyện cho vong linh Rôman, ngõ hầu sẽ có kẻ khác cầu nguyện cho linh hồn các người, bởi vì những lời nguyện cầu của các người thực đẹp lòng chúa.”

Tôi đứng hồi lâu cạnh cây thập ác. Vậy ra, đây chính là nơi cụ cố Rôman đã thác!...

– Lạy pan nhân đức, - bỗng tôi nghe có tiếng gọi sau lưng.

Tôi quay lại. Một người đàn bà, áo xống rách bươm kỳ quái, đang chìa tay xin. Mụ còn trẻ, khá xinh đẹp, nhưng bộ mặt da bọc xương, vàng ệch trông chết khiếp được, khiến tôi cũng phải vội cụp mắt xuống. Trên tay mụ bế một đứa trẻ.

Tôi bố thí cho mụ.

– Lạy pan thí cho chút bánh thừa. Con đói, sợ đi không đến nơi. Thằng Jaxik chết mất thôi...

– Cháu bé làm sao thế?

– Con không biết ạ, - mụ trả lời không thành tiếng.

Trong túi còn cái kẹo, tôi liền đưa cho người đàn bà, nhưng đưa trẻ hoàn toàn thờ ơ với kẹo.

– Ta biết làm gì cho chị bây giờ được?

Lúc ấy, có một nông dân đi xe quệt qua. Tôi gọi anh r a lại, cho một rúp và bảo chở người đàn bà đến Rừng Tùng Đầm Lầy để người ta cho mụ ăn uống và nghỉ ngơi đôi chút.

– Cầu chúa ban phước lành cho pan nhân đức – người đàn bà lẩm bẩm qua nước mắt. – Không đâu cho mẹ con tôi miếng ăn. Xin chúa hãy trừng phạt những kẻ đuổi dân đen, cướp đất.

– Ai xua đuổi các người?

– Thưa, pan ạ.

– Pan nào?

– Thưa, pan Antôxơ ạ. Người gầy gầy ạ...

– Ông ta họ gì? Làng chị ở đâu?

– Con không biết họ ông ta, còn như làng thì gần đây, sau cánh rừng kia ạ. Chúng con cũng có chút ít tiền. Năm đồng bạc. Nhưng ông vẫn đuổi đi.

– Thế chồng chị đâu?

– Bị giết rồi ạ.

– Ai giết?

– Chúng con kêu khóc, không muốn rời đi. Bố Jazep nó cũng kêu. Thế rồi các ông ấy bắn. Đến đêm thì đội săn hiện về bắt những người kêu la to mồm nhất đem đi nhện chìm dưới sinh lầy. Họ chết mất xác cả... Không ai dám kêu nữa.

Tôi vội xếp sấp cho họ lên xe, đoạn tiếp tục đi đường mình, lòng nặng trĩu. Trời đất hồi, tăm tối quá chừng! U mê quá chừng! Biết bao giờ mới lay chuyển nổi trái núi này đây? Trong bữa tiệc ở nhà Đubôtôpkơ chúng tôi đã đánh chén một khối lượng thực phẩm có lẽ dư để cứu bốn chục đứa bé như Jaxik khỏi chết đói. Người ta không cho những người đang đói khát bánh

mì, người ta lại còn đem bánh mì của họ vỗ béo bọn lính để chúng bắn vào họ chỉ vì họ đói. Quả là một sự anh minh của Nhà nước! Vậy mà những kẻ bất hạnh kia vẫn câm lặng! Ôi nhân dân tôi, Người bị trừng phạt bởi tội lỗi gì vậy? Cớ sao người cứ trăn trở hoài trên mảnh đất quê hương của chính Người tựa chiếc lá thu lìa cành vậy? Ông Adam đầu tiên trong bộ tộc chúng tôi đã ăn phải trái táo cấm nào vậy?

Một thiếu số thì no say phè phỡn, trong khi đa số lại chết đói ngay dưới cửa sổ của thiếu số nó. Đây kia, cây thập ác đổ trên huyết mộ của một trong những kẻ phát khùng vì quá dửng mỡ. Lại cũng ngay kia một đứa trẻ đang lả đi chết dần vì đói khát. Đã hàng bao thế kỷ cứ tồn tại như vậy cái ranh giới ngăn đôi thiếu số này với đa số nọ, và đây – kết cục lôgich: sự thú vật hóa, sự hắc ám trong toàn quốc gia, sự khiếp nhược ngu đần, đói khát, điên loạn. Cả xứ ở Bêlôruksia là một đồng hoang chết chóc, với tiếng gió hú rền rĩ...

Không đâu, cố Rôman! Các lữ khách tha hương sẽ không cầu nguyện cho người đâu! Mọi người sẽ phỉ nhổ vào cây thập ác đổ trên mộ người. Và xin chúa ban cho tôi sức mạnh đặng cứu giúp người nữ thừa tự cuối cùng của dòng họ người – một người con gái vô tội hoàn toàn trước chân lý kahức nghiệt của lịch sử Bêlôruksia, người mẹ ghẻ chung của tất cả chúng ta.

Không lẽ nhân dân tôi u mê, chết ý đến thế ư?

.... Tôi phải len lỏi đến bốn mươi phút qua một cánh rừng nhỏ, cây cối thấp và ẩm ướt phía sau Bãi thụt Khổng lồ mới ra đến con đường mòn nhỏ hẹp, cây cỏ mọc um tùm. Hai bên đường là những hàng cây hoàn điệp liễu đã bắt đầu rụng lá. Giữa cả mảng hoàn điệp đỏ ối nổi bật lên những cây bạch dương vàng rực và những cây sồi hầu như vẫn xanh tươi. Con đường mòn chạy xuống khe suối róc rách, nước nâu thẫm như nước chè đặc. Hai bờ suối phủ một thảm rêu xanh rì, đó đây những thân cây đổ cũng xanh rì rêu phong, bắc ngang nối liền hai bờ. Vài ba thân cây đã bị tróc rêu, chứng tỏ có chân người qua lại vượt suối.

Xung quanh vắng vẻ, hoang vu...

Bên kia khe suối, rừng trở nên rậm rạp. Con đường mòn biến mất giữa cây cối rậm rịt, len lỏi giữa những bụi dùm hương, tầm ma, mâm xôi, cỏ dại. Những dây hoa bia, lá hình ngọn lửa, leo lên các thân cây, cuốn lấy cành cây, rủ từng chùm lá lửa xanh là là trên đường mòn, luôn chạm vào đầu tôi. Lát sau, đã thấy những dấu hiện đầu tiên cho biết quanh đó có người ở: những bụi tử đinh hương um tùm, vài vạt đất vuông vắn được chăm bón và những bụi ngưu bàng cao lớn – bạn láng giềng muôn thủa của con người. Những bụi tử đinh hương mỗi lúc một rậm rạp hơn, khiến tôi phải len lỏi mãi mới ra đến một bãi trống. Ở đó, tôi thấy một ngôi nhà giữa lùm cây, nền đá cao, bậc thềm xây gạch, cột tròn bằng gỗ sơn màu trắng hẵn là từ thời tăng tổ. Ngôi nhà đổ nghiêng hẳn về một bên như một chiến binh trọng thương sắp gục ngã. Các khung cửa xiêu vẹo, ván lát đã bong nham nhỡ, kính lâu ngày đã ngả màu. Trên thềm cửa chính, giữa các khe bậc lát gạch, ngoi lên vài gốc ngưu bàng, vụn thọt, và cả một cây diệp liễu to tướng gần như che khuất cửa ra vào. Trên lối vào cửa hậu, một vũng nước lầy lổn, vài viên gạch bắc tạm để đi qua. Mái nhà xanh rì, dày cộm một lớp rêu mượt mà. Tôi ghé nhìn qua cửa sổ xám xịt: trong nhà còn ảm đạm, hoang dã hơn thế nữa. Tóm lại, y hệt một “ngôi nhà cột chân gà” [26]. Chỉ còn thiếu mục yêu tinh Jaga nằm trên một hòn gạch thứ chín mà rằng: “Phù! Đâu đây thoảng mùi thịt người!”

Nhưng chỉ lát sau, mục hiện ra thật. Qua ô cửa sổ, một bộ mặt khô héo đàn bà đang nhìn tôi – bộ mặt nhăn nhúm trông như một cái đầu lâu bị da khô vàng ệch, tóc bạc trắng, xoa tận vai. Tiếp theo, một cánh tay như cẳng gà thò ra, chìa một ngón nhãn nheo ngoắc gọi tôi.

Tôi đứng giữa sân, vẫn chưa hiểu ra cử chỉ nọ dành cho ai.

Cánh cửa hé mở, một cái đầu thò qua khe.

– Xin mời pan Grigôr nhân đức vào đây, - cái đầu thốt lên lời. - Ở đây họ đang giết hại những kẻ bất hạnh.

Thú thực, sau lời thông báo ấy, tôi chẳng thích thú bước vào nhà cho lắm, nhưng bà lão đã ngồi bệt xuống bậc thềm, với chìa bàn tay qua vũng nước cho tôi nắm lấy.

– Tôi đợi ngài đã lâu, thưa vị cứu tinh dũng cảm của tôi. Số là tên nô bộc của tôi – tên Rưgôơr ấy mà, hăn té ra là một thằng chuyên bóp cổ như lão Râu xanh. Ngài nhớ chứ, chúng ta đã từng cùng nhau đọc truyện Yêu tinh Râu xanh mà. Lão ta là một trang hiệp sỹ mới tao nhả làm sao! Tôi sẽ tha thứ cho Rưgôơr hết nếu như hăn cũng giết người một cách tao nhả như vậy, nhưng hăn chỉ là một thằng nô bộc, biết làm sao được?

Tôi đi theo mục. Ở gian ngoài, một chiếc áo lông bán thân vớt ngay dưới sàn, cạnh bộ yên ngựa, trên tường có treo một chiếc roi ngựa và vài tấm da cáo sần sùi. Ngoài ra, còn có một chiếc ghế đầu ba chân, chân dung một người đàn ông, bắn thiu và đã rách nát. Trong phòng ngổn ngang bề bộn tưởng như bốn trăm năm trước, hậu cứ của chiến trận Grunvandơ ^[27] đặt tại nơi đây và từ bấy đến nay chưa hề quét bụi, lau rửa. Một cái bàn xiêu vẹo, mấy chiếc ghế trông như những phế binh cụt chân, thoi thóp. Cái tủ kê sát tường, đứng nghiêng ngửa chỉ rình đổ xuống kẻ nào dám táo gan bước lại gần. Một bức tước Vonte lăn lóc dưới sàn, cạnh cửa ra vào. Ông Vonte trông hao hao giống nữ chủ nhân ngôi nhà. Ông ta giương cặp mắt ẩn dưới miếng giẻ quấn quanh đầu thay cho vòng nguyệt quế, nhí nhảnh nhìn tôi. Trong góc kê một chiếc gương đứng, khung bám đầy một thứ gì như phân chim. Mặt gương thì nửa trên phủ một lớp bụi dày, nửa dưới lại được lau chùi sạch bóng. Mảnh bát đĩa vỡ, cùi bánh mì, xương cá vớt bừa bãi khắp phòng. Toàn cảnh gian phòng trông như tổ một con chim bói cá, đáy tổ trải một lớp vảy cá. Bản thân nữ chủ gian phòng trông tựa một con chim bói cá – một loài chim kỳ lạ, ưa cuộc sống đơn độc.

Mục quay lại phía tôi. Lần này tôi mới nhìn rõ mặt mục: cái mũi khoằm xuống tận cằm, hai hàng răng bàn cuốc.

– Thưa hiệp sỹ, sao ngài không lau sạch bụi ở nửa gương trên? Tôi muốn ngắm thử toàn thân mình. Để thấy trọn vẹn vẻ mỹ miều.

Tôi còn đang lưỡng lự chưa biết thực hiện lời yêu cầu ấy ra sao thì mục đã bỗng bật bạch:

– Ngài giống phu quân tôi lúc sinh thời lắm. Ồ! Đó là một con người tuyệt hảo! Ông được lên thẳng thiên đường khi đang còn sống – người đầu

tiên sau nhà tiên tri Iliia được vinh dự ấy đấy. Còn lão Rôman thì phải xuống địa ngục. Ấy, trăm sự đều ở cái đội săn của Quốc vương Xtác – ác thần của cả lãnh địa Janôpxki đây. Từ ngày chồng tôi chết, tôi không dọn dẹp nhà cửa nữa để để tang ông ấy. Đẹp đấy chứ thưa ngài? Lại lẳng mạn nữa!

Mụ cười duyên và bắt đầu liếc tình theo đúng những luật ngầm vẫn thịnh hành trong các trường nữ học quý tộc: “Đưa mắt liếc người cùng đối thoại, sau đó liếc sang bên, đầu hơi nghiêng, rồi lại liếc người, tiếp theo ngược mắt nhìn góc trần, cuối cùng cụp mắt xuống”

Thực là một trò giễu nhại mọi tình cảm chân thành của con người. Khác nào một con khi cái bồng ngoác mồm hát nguyên tác tiếng Anh bài ca của Ôphêlia [28].

– Ở đây tuyệt đẹp. Nhưng thực khủng khiếp! Ôi, khủng khiếp lắm!

Bồng mụ lùi xa tôi, lăn ra sàn rúc đầu vào đồng giẻ rách bẩn thỉu.

– Cút! Cút ngay khỏi đây! Người là Quốc vương Xtác!

Mụ giãy giụa, la hét. Tôi nghĩ mà khiếp sợ cho số phận rất có thể đang rình rập mọi người dân trong lãnh địa nếu như nỗi khiếp sợ bí ẩn sẽ tiếp tục rải đôi cánh đen ngòm trên mảnh đất này.

Tôi đang đứng lưỡng lự thì một bàn tay ai đặt lên vai tôi và một giọng đàn ông thô lỗ gặng hỏi:

– Ngài đến đây làm gì? Ngài không thấy là bà ta hơi ngớ ngẩn à?

Gã mugik [29] ra nhà ngoài mang vào một bức chân dung thủng lỗ chỗ và đặt lên bàn. Bức chân dung vẽ một người đàn ông đứng tuổi mặc áo đuôi tôm, cổ đeo huân chương “Thánh Vladimír”.

Sau đó anh ta lôi mụ đàn bà ra khỏi đồng giẻ, đặt ngòi trước chân dung.

– Thưa pani Kunska, ngài đây không phải là Quốc vương Xtác đâu. Ngài đây là nguyên soái đến xem mặt giai nhân bản địa đấy. Còn như Quốc vương Xtác thì đây, trong ảnh này cơ, ông ta đã chết từ lâu rồi, không thể giết ai được nữa.

Mụ đàn bà nhìn bức chân dung, lặng thinh. Gã mugik lấy trong túi ra một miếng bánh mì đen như cục đất. Mụ đàn bà nhăn răng cười hoan hỉ. Mụ bầu từng mẩu bánh bỏ vào mồm, mắt vẫn trân trân nhìn bức chân dung.

– Quốc vương Xtác. Ông nó nhà tôi. Sao lại quay mặt đi như thế, ông?!

Lúc mụ cào cấu bức chân dung, lúc mụ mừng rỡ thì thào nói gì đó với nó, và miệng vẫn nhai bánh. Tôi được rảnh ngồi dò xét người đàn ông lạ mặt. Anh ta trạc ba mươi tuổi, mặc bộ quần áo nông dân, chân đi giày bện bằng da thường thấy ở vùng Pôlexia. Vóc người cao, cân đối, ngực nở nang, lưng hơi gù, cổ cháy nắng. Bộ ria dài làm cho gương mặt có vẻ nghiêm nghị, khắc khổ. Ấn tượng ấy lại càng đậm hơn do hai nếp nhăn giữa hai đầu lông mày và cặp mắt sắc xảo cách xa nhau. Cái mũ maghiêka đội sụp xuống tận mắt. Toàn bộ hình dáng của anh ta gợi một cảm giác khoáng đạt của rừng xanh.

– Chắc anh là Rưgôơ, người gác cổng của bà Kunsà?

– Phải, - anh ta đáp, giọng mỉa mai. – Còn ông hẳn là vị tân khách của pani Janôpxkaia. Tôi có được nghe nói đến một chú chim mới như vậy. Hót hay lắm.

– Anh thường đối xử với bà ta như vậy à? – Tôi hất hàm về phía mụ đàn bà vẫn đang chăm chú nhổ nước bọt vào bức chân dung.

– Thường xuyên như vậy. Bà ta như thế đã hai năm nay rồi.

– Sao anh không đưa bà ta đến huyện lỵ điều trị?

– Thương chứ sao? Hồi còn khỏe mạnh thì khách khứa đầy nhà, bây giờ thì chẳng một thằng chó nào... sliăcta mà! Các pan phụ mẫu đều thế đấy, đồ...

– Chắc anh vất vả lắm nhỉ?

– Vất gì, tôi đi săn thì Zôxia trông nom bà ấy. Với lại, bà ấy không hay giở quẻ đâu. Cũng chẳng đòi hỏi gì. Chỉ ăn nhiều bánh mì thôi, ngoài ra, chẳng thiết gì sất.

Anh ta rút trong túi ra một quả táo đưa cho mụ.

– Bà cầm lấy này.

– Ta không ăn đâu, - mụ vừa nhồm nhẻm nhai bánh vừa đáp. – Thứ gì cũng có thuộc độc cả. Chỉ bánh mì là sạch sẽ thôi, của chúa ban mà.

– Ngài thấy đấy, - Rưgôơ cau có nói. – Mỗi ngày bọn tôi ép phải ăn nóng một lần. Đôi khi bà ấy còn cắn cả tay tôi: bón cho ăn thế là bà ta ngoạm liền... Trước đây bà ta là một bà chủ không đến nỗi tồi tệ đâu. Mà có tồi tệ đi nữa thì ai nỡ bỏ mặc một linh hồn thuộc nhà chúa.

Anh ta bỗng nhoèn một nụ cười hồn nhiên như con nít lại pha vẻ ăn năn hối lỗi làm tôi phải ngạc nhiên.

– Thế do đâu bà ta bị như vậy?

– Do hốt hoảng sau cái chết của Rôman. Tất cả bọn họ đều nơm nớp chờ đợi, xin nói thực tình, cũng đáng đời một số lớn trong bọn họ. Vì cái tội hành hạ dân đen chúng tôi.

– Thế còn Janôpxkaia?

– Ai nghĩ như vậy về Janôpxkaia thì phải tội. Tiểu thư tốt bụng lắm. Tình cảnh cũng đáng thương nữa.

Rốt cuộc, tôi đánh bạo, bởi vì hiểu ra rằng: người như anh ta không thể phản bội.

– Anh Rưgôơ này, tôi đến đây muốn hỏi đôi điều.

– Thì cậu cứ hỏi, - Rưgôơ đáp, chuyển sang gọi tôi là “cậu”, một điều tôi rất hài lòng.

– Tôi quyết khám phá cái vụ đội sấn của Quốc vương Xtác đấy. Anh biết không, tôi chưa tận mắt thấy ma quỷ bao giờ, muốn tự sờ tận tay xem sao.

– Ma với chả quỷ... – anh ta cười khẩy. – Ma cái quái gì mà ngựa của chúng lại để lại trên đường những đống phân rất thật. Nhưng cơ mà pan quý mến, khám phá để làm gì vậy? Vì cái lý do gì vậy?

Tôi không bằng lòng cách xưng hô như vậy.

– Anh đừng gọi tôi là “pan” nữa. Tôi cũng “pan” như anh thôi mà. Còn lý do thì... Vì hiếu kỳ, có thể thôi. Với lại cũng thương cô chủ và nhiều

người khác nữa.

– Phải. Chuyện cô chủ của cậu, tôi cũng từng nghe, - Rurôgơ liếc nhìn tôi, mỉm cười cau có. – Bọn tôi hiểu những chuyện như vậy lắm chứ. Cũng như thể Xôxia đối với tôi ấy mà. Sao cậu không bảo là vì căm tức bọn chúng, muốn rửa mối hận nữa? Số là tôi có biết chuyện cậu vấp chân lên cổ mà chạy trốn cái đội săn ấy ở cạnh sông.

Tôi kinh ngạc:

– Sao anh biết?

– Mỗi người đều có hai con mắt, và mọi người đều để lại dấu vết trên mặt đất. Hôm ấy, cậu đã chạy trốn như một người khôn ngoan. Khổ một nỗi là lần nào tôi cũng mất hút dấu vết của chúng. Bao giờ cũng vậy, dấu chân ngựa bắt đầu và kết thúc đều ở trên đường cái.

Tôi kể lại cho anh ta nghe mọi sự từ đầu chí cuối, Rurôgơ ngồi ngay như tượng, hai bàn tay to, thô ráp đặt trên đầu gối.

– Tôi đã chăm chú nghe hết, - anh nói giản dị khi tôi vừa dứt lời. – Tôi ưng cậu đấy. Cậu cũng xuất thân từ đám mugik chẳng? Tôi cho rằng nếu không phải là từ đám mugik ra thì cũng nằm gần kề với mugik. Chính tôi từ lâu cũng đã có ý vật lông cái bọn ma quỷ ấy, hiềm một nỗi chưa có người hiệp lực. Nếu cậu không nói chơi, thì ta cùng làm. Nhưng cơ mà, theo tôi, cậu chỉ vừa mới nảy ra ý nhờ cậy tôi thôi. Sao bỗng dưng lại thế? Vậy trước đây cậu muốn gì?

– Tại sao thì tôi cũng chẳng biết nữa. Mọi người đều nói tốt về anh: khi tiểu thư Janôpxkaia trở nên côicút hoàn toàn, anh đã tỏ ra rất thương xót cô. Tiểu thư Nadêia có kể với tôi là anh đã định chuyển sang làm người gác cổng cho lâu đài Rừng Tùng Đầm Lầy, nhưng rồi không hiểu sao lại thôi. Với lại, tôi rất thích khi thấy anh là một người độc lập, biết thương người diên đại. Thực ra, mới đầu tôi chỉ định đến hỏi xem tại sao đúng vào đêm Rôman chết, cô bé Nadêia đã ở chơi nhà Kunsa quá muộn.

– Tại sao cô bé ở chơi quá muộn thì tôi cũng không rõ. Hôm ấy, đám tiểu thư các trại ấp quanh đây tụ tập ở nhà bà chủ tôi. Vui lắm. Còn như tại sao

cả Janõpxkaia cũng được mời đến thì tôi cũng không rõ nốt, bởi vì đã mấy năm cô bé không lui tới đây. Giờ thì bà này, anh thấy đấy, bà ấy chẳng nói rõ được đâu.

– Sao lại không nói rõ được? – bà già bỗng mỉm cười hầu như tỉnh táo. – Tôi nói được chứ. Tôi không mất trí đâu, làm ra thế này tiện lợi và đỡ nguy hiểm cho tôi hơn, có vậy thôi. Còn như việc mời con bé Nadêia tội nghiệp, ấy là yêu cầu của Garabuõcđa. Cả con cháu gái của ông ta cũng đến chơi nhà tôi hôm ấy. Với một hiệp sĩ như ngài, thừa pan đại nguyên soái, già này xin kể hết. Phải, phải, chính Garabuõcđa đã khuyên chúng tôi mời con bé đến nhà. Nơi chúng tôi đây, mọi người đều tốt bụng mà. Các ký phiếu của chúng tôi đã về tay pan Đubõtõpkơ ráo, nhưng ông ta đã không kiện đòi khấu phạt ký phiếu. Ông bảo: để làm tin, khiến bà con phải năng lui tới nhà tôi nốc rượu, giờ thì tôi có thể bắt ép chư vị cũng phải uống... Phải, tất cả đều mời Nadêia. Cả Garabuõcđa, cả đại nguyên soái Kamenxki, cả Đubõtõpkơ, cả Rõman, cả Quốc vương Xtác nữa! Đây, cái lão này. Ôi, khốn nạn cháu tôi, Nadêia ơi là Nadêia! Làn tóc tơ vàng của cháu rồi đến chôn vùi cạnh xương khô của cha cháu mất thôi!

Những lời than khóc ấy về một người còn đang sống sờ sờ khiến tôi phải rùng mình.

– Cậu đã thấy chưa? Chẳng biết thêm được là bao, - Rũgõrõ nói, mặt cau có. – Ta ra ngoài một lát.

Khi chúng tôi đã ra khỏi nhà và tiếng than khóc của bà lão đã im bật, Rũgõrõ nói với tôi:

– Thôi được, ta sẽ cùng sục sạo. Tôi cũng ngứa ngáy muốn được nhìn tận mắt cái trò quỷ quái này. Tôi sẽ sục sạo dưới đất và trong đám dân thường, còn cậu thì lục lọi trong giấy tờ và dò xét đám sliãcta. Biết đâu, ta sẽ tìm ra.

Bỗng cặp mắt anh ta trở nên dữ tợn, đôi lông mày đen như than nhú lại trên sống mũi.

– Chuyện đàn bà, ma với chả quỷ. Phải bóp cổ ráo bọn chúng nó, chẳng có chi một vài đứa sống sót thôi là anh em ta lại khốn khổ. Biết làm sao

được... – Đoạn, anh đột ngột kết luận: - Thì cũng như tôi đây, dẫu tiếc rẻ cái thú phóng khoáng nơi rừng xanh, nhưng đôi khi vẫn cứ nghĩ đến Zôxia. Cô ả cũng sống ở đây. Chưa chừng, tôi sẽ lấy cô ta. Cô ta làm bếp. Nhưng cũng có thể, tôi sẽ sống suốt đời độc thân, giữa rừng. Tôi tin cậu chính là vì bản thân tôi cũng đôi lúc nổi cơn điên lên vì cặp mắt ma quái của một con đàn bà (Tôi ko nghĩ như vậy, song thấy không cần tranh luận với con gấu ấy). Có điều, xin anh bạn nhớ kỹ cho. Nếu như anh đến xúi bẩy tôi, rồi bản rẻ - chốn này lắm kẻ lắm le thọt Rưgôơ đấy – thì xin báo trước: anh sẽ không sống nổi ở đời đâu, Rưgôơ chẳng hề biết sợ ai, ngược lại, mọi người đều sợ Rưgôơ. Rưgôơ lại nhiều bạn bè: nếu không, chẳng sống nổi nơi đây. Với lại, tay này bản rất cừ. Tóm lại, tôi sẽ giết chết – xin nhớ cho kỹ đấy!

Tôi nhìn anh ý trách móc. Rưgôơ nhìn thẳng vào mắt tôi, đoạn cười phá lên và kết luận bằng một giọng khác hẳn.

– Nói chung, tôi đợi cậu đến đã từ lâu. Không hiểu sao, tôi cứ nghĩ là cậu sẽ không để yên chuyện này, mà đã bắt tay vào khám phá nó thì không thể qua mặt thẳng Rưgôơ này. Thôi được, ta sẽ giúp nhau một phen.

Hai chúng tôi chia tay nhau ở cửa rừng, cạnh Bãi thụt Khổng lồ, sau khi đã hẹn sẽ gặp lại. Tôi đi thẳng xuyên qua khu vườn, trở về lâu đài.

Tôi về đến Rừng Tùng Đầm Lầy thì bóng tối nhá nhem bao phủ khắp khu vườn. Người đàn bà có đứa con nhỏ ngủ yên trong một phòng ở tầng dưới. Nhưng nữ chủ nhân vẫn chưa có nhà. Tôi đợi nàng chừng một tiếng. Đến khi trời tốt mịt, tôi không chịu nổi nữa, bỏ đi tìm. Tôi vừa đi được một đoạn rặng cây u ám thì trông thấy một bóng trắng đang hốt hoảng tiến lại phía tôi.

– Tiểu thư Nadêia!

– Ô, ngài đấy à? Lạy chúa! Tôi lo quá. Ngài đi lối tắt à?

Nàng bỗng bối rối, cặp vôi mắt xuống. Khi chúng tôi đã về gần đến lâu đài, tôi nói nhỏ với nàng:

– Tiểu thư Nadêia! Tôi xin tiểu thư từ nay không ra khỏi nhà khi trời đã tối. Tiểu thư hứa với tôi nhé!

Tôi phải van nài mãi, nàng mới hứa như vậy.

CHƯƠNG 9

Ngay đêm ấy, tôi đã khám phá ra một trong những điều nghi vấn. Té ra, nó chẳng có gì là ly kỳ. Có chăng tôi chỉ được thêm một bằng cứ nữa chứng tỏ đôi khi sự ti tiện tồn tại ngay trong tấm lòng từ thiện của những kẻ ngu ngốc.

Số là đêm ấy, khi lại nghe có tiếng chân bước, tôi liền lần ra hành lang và lập tức trông thấy mẹ quản gia, tay cầm một cây nến. Tôi lại lần bước theo mẹ đến căn phòng có kê chiếc tủ. Tuy nhiên, lần này tôi quyết không lùi bước nữa. Căn phòng vẫn trống không, trong tủ cũng vậy, nhưng tôi đã sờ soạng kiểm tra từng tấm gỗ phía sau tủ (cái tủ kê trong hốc tường), rồi thử nhấc chúng lên. Té ra, có thể thế xê xích chúng. Bà lão hẳn là hơi nặng tai, chứ không đã nghe thấy những trò lục đục của tôi. Cố lách qua khe hở, tôi trông thấy một hành lang cuốn vòm dẫn sâu xuống hầm nhà. Các bậc lâu năm mòn vẹt đi trơn tuồn tuột, hành lang hẹp đến nỗi hai vai tôi luôn chạm tường. Dò dẫm xuống hết các bậc, tôi thấy một căn phòng nhỏ, cũng cuốn vòm. Dọc tường kê những chiếc hòm lớn có đai sắt và hai cái tủ đứng. Tất cả đều mở tung, giấy tờ vương khắp sàn. Giữa phòng có một cái bàn, cạnh bàn đặt một chiếc ghế đầu thô kệch. Bà quản gia đang ngồi trên ghế đó loay hoay xem xét một tờ giấy đã ố vàng. Tôi lấy làm kinh ngạc về vẻ mặt tham lam của mẹ.

Thấy tôi bước vào, mẹ hốt hoảng kêu lên và chực giấu tờ giấy đi, nhưng tôi đã kịp thời chụp lấy tay mẹ.

– Bà quản gia, bà đưa tờ giấy này cho tôi. Và xin bà cho tôi biết lý do tại sao đêm đêm bà lần mò vào cái phòng lưu trữ bí mật này, bà làm gì ở đây? Nhằm mục đích gì, mà dùng những bước chân đêm dọa nạt mọi người như vậy?

– Ghê nhỉ! Tôn ông quá nhanh nhẩu đấy! – Mụ già trấn tĩnh ngay được.
– Tôn ông muốn biết tất tậ kia đấy!

Có lẽ vì đang ở dưới tầng một nên mụ cho rằng chẳng việc gì phải ý tứ với tôi. Mụ đáp bằng những lời lẽ dân dã bóng bẩy.

– Vậy chứ quý ngài có muốn dùng bánh vừng không ạ? Gớm chưa, ông ta đòi hỏi mới lắm thứ chưa! Lại giật mất cả tờ giấy nữa kia chứ. Bà cầu cho nhà người lúc tuổi già sức yếu thì con cháu nó giật mất miếng bánh khỏi miệng nhà người cũng lẹ như người vừa giật mất của bà mảnh giấy nọ! Chưa chừng, bà còn có quyền đến đây hơn là nhà người cơ đấy. Vậy mà nhà người dám ngồi mà lục vấn có gớm không chứ!

Sốt cả ruột, tôi quát:

– Bà muốn ngồi tù hả? Bà xuống đây làm gì? Hay là bà ngồi đây ra hiệu cho đội săn đấy?

Mụ quản gia phật ý. Mặt mụ nhăn nhó.

– Ngài nói thế phải tội, - mụ lẩm bẫm. – Già này ăn ở đứng đắn, đến đây chỉ cốt lấy cái của mình. Đấy, nó đang ở trong tay ngài kia – những thứ thuộc quyền sở hữu của già này ấy mà.

Tôi xem tờ giấy. Đó là bản trích lục nghị quyết của tiểu ban công vụ tiểu điền chủ. Tôi lướt qua phần đầu, đọc kỹ những dòng cuối:

“Và mặc dù ông Zakrepxki cho đến nay vẫn khẳng định rằng ông có chứng từ xác nhận những quyền lợi quý tộc của ông, đồng thời cũng xác nhận rằng theo quyền thừa kế thay, thì người kế tự dòng họ Janõpxki là ông ta chứ không phải là ông Garabuõcđa, vụ này cần chấm dứt vì lý do thời gian kiện tụng kéo dài đã hai mươi năm cũng như không đủ chứng cứ; cũng vì những lẽ đó, tước quyền quý tộc của ông Zakrepxki Ixiđôr”

– Điều này thì liên can gì đến đây?

– Dạ, kính thưa tôn ông, - mụ quản gia dài giọng ra đay nghiến, - liên can ở chỗ già này chính họ Zakrepxkaia đấy ạ. Đây chính là cha mụ này kiện chư vị quyền thế tai to mặt lớn đấy. Mụ này nào có hay biết, may sao có những người tốt bụng mách bảo cho rằng đâu đó trong nhà này phải còn

lại chứng từ. Quan thẩm phán trên huyện cầm tạm mất mười hai tờ đỏ, nhưng cũng cho được một lời khuyên bảo đáng giá. Xin ngài trả lại cho tờ giấy kia.

– Không ăn thua gì đâu, - tôi nói. – Đây không phải là một văn bằng. Ở đây tòa chỉ nói khước từ phụ thân bà, thậm chí không xác nhận của quyền hạn quý tộc của cụ nhà. Tôi có biết rõ về vụ kiểm tra giới quý tộc tiểu điền chủ này. Nếu như phụ thân bà có những chứng từ xác nhận quyền thừa kế thay cho dòng họ Janópxki thì chuyện mới ổn. Nhưng cụ nhà đã không trình tòa giấy tờ gì, vậy tức thị đã không có những chứng từ ấy.

Về mặt mục quản gia bộc lộ một sự nỗ lực phi thường cố hiểu cho ra những điều rắc rối như vậy.

Lát sau, mục hỏi, giọng nghi ngờ:

– Hay là nhà Janópxki đã mua được các quan tòa rồi nhỉ? Cái lũ sâu mọt ấy, cứ đâm tiền vào là xong hết. Già này thừa biết. Chúng tước mất các chứng từ của ông cụ rồi giấu biến xuống đây cũng nên.

– Thế bà có theo kiện nổi hai chục năm không? – Tôi hỏi. – Những hai chục năm nữa kia!

– Trình tôn ôn, đến lúc ấy thì già này đã về nhà trời giật quần cho Thượng đế rồi.

– Đúng thế đấy. Mà chứng từ thì chẳng có gì. Bà đã lục tung cả phòng này rồi còn gì.

– Vâng, lục ráo cả rồi. Của đau con xót mà, thưa người.

– Khốn nổi, tiền – tờ đỏ, tờ xanh – đều là của tôi cả.

– Vả lại, giữa đêm hôm lục lợi giấy tờ của người khác là không tốt.

– Nhưng cơ mà, trình tôn ông, tiền là tiền tôi, - mục một mực khẳng khẳng.

– Dẫu bà có chứng từ đi nữa thì tòa cũng chẳng xử trả lại tiền cho bà đâu. Quyền thừa tự này của gia tộc Janópxki có hiệu lực những ba thế kỷ hay hơn nữa kia.

– Nhưng của tôi mà, thưa ngài, - mẹ xuýt khóc nấc lên, mặt mẹ lộ vẻ tham lam đến kinh tởm. – Tôi mà giành lại được nhưng tờ đỏ tờ xanh ấy thì cứ nhét vào ống bí tất. Tôi nuốt vào ruột, tôi nằm trên đồng tiền ấy mà ngủ ấy chứ.

– Bà không có chứng từ gì, - tôi sốt ruột. – Người thừa kế hợp pháp lại đang sống sờ sờ đấy.

Bỗng một điều kinh khủng đã xảy ra: mẹ già vươn dài cổ ra – cổ mẹ dài ngẩng ra ghê gớm. Ghé sát tận mặt tôi, mẹ thì thào rít qua kẽ răng:

– Nhưng mà, có lẽ... có lẽ... tiểu thư sắp phải chết rồi.

Gương mặt mẹ bừng sáng lên vì hy vọng.

– Tiểu thư sắp phải chết, thế là ổn cả. Tiểu thư yếu đuối, ngủ ít, huyết quản hầu như cạn máu, ho hen suốt. Liệu được mấy nả nữa? Lời nguyện sắp ứng đến nơi. Vậy thì cứ gì tòa lâu đài này lại phải thuộc về Garabuôđđa, nếu như già này cũng có thể sống nơi đây. Tiểu thư phận đã rồi, qua đận khổ đau sẽ được vui vầy cùng thánh thần. Còn như già này ở đây...

Chắc hẳn gương mặt tôi biến sắc, trở nên dễ sợ, bởi vì mẹ ta bỗng rụt cổ lại, so vai.

– Đồ quạ đen này đánh hơi thấy tử khí rồi hả? Nhưng ở đây chưa có tử khí đâu, ở đây người ta vẫn đầy sinh khí. Mẹ không đáng cái gót giày của con người ấy đâu. Con người ấy có quyền được sống trên mặt đất này gấp trăm lần những đồ yêu quái như mẹ!

– Tr – trình tôn ông... – mẹ lắp bắp.

– Câm đi, con yêu già! Cả mẹ nữa cũng rấp tâm đẫy nàng xuống mồ, phải ko? Một lũ đầu trâu mặt ngựa như nhau cả! Cả một bọn sẵn sàng giết người vì mấy đồng bạc! Một bầu nhện độc! Thí cho một tờ xanh là chúng bay sẽ đang tâm hạ sát cả mẹ đẻ. Mẹ đã biết rõ thế nào là cuộc sống thực sự chưa mà phán về cái chết của người dễ dàng làm vậy? Thuyết với mẹ quá thực vô ích, nhưng dẫu sao mẹ hãy nghe đây: mẹ đang cầu mong cho nàng phải già từ vàng mặt trời chói lọi, niềm vui bất tận, những con người nhân

hậu, những năm dài tuổi thọ, để nằm xuống đất đen làm mồi cho giun dế. Điều mẹ đang cầu mong là như vậy đó! Để mẹ được nằm ngủ trên đồng tiền! Cũng vì đồng tiền ấy mà đội săn mò tới đây. Chưa chừng chính mẹ với Thiếu phụ Áo xanh can dự vào cũng nên?! Đêm qua mẹ mở cửa sổ ngoài hành lang làm gì?

– Con lạy người! Con có mở đâu ạ! Đêm qua lạnh lắm mà... Chính con cũng lấy làm lạ: sao cửa lại mở toang thế này! – mẹ quản gia kể lẽ gần như khóc lóc.

Bộ mặt yêu quái của mẹ bộc lộ một vẻ khiếp nhược ghê tởm không sao chịu nổi. Tôi mất hên tinh táo, quát lên:

– Mẹ mong nàng chóng chết phải không?! Một lũ chó mà, ác độc! Một bầy quạ đen! Cút khỏi đây! Cút ngay! Nữ chủ của các người có tấm lòng cao thượng, nàng sẽ không nỡ đuổi các người, nhưng ta thề rằng nếu các người ko liệu rời khỏi tòa lâu đài mà hơi thở hôi hám của các người đã làm cho ô uế, thì ta sẽ tổng cả lũ các người vào tù.

Mẹ quản gia vừa khóc vừa lê bước lại phía cầu thang. Tôi theo sau mẹ. Hai chúng tôi vừa mới lên tới phòng kê chiếc tủ đứng thì tôi sững lại vì ngạc nhiên: Nadêia Janôpxkaia hiện ra trước mắt chúng tôi, xiêm áo trắng toát, tay cầm một cây nến. Gương mặt nàng buồn rười rượi, mắt hướng nhìn mẹ quản gia, ghê tởm.

– Pan Bêlôrétxki, tôi tình cờ nghe được câu chuyện giữa hai người, nghe hết từ đầu đến cuối. Tôi vẫn theo sau ngài từ nãy đến giờ. Rút cục tôi cũng đã hiểu hết chiều sâu của lương tri và tận cùng của đê tiện. Còn bà..., nàng quay lại với mẹ quản gia đang đứng cúi gằm mặt, ủ rũ: - bà cứ ở lại đây. Ta tha thứ cho bà. Dẫu rất khó mà tha thứ được. Tôi xin ngài Bêlôrétxki cũng tha thứ cho bà ta. Nheìu khi cần phải lượng thứ cho những kẻ ngu xuẩn. Bởi vì... nếu không, bà ta biết đi đâu? Ai cần đến bà ta làm gì – một mẹ già ngu xuẩn như vậy?

Một giọt nước mắt rơi khỏi hàng mi dài, Nadêia qua mặt bỏ đi. Tôi bước theo. Đến cuối hành lang, nàng dừng lại, nói khẽ:

– Người đời hủy hoại tâm hồn mình vì mấy mảnh giấy khốn kiếp ấy. Nếu như không có lời nghiêm cấm của tổ tiên thì tôi sẽ lấy làm sung sướng được cho không bất kỳ ai tòa lâu đài thối tha này. Cả tòa lâu đài, cả tên tuổi dòng họ chỉ là cực hình đối với tôi. Giá mà chết ngay được cho rảnh rỗi! Như thế tôi sẽ để lại được tòa nhà này cho mục già có trái tim đá và cái đầu ngu ngốc kia. Để cho mục được vui mừng nếu mục có thể lê lết dưới đất vì cái nợ vô tích sự này.

Hai chúng tôi lặng lẽ xuống phòng dưới gần lò sưởi, đứng nhìn lửa cháy. Ánh lửa chập chờn đỏ rực phản chiếu lên gương mặt Nadêia. Những ngày gần đây nàng thay đổi rõ rệt, có lẽ, trưởng thành hẳn lên, cũng có thể vì một lẽ đơn giản là nàng bắt đầu trở thành một người đàn bà. Chắc hẳn ngoài tôi ra, không ai nhận thấy sự thay đổi ấy. Chỉ mình tôi được chứng kiến nhành hoa sinh trưởng nơi hầm tối ấy bắt đầu trỗi dậy, nhen nhóm sức sống. Ánh mắt trở nên tinh anh hơn, tò mò hơn, dẫu nổi khiếp nhược cố hữu vẫn còn ngưng đọng trên gương mặt. Nàng đã trở nên linh hoạt hơn.

– Được đứng nhìn lửa cháy thế này cũng thích, có phải không, tiểu thư Nadêia? – tôi nói giọng trầm ngâm.

– Lửa... Mọi sự tốt đẹp biết bao khi có ánh lửa hồng, khi nó cháy sáng. Khi con người không lừa dối nhau.

Bỗng một tiếng hét thất thanh, ghê rợn vang lên đâu đó ngoài sân – một tiếng thét, tiếng rền rĩ dường như không phải tiếng người nữa mà là tiếng ma quỷ. Và lập tức tiếp theo nghe rõ mồn một tiếng vó ngựa vang dội ngay cạnh bậc thềm, mạnh mẽ và hăm dọa. Giọng ma quỷ vẫn tiếp tục rền rĩ ghê rợn, dường như không phải từ lồng ngực giống người phát ra:

– Tên Rôman đời chót – ra ngay! Thù phải trả! Mối thù cuối cùng phải trả! A-ôi! A-ôi!

Hắn còn la hét những câu gì đó nữa không rõ lời. Tôi có thể xông ra cửa xả đạn vào quân chó má man rợ đó, quật chết tươi tại chỗ ít ra cũng một tên, nhưng Nadêia đang nằm chết giắc trên tay tôi, qua làn vải áo mỏng manh tôi cảm thấy trái tim thảng thốt của nàng đập mạnh, rồi nhỏ dần, nhịp

đập mỗi lúc một thưa thớt. Lo sợ cho tính mệnh nàng, tôi đưa tay vuốt nhẹ lên mái tóc. Nàng hơi tỉnh dần, chậm chạp, làn mi chỉ khẽ động mỗi khi tay tôi chạm nhẹ lên mái tóc. Như thể một con chó con luôn bị đánh đập đe nẹt, lần đầu tiên được người vuốt ve: mỗi lần cánh tay giơ lên, mi mắt nó lại run rẩy, nơm nớp chờ roi vọt giáng xuống.

Tiếng vó ngựa âm âm đi xa dần, nhưng toàn thân tôi vẫn căng thẳng, sẵn sàng cùng nàng xông ra cửa nổ súng vào lũ cú vọ ấy, rồi cùng nàng ngã xuống bậc thềm và chết cạnh nàng, luôn cảm thấy thân thể nàng – toàn bộ thân thể nàng bên cạnh mình. Bởi sống mà như thế này – sống không nổi.

Cái giọng ma quỷ vẫn rền rĩ vọng lại:

– Rôman! Rôman! Ra ngay! Phải giày xéo linh hồn mi dưới vó ngựa! Chưa phải hôm nay đâu! Rồi đây kia! Ngày mai... Rồi đây! Lũ ta sẽ về! Sẽ còn về!

Rồi bỗng im bật. Im lặng. Nàng vẫn nằm trong tay tôi, đầu đó dường như có tiếng nhạc du dương, có lẽ ngay trong lòng tôi. Tiếng nhạc khẽ lắm, xa lắm, và êm dịu: về vầng dương, về nội cỏ tím ngắt đọng những giọt sương long lanh, về tiếng họa mi lảnh lót trong tán lá um tùm của rặng cây gia xa xa. Gương mặt nàng thanh bình như gương mặt đứa trẻ thơ đang ngủ. Nhưng rồi một hơi thở dài thoát ra từ lồng ngực, đôi mắt choàng mở, ngơ ngác nhìn quanh, nghiêm nghị.

– Xin ngài thứ lỗi cho, tôi phải đi thôi.

Nàng bước về phía cầu thang dẫn lên tầng hai – một cái bóng nhỏ bé trắng toát...

Chỉ đến lúc này, khi toàn thân vẫn đang run lên vì kích động, tôi mới hiểu ra rằng cô gái vừa mới chết giấc đi vì khiếp sợ ấy có một lòng dũng cảm và kiên cường chừng nào nếu như sau những vụ bị chấn động kinh khủng như vậy vẫn còn dám một thân một mình đi đón tôi và đã hai lần cả gan mở cửa lâu đài cho tôi vào: đêm tôi là khách lạ mới đến và đêm tôi hốt hoảng chạy tháo thân trước tiếng vó ngựa rầm rập của đội săn đuổi theo đến tận cửa. Phải chăng, chính đội săn và những đêm thu đen tối đã khiến

nàng hành động như vậy, cũng như một cảm giác tin cậy thường khiến con thỏ bị đàn chó săn xua đuổi đến nép vào chân người qua đường. Cô gái quả có một thần kinh rất vững vàng nếu như đã chịu đựng nổi hai năm trời.

Tôi ngồi xuống cạnh lò sưởi, đăm đăm nhìn lửa cháy. Mỗi nguy hiểm thật quả ghê gớm. Chỉ có ba con người chống lại những thế lực hắc ám nơi đây, chống lại cả một điều bí ẩn. Nhưng thôi, dẫn đo như thế đã quá đủ! Chúng lọt vào khu vườn ở cạnh Bãi thụt Khổng lồ, vậy thì ngay ngày mai tôi sẽ phục kích ở đó. Hai tay tôi vẫn còn run lên, chứng tỏ thần kinh căng thẳng đến cực điểm. Tâm trạng tôi tồi tệ hết mức.

“Hay là đi khỏi đây?” – một ý nghĩ muộn măn chợt thoáng hiện, dư âm của cái đêm tôi bị một phen khiếp đảm. Nhưng nó tắt ngấm tức khắc dưới áp lực của quyết tâm sắt đá và khát vọng được chiến đấu.

Quyết không! Một là chiến thắng, hai là chôn xác dưới Bãi thụt – chẳng nào cũng chơi!

Hay là bỏ đi quách? Không, tôi không thể rời bỏ tòa nhà lạnh lẽo gớm ghiếc này bởi vì ở đây có người con gái mà tôi đã yêu. Phải, tôi yêu nàng. Tôi chẳng việc gì phải xấu hổ khi thú nhận điều đó. Trước đây, cũng như ở mọi người đàn ông khỏe mạnh, không nhiễm thói ăn chơi trác táng và không quá đa cảm, tôi có những quan hệ bình thường, quan hệ bè bạn với phụ nữ; thậm chí chẳng hiểu sao đôi khi tôi còn xa lánh họ. Có lẽ nhiều người cũng như vậy cho đến khi một mối tình chân chính đến với họ. Nó đã đến với tôi. Bỏ đi ư? Tôi đang ở đây, ở ngay cạnh, đối với nàng tôi là một trang nam nhi dũng cảm (những dao động nội tâm của tôi, nàng đâu cần biết đến), nàng tin cậy ở tôi, có lẽ lần đầu tiên trong hai năm qua nàng được ngủ yên giấc.

Giây phút khi tôi đỡ nàng trong tay đã giải đáp cho tôi mọi điều tích tụ dần dần trong lòng tôi kể từ buổi tôi ngồi bên lò sưởi, khi nàng lên tiếng bênh vực những người nghèo. Tôi sẽ sung sướng xiết bao nếu như có thể ngay tức khắc đen nàng đi khỏi chốn này, đến một phương trời xa lắc để rồi được hôn lên cặp mắt đăm lệ ấy, đôi tay mảnh dẻ ấy, được sưởi ấm, che chở cho nàng mà tha thứ cho thế gian này những điều ngang trái của nó.

Nhưng tôi là cái thá gì đối với nàng? Nàng sẽ không bao giờ trở thành vợ tôi được – đó là một sự thật cay đắng. Tôi chỉ là một kẻ vô gia cư. Nàng cũng nghèo, nhưng xuất thân từ một thế gia vọng tộc, thuộc “dòng máu xanh”, đứng sau nàng là cả một “danh vọng kiêu hãnh của trăm thế hệ”. “Danh vọng kiêu hãnh” ư? Giờ đây tôi đã biết rõ cái danh vọng kiêu hãnh ấy: nó đang tàn tạ. Song, không vì vậy mà tôi sẽ may mắn hơn. Tôi là hạng thứ dân. Không, tôi sẽ ko đời nào che giấu điều đó. Sẽ không một ai dám trách cứ tôi rằng vì vụ lợi mà tôi cưới làm vợ một tiểu thư thế gia vọng tộc, và cũng sẽ chẳng một ai dám bảo rằng tôi đã lợi dụng tình cảm tuyệt vọng của nàng để cưỡng hôn. Điều duy nhất tôi được phép làm là chết cho nàng, hiến dâng cả linh hồn cho nàng, hòng mong phần nào đền đáp những giây phút long lanh diễm phúc đã soi rạng cõi lòng tôi một chiều ảm đạm nọ bên cái lò sưởi to lớn mà không ấm cúng. Tôi sẽ giúp nàng thoát nạn – vậy là đủ.

Tôi sẽ chung thủy, mãi mãi chung thủy với niềm vui hòa lẫn đau thương này, với vẻ đẹp xót xa trong đôi mắt nàng, sẽ lấy điều thiện đền đáp những ý nghĩ tốt lành của nàng về tôi. Sau đó – chấm dứt. Tôi sẽ vĩnh viễn đi khỏi đây, mọi nẻo đường quê hương tôi sẽ trải dài vô tận trước mặt tôi, và vầng mặt trời sẽ mọc lên rực rỡ trong quầng mây ngũ sắc long lanh bởi những giọt nước mắt sắp tràn dâng qua hàng mi.

CHƯƠNG 10

Ngày hôm sau tôi cùng Xvetilôvich đến một khoảnh rừng nhỏ trồng tựa hòn đảo ở cạnh rừng cấm trong lãnh địa Janôpxki. Xvetilôvich rất vui, luôn mồm biện luận về tình yêu nói chung và mối tình của mình nói riêng. Ánh mắt anh xiết bao trong sáng và chân thành, anh yêu một cách chất phác và ngây thơ quá đỗi, nên tôi đã tự nhủ sẽ không bao giờ ngáng trở mối tình của anh, sẽ không quấy rầy anh, sẽ dành trọn cho anh vị trí cạnh người con gái mà chính tôi đã đem lòng yêu dấu.

Người Bêlôruxi chúng ta ít khi yêu mà không hy sinh gì đó. Tôi không phải là trường hợp ngoại lệ. Chúng ta thường làm khổ người mình yêu để rồi bản thân chúng ta còn khổ sở hơn vì trăm mối suy tư, nghi vấn, hành động đầy mâu thuẫn mà những kẻ khác thường quy tụ về một mối dễ như bỡn.

Xvetilôvich vừa nhận được thư từ tình gửi về thông báo cho anh biết một số điều về Bécman.

–Ồ, Bécman... Bécman... Té ra, cũng con nhà nòi kia đấy. Anh ta thuộc một dòng họ lâu đời, nhưng nay đã sa sút và kỳ lạ lắm. Trong thư đây người ta cho tôi biết là mọi người trong dòng họ ấy đều chuộng sống cô độc, ít giao thiệp và đều ác độc. Cha anh ta mất hết gia tài vì một vụ biển thủ công quỹ khá lớn và chỉ thoát nạn tù tội nhờ khéo thua bạc quan thanh tra một món tiền lớn. Bà mẹ thì hầu như suốt đời cấm cung, thậm chí đi dạo chơi cũng chỉ chọn lúc nhá nhem tối trời. Nhưng nhân vật kỳ lạ nhất chính là Bécman. Anh ta nổi tiếng là một người am hiểu những tượng gỗ cổ xưa và đồ thủy tinh. Mấy năm trước đây có xảy ra một chuyện không hay. Hội những người yêu chuộng đồ cổ do bá tước Turskêvich đứng đầu, cử anh ta đến Mơnhikhôvisi, ở đấy, ở Mơnhikhôvisi ấy, người ta đóng cửa một nhà thờ cũ, số tượng trong nhà thờ - nghe đồn rất có giá trị về mặt nghệ thuật –

dự kiến bán cho bảo tàng tư nhân của Tuskêvich, lúc ấy đang làm thủ tục chuyển tặng cho thành phố. Đến nơi, Bécman gửi về một bức tượng thánh Krixtôpho và thảo một công văn khẳng định rằng số tượng trong nhà thờ không có giá trị gì. Mọi người đều tin như vậy, nhưng dùng một cái ít lâu sau mới vỡ lở ra là Bécman đã mua ráo số tượng đó, vị chỉ một trăm lẻ bảy tượng, với một giá rẻ mạt, sau đó bán lại cho một nhà sưu tầm khác với một giá rất đắt. Đồng thời lại phát hiện ra sự hao hụt một món tiền lớn trong công quỹ của hội. Người ta bỏ đi tìm Bécman, nhưng anh ta cùng với mẹ và đứa em trai biến mất tăm – cái đứa em trai ấy vốn ăn học tại một trường ký túc, mới đến thành phố cách đó một năm, có đặc điểm là tính khí lại còn cô độc lắm lì hơn cả ông anh. Suốt ngày cậu ta chỉ ngồi ru rú trong phòng kín, không tiếp chuyện ai, chỉ đọc một lần mọi người gặp cậu ta đi cùng Bécman đến câu lạc bộ, nhưng tất cả đều nhận xét đó là một thanh niên vô giáo dục, đâu có được theo học ở trường ký túc.

Vậy là khi mọi người vỡ lẽ ra thì mấy mẹ con anh ta đã biến mất tăm. Người ta bèn lục lọi tra cứu về họ, thì mới lại té ra Bécman chẳng phải Bécman, còn như là ai – có trời mới biết.

– Ra thế đấy... Chúng ta biết được chẳng là bao, - tôi nói: - Chỉ có một điều đáng chú ý ở đây: Bécman là một tên tội phạm. Nhưng hăn dặt mũi một tên khác, cũng gian ác như hăn, thì mặc xác hăn. Tất nhiên rồi hăn cũng sẽ phải đền tội. Cái đáng chú ý ở đây là điều khác kia. Một là, bà mẹ và cậu em hăn biến đâu rồi? Hai là, vậy thực ra hăn là ai? Việc hăn xuất hiện ở đây, dễ hiểu thôi. Hăn đang phải ẩn nấp mà. Thế nhưng hăn là ai, họ hàng thân thích hăn đâu? – đó là những điều cần làm sáng tỏ. Nhất định tôi sẽ tìm hiểu chuyện này. Về phần tôi, hầu như chưa có gì mới. Tôi mới chỉ dò ra – lại là từ miệng một bà lão mất trí! – tôi dò ra là vào cái đêm bất hạnh ấy, kẻ đã dụ được Rôman ra khỏi nhà là Garabuôcđa. Vậy mà tôi ko nhớ ra nổi mặt mũi lão ra sao mặc dù lão có đến dự sinh nhật Nadêia.

– Không sao, chúng ta sẽ biết tất.

Hai chúng tôi đã đến khoảng rừng, đi sâu vào nữa. Đó là một khoảng rừng duy nhất trong khắp vùng mà đa số cây cối thuộc loài có lá bản. Ở

đây, trên một trảng trống nhỏ, chúng tôi bắt gặp Rưgôơ ngồi dựa lưng vào gốc cây to tướng bị bật lên. Tay anh ta để trên khẩu súng. Trong thấy chúng tôi, anh tan liền đứng dậy, hơi nghiêng người như một con gấu khổng lồ, tay cầm lại báng súng cho tiện hơn.

– Chú ý đừng ra đầm lầy, đừng vào khu vườn, đặc biệt là rìa phía nam và phía đông, - Rưgôơ lầu bầu thay cho lời chào hỏi.

– Tại sao thế? – tôi hỏi sau khi đã giới thiệu Xvetilôvich với anh ta.

– Tại vì rằng là – anh ta lầu bầu, - bọn chúng không phải là ma quỷ. Chúng biết quá rõ những đường mòn bí mật đi qua Bãi thụt Khổng lồ. Các cậu ngạc nhiên là chúng phi ngựa không cần đường xá, thực ra chúng biết rõ mọi hang ổ bí mật trong vòng cũng như mọi nẻo đường dẫn đến hang ổ. Chúng dùng những móng ngựa kiểu rất cổ nhưng lại đóng bằng những cái đinh rất mới. Một điều kỳ lạ mà có thực là những con ngựa của chúng đi kiểu gấu, hai chân trái cùng bước trước, rồi đến hai chân phải, mỗi bước khá dài rộng, - dài hơn ngựa của chúng ta nhiều. Có điều, chúng quá kém cỏi nếu là ma quỷ thực sự. Hồn ma phải đi nổi mọi nơi, còn bọn này chỉ qua được chỗ rào đồ cạnh Bãi thụt. Tôi còn biết thêm nữa là: lần trước chúng chỉ có không hơn chục móng, bởi vì chỉ một nửa số ngựa bước đi đúng như khi có người cưỡi. Số còn lại mang trên trên lưng vật gì đó nhẹ hơn. Tên đi đầu tính khí rất nóng nảy: hăn luôn luôn giật cương ngựa. Lại nữa: có một tên gửi thuốc lá, tôi phát hiện vụn thuốc lá còn xanh tại nơi chúng dừng lại và giẫm đầy dấu vết trước lúc xuất kích. Chỗ đó cạnh cây sồi lớn cách đoạn rào đồ không xa.

– Vị trí tập kết của chúng có thể ở đâu nhỉ? – Tôi hỏi.

– Giờ thì tôi đã biết phải tìm ở đâu, - Rưgôơ điềm đạm trả lời. – Vị trí ấy đâu đó trong rừng cấm Janôpxki. Tôi đã xác định được như vậy theo các dấu chân. Hai cậu nhìn đây. – Anh ta cầm một cành cây vẽ ra trên mặt đất. – Rừng cấm ở đây. Hôm Rôman bị giết, dấu chân mất hút ở chỗ này, ngay cạnh đầm lầy quanh rừng cấm. Lần chúng đuổi theo cậu sau bữa tiệc ở nhà Đubôôpơ, dấu chân biến mất chệch lên phía bắc hơn một chút, còn như

sau lần chúng đến kêu gào cạnh lâu đài tiểu thư Janốpxkaia thì lại chếch lên bắc chút nữa. Cậu thấy không, các nẻo đường gần như gặp nhau một chỗ.

– Quả vậy, - tôi đồng ý. – Và nếu như đi tiếp, chúng sẽ gặp nhau tại một điểm đâu đó trên đầm lầy.

– Tôi đã đến đó, - Rưgôơr đáp gọn lỏn, như thể nói về một điều rất bình thường. – Người ta tưởng đầm lầy ở chỗ đó sa xuống chỉ có chết, nhưng tôi lại thấy ở đó có cỏ lác mọc. Vậy mà nơi nào có thứ cỏ đó, ngựa quân vô lại có thể đặt chân, nếu như cái quân vô lại ấy rất cần phải đến đó.

– Chỗ ấy ở đâu? – bỗng Xvetilôvich tái mặt.

– Cạnh Hẻm Lạnh, chỗ có hòn đá Cối giã Mụ Yêu ấy.

Mặt Xvetilôvich càng tái đi. Có điều gì đó khiến anh xúc động, nhưng anh đã tự kiềm chế được.

– Còn gì nữa? – tôi hỏi.

– Còn điều nữa, - Rưgôơr cau có làu bàu, - ấy là cậu đi sai đường rồi, Bêlôrétxki ạ. Mặc dù kẻ dụ Rôman ra khỏi nhà đêm ấy là Garabuôcđa, nhưng ông ta chẳng liên quan gì đến đội săn. Trong hai đêm gần đây khi nó xuất hiện, Garabuôcđa đều ru rú trong hang ổ như chuột. Tôi biết, ngôi nhà lão được canh phòng cẩn thận lắm.

– Nhưng lão ra rất mong Janốpxkaia chết sớm hoặc mất trí. Như vậy lão được lợi. Lão đã thuyết phục nhà Kunsá đêm ấy mời Nadêia đến chơi, lão lại phái con gái cũng đến chơi nhà Kunsá và lưu tất cả lại đến tận nửa đêm.

Rưgôơr suy nghĩ. Đoạn anh làu bàu:

– Có thể là như vậy. Cậu là người thông minh, tất phải biết. Có điều, Garabuôcđa không có mặt trong bọn chúng, tôi lấy đầu ra mà cam đoan như vậy. Lão cười ngựa rất tồi. Lão nhát gan. Suốt ngày ru rú trong nhà. Nhưng lão có thể xúi bẩy kẻ khác làm cái trò bí ối này lắm.

Nghe đến đây, Xvetilôvich lại càng tái mặt hơn nữa. Anh nhìn chăm chăm đâu đó nơi xa, dường như đang nghĩ ngợi điều gì quan trọng. Tôi

không quấy rầy anh. Nếu anh muốn, anh sẽ tự nói ra. Tuy nhiên, anh suy nghĩ không lâu.

– Này các bạn, có lẽ tôi biết kẻ đó. Chính các bạn đã gợi ý cho tôi. Một là: “Cạnh Cối già Mụ Yêu”. Chiều tối hôm qua tôi bắt gặp ở đó một người, rất quen thuộc đối với tôi, mà tôi không bao giờ dám nghi ngờ. Chính điều này đã khiến tôi bối rối. Ông ta trông rất mệt mỏi, quần áo bẩn thỉu, cưỡi ngựa đi về phía Bãi thụt. Trông thấy tôi, ông ta tiến lại gần: “Pan Xvetilovich làm gì ở đây vậy?”. Tôi nói đùa: “Tôi đang tìm ngày hôm qua. Ông ta phá lên cười, hỏi: “Chẳng lẽ ngày hôm qua, - quý tha ma bắt nó đi! – nó lại trở lại hôm nay à?”. Tôi đáp: “Cái ngày hôm qua ấy đang cười trên cổ tất cả chúng ta đấy”. Ông ta lại hỏi: “Nhưng nó vẫn không trở lại chứ?”. Tôi vặn: “Thế còn đội săn thì sao? Nó chả từ dĩ vàng hiện về là gì?”. Ông ta thất sắc: “Cho quý bắt nó đi... Ngài đừng có nhắc đến nó!”. Đoạn, ông ta đi dọc theo đầm lầy lên phía bắc. Lúc ấy tôi đang trên đường đến anh, Bêlôrétxki ạ, khi ngoảnh lại, tôi thấy ông ta quay lại và đi xuống lũng. Xuống lũng và biến mất.

– Ai vậy? – tôi hỏi.

Xvetilovich do dự giây lát, đoạn ngược đôi mắt trong sáng lên.

– Anh Bêlôrétxki, cả anh nữa, Rưgôơ, các anh bỏ quá cho, tôi chưa thể nói ra điều đó được. Nó quá ư hệ trọng, mà tôi không phải là kẻ quen vu khống, nên không thể bỗng chốc đổ lên đầu người khác lời buộc tội nặng nề trong khi rất có thể người ta hoàn toàn vô tội. Các anh thừa hiểu vì những trò như vậy có thể giết người ta ngay cả khi mới chỉ nghi ngờ. Tôi chỉ có thể nói rằng người đó có mặt trong số quan khách dự tiệc mừng tiểu thư Janốpxkaia. Tối nay tôi sẽ suy nghĩ, cân nhắc, nhớ lại mọi tình tiết, lai lịch mấy tờ ký phiếu, rồi mai sẽ nói hết với các anh... Còn hiệu giờ, tôi chưa thể nói gì thêm...

– Ồ, tất nhiên rồi. Một tình trạng ngoại phạm chắc chắn chứ gì. Ồ, bọn ta gốc gác thật! Cứ nghĩ quẩn nghĩ quanh mãi! – Tôi sức nhớ đến những ý nghĩ mơ hồ của mình về “đôi bàn tay” lẽ ra phải gợi cho tôi tìm ra điều gì đó rất hệ trọng.

Chúng tôi đi đến quyết định là ngay đêm nay Rưgôơ sẽ phục ở Hẻm Lạnh cách nhà Xvetilôvich không xa – Xvetilôvich ở đó với một người “lão bộc” và một bà già giúp việc nấu nướng. Khi cần chúng tôi có thể tìm gặp Rưgôơ ngay.

– Dẫu sao tôi vẫn không tin là tôi sẽ chộp được chúng đúng lúc chúng ló đầu ra. Cậu Xvetilôvich đã đánh động mất rồi, Rưgôơ làu bàu. – Chúng sẽ tìm lối kahcs từ rừng cấm ra đồng lầy.

– Nhưng chúng sẽ không thể tìm được đường khác để lọt vào khu vườn. Tôi sẽ rình chúng đứng cạnh chỗ rào đố, - tôi quyết định.

– Một mình nguy hiểm đấy, - Rưgôơ cụp mắt xuống.

– Nhưng anh cũng có một mình đấy thôi.

– Tôi ấy à? Ai lại ngốc thế. Tôi to gan thật đấy, nhưng chưa liều đến mức một mình dám chống lại với hai chục thằng đâu.

– Nhưng tôi xin nói để anh biết, - tôi khẳng khẳng, - nữ chủ nhân Rừng Tùng Đầm Lầy sẽ không chịu đựng nổi nữa, nếu như hôm nay đội săn lại xuất hiện ngay cạnh lâu đài. Tôi không thể để cho chúng lọt vào khu vườn được, nếu như chúng lại có ý định đến quấy nhiễu.

– Hôm nay tôi không thể giúp các anh một tay được, Xvetilôvich dăm chiêu: - Điều tôi phải làm sáng tỏ quan trọng hơn nhiều, rất có thể đêm nay đội săn sẽ hoàn toàn không hiện về đâu. Bởi lẽ có một chương ngại chẹn ngang đường chúng...

– Thôi được, - tôi ngắt lời anh một cách khá lạnh nhạt, - lẽ ra anh nên phát biểu rõ những ý kiến của mình thì hơn là cứ đánh đố chúng tôi mãi. Tôi sẽ đi một mình vậy. Chúng không thể ngờ được, đó chính là ưu thế của tôi. Với lại, chúng không biết là tôi có súng. Tôi đã hai lần chạm trán với đội săn và với kẻ đã bắn trộm vào lưng tôi, nhưng chưa lần nào tôi dùng đến súng. Được lắm, chúng sẽ biết tay tôi... Chúng ta gỡ cái mớ bòng bong này quá ư chậm chạp! Đầu óc chúng ta làm việc một cách lười nhác quá chừng!

– Chỉ có trong các cuốn tiểu thuyết tôi mọi việc mới được gỡ tháo một cách dễ dàng và lôgic, - Xvetilovich phật ý làu bàu. – Và lại chúng ta đâu phải là những thám tử của sở cảnh sát tinh. Đội ơn chúa, sự tình không phải như vậy.

Rugôơ cau có, cái cãnh cây trong tay anh cứ cào đất suốt. Cuối cùng, anh thở dài, nói:

– Thôi đủ rồi. Hành động thôi. Cái lũ chó má ấy sẽ mất mặt với tôi cho mà xem. Xin lỗi, chứ dẫu sao hai cậu cũng nòi các pan, nên chúng ta chỉ đi cùng đường trong lúc này thôi. Chúng tôi mà tóm cổ được bọn chúng thì chúng tôi chẳng những giết hết cái lũ ngợm ấy, mà còn sẽ đốt sạch hang ổ của chúng, tổng cổ con cháu chúng đi ăn mày! Mà chưa biết chừng kết liễu luôn cả hậu thế của chúng cho gọn.

Xvetilovich phá lên cười:

– Tôi với anh Bêlôrétxki đây quả là những quan ngại lớn thật là lớn đấy. Quan ngại khổ rách áo ôm, như người ta thường nói. Cứ thực tình mà nói thì cần phải tiêu diệt tất cả các quan to quan bé, bởi vì quan bé rồi dần dà lớn lên cũng trở thành quan to.

– Quý hồ cái độ sẵn ấy không phải là những hình ảnh trong mơ thôi. Xưa nay chưa một kẻ nào giấy nổi tay thợ săn nhất hạng này những dấu chân để lại trên mặt đất. Những hồn ma, những hồn ma thật đấy.

Chúng tôi chia tay với Rugôơ. Tôi có phần đồng ý với những lời cuối cùng của anh. Có gì đó siêu phàm ở cái đội săn này. Cái tiếng thét ớn lạnh cả tim gan ấy không thể thoát ra từ lồng ngực của người thường. Tiếng vó ngựa rầm rập, nhưng lại lúc có lúc không. Rồi ngựa đứctăng – một giống ngựa đã tuyệt nòi từ lâu, mà dẫu chưa tuyệt nòi thì ở cái chốn khí ho cò gáy này kiếm đâu ra một kẻ giàu nứt đố đổ vách mà tậu cả đàn như thế. Lại còn những tiếng chân bước đêm đêm ở hành lang nữa – giải thích chúng ra sao đây? Chắc hẳn chúng phải dính dáng đến đội săn của Quốc vương Xtác. Thiếu phụ Áo xanh là ai? Mụ tan biến vào đêm đen trong khi người em sinh đôi của mụ (vừa giống vừa khác xa mụ) vẫn ngủ yên trong phòng? Rồi

còn cái bộ mặt gớm ghiếc nhìn tôi qua kính cửa sổ ấy – nó của ai vậy? Đầu tôi muốn vỡ tung ra. Rõ ràng có điều gì đó siêu nhân, tội lỗi khủng khiếp trong chuyện này, một sự pha trộn ma quỷ với người thực!

Tôi liếc mắt nhìn Xvetilovich vẫn đang vui vẻ và nghịch ngợm bước đi cạnh tôi, dường như những suy nghĩ ấy không tồn tại đối với anh ta. Buổi sớm nay quả tuyệt đẹp: mặc dù ngày u ám, vàng mặt trời vẫn lấp ló sau những đám mây đen và từng chiếc lá vàng trên cây như đang ngậy ngát khoan khoái dưới làn sương ban mai ấm áp...

– Anh trông kìa, một nhành hoàn diệp liễu đã ló lên giữa đồng, đở ừng kia: nó thẹn thùng đấy, khổ chưa! – Xvetilovich xúc động thốt lên.

Anh đứng trên bờ cao, dướn cả người về phía trước. Khóe miệng khắc nghiệt dịu lại, một nụ cười bẽn lễn vương vất trên gương mặt, mắt nhìn xa xăm. Toàn thân hình anh tưởng như nhẹ bồng, như sắp bay bổng lên trên mảnh đất nghèo nàn mà thân thương này.

“Những người như anh bước lên giá hành hình cũng nhẹ nhõm như vậy, - tôi thầm nghĩ. – Họ thản nhiên đặt mái đầu thanh tú xuống dưới lưỡi rìu đao phủ nhớp nhúa, bấn thiu...”

– Ôi, quê hương tôi! – anh thở dài. – Quê hương thân thương, duy nhất của tôi! Sao Người nữ cay nghiệt làm vậy với những nhành hoàn diệp liễu nhú lên trên đồng nội quá sớm? Tuyết đông băng giá sẽ chôn vùi chúng, giá rét sẽ bẻ gãy chúng. Vội vàng chi vậy, em hoàn diệp liễu ngu ngốc?... Nhưng can ngăn em sao nổi! Em nấn ná sao được!

Tôi đặt tay lên vai anh, nhưng vội bỏ xuống. Tôi hiểu rằng anh hoàn toàn không tầm thường như tôi, rằng giờ đây con người ấy đang bay bổng trên mây, trên gió, chứ không phải đang đứng đây.

– Anh Bêlôrétxki này, anh còn nhớ lời đề tựa của anh cho tập “Dân ca, tình ca, truyền thuyết Bêlôruxia” không? Tôi vẫn nhớ từng lời: “Trái tim Bêlôruxia nơi tôi xót xa khi tôi thấy người đời lãng quên những lời vàng ngọc, những việc cao quý của nhân dân ta”. Quả là một câu thấu tình đạt lý! Chỉ riêng một câu này đủ để tha thứ cho anh mọi tội lỗi. Biết nói sao,

khi chẳng những trái tim Bêlôruxia, mà cả trái tim nhân loại nơi tôi đang nhúc nhối vì phải thấy cảnh sa sút tiêu điều của xứ sở ta, của cả đất nước ta, vì phải chứng kiến bao khổ đau, bao nước mắt tuyệt vọng của các bà mẹ bất hạnh. Không thể, quyết không thể sống mãi như thế này được, anh Bêlôrétxki ơi! Con người vốn nhân hậu, vậy mà bị biến thành con thú. Không ai, không một kẻ nào tự nguyện ban cho con người khả năng làm người. Chắc hẳn, chỉ hô lên: “Hỡi những con người, hãy ôm hôn nhau!” – chưa đủ. Bởi thế người ta mới ra đi bước lên giá treo cổ. Chẳng phải để tìm kiếm vinh quang, chỉ vì muốn đoạn tuyệt những căn rễ của lương tâm – như vậy đó, nhiều khi người ta lao vào rừng sâu cứu bạn chỉ do hổ thẹn vì nhục nhã xiết bao nếu đứng dương mắt nhìn. Họ đi, họ lạc lối, họ chết. Họ còn dừng cảm hơn chúa Kitô, bởi họ biết rõ rằng sau khi bị đóng đinh câu rút họ sẽ chẳng phục sinh được. Chỉ có bầy quạ đen bay lượn trên thi thể họ, và những thiếu phụ sẽ khóc than. Trước hết là những bà mẹ thiêng liêng của họ.

Giây phút ấy, tôi thấy anh như một siêu nhân, cao quý tuyệt vời đến nỗi tôi kinh hãi cảm thấy trước, linh cảm trước là anh sẽ chết. Những người như thế không thể tồn tại, cái chết đang chờ họ nơi đâu? Trên cọc nhọn trong hầm tra tấn ư? Hay trên giá treo cổ trước dân chúng? Trong chiến trận sống mái với quân đội Sa hoàng ư? Hay bên bàn làm việc khi họ hồi hả ghi lại những tư tưởng rực lửa cuối cùng, bằng những hơi thở đứt quãng của buồng phổi đã ruỗng nát? Hay là trong hành lang nhà tù, khi kẻ thù bắn lên vào gáy vì không dám nhìn thẳng vào mặt họ?

Đôi mắt anh long lanh.

– Kalinôpxki ^[30] lên giá treo cổ, Pêrôpxkaia ^[31] – người phụ nữ mà nếu chỉ được nhìn một lần thì dầu có chết cũng cam – bước lên đoạn đầu đài... Một sắc đẹp nhường ấy mà nữ choàng cái dây thừng bắn thiêu vào cổ. Anh biết không, Janôpxkaia trông hơi giống bà ta đấy. Chính vì vậy mà tôi tôn sùng nàng. Thế mà bà ta là một quý tộc đấy. Vậy thì có lối thoát nào cho một số anh em ta. Chỉ còn cách bước lên con đường đó nếu như không muốn thối rữa ra... Bóp nghẹt, chém giết. Tưởng giết được hết à? Lực

lượng mới đang trời dậy... Kết thúc chuyện đội săn này, tôi sẽ đi khỏi đây. Tôi sắp kết thúc nó rồi, tôi vừa này ra một ý. Sau đó... chà! Tôi ở lại đây sao được. Anh biết không, tôi có những người bạn tuyệt vời, anh biết chúng tôi định khởi sự không? Bọn chúng sẽ phát run lên, cái bọn béo bụng ấy. Chúng giết sao hết được chúng ta. Một đám cháy lớn đang âm ỉ. Còn biết bao năm tháng trước mặt! Sẽ tới biết bao đau thương và hạnh phúc! Một chân trời xa tít, rực rỡ ánh vàng đang chờ đón! Tương lai huy hoàng đang vẫy gọi!

Nước mắt anh trào dâng, Không kìm nổi xúc động, tôi ôm chầm lấy anh. Tôi không nhớ nổi chúng tôi đã chia tay ra sao. Chỉ nhớ rõ thân hình thanh tú của anh in nét trên đỉnh đồi. Anh quay lại phía tôi, vẫy mũ, nói to:

– Tháng năm dài đang đợi phía trước! Chân trời xa! Vàng dương đang lên!

Rồi anh mất hút. Tôi trở lại nhà. Tôi tin: giờ đây tôi có thể dời núi ngăn sông. Bóng tối hắc ám ở Rừng Tùng Đầm Lầy có nghĩa lý gì, nếu như phía trước là vàng dương, là chân trời xa, là niềm tin? Tôi tin rằng tôi sẽ làm được tất, rằng nhân dân tôi vẫn sống nếu như vẫn sản sinh ra những con người như vậy.

Ngày mới vẫn ở phía trước – dài rộng, huy hoàng, hùng mạnh. Mắt tôi nhìn thẳng đón ngày mới, đón mặt trời, dấu hiện thời mặt trời vẫn đang khuất sau mây đen.

CHƯƠNG 11

Tối hôm ấy, quãng mười giờ, tôi nằm phục trong bụi tử đinh hương um tùm cạnh chỗ rào đố. Tâm trạng phấn chấn, cảm giác can trường vẫn tràn ngập lòng tôi (tâm trạng ấy còn mãi cho đến tận khi tôi rời Rừng Tùng Đầm Lầy). Tưởng chừng như không phải là thân thể tôi, xương xương và khỏe mạnh mà tôi hăng chăm chút, sẽ có thể làm mỗi cho quạ rĩa, mà đó là thân thể của ai đó khác, tôi chẳng việc gì phải đoái hòa. Trong đó tình cảnh nào có vui vẻ gì: cả tôi, cả Rưgôơ lẫn Xvetilôvich chỉ hoài công húc đầu tứ tung như lũ mèo con chưa mở mắt, chưa làm sao khám phá ra bọn tội phạm. Quang cảnh vị trí tôi phục kích cũng chẳng vui hơn, đêm thì đã khuya.

Trời gần như tối hẳn. Từng đám mây đen nặng trĩu đang đùn lên bầu trời bao phủ trên Bãi thụt, báo hiệu đêm lại mưa tầm tã (mùa thu năm ấy thời tiết xấu, trời u ám, nhưng lại luôn luôn có mưa rào như mùa hè). Gió bắt đầu nổi, những ngọn tùng đen thẫm, nhọn như những kim tự tháp, lúc cất tiếng vi vu, lúc lại lặng đi. Mây đen bay là là, ùn ùn kéo đến bao phủ quang cảnh bằng phẳng, cô tịch. Đâu đó xa tít một ánh lửa lóe lên, nhấp nháy rồi tắt ngấm. Một cảm giác cô đơn bóp nghẹt con tim. Nơi đây tôi là một khách lạ. Xvetilôvich quả xứng đôi với Nadêia Janôpxkaia, còn tôi... tôi chẳng cần cho ai cả.

Tôi nằm đó bao lâu, khó mà nói được. Từng đám mây đen bay đến gần tôi, tan đi, nhưng rồi ở chân trời lại đùn lên đám mới.

Một âm thanh khác lạ vọng đến tai tôi: đâu đó xa xa hình như có tiếng tù và sẵn rúc lên, và dấu biết là nó cất lên không phải ở phía con đường đội sẵn vẫn đi, tôi vẫn bất giác luôn luôn quay nhìn về phía đó. Tôi cũng thấy lo ngại vì trên đầm lầy bắt đầu xuất hiện những mảnh mây mù. Nhưng rồi mọi sự lại chấm dứt. Lát sau, một âm thanh khác vọng đến tai tôi: đâu đó

có tiếng lau lách sột soạt. Tôi nhìn về hướng đó, chăm chú đến nhức mắt, và cuối cùng tôi đã phát hiện trên nền tối sẫm của vạt rừng xa những chấm đen đang di động.

Tôi nhắm mắt lại giây lát cho chúng “lui xa đi”, khi mở mắt ra tôi thấy trước mặt tôi, không xa lắm, hiện lên giữa cánh đồng hình bóng lờ mờ của một đoàn kỵ sĩ. Lại cũng như lần trước, họ bay không một tiếng động trong không trung, ngựa nhảy vọt những bước dài. Và hoàn toàn im lặng, như thể tôi bị điếc đặc. Những giáp trụ nhọn đầu, áo choàng cùng tóc tai phấp phới trong gió, những ngọn giáo dài – tất cả khắc sâu vào ký ức tôi. Tôi bò lại gần móng xây gạch của hàng rào. Đội sẵn dàn đội hình, sau đó túm tụm lại thành một cụm hỗn độn lao nhanh trên cánh đồng, bắt đầu chuyển hướng. Tôi thò tay vào túi rút súng ra.

Lần này hơn ít người hơn mọi khi: chỉ có tám kỵ sĩ. Vậy số còn lại đâu rồi, hỡi Quốc vương Xtác? Ngài còn sai phái họ đi những đâu nữa? Tôi đặt súng lên khuỷu cánh tay trái, nổ một phát. Tôi vốn dĩ là một xạ thủ không đến nỗi tồi, thường bắn trúng đích ngay cả trong bóng đêm mù mịt. Vậy mà kỳ lạ chưa: đoàn kỵ sĩ vẫn tiếp tục phóng đi như không có gì xảy ra cả. Ngắm vào kỵ sĩ phi cuối cùng – một người đàn ông cao lớn, chắc nịch, tôi bắn một phát nữa: hãn không may may giật mình.

Đội sẵn dường như cố ý chứng minh với tôi rằng họ là những hồn ma: họ lại chuyển hướng, phời sườn ra trước họng súng và tiếp tục lao đi, không hề suy chuyển vì mấy phát đạn của tôi. Tôi bắt đầu bò lùi lại bụi rậm, nhưng vừa mới bò đến nơi thì bị ai đó nhảy lên lưng, đè tôi bẹp dí xuống mặt đất. Hơi thở cuối cùng thoát khỏi lồng ngực tôi. Tôi rên lên một tiếng. Ngay tức khắc, tôi hiểu ra rằng mình không thể đọ sức nổi với một người to nặng như vậy.

Hãn cố bẻ tay tôi ra sau lưng, miệng rít lên thì thào:

– Năm im, đồ quý sứ, i-yên nào. Đồ kẻ cướp, mày kh-không thoát tay tao đâu, đồ sát nhân... Mày cứ liệu hồn, quân bỉ ổi...

Tôi biết rằng nếu không vận hết sức bình sinh và sự khéo léo, tôi sẽ chết. Tôi cố nhớ: tôi đã lấy làm ân hận khi chợt nghĩ đến đội săn toàn là những hồn ma khiến mấy phát súng của tôi chẳng làm rụng đến cái lông chân của chúng. Một giây sau cảm thấy bàn tay hộ pháp của kẻ bí ẩn cổ vươn đến họng mình, tôi vận một miếng võ cổ truyền gạt phắt nó hất ngược lên. Mấy giọt âm ẩm nhỏ xuống mặt tôi: thì ra chính tay hắn đã đập vỡ mũi hắn. Chộp lấy tay hắn, tôi bẻ quặt xuống, đè cả người lên và cùng với hắn lăn đi một vòng. Hắn “ối” to một tiếng. Tôi hiểu ngay là miếng võ thứ hai của tôi cũng đã đạt hiệu quả. Nhưng ngay lập tức tôi nhận được một cú thoi sơn vào giữa sống mũi, khiến trời đất lập tức quay cuồng trước mắt, dựng ngược cả lên. May là tôi bất giác kịp căng các cơ bụng, cho nên cú đâm tiếp theo vào bụng không gây đau đớn gì cho tôi. Hai cánh tay lông lá lại đã gần vươn đến cổ họng tôi thì tôi chợt nhớ ra lời khuyên của ông nội về trường hợp độ sức với địch thủ khỏe hơn. Gắng hết sức bình sinh, tôi lật mình nằm ngửa ra, tì một tay vào cái bụng to nặng, huých cái đầu gối cứng nhọn của mình vào bụng dưới của hắn. Hắn bất giác cúi mũi xuống, đè ngược lên người tôi. Lập tức, tôi thu hết sức dùng đầu gối và hai cánh tay duỗi thẳng nâng bổng hắn lên. Kết quả thật vượt quá cả dự định: hắn lộn ngược đầu, quay nửa vòng trên không và giáng xuống đất toàn bộ cái thân hình nặng nề - ôi chao hắn nặng ghê gớm! Cùng lúc ấy, tôi ngất đi.

... Khi tỉnh lại, tôi nghe có tiếng ai rên trên đầu. Địch thủ của tôi nằm bất động. Tôi gắng gượng hết sức cố đứng dậy. Tôi định cho hắn một cú đá vào phía dưới tim cho hắn chết giắc, nhưng trước héc tôi liếc nhìn về phía đầm lầy, nơi đội săn đã mất hút. Bỗng tôi nghe thấy một giọng rất quen thuộc – giọng từ miệng kẻ đang vừa e hèm vừa rên rĩ:

– Ôi, đồ quý sứ, cái đồ gốc nào ở đâu ra vậy không biết! Quân dê tiện! Ôi chừ vị thánh nhân tuần tiết.

Tôi bật cười ha hả. Vẫn cái giọng ấy cất lên:

– Té ra là ngài Bêlôrétxki đấy à?! Ta e rằng sau bữa nay chả chắc ta còn có thể sắm vai khách quý của nữ giới. Ô-ôi! Ô-ôi! Cha mẹ anh! Phải chi anh kêu cho một tiếng. Anh bò cạnh rào làm gì vậy?! Làm cho người ta

nhằm bét cả. Cái bọn ma quỷ kia, giờ đây chúng tít đầu rồi. Ôn dịch bắt anh đi!... Anh thứ lỗi cho lão...

– Pan Đubôtôpkơ đấy à? – tôi thốt lên, kinh ngạc.

– Cầu cho ôn dịch bắt anh đi, pan Bêlôrétxki ạ. Ô-ôi! Anh thứ lỗi nhé. – Cái bóng đồ sộ ngồi dậy, tay ôm bụng. – Thế mà ta rình mãi. Lo điên lên được. Chả là người ta đồn đại rằng có lắm chuyện kinh người xảy đến với con bé cháu gái ta. Ô-ôi! Ra anh cũng rình chúng à? Cầu cho quỷ sứ bắt tội anh trong ngày Chúa giáng sinh!

Tôi nhặt khẩu súng lên.

– Vậy tại sao ngài lại nhảy bổ vào tôi mà nện như thế, thưa pan Đubôtôpkơ?

– Có mà quỷ sứ biết được! Thấy một thằng cha đang bò như giun đất, ta mới chộp luôn. Ôi lạy chư vị thánh nhân! Cầu cho cha mẹ anh sẽ đón anh tại thế giới bên kia cũng như anh đã đón ta trên đời này. Đồ phải gió, sao đánh đau thế!

Té ra, chừng cần đợi chúng tôi thông báo, ông lão cũng đã dò biết chuyện đội săn hiện về, nên quyết định rình chộp chúng, “nếu như bọn trai trẻ yếu bóng vía đến thế, hèn đến thế, không bênh vực nổi một đứa con gái”. Kết cục cuộc kỳ ngộ của hai chúng tôi ra sao, các bạn đã rõ. Cố nhịn cười để khỏi tỏ ra bất lịch sự, tôi giúp ngài Đubôtôpkơ vừa rên hừ hừ vừa leo lên con ngựa buộc cách đó không xa. Ông ta leo lên ngồi nghiêng trên yên, miệng lẩm bầm “quỷ xui ma khiến đi đánh nhau với những hồn ma thì lại chạm trán thằng ngốc có hai đầu gối nhọn hoắt”. Đoạn bỏ đi thẳng...

Đubôtôpkơ vừa mất hút thì một nỗi lo âu khó hiểu nhói nơi tim tôi. Ấy là lúc trong tiềm thức đã nhen nhóm một phỏng đoán khủng khiếp nào đó đang sắp sửa nảy sinh khỏi đầu. “Đôi tay” ư? Không, tôi không sao nhớ ra được cơ sao những từ đó lại khiến tôi thắc mắc. Không, đây là chuyện khác kia... À-hả, tại sao số ký sĩ lại ít như vậy? Tại sao hôm nay chỉ có tám ký sĩ xuất hiện cạnh chỗ rào đỡ? Vậy số còn lại đi đâu? Bỗng một ý nghĩ kinh hoàng xuyên thấu óc tôi:

“Xvetilovich! Cuộc chạm trán của anh với một người trong Hẻm Lạnh. Rồi thì câu nói đùa ngốc nghếch của anh về đội săn mà người ta có thể hiểu theo ý là anh nghi ngờ ai đó hay thậm chí đã khám phá ra những kẻ tham gia vụ ám muội này. Trời! Nếu như kẻ kia quả là một tên tội phạm thì hẳn tất phải cố giết bằng được Xvetilovich ngay đêm nay. Chính vì vậy mà chúng chỉ có một nửa đến đây. Nửa kia hẳn đã đi săn người bạn mới của tôi trong khi bọn này lần mò đến Rừng Tùng Đầm Lầy. Có khi chúng đã nhìn thấy chúng tôi đứng nói chuyện với nhau, bởi vì chúng tôi ngu quá, đứng lơ lửng ở trên bờ cao ngay trước mắt thiên hạ. Trời, nếu như tất cả đúng như vậy thì anh Xvetilovich ơi, anh đã phạm một sai lầm kinh khủng khi không nói cho chúng tôi biết kẻ đó là ai!

Tôi hiểu rằng cần phải hành động gấp, may ra còn kịp. Sự thành bại của chúng tôi và sinh mệnh một linh hồn niên thiếu nhân hậu phụ thuộc vào tốc độ của đôi chân tôi. Và tôi đã chạy nhanh chưa từng thấy, nhanh hơn cả đêm bị đội săn của Quốc vương Xtác đuổi sau lưng. Tôi lao tạt qua khu vườn, trèo qua rào, chạy đến nhà Xvetilovich. Tôi không phóng như điên bởi vì biết rằng không đủ sức chạy suốt chặng đường với tốc độ như vậy. Tôi chạy nhịp hàng, ba trăm bước thật nhanh lại năm chục bước chậm hơn. Tôi cứ giữ tốc độ như vậy, mặc dù sau hai cây số đầu tim tôi chỉ rình bật ra khỏi lồng ngực. Sau đó dễ chịu hơn, tôi chạy rồi lại chuyển qua đi chậm gần như một cách máy móc. Tôi chỉ tăng mức chạy lên bốn trăm bước. Những gốc tùng đơn lẻ, mờ ảo trong sương lướt qua. Trong lồng ngực như có lửa đốt, ý thức hầu như tê liệt. Về cuối chặng đường, tôi chỉ còn đếm như một cái máy. Tôi mệt đến nỗi chỉ muốn lăn ra đất hay tăng thêm mỗi bận dậm bước đi thong thả, dễ chịu nữa. Tuy nhiên, tôi đã đấu tranh với bản thân.

Cứ như vậy tôi chạy một mạch đến nhà Xvetilovich, một ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, ở sâu trong một mảnh vườn con xơ xác. Tắt qua những luống đất trống không, giẫm nát mấy cây bắp cải còn sót lại, tôi xộc lên bậc thềm trang trí bốn cột gỗ, đập thình thình gọi cửa. Ở ô cửa sổ ngoài cùng lóe sáng một ánh đèn thanh bình, rồi một giọng già nua từ cửa sau hỏi vọng ra:

– Quý thần nào đưa ai đến đây?

Đó là giọng ông lão, một “bộ” nhà thờ trước đây, hiện nay đang ở với Xvetilovich.

– Bác Kônđrát ơi, mở cửa mau. Tôi, Bêlôrétxki đây mà.

– Lạy Chúa tôi! Có chuyện rồi! Làm sao mà ngài phải vội vã đến thế?

Cửa mở. Lão Kônđrát hiện ra mặc áo ngủ dài lê thê, chân đi ủng, tay cầm súng, tay cầm nển.

– Pan có nhà không? – thờ hồn hển, tôi hỏi.

– Kh-không mà, - lão đáp, giọng thản nhiên.

– Anh ấy đi đâu?

– Lão làm sao biết được? Pan Xvetilovich có phải con nít đâu mà hễ đi đâu phải báo.

– Lão đưa tôi vào nhà mau! – tôi quát lên, mất bình tĩnh do vẻ thản nhiên lãnh đạm của lão.

– Để làm gì?

– Có thể anh ấy để giấy lại.

Chúng tôi vào phòng Xvetilovich. Một cái giường của người khổ hạnh, phủ một tấm chăn màu xám, sàn nhà lau nhẵn bóng, đánh véc ni vàng, một tấm thảm trải trên sàn. Trên cái bàn gỗ thông giản dị có vài quyển sách, giấy tờ, vài cây bút lông ngỗng. Một bức chân dung Marat ngồi trong bồn tắm, bị dao găm đâm chết và một chân dung Kalinôpxki, vẽ bút chì, treo trên tường chỗ bàn làm việc. Trên tường đối diện có một bức tranh biếm họa: Muraviôp ^[32], tay cầm roi ngựa, đang đứng trên đồng đầu lâu. Bộ mặt chó bundốc trông dữ tợn. Katkôp ^[33] khom lưng liếm đít y.

Tôi lật tung giấy tờ trên bàn, nhưng vì quá xúc động nên chẳng tìm thấy gì ngoài một tờ giấy, nét bút của Xvetilovich ghi: “Chẳng lẽ lại là anh ta ư?”. Tôi vớ cái bồ con đựng giấy lộn, dốc tuột ra sàn, nhưng ở đó cũng chẳng có gì đáng chú ý, chỉ có một chiếc phong bì bằng giấy thô nháp, trên mặt nét chữ nguệch ngoạc đề: “Gửi Andruxơ Xvetilovich”.

– Hôm nay pan có nhận được thư từ gì không? – tôi hỏi lão Kônđrat đang kinh ngạc và bối rối thực sự.

– Có một cái, lão nhặt được dưới khe cửa lúc ở vườn rau về. Tất nhiên lão đưa pan rồi.

– Phong bì này, phải không?

– Lão xem nào... Ừ, đúng rồi, phong bì này.

– Thế thư đâu?

– Thư á? Có mà quý biết được, chưa chùng vào lò rồi cũng nên?

Tôi nhảy bổ lại cạnh lò, mở cửa: một luồng hơi không còn nóng lắm phả ra. Ngay cạnh cửa tôi trông thấy hai mẫu thuốc lá và một tờ giấy nhỏ. Tôi vồ lấy: vẫn nét chữ trên phong bì.

– May cho lão là tắt lò sớm đấy, quý tha ma bắt lão đi, - tôi rửa.

Khốn nỗi, sự may mắn lại không trọn vẹn. Tờ giấy gấp đôi, mặt gần than đã r ám lửa nâu xỉn lại, không đọc ra nét chữ nữa.

“Andruxơ! Tôi biết anh đang quan tâm đội săn cu Mô... nguy hiểm đ... dọa Nadêia Rômanốpna... Tôi (chỗ này cháy mất một đoạn dài)... ớn. Hôm nay tôi vừa nói chuyện với pan Bêlôrétxki. Anh ta đồng ý... ra huyện lỵ... Đrúctăng là một chứ... trọng. Nhận được thư này, anh đến ngay... anh... chỗ ba cây thông mọc thành cụm. Tôi và Bêlôrétxki sẽ đợi... ân... tiết... đang xây ra trên trái... Anh nhất định đến nhé. Đọc xong thư, đốt ngay vì nó rất nguy hại cho tôi. Các bạn an... Mỗi nguy hiểm kinh khủng cũng đang đe dọa họ, mà chỉ có anh mới cứu vãn nổi... (lại cháy mất một đoạn dài)... ngay đây.

Người luôn mang điều

tốt lành cho anh, Likôl...”

Sự việc đã rõ ràng: có kẻ nào đó gửi bức thư này để dụ Xvetilôvich ra khỏi nhà. Và anh đã tin. Hẳn là người viết thư là chỗ quen biết đối với anh. Bọn chúng xếp đặt tinh vi xảo quyệt thật. Để anh không đến tôi, chúng bịa ra là đã nói chuyện với tôi, tôi đã ra thị trấn, rồi tôi sẽ đợi anh ở đâu đó “...

anh, chỗ ba cây thông mọc thành cụm”, “...anh” là chỗ nào vậy? Hay là “... lạnh” – Hẻm Lạnh? Không thể chậm trễ được nữa.

– Bác Kônđrát này, quanh đây có chỗ nào ba cây thông mọc thành cụm không nhỉ?

– Có mà quý biết được, - ông lão suy nghĩ một phút. – Hay là cạnh Bãi thụt Khổng lồ, ở đó quả có ba cây thông to lắm. Đúng cái chỗ người ta bảo là đoàn người ngựa của Quốc vương Xtác thụt cả xuống đầm lầy ấy. Nhưng mà sao cơ?

– Pan Anđrây Xvetilôvich đang nguy lắm. Anh ấy đi đã lâu chưa?

– Chưa đâu ạ, mới độ một tiếng thôi.

Tôi lôi Kônđrát ra thêm, ông lão vừa khóc vừa chỉ đường cho tôi đến ba cây thông. Tôi bảo ông cứ ngồi yên ở nhà rồi chạy đi luôn. Lần này tôi không vừa chạy vừa đi nữa. Tôi chạy như bay, tôi phóng hết sức như thể chủ tâm ngã lăm ra chết dưới ba gốc thông. Vừa chạy tôi vừa vứt bỏ áo khoác, mũ, hộp thuốc lá bằng vàng, tập Đăngtơ bỏ túi mà tôi luôn mang trong mình. Có dễ chạy hơn đôi chút. Tôi sẽ tụt luôn cả ủng ra nếu như không phải dừng lại để cởi tháo. Tôi chạy như điên. Theo tôi nhắm tính thì tôi sẽ đến ba cây thông chậm hơn bạn tôi khoảng hai chục phút. Sự khùng khiếp, nỗi tuyệt vọng, lòng căm giận truyền thêm sức cho tôi. Một cơn gió đột ngột nổi lên thổi thốc vào lưng. Tôi không kịp để ý là mây đen đã bao phủ kín bầu trời, một không khí nặng nề đè nặng lên mặt đất. Tôi vẫn cắm đầu chạy...

Bóng ba cây thông đã hiện ra ở xa, trên ngọn chúng là bóng đêm mù mịt, mây đen kịt, chân trời hắc ám... Tôi lao bừa qua bụi rậm, giẫm đạp chúng dưới chân... Bỗng ở phía trước vang lên một phát súng, kiểu súng ngắn cổ lỗ.

Tôi thét lên một tiếng man rợ. Lập tức, như đáp lại tiếng kêu của tôi, vang lên tiếng vó ngựa rầm rập điên cuồng xé toạc bầu không khí tĩnh mịch.

Nhảy ra cánh đồng, tôi trông thấy mười bóng kỵ sĩ phóng nước đại rẽ ngoặt vào bụi rậm. Dưới gốc thông, tôi thấy một bóng người đang khuyu dần xuống.

Khi tôi chạy đến nơi thì người đó đã ngã sòng xoài trên mặt đất, hai tay dang rộng như muốn che đạn cho mảnh đất thân yêu. Tôi kịp nổ liên mấy phát về phía bọn sát nhân và thấy hình như một tên đổ nghiêng trên mình ngựa. Nhưng rồi một nỗi đau đớn khôn tưởng khiến tôi khuyu gối xuống cạnh hình người xõng xoài trên mặt đất.

– Bạn ơi! Em ơi! Em!

Anh nằm đó, như vẫn sống, chỉ có một vết thương nhỏ, hầu như không chảy máu, báo cho tôi biết sự thật tàn nhẫn, khôn phương cứu chữa.

Viên đạn xuyên thủng thái dương, phá ra đặng gáy. Tôi nhìn anh trân trân, xót thương một cuộc đời tươi trẻ bị sát hại tàn nhẫn. Tôi bấu véo người anh, lay gọi, rên rĩ như một con sói mẹ, như thế còn cứu vãn được.

Lát sau tôi ngồi dậy, đặt đầu anh lên đùi mình và vuốt ve mái tóc.

– Andruxơ! Andruxơ! Tỉnh lại đi! Tỉnh lại đi! Bạn!

Đã chết rồi mà anh vẫn đẹp kỳ lạ. Mặt ngựa ra, đầu rũ rượi, cái cổ thanh tú như tạc bằng cẩm thạch nằm trên đầu gối tôi. Những món tóc sáng dài mượt vương mấy chiếc lá khô vàng. Miệng mỉm cười dường như cái chết đã đem lại cho anh câu giải đáp cho sự sống, đôi mắt nhắm nghiền bình yên, rợp bóng hàng mi dài. Cánh tay khỏe đẹp – đôi cánh tay lẽ ra đáng được phụ nữ nâng lên hôn trong phút giây hạnh phúc, giờ đây buông xuôi dọc thân như đang nghỉ ngơi.

Tôi cứ ngồi mãi đó, như người mẹ đau khổ nâng giắc trên lòng mình đứa con yêu vừa mới chịu nhục hình trên thánh giá. Tôi than khóc, tôi nguyện rửa cả đức chúa quá ư tàn nhẫn đối với nhân dân mình, đối với những người con ưu tú của mình.

– Ôi đức chúa! Đức chúa uy dũng khôn cùng và thông tuệ khôn cùng! Cầu cho Người chết dẫm bởi người đã bội ước, đã phản lại chính nhân dân mình!

Một tiếng nổ rền vang trên đầu tôi rồi lập tức cả một biển nước đổ ập xuống đồng lầy, bãi hoang, xuống khắp miền đất lạc giữa rừng thẳm này. Những ngọn tùng rền rĩ cúi rạp. Mưa xối xuống lưng tôi, xuống mặt đất.

Tôi vẫn ngồi như mất trí, không thấy gì xung quanh. Những lời nói của một con người ưu tú nhất trong mọi người – Những lời tôi vừa được nghe vài tiếng trước đây lại vang lên trong tai tôi.

“Trái tim tôi đang nhức nhối... Họ đi, họ lạc lối, họ chết bởi vì hổ thẹn xiết bao nếu như chỉ đứng dương mắt nhìn... và họ chẳng phục sinh được sau khi bị đóng đinh câu rút... Nhưng anh tưởng chúng giết được hết họ à?... Những tháng năm, những tháng năm dài trước mặt! Một chân trời xa tít, rực rỡ ánh vàng đang chờ đón! Tương lai huy hoàng đang vẫy gọi!... Vầng dương đang lên!”

Tôi rên to một tiếng. Một vầng dương đã khuất sau mây đen, một tương lai huy hoàng vừa bị giết hại, còn đang lạnh dần dưới mưa rơi, hiện đang nằm trên gối tôi đây.

Tôi khóc, lệ hòa nước mưa chảy xuống mặt, xuống miệng. Bàn tay tôi vẫn vuốt hoài mái tóc thiếu niên vàng óng.

– Ôi Tổ quốc tôi! Ôi Người mẹ hiền đau khổ! Hãy khóc nữa đi!

CHƯƠNG 12

Giống quạ đánh hơi thấy tử khí từ xa. Ngay ngày hôm sau, viên cảnh sát khu vực – một người đàn ông điển trai, rậm râu, đến lãnh địa Janốpxki. Y không đem theo bác sĩ, xem qua nơi xảy ra án mạng và trình trọng tuyên bố: vì đêm mưa rào nên không khám phá được dấu vết gì (Rưgôơ đi tháp tùng y, chỉ còn biết cười khẩy, chua chát). Y xem xét tử thi, thò mấy ngón tay trắng muốt lật đi lật lại cái đầu, rồi phán;

– Chà! Tương một phát gớm thật! Chết tươi.

Sau đó y thản nhiên ngồi nhắm rượu trong nhà Xvetilôvich, ngay cạnh phòng quan người quá cố, nơi ông lão bộc đang khóc nức lên, còn tôi thì chết lặng đi vì đau khổ và ân hận. Những giờ phút ấy tôi không thấy gì xung quanh trừ cây nến nhỏ Andrây cầm trong đôi bàn tay thanh tú. Ngọn nến hắt những ánh hồng lên chiếc áo cánh trắng toát kiểu cổ xưa, ngực thêu ren, mà ông lão bộc lôi ra tận đáy hòm. Tuy nhiên, tôi cần phải biết xem chính quyền có ý kiến gì về vụ sát hại này và định xử lý ra sao.

– Không có ý kiến gì cả. Rất tiếc là không thể có ý kiến gì được, - viên cảnh sát khu vực trả lời bằng một giọng ngân nga rất dễ nghe, ngược cặp lông mày đen nhánh như lụa. – Vùng đây là một cái xó hoang dã, nên mọi sự điều tra đều vô hiệu. Tôi rất đồng cảm nỗi đau khổ của ngài... Nhưng biết làm sao được? Vài năm trước, tại đây đã xảy ra một vụ tàn sát thực sự. Vậy mà chúng tôi cũng đành bó tay. Thật là một địa phương đáng nguyên rủa. Và lại, chẳng hạn, chúng tôi có thể xét hỏi cả ngài nữa, bởi vì chính ngài đã khai báo là có sử dụng vũ khí chống lại cái à... đội săn đó. Nhưng chúng tôi sẽ không làm như vậy. Bởi chúng tôi có liên quan gì đến chuyện này. Rất có thể đây chỉ là vụ thanh toán nhau vì một nhân vật thuộc phái đẹp. Nghe nói anh ta mê cái ô cả... (hắn thèm khát nhưn cặp lông mày) chủ nhân Rừng Tùng Đầm Lầy. Trông được đấy... cũng có thể đây là một

vụ tự sát chẳng? Nạn nhân là “người đa sầu”, hề hề, quá xót thương đấm cần lao mà.

– Nhưng chính mắt tôi trông thấy đội săn mà!

– Cho phép tôi không tin điều đó. Những chuyện thần thánh đã lỗi thời rồi, thưa ngài. Tôi có cảm tưởng là nói chung mối quan hệ quen biết của ngài với anh ta có phần ừm... kh-khả nghi. Tôi không – có ý gây sự ngờ vực đối với ngài. Song một điều khả nghi nữa là ngài khăng khăng cố tình đánh lạc hướng cuộc điều tra sang những đối tượng khác – sang cái đội săn vớ vẩn nào đó.

– Tôi có bằng chứng xác nhận là người ta cố ý dụ anh ấy ra khỏi nhà.

Viên cảnh sát đờ mặt, mắt láo liên.

– Bằng chứng nào? – y hau háu hỏi, tay chìa vôi về phía tôi. – Ngài có nghĩa vụ chuyển giao bằng chứng đó cho cơ quan điều tra. Nếu mẫu giấy đó được công nhận là có giá trị, người ta sẽ đưa nó vào hồ sơ.

Tay y chực chộp lấy tờ giấy.

Nhưng tôi cất bức thư đi bởi vì cả cặp mắt y cũng như cái bàn tay y thêm khát chìa ra, đều không gợi ở tôi niềm tin tưởng.

– Tôi sẽ chuyển giao bằng chứng này vào lúc cần thiết và cho người cần thiết.

– Thôi cũng được, - viên cảnh sát nuốt hận. – Xin tùy ý quý ngài. Có điều, tôi muốn khuyên quý ngài đừng có trêu người lữ ngỗng đực. Dân chúng nơi đây còn man rợ lắm (y nhìn tôi chăm chăm, đầy ngụ ý). Họ có thể đập chết đấy.

– Điều đó tôi không sợ. Tôi chỉ xin nói rằng, nếu như cảnh sát, thay vì cho việc thực thi trách nhiệm trực tiếp của mình, chỉ làm cái trò nghị luận xuông thì các công dân sẽ phải tự lo bảo vệ mình. Và nếu như cơ quan chấp pháp lại cố công im vụ án mạng này đi thì đều sẽ có một ẩn ý cực kỳ không hay ho và sẽ dẫn mọi người đến những tư tưởng rất bất ngờ.

– Ngài nói gì vậy? – cặp lông mày viên cảnh sát dựng ngược đến tận chân tóc: - Ngài lằng mạ chính quyền à?

– Lạy chúa, đâu dám! Tôi chỉ khẳng định quyền chuyển bản sao bức thư lên tỉnh mà thôi.

– Xin tùy ngài. – Viên cảnh sát thò ngón tay vào miệng cậ bừa răng. – Nhưng thưa pan Bêlôrétxki quý mến, tôi thành thực khuyên ngài chịu nhận đi. Vả lại, chắc gì chính quyền tỉnh đã lấy làm hài lòng được biết rằng nhà học giả nổi tiếng lại đi bênh vực một kẻ từng là chính trị phạm.

Với một giọng nam trầm sâu xa y lịch sự khuyên can tôi. Có lẽ ngay cả bố đẻ cũng không thể quan tâm đến đứa con một hơn là y đã quan tâm đến tôi.

– Khoan đã, - tôi ngắt lời: - Phải chăng ở nước ta có đạo luật đặt những người theo tư tưởng tự do ra ngoài vòng pháp luật, tuyên bố họ là lưu manh? Để bất kỳ tên đốn mạt nào cũng có thể giết họ mà không bị trừng phạt?

– Ngài Bêlôrétxki quý mến, - thẳng cha điển trai dài giọng ra: - xin ngài chớ khuếch đại. Ngài có xu hướng khuếch đại những mặt xấu của cuộc đời đấy.

Cái quân chó má ngu xuẩn ấy (tôi không thể dùng từ nhẹ hơn) chắc hẳn cho rằng cái chết của một con người chẳng qua chỉ là “sự khuếch đại mặt xấu”.

– Tôi cho rằng, - tôi bắt đầu nổi nóng, - cần phải chuyển vụ này lên tòa án, cần phải mở cuộc thẩm cứu của tòa. Trong vụ này có một âm mưu đầy ác ý. Ở đây, có những kẻ đang cố ý làm cho mọi người phải mất trí. Cái băng cướp này làm cho cả một vùng khiếp sợ, khủng bố, giết hại lương dân.

– Không nê-ên, rấ-ất không nên nói như vậy, thưa quý ngài. Chính nhờ vậy mà dân chúng trở nên thuần hơn. Nghe đồn, nạn nhân đây từng tôn sùng tửu thần, và nói chung tỏ sự thông cảm quá lộ liễu với những đối tượng như thế khí nguy hiểm đấy. Một kẻ khả nghi về chính trị, thiếu thiện

chí, không đáng tin, một kẻ rõ ràng theo chủ thuyết ly khai, bên vực bọn dân cày, có thể nói, kêu gào cho số phận đồng bào.

Tôi đã điên tiết lên, nhưng vẫn còn tự kiềm chế được. Lại còn xích mích với cảnh sát lúc này thì quá ư dại dột.

– Xem ra ông không muốn can thiệp vào vụ sát hại nhà quý tộc Xvetilôvich...

– Lạy chúa, đâu phải, đâu phải như vậy! – Y vội ngắt lời tôi. – Chúng tôi chỉ nghi ngờ khả năng của chúng tôi trong việc khám phá vụ này và không thể bức bách viên dự thẩm của chúng tôi phải cố công giải quyết một vụ án về một người mà về khuynh hướng tư tưởng hoàn toàn không được cảm tình ở mọi lứa con trung thực và trung thành với tổ quốc vĩ đại của chúng ta.

Y hoa hoa tay trên không, miệng nhoẻn một nụ cười làm duyên.

– Thôi được. Nếu như tòa án đế chế Nga không có ý định buộc viên dự thẩm xác định sự thật về vụ sát hại quý tộc Xvetilôvich, thì có lẽ toàn sẽ buộc viên dự thẩm khám phá vụ cố ý hãm hại trí tuệ và sinh mạng của nữ chủ nhân Rừng Tùng Đầm Lầy là tiểu thư Nadêia Janôpxkaia, thế chẳng?

Y liền nhìn tôi, vẻ am hiểu, thậm chí mặt y ửng đỏ lên vì một ẩn ý khoái trá nào đó. Chép chép cặp môi đầy ướm át, y hỏi:

– Vậy chứ tại sao ngài dốc sức bệnh cô ta chăm chặp thế? Chắc định dùng tạm cái chơi, phỏng? Hay đấy, tôi tán thành: trên chần dưới nệm, có lẽ cô ả cũng khá thơm đấy.

Máu nóng bốc lên mặt tôi. Sự lảng mạn đối với người bạn bất hạnh lại cộng thêm sự lảng mạn người con gái yêu dấu mà ngay trong ý nghĩ thầm kín tôi cũng chưa dám gọi là của tôi. Tôi không còn nhớ bằng cách nào cái roi ngựa lọt vào tay tôi. Họng tôi tắc nghẹn vì giận dữ:

– Mày... mày... đồ thối tha!...

Tôi dang thẳng cánh quất roi vào bộ mặt hồng hào.

Tôi tưởng y sẽ rút súng bắn chết tôi. Nhưng thằng cha khỏe như vâm ấy chỉ ối - ối ầm ỉ. Tôi quất một đòn nữa vào mặt y, đoạn ghê tởm vút roi đi.

Y lao như tên bắn ra sân, tháo chạy rất lẹ đến nửa cây số mới dám hô hoán lên: “Cứu tôi với!”

Rượơ biết chuyện, tỏ vẻ không đồng tình với tôi. Anh nói tôi đã làm hỏng bét cơ sự, chỉ ngày mai chắc chắn tôi sẽ bị gọi lên huyện và chưa biết chừng sẽ bị giam một tuần hoặc bị trục xuất ra khỏi huyện. Vậy mà ở đây đang cần tôi bởi vì đã bắt đầu những đêm tối trời nhất. Tuy nhiên, tôi không ân hận gì. Tôi đã dồn tất cả lòng căm thù lên ngọn roi. Dù cho chính quyền hiện có không động một ngón tay để giúp tôi cũng chẳng sao, vì giờ đây tôi đã rõ ai là bạn, ai là thù.

Mọi sự việc khác trong ngày hôm ấy và cả ngày hôm sau chỉ còn ghi lại lờ mờ trong ký ức tôi. Ông lão Đubôtôpkơ đôn hậu khóc nước nỡ, gục đầu trên thi thể người đã khuất. Tội nghiệp, ông lão vẫn còn phải lê từng bước sau vụ bị tôi “thết đái”. Nadêia đứng chết lặng cạnh quan tài, gương mặt trùm khấn đen trông tái nhợt, buồn rầu và lại càng tuyệt đẹp, trinh khiết.

Tiếp đến là tang lễ mà tôi chỉ còn nhớ như một giấc mơ. Tôi đỡ tay Nadêia dắt nàng đi và chỉ loáng thoáng thấy trên nền trời thu xám ngắt cả một đoàn người đầu trần lạng lẽ bước, và những cây bạch dương khảng khiu rắc rắc lá vàng khô xuống dưới chân họ. Gương mặt người quá cố bồng bênh trôi đi trên đầu đoàn người.

Đi sau quan tài, đàn bà có, đàn ông có, cả trẻ em, cả người già. Tiếng nước nỡ khe khẽ cất lên khắp đó đây. Rượơ đi đầu, lưng vác một cây thập ác lớn bằng gỗ sồi.

Và vang lên mỗi lúc một to hơn, bao trùm trên cả đoàn người rầu rĩ, trên khắp mặt đất ướt át, là những tiếng khóc than của các bà khóc hộ:

– Em bỏ chúng tôi đi đâu, hỡi em? Hỡi ôi em yêu em quý, sao mà vội yên nghỉ giấc ngàn thu? Sao mà vội khép chặt cặp mắt sáng? Sao mà vội xuôi đôi tay? Từ nay biết lấy ai là người che chở chúng tôi trước các quan tòa bất công? Vì chừng các pan trong vùng còn nhẫn tâm hơn, vô đạo hoàn

toàn! Ồi em ơi là em, em vội về nơi đâu mà bỏ chúng tôi, bỏ đàn em thơ côicút mà đi? Khắp vùng đâu phải đã hết con gái đẹp nết na mà chim ưng của tôi vội kết duyên cùng đất đen? Hỡi ôi, sao em lại chọn căn nhà tối tăm làm vậy?! Không cửa không lối, không cả bầu trời cao rộng trên nóc, chỉ một hố đất đen ngòm ẩm ướt mà thôi!!! Cảnh em đâu phải vợ hiền – chỉ có thành áo quan lạnh lẽo! Không bạn bè, không người thân thương! Biết lấy ai hôn lên môi em? Biết lấy ai chải mái đầu em? Cớ sao lửa hồng sớm lại tắt? Cớ sao lá xanh vội úa tàn? Để không phải vợ trẻ yêu dấu được than khóc? Đâu có phải nàng đang khóc than, đang vật vã thân mình! Khóc em chỉ có bà con dân lành! Đốm lửa kia đâu phải sao sáng trên trời! Đốm lửa kia chính là ngọn nến đưa tiễn hồn em, em ơi là em ơi!

Chiếc quan tài cứ bồng bênh trôi đi trong tiếng than khóc và nước mắt tiễn đưa của bà con quanh vùng – những tiếng khóc và những giọt nước mắt chân thành ấy đâu có mua được ở bọn người chuyên nghề kêu thuê khóc mướn!

Kia rồi, cái huyết sâu đen ngòm. Phút giây vĩnh biệt, Nadêia quỳ xuống hôn tay người đã hy sinh vì nàng. Vất vả lắm tôi mới lôi nổi nàng rời khỏi cỗ áo quan lúc hạ huyết. Chừng ba chục bác mugik vắn một tảng đá xám to tướng lên các đòn tay chở đến chân gò, rồi vắn lên đỉnh, nơi đã đào huyết. Trên tảng đá khắc một cây thập ác và tên tuổi – bằng những nét chữ vụng về, nguệch ngoạc.

Đất đá rào rào rơi xuống quan tài, che khuất dần gương mặt yêu quý đối với tôi. Sau đó người ta vắn tảng đá xám đến đặt cạnh mộ. Rừng rơ cùng dăm mugik nữa giơ cao mấy cây súng săn cỡ nhỏ, nổ một loạt vào bầu trời lãnh đạm, thấp xùm xụp. Người cuối cùng của dòng họ Janốpxki, Xvetilôvich đã về cõi hư vô.

– Chẳng còn bao lâu nữa sẽ đến lượt tôi, - Nadêia thì thầm với tôi. – Mong sao nhanh nhanh lên.

Lại một loạt tiếng nổ âm âm. Gương mặt mọi người như chết lặng đi.

Cuối cùng, theo tục lệ cổ truyền trong giới Sliăcta, người ta kê gia huy dòng họ lên mộ chí và dùng búa đập tan tành.

Thêm một dòng họ không còn tương lai. Nó đã tuyệt tự.

CHƯƠNG 13

Tôi cảm thấy tôi sẽ mất trí nếu như không tiếp tục điều tra, không tìm cho kỳ ra thủ phạm và trừng phạt chúng. Đã không có chúa trời, không tìm được công lý ở nhà đương cục thì tôi sẽ vừa là thượng đế, vừa là quan tòa.

Và tôi xin thề rằng địa ngục cũng sẽ phải rùng mình nếu chúng sa vào tay tôi: tôi sẽ rút gân, lột da chúng.

Rugôơ nói rằng bạn bè anh đang tiến hành điều tra trong rừng cấm, bản thân anh đã xem xét kỹ nơi xảy ra vụ ám sát và tìm được ở đó một mẫu thuốc lá. Anh cũng xác định được là kẻ rình giết Xvetilôvich và đã hút điếu thuốc dưới gốc thông là một tên gày, cao. Ngoài ra, trong bụi rậm, anh đã tìm thấy bụi nhùi bằng giấy từ súng tên sát nhân bắn ra, thấy cả viên đạn đã giết chết người bạn tôi. Xem xét kỹ giấy bụi nhùi tôi thấy mẫu giấy đó cứng hơn giấy báo, có lẽ là một mảnh xé từ một trang tạp chí nào đó.

Tôi còn đọc được:

“Mỗi tên trong bọn chúng đều có một tội, nên đều bị đưa đi hành hình. Trình diện hạ quang minh, ngài đã quên đi người bị đóng đinh câu rút trên thánh giá... cúi xin người ta tội cho, chúa đã tước mất trí khôn của tôi rồi...”

Có gì đó quen thuộc phảng phất từ những dòng chữ ấy. Tôi đã bắt gặp chúng ở đâu nhỉ? Lát sau, tôi chợt nhớ ra là đã đọc được những dòng chữ ấy ở tạp chí “Tây Bắc cổ thư”. Khi tôi hỏi Nadêia: những ai quanh vùng đây đặt mua tạp chí này thì nàng thờ ơ đáp: ngoài nhà nàng ra, chẳng ai đặt cả. Thế rồi tôi bị một đòn choáng váng: ở thư viện tôi đã xác định được trong một số tạp chí đó bị xé mất mấy trang, kể cả trang tôi đang quan tâm.

Tôi lạnh toát người: sự việc thành ra cực kỳ nghiêm trọng, bởi vì té ra kẻ chủ mưu trò đội săn lại ở ngay đây, trong tòa lâu đài này! Ai vậy? Không phải tôi, không phải Nadêia, cũng không thể là mục quản gia ngu ngốc, giờ

đây mỗi lần giáp mặt nữ chủ nhân, lại khóc lóc, rõ ràng vô cùng hối hận về hành vi bội bạc. Vậy thì chỉ còn lại Bécman Gaxêvich.

Điều này rất logic: y là một tên tội phạm đang lẩn trốn, lại là một kẻ biết đầy đủ mọi chuyện trong nhà này. Rất có thể, chính y đã bắn vào tôi, đã xé trang giấy trong tạp chí làm bụi nhùi, đã giết Xvetilôvich. Chỉ có một điều khó hiểu là tại sao y lại cố thuyết phục tôi rằng mỗi nguy hiểm lớn nhất là đội săn chứ không phải Người Lùn? Hơn nữa, Bécman không thể giết Rôman, bởi lẽ không phải y mời Nadêia đến Kunska và khi xảy ra vụ hạ sát Rôman, y ngồi nhà. Tuy nhiên, Xvetilôvich, trong ngày cuối đời, đã chẳng nói rằng đấy là một người quen thân, từng có mặt trong dạ hội mừng Nadêia đó sao? Chính y đã chẳng vội vã tuyên bố rằng không thể có một ý nghi ngờ nào về y cả đó sao? Cái anh chàng Bécman ấy lại đã hốt hoảng kinh khủng khi tôi đến thăm y! Vạ nhất, chẳng phải y không thể là một kẻ bày mưu tính kế cho cái lũ dê tiện nợ? Tuy nhiên, trong trường hợp ấy phải giải thích ra sao sự tồn tại của Thiếu phụ Áo xanh? Chính đây là hiện tượng mờ ám nhất trong toàn bộ câu chuyện này. Và điều chủ yếu là: không hiểu Bécman được lợi lộc gì trong vụ này?

Tuy nhiên, con quỷ địa ngục ấy có thể bày ra bất cứ trò ma quái nào.

Tôi bảo Nadêia đưa cho xem thư từ giấy tờ những ngày cuối đời của riêng cha nàng. Chẳng có gì đáng chú ý trừ dòng ghi chép là ông cụ thôi không ưa thích Bécman nữa vì lý do y hay biến khỏi nhà đi đâu đó và tỏ ra quá quan tâm đến phả hệ Janôpxki, đến các sơ đồ thiết kế tòa lâu đài từ xa xưa. Riêng điều đó cũng là một bằng cứ đáng lưu ý lắm! Sao lại không thể giả thiết rằng chính Bécman là kẻ dính dáng đến sự xuất hiện của Người Lùn, nói chính xác hơn là những tiếng chân của nó đêm đêm? Y hoàn toàn có thể tìm được những sơ đồ cổ xưa rồi lợi dụng một bí quyết nào đó của tòa lâu đài để đêm đêm tạo ra tiếng chân dọa nạt mọi người.

Tôi trình bày những suy nghĩ ấy với Rưgôơ. Anh bảo: có thể lắm, thậm chí hứa sẽ giúp tìm hiểu vấn đề bởi vì ông nội và bác anh từng làm thợ đá cho nhà Janôpxki từ thời chế độ nông nô.

– Cái con nhện độc ấy hẳn ẩn nấp đâu đó thôi, nhưng nó là ai, đường đi lối lại ngằm trong tường ra sao, nó chui vào đó bằng cách nào – đều không rõ cả. – Rưngrờ thờ dài. – Không sao, sẽ tìm ra. Nhưng cậu phải cẩn thận. Cả đời, tôi mới được gặp có hai pan ra hồn người, thế mà một đã không còn nữa. Xảy ra chuyện gì với cậu thì thật đáng ân hận. Khi ấy, cả cái nòi pan các cậu không còn lý gì được phép nhá bánh và làm vẩn đục bầu trời nữa.

Chúng tôi quyết định chưa sờ đến Bécman vội để khỏi đánh động quá sớm.

Sau đó, tôi quay ra nghiên cứu kỹ lưỡng bức thư kẻ bí ẩn gửi cho Xvetilovich. Tôi gạch xóa hàng chục tờ giấy, rút cục cũng chỉ khôi phục được có như sau:

“Andruxơ! Tôi biết anh đang quan tâm đội săn của Quốc vương Xtác. Một mối nguy hiểm đang đe dọa Nadêia Rômanốpna (đến đây thì đành chịu)... Tôi (lại mất một đoạn dài). Hôm nay tôi vừa nói chuyện với pan Bêlôrétxki. Anh ta đồng ý với tôi và đã ra huyện lỵ... Đứctăng là một chú... trọng. Nhận được thư này, anh đến ngay... anh... chỗ ba cây thông mọc thành cụm. Tôi và Bêlôrétxki sẽ đợi... ân... tiết... Những chuyện thực kinh khủng đang xảy ra trên trái đất này! Anh nhất định đến nhé. Đọc xong thư, đốt ngay vì nó rất nguy hại cho tôi. Các bạn anh... Mối nguy hiểm kinh khủng cũng đang đe dọa họ, mà chỉ có anh mới cứu vãn nổi... (lại cháy mất một đoạn dài)... Đến ngay đấy.

Người luôn mang điều tốt lành cho anh, Likôl...”

Có mà quý sứ hiểu ra sao nữa! Tôi chẳng biết được gì thêm nhờ cái trò giải mật mã ấy. Có chẳng, thêm vững tin là âm mưu tội lỗi đã được sắp đặt kỹ lưỡng. Cái tên “Likôl...” bí ẩn ấy tận dụng khá ranh ma quan hệ về bạn của hai chúng tôi mà hẳn chỉ có thể phỏng đoán ra. Ngoài ra, chẳng biết thêm được tí gì! Vậy mà hòn đá tảng màu xám đã đè nặng lên năm mồ một con người có thể trở nên hữu ích cho tổ quốc gấp trăm lần so với tôi. Rồi chẳng nay thì mai một tảng đá như vậy có thể cũng sẽ đè nặng lên ngực tôi. Đến khi ấy, Nadêia sẽ ra sao?

Ngày hôm ấy đem đến cho tôi một điều mới: tôi nhận được trát đòi. Trên một tờ giấy tồi kinh khủng, bằng một giọng văn đến là trịnh trọng, người ta mời tôi ra huyện lỵ, đến hầu tòa. Phải đi thôi. Tôi thảo luận với Rугôr mượn ngựa, trao đổi với anh những suy nghĩ về bức thư. Anh báo cho tôi biết là ngôi nhà Garabuôcđa đang bị theo dõi sát, nhưng vẫn chưa phát hiện điều gì khả nghi.

Dòng suy nghĩ của tôi trở lại với Bécman.

Trong buổi chiều êm ả, yên tĩnh, không giống mùa thu ấy, tôi nghĩ ngợi mãi xem điều gì đang chờ đón ở huyện lỵ. Tôi đi đến quyết định sẽ không lưu lại ở huyện lỵ quá lâu, bất luận thế nào. Tôi định đi chợp mắt vài tiếng trước khi lên đường, nhưng vừa rẽ ngoặt trong hàng cây, thì bỗng thấy Nadêia ngồi trên một chiếc ghế dài đã cũ kỹ. Qua tầng lá từng ngàn năm, một luồng tia sáng xanh thẫm hắt những ánh sáng mờ ảo xuống tà áo thanh thiên, xuống cánh tay, xuống cặp mắt đăm đăm xa vắng thường thấy ở người mãi theo đuổi những ý nghĩ tầm kín.

Lời tôi đã tự răn mình vẫn vững chắc, kỷ niệm về người bạn đã hy sinh càng củng cố lời răn mình đó, vậy mà có đến mấy phút tôi đã ngây ngất sung sướng, nghĩ rằng tôi có thể ôm lấy thân hình mảnh dẻ kia, ghì chặt vào ngực mình. Và trái tim tôi bỗng đau nhói vì tôi biết: điều đó sẽ không bao giờ thành hiện thực.

Tuy nhiên, lúc rời bụi cây bước lại cạnh nàng, tôi hoàn toàn bình thản.

Nàng ngẩng lên, trông thấy tôi, và lập tức cặp mắt long lanh lên đáng yêu xiết bao, ấm áp xiết bao!

– Pan Bêlôrétxki đấy ư? Mời ngài ngồi xuống đây.

Lặng yên giây lát, rồi nàng cất lời, giọng kiên nghị kỳ lạ.

– Tôi sẽ không hỏi ngài vì lý do gì ngài đánh người. Tôi biết: nếu ngài đã hành động như vậy tức là không thể làm khác được. Nhưng tôi rất lo cho ngài. Ngài nên biết rằng: ở đây làm gì có tòa án. Cái lũ sâu mọt chuyên đục khoét, gian dối, bán rẻ lương tâm ấy có thể kết tội ngài lắm. Nên dù đối với một quý tộc, việc đánh đập viên cảnh sát không phải là tội lỗi to lớn gì, họ

vẫn có thể trục xuất ngài khỏi đây. Bọn họ cũng là lũ tội phạm đã kết thành một bè đảng lớn. Cầu xin công lý ở họ là chuyện vô ích. Còn lâu lắm, cũng có thể là không bao giờ, nhân dân bất hạnh và cao thượng này được thấy công lý. Lý do gì đã khiến ngài mất tự chủ như vậy?

– Tôi bênh vực một người phụ nữ, thừa tiểu thư. Tiểu thư biết đấy: phong tục xứ sở ta đòi hỏi như vậy.

Nàng bỗng ngược nhìn thấu tận đáy lòng tôi, khiến tôi lạnh cả người. Làm sao mà đứa con nít ấy đã học được cách nhìn thấu tâm can như vậy, do bởi đâu nó có sức mạnh như vậy?

– Xin ngài hãy tin tôi, người phụ nữ ấy hoàn toàn có thể nhịn nhục được. Còn nếu như ngài bị trục xuất khỏi đây, thì người phụ nữ ấy sẽ phải trả một giá quá ư đắt cho sự thỏa mãn ngài đã nhận được khi quất vào mặt một tên ngu xuẩn thô bỉ.

– Xin tiểu thư đừng lo ngại. Tôi sẽ trở lại đây. Trong thời gian tôi đi vắng, Rurôgơ sẽ bảo vệ an toàn của tiểu thư.

Nàng lặng thinh nhắm mắt lại. Lát sau nàng nói:

– Ôi, nàng chẳng hiểu gì cả... Điều quan trọng đâu phải tôi cần được bảo vệ! Ngài không nên ra huyện. Cứ ở lại đây một hai ngày nữa rồi vĩnh viễn rời khỏi Rừng Tùng Đầm Lầy.

Bàn tay nàng với những ngón run rẩy đặt lên cánh tay tôi.

– Ngài nghe rõ chứ? Tôi tha thiết van ngài...

Tôi đang mải mê theo đuổi những suy nghĩ của mình nên không hiểu thấu những lời nàng nói. Tôi đáp:

– Cuối lá thư gửi Xvetilôvich có ký tên “Likôl...”. Quanh vùng đây có sliăctich nào tên họ bắt đầu như vậy không nhỉ?

Gương mặt nàng lập tức sa sầm tựa một ngày ảm đạm khi mà trời vụ biển mất.

– Không, - giọng run run, như thể bị xúc phạm. Nàng đáp. – Hay là Likôlôvich... Đây là phần sau trong họ của ngài Kunsă đã quá cố.

– Không, chả chắc, - tôi đáp, giọng thờ ơ.

Nhưng rồi, nhìn nàng chăm chú hơn, tôi bỗng hiểu ra: tôi chỉ là một sinh vật thô bỉ. Tôi thấy từ dưới bàn tay nàng ôm mặt hiện ra và từ từ lăn xuống một giọt nước mắt nặng nề, cô đơn quá sức chịu đựng của con người – giọt nước mắt của một người đàn ông đang mòn mỏi vì tuyệt vọng thì đúng hơn là của một cô gái, hầu như còn là một đứa trẻ thơ.

Tôi bao giờ cũng đâm ra lúng túng và trở nên nhũn như chi chi trước nước mắt đàn bà và con trẻ, vậy mà giọt nước mắt này nó kinh khủng quá, cầu chúa cho đừng một ai nữa phải chứng kiến trong đời. Hơn nữa, đây lại là giọt nước mắt của người con gái mà vì nàng tôi sẵn sàng biến thành cát bụi, sẵn sàng tan xương nát thịt, miễn sao nàng đừng phải buồn khổ.

– Tiểu thư Nadêia, tiểu thư làm sao thế? – Tôi lắp bắp, môi tôi bất giác nở một nụ cười đại loại kiểu như nụ cười thường thấy trên bộ mặt ngây ngô của thằng đàn đi tham dự lễ an táng.

– Không sao cả, - nàng đáp, giọng gần như thản nhiên. – Có điều, tôi sẽ không còn bao giờ nên... người được. Tôi khóc về Xvetilôvich, về ngài, về bản thân mình. Tôi khóc, nói đúng hơn, về tuổi thanh xuân bị vùi dập quá sớm của anh ấy – tôi hiểu rõ điều này lắm! Tôi khóc về niềm hạnh phúc mà chúng ta không được quyền hưởng, về lòng chân thành mà chúng ta không có. Những người ưu tú, những người xứng đáng nhất thì bị tiêu diệt. Ngài nhớ không, người xưa từng nói: “Không quốc vương, không thủ lĩnh, không cả nhà tiên tri, và lũ ta như một đám lá mùa thu, chỉ còn biết lăn lộn lang thang trên trái đất tội lỗi này”. Không thể hy vọng những điều tốt lành, hồn ta cô quạnh, không còn ai đáp lại tiếng gọi của trái tim ta. Đời đang tàn dần.

Nàng đứng dậy, run run bẻ gãy nhánh lá cầm trong tay.

– Xin vĩnh biệt pan Bêlôrétxki quý mến. Có lẽ hai ta không bao giờ gặp nhau nữa. Nhưng dù sao tôi sẽ cùng mang ơn ngài đến trọn đời... Có vậy thôi. Thế là hết.

Tôi không chịu nổi nữa. Không ngờ là đang lặp lại lời Xvetilovich, tôi thốt lên:

– Dầu có bị giết thì chết rồi, tôi cũng sẽ lết về đây!...

Nàng không nói gì, chỉ khẽ chạm bàn tay vào cánh tay tôi, lẳng lặng ngược nhìn vào mắt tôi và bỏ đi.

CHƯƠNG 14

Có thể phỏng chừng giữa trưa thì tôi đến huyện lỵ (tôi nói “phỏng chừng” bởi vì mặt trời không hề một lần ló ra khỏi mây mù). Ấy là một thị trấn dẹt như cái bánh xèo, lèo tèo hơn cả một phố vắng heo hút, chỉ cách lãnh địa Janõpxki chừng ngót hai chục cây số đường rừng xơ xác. Con ngựa tôi cười lộ bì bõm qua các phố lầy lội. Nhà cửa chẳng thấy đâu, chỉ thấy hàng dãy chuồng gà. Điểm duy nhất phân biệt cái thị trấn ấy với làng mạc xung quanh là mấy bột gác sơn kẻ sọc với vài ba viên cấm râu ria xồm xoàm, mặc đồng phục vá chằng vá đụp. Chỉ thấy hai ba cửa hiệu là nhà gạch xây trên những móng cao...

Trên quảng trường chính, bùn lầy ngập đến đầu gối. Trước ngôi nhà tòa án xám xịt, vôi vữa đã tróc nham nhở, ngay cạnh bậc thềm, có đến sáu con lợn nằm run rẩy vì lạnh, chốc chốc lại rúc vào nhau cố tự sưởi ấm. Mỗi lần như vậy xung quanh lại hộc... hộc... éc... éc... ầm ỉ.

Tôi buộc ngựa, trèo những bậc thang cốt kết dưới mỗi bước chân, lên đến một hành lang ngọt ngạt mùi giấy mốc và hôi hám mùi chuột. Khi mở cửa vào phòng, chỉ chút xíu nữa thì tôi giật rách tung lớp vải sơn bọc ngoài đã mủn ra. Bước vào phòng, thoát tiên tôi chẳng nhìn thấy gì cả vì mấy ô cửa sổ nhỏ xíu chỉ để lọt vào phòng một luồng ánh sáng quá ư ít ỏi, lờ mờ trong khói thuốc lá dày đặc. Một người nhỏ bé, rúm ró, đầu hói, đuôi áo lòi cả ra ngoài quần, dương mắt nhìn tôi. Đoạn, y chớp mắt, và tôi lại vô cùng ngạc nhiên: mi mắt trên hoàn toàn bất động, mi mắt dưới kéo lên che kín trông y như mắt cóc.

Tôi xưng tên.

– Ngài đã đến ạ? – thảng người cóc tỏ vẻ ngạc nhiên – Vậy mà chúng tôi...

– Các ông tưởng tôi sẽ không đến hầu tòa mà sẽ đi khỏi đây, sẽ chuồn chứ gì? – tôi tiếp lời y. – Xin ông đưa tôi đến gặp ngài chánh án.

Viên thư lại lách ra khỏi bàn, lảng xảng chạy trước, dẫn tôi chui sâu vào cái địa ngục trần gian ấy.

Ở phòng kế tiếp, sau một chiếc bàn lớn đã có ba người ngồi chờ sẵn. Họ đều mặc lễ phục, nhưng những bộ lễ phục của họ đều nhàu nát, cáu bẩn như thể may bằng thứ vải sợi cũ kỹ. Ba bộ mặt nhất loại quay về phía tôi, và tôi lập tức nhận thấy trong cả ba cặp mắt cùng ánh lên một vẻ tham lam, trâng tráo và ngạc nhiên: Vẫn dám đến cơ à?

Đó là ngài chánh án, ngài chưởng lý và ngài trạng sư – một đại diện của đám “thầy cãi” quen thói bòn mót thân chủ đến xu cuối cùng rồi bán đứng luôn cả người ta.

– Pan Bêlôrétxki, - viên chánh án cất cái giọng lè nhè: - à... chúng tôi... à... dưng chờ ngà-ài. À... rất... rất lấy làm à... hân ha-ạnh... Chúng tôi à... rất tôn trọng người kinh đô à... hào hoa..., - lão không mời tôi ngồi, mà vội cụp mắt xuống tờ giấy gì đó. – Chắc hẳn, ngài đã biết là ngài à... đã có một hành vi kiểu như à... phạm pháp khi ngài à... đánh viên cảnh sát khu vực chỉ vì một lời nói đùa không có a... ác ý, à... có phải không ạ? Hành vi đó à... thuộc loại bị trừng phạt theo luật hình sự, bởi vì nó chống lại phong tục địa phương, đây cũng như à... các bộ luật của đế chế Nga hoàng.

Nói xong, lão dương mắt nhìn tôi qua cặp mục kính vẻ rất kiêu hãnh. Kẻ hậu sinh ấy của Sêmiaka có vẻ đặc ý, vô cùng đặc ý là đang nắm quyền sinh quyền sát ở huyện nhà.

Tôi lập tức hiểu ra rằng mình sẽ đi đứt nếu không mau mau nắm lấy ót lão. Bởi vậy tôi kéo ghế, ngồi vắt vèo, đoạn nói:

– Hình như ở lãnh địa Janôpxki đây người ta quen sạch phép lịch sự rồi. Tôi đành tự ngồi xuống vậy.

Viên chưởng lý, một anh chàng trẻ tuổi mà mắt đã thâm quầng – dấu hiệu của những kẻ mắc chứng bệnh không tiện nói ra, cất giọng khô khan:

– Ngài không nên nhắc đến phép lịch sự mới phải. Ngài vừa xuất hiện ở đây đã náo động cuộc sống thanh bình của dân lành bản địa. Nào gây gổ, đánh lộn, nào định đấu súng đến hạ sát kỳ được đối thủ ngay trong vũ hội tại lâu đài của nữ chủ nhân Janõpxkaia tôn kính. Thậm chí tự cho mình được quyền hành hung viên chức cảnh sát đang thực thi nhiệm vụ. Là một khách lạ, ngài tự tiện can thiệp vào nếp sống bản địa...

Đâu đó tận đáy lồng ngực tôi, máu điên khùng bắt đầu sôi lên:

– Ngồi ăn trong nhà người ta rồi mở miệng phun ra những lời cợt nhả tục tĩu thì trừng trị bằng roi quất vào mặt còn chưa đủ đâu, phải cho phát đạn vào đầu mới xứng. Hãn lãng mạ danh dự của những người hoàn toàn chịu bất lực, không thể trả miếng hãn. Tòa án lẽ ra phải quan tâm những vụ như vậy, phải đấu tranh bảo vệ công lý. Ngài vừa nhắc đến dân lành. Vậy có sao các ngài không hề lưu ý việc có những tên tội phạm đầu đang giết hại đám dân lành ấy... Địa phương các ngài đang bị một bọn bất lương khùng bố vậy mà các ngài vẫn bình chân như vại với đồng công văn đến, công văn đi... Thất đáng nhục!

– Việc à... hạ sát à... tội phạm quốc gia à... sliăctich tiểu thị dân Xvetila-atich, tòa sẽ không thảo luận với ngài, - viên chánh án lại ê a. – Tòa án à... đế chế Nga hoàng à... không hề à... chối từ ba-anh vức một ai, kể cả những kẻ à... pha-ạm tội. Tuy nhiên à... câu chuyện hôm nay không phải về à... va-ấn đề đó. Ngài tất à pha-ải biết vì tội à ha-ành hung viên chức ca-ảnh sát chúng tôi có thể à.. tô-ống giam ngài đến hai tuần hoặc à... pha-ạt tiền, sau đó à... trục xuất ra khỏi lãnh địa Janõpxki. Lão tỏ ra rất tự tin.

Tôi bắt đầu điên tiết.

– Các ngài có thể dùng vũ lực để làm điều đó. Nhưng tôi sẽ kiện các ngài lên tỉnh. Các ngài dung túng một bọn sát nhân, viên chức cảnh sát của các ngài đã bôi nhọ luật pháp Đế chế khi tuyên bố rằng các ngài không có ý định điều tra vụ hạ sát sliăctich Xvetilôvich.

– Thế à... nha-ân chứng cho à câu chuyện đó, ngài Bêlaarétxki to-ôn kính có không? Nha-ân chứng đâu? Đâu?

Viên trạng sư – đại diện xứng đáng cho nhân tố hòa giải trong tòa án Đế chế Nga hoàng, nội nở một nụ cười tươi rói:

– Dạ, quả là pan Bêlôrétxki không có nhân chứng. Với lại, điều ngài vừa nói thậm vô lý ạ: một viên chức cảnh sát không thể nói như vậy. Có lẽ pan Bêlôrétxki tự tưởng tượng ra đấy thôi, nên ngài tìm đâu ra nhân chứng kia chứ.

Y móc trong cái hộp nhỏ miếng mứt, bỏ vào mồm chóp chép nhai, đoạn nói thêm:

– Chúng tôi cũng là những người quý tộc nên rất cảm thông tình cảnh của pan Bêlôrétxki. Chúng tôi quả không muốn làm ngài phiền lòng. Quý hồ ngài lặng lẽ và êm thấm đi khỏi nơi đây. Như vậy, rồi mọi sự sẽ đâu hoàn tất, chúng tôi sẽ im vụ này đi. Thế nào, “gút” chứ?

Thực ra, đối với tôi đó là lối thoát hợp lý nhất, nhưng tôi chợt nhớ đến Nadêia Janốpxkaia.

“Rồi đây nàng sẽ ra sao? Rất có thể kết cục đối với nàng sẽ là chết hay mất trí. Chỉ cần tôi rời khỏi đây là lập tức bất kỳ đứa vô lại nào cũng có thể bắt nạt cô bé dại dột ấy”.

Tôi lại ngồi xuống ghế, mím chặt môi và giấu tay vào giữa hai đầu gối, không muốn những ngón tay run run để lộ sự xúc động của tôi. Im lặng giây lát, tôi nói:

– Tôi sẽ không đi khỏi đây chừng nào các ngài chưa tóm hết bọn tội phạm trá hình ma quỷ. Sau đó, tôi sẵn sàng vĩnh viễn biến khỏi địa phương này.

Viên chánh án thờ dài:

– Theo tôi thì ngài à... sẽ buộc phải rời khỏi à... nơi đa-ay sớm hơn là cái việc à... tóm cổ bọn tội phạm à... ho... hoan...

– Hoang đường, - viên trạng sư vội nhắc.

– Phải – phải, bọn tội phạm hoang đường ấy. Và nhất định sẽ như vậy, bất chấp à... ý muốn của ngài.

Máu nóng dồn lên cả mặt tôi. Tôi cảm cảm thấy rất rõ mình đã lâm vào thế hiểm nghèo, họ muốn làm gì tôi cũng được, nhưng vẫn đánh liều, đặt hết hy vọng vào lá chủ bài cuối cùng bởi vì tôi phải đấu tranh cho hạnh phúc của người con gái mà tôi yêu quý hơn hết thảy trên đời.

Dồn hết nghị lực, tôi tìm cho những ngón tay khỏi run, rút trong ví ra một tờ giấy to, dí sát tận mũi họ. Nhưng giọng tôi lại đứt quãng vì giận dữ:

– Các vị có lẽ vội quên rằng tôi là người của Viện hàn lâm, là thành viên của Hội địa lý Hoàng gia. Tôi xin hứa danh dự với các vị là sau khi được trả lại tự do, tôi sẽ khiếu nại lên hoàng thượng, sẽ đập nát như cám cái ổ hôi hám của các vị. Tôi cho rằng hoàng thượng sẽ không dung tha ba tên vô lại rắp tâm đẩy tôi đi khỏi đây hòng xoay xở trót lọt những việc ám muội của mình.

Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng tôi cạy đến tên tuổi của người mà tôi lấy làm xấu hổ phải gọi là đồng bào. Tôi luôn luôn cố quên đi rằng tổ tiên của triều đại Rômanốp vốn xuất thân ở Bêlôruxia.

Ba cái tên ngu độn kia đâu có biết rằng đến một nửa số thành viên Hội địa lý chỉ cầu mong sao cho khỏi hội phải mang danh Hoàng gia!

Tôi gần như quát lên:

– Hoàng thượng sẽ bênh vực! Sẽ che chở!

Tôi có cảm giác là họ hơi dao động. Viên chánh án lại vươn dài cổ ra, thì thào:

– Hoàng thượng liệu có à... ha-àì lòng không khi được biết rằng thành viên của một hiệp hội đáng kính như vậy lại à... đa-àn đúm với những tội phạm quốc gia? Sẽ có nhiều vị điền chủ bản địa à... khiếu nại với hoàng thượng như vậy đó.

Họ như một bầy chó săn quây chặt tôi tứ phía. Tôi sửa lại tư thế ngồi cho thoải mái, gác chân, khoanh tay và bình tĩnh nói (tôi rất chi là bình tĩnh, bình tĩnh đến mức chỉ chực đâm đầu xuống sông):

– Hẳn chư vị quên mất bà con nông dân bản địa? Có thể nói hiện thời họ đang còn là những người bảo hoàng chân thành. Nhưng tôi xin hứa danh dự

với các vị rằng nếu bị đuổi khỏi nơi đây thì tôi sẽ đến với họ đấy.

Chư vị quan tòa tái mặt đi.

– Tuy nhiên, tôi cho rằng chưa đến nỗi phải đi nước ấy. Đây, có giấy của quan tổng đốc đây: chính ngài đề nghị các cấp chính quyền địa phương phải hết lòng trợ giúp tôi. Chư vị thừa biết: không chấp hành những lệnh như vậy thì sẽ bị trừng phạt ra sao.

Sét đánh ngang tai cũng sẽ không khiến đám quan chức ấy kinh hoàng bằng tờ giấy bình thường nọ với nét chữ ký quen thuộc ở cuối trang. Tôi lập tức trở nên giống một vị tướng dẹp loạn oai phong lẫm liệt. Cảm thấy tình thế của mình đang được cải thiện, tôi dần từng tiếng:

– Các vị làm sao vậy? Muốn bay mất chức phải không? Tôi sẽ cho các vị được mãn nguyện ngay! Hơn thế nữa, vì tội dung túng những hành vi man rợ của một bọn ác ôn, các vị sẽ ra vành móng ngựa!

Mắt viên chánh án bắt đầu láo liên.

“Được lắm, - tôi quyết ý, - một liều ba bảy cũng liều”.

Tôi đưa mắt ra hiệu đuổi những người khác ra khỏi phòng. Họ vội vã đứng dậy rời đi ngay. Trong khóe mắt viên chánh án tôi nhận rõ nỗi sợ hãi của một con chồn hôi bị săn đuổi dồn đến đường cùng. Đồng thời cặp mắt ấy cũng ánh lên một vẻ tức tối ngấm ngấm. Bất giác, tôi sinh nghi: nhất định hẳn có liên quan đến cái đội săn bí ẩn, hẳn chỉ thoát thân trong trường hợp tôi bị hạ thủ, do đó, từ giờ đội săn sẽ bắt đầu tìm diệt tôi bằng được bởi vì đây là vấn đề sống còn của chúng, và rất có thể ngay hôm nay thôi, tôi sẽ được lĩnh nhận một phát đạn vào lưng. Một nỗi tức giận điên cuồng, một lòng căm thù sôi sục làm tôi ngạt thở. Giây phút ấy tôi mới hiểu ra tại sao tổ tiên dòng họ tôi bị người đời mệnh danh là “điên” và lưu truyền rằng thậm chí đã tử thương rồi, các cụ vẫn xông vào giáp chiến.

Tôi tiến lên một bước, chộp cổ áo thẳng người còm nhom lôi ra khỏi bàn, nhấc bổng lên và lắc mạnh.

– Đứa nào?! – tôi gầm lên. Tôi tự cảm thấy tôi đang trở nên hung tợn.

Thật kỳ lạ, câu hỏi vặn tắt ấy của tôi, hẳn hiểu đúng ngay. Tôi lại càng sửng sốt khi hẳn bỗng rồi rít la lên bằng một thứ ngôn ngữ rất rành rọt:

– Ô – ôi! Tôi không biết, thưa pan, tôi quả không biết ạ. Trời ơi, tôi biết phải làm sao bây giờ? Chúng sẽ giết tôi, giết tôi mất!...

Tôi ném hẳn xuống sàn, cúi xuống hỏi:

– Đứa nào?

– Tôi xin pan, tôi lạy pan, pan tha cho...

– Đứa nào?!

– Tôi không biết ạ. Ông ta gửi tôi một bức thư, trong phong bì có ba trăm rúp, và yêu cầu trục xuất ngài khỏi đây vì ngài là trở ngại lớn cho họ. Trong thư à... Chỉ có một ca-âu nói rằng ông ta rất quan tâm đến à... tiểu thư Janõpxkaia, ông ta muốn tiểu thư hoặc à... phải chết, hoặc phải à... kết hôn với ông ta. Thư còn viết là ông ta à... còn trẻ, khỏe nên nếu cần sẽ đủ sức à... ca-ắt cổ tôi ạ.

Một mùi hôi thối bỗng bốc lên nồng nặc càng khiến lão chánh án giống con chồn hôi. Nhìn bộ mặt nhem nhuốc nước mắt của quân sâu mọt ấy, tôi nghi lão còn chưa phun hết ra những điều lão biết, tuy nhiên tôi đẩy lão sang một bên, không thèm bận tay với cái đồ thối tha ấy. Tôi không thể hạ mình đến thế được.

– Bọn mi sẽ còn phải chịu trách nhiệm về chuyện này, - ra đến cả, tôi còn nói với lại. – Vận mạng bao nhiêu con người phụ thuộc vào một lũ vôi lại như vậy! Thật khốn khổ cho đám dân cày!

... Cưỡi ngựa men theo đường rừng, tôi cứ nghĩ miên man về mọi chuyện đã xả ra. Mọi sự có vẻ như đã sáng tỏ. Tất nhiên, kẻ chủ mưu đội săn này không phải là Đubõtõpkơ: ông ta chẳng được lợi lộc gì, ông ta có phải là người thừa kế Janõpxkaia đâu! Mụ quản gia cũng không phải. Cũng không phải là người đàn bà mất trí bất hạn dòng họ Kunsã. Tôi điếm lại tất cả, kể cả những người không thể có ý nghi ngờ được. Tôi đã trở nên quá đa nghi. Kẻ chủ mưu còn trẻ, hẳn có lợi trong trường hợp Janõpxkaia chết đi hoặc kết hôn với hẳn. Như vậy tức là hẳn có đôi chút quyền được thừa kế.

Xvetilovich từng hé cho biết kẻ đó có mặt trong buổi vũ hội ở nhà Janõpxkaia và hẳn có uy lực nhất định đối với bà Kunsa.

Chỉ có hai người phù hợp với những dữ kiện trên: Vôrôna và Bécman. Nhưng sao Vôrôna lại xử sự với tôi một cách ngu xuẩn đến thế? Vậy thì đúng hơn: đó là Bécman. Hẳn biết ngọn nguồn truyền thuyết nên dễ dàng xúi bẩy một bọn côn đồ tạo ra mọi chuyện khủng khiếp nọ. Cần phải tìm hiểu xem hẳn sẽ được lợi lộc gì trong trường hợp Janõpxkaia chết đi.

Nhưng còn Người Lùn và Thiếu phụ Áo xanh ở Rừng Tùng Đầm Lầy là ai vậy? Đầu tôi như muốn bung ra vì mớ ý nghĩ rối rắm ấy, trong đó luôn lờn vờn hai tiếng: “Bàn tay...” “bàn tay...”. Tại sao lại bàn tay? Đấy, tôi nghĩ ra đến nơi này... Nhưng không, lại đứt mạch mất rồi... Lòng dạ mình sao bây giờ tối tăm thế không biết... Thôi được, cần phải lùng cho ra đàn ngựa giống đứctăng cùng toàn bộ cái trò trá hình này. Càng sớm càng hay.

CHƯƠNG 15

Ngay chiều hôm ấy, Rurôgơ đến tôi, quần áo lấm láp, mồ hôi nhễ nhại, dáng mệt mỏi. Anh ngồi bệt ngay xuống gốc cây trước tòa lâu đài. Một lúc sau, anh mới lẩm bẩm:

– Hang ổ mật của chúng ở trong khu rừng cấm. Hôm nay tôi đã lần ra dấu vết một đường mòn thứ hai, ngoài con đường tôi đã nấp rình hôm ấy. Có điều, con đường mòn thứ hai này chìm sâu dưới bãi lầy đến một cánh tay. Tôi lần vào đến tận rừng cấm, nưng bị một vạt sinh lầy chặn ngang đường, không tài nào qua nổi. Không tìm thấy một lối mòn nào qua được cả. Hai lần suýt thì chết mất xác giữa bãi lầy... Tôi đành trèo lên tận ngọn cây tùng cao nhất thì thấy ở bên kia vạt sinh lầy một hẻm lớn, giữa cây cối rậm rạp thấp thoáng mái tranh của một ngôi nhà khác to. Có khói bốc lên. Có cả tiếng một con ngựa hí lên ở phía đó, một lần thôi.

– Phải đến đó ngay, - tôi nói

– Không, dứt khoát không được chơi trò ngu dại. Người của tôi sẽ đón lõng ở đó. Có điều xin pan thứ lỗi trước cho, nếu tóm cổ được những quân chó má ấy thì chúng tôi sẽ xử bọn chúng như xử bọn trộm cắp ngựa.

Gương mặt bù xù tóc tai của Rurôgơ nhìn tôi gườm gườm, mĩa mai.

– Dân cày chịu nhịn tất cả, dân cày tha thứ tất cả, dân cày xứ ta quả là thánh nhân. Nhưng tôi sẽ đích thân yêu cầu họ xử lũ kẻ cướp ấy như xử bọn trộm cắp ngựa: dùng cọc gỗ hoàn diệp đóng gì chân tay chúng xuống đất, sau đó lấy một cọc to hơn đóng vào lỗ hậu ngập đến tận giữa bụng. Nhà của bọn chúng, tôi cũng không để nguyên vẹn đến một viên gạch mà đốt cho kỳ đến thành tro tàn để ngay cả hơi hương hôi thối của bọn chúng cũng không còn. – Nghĩ ngợi một lát, anh tiếp: - Cả cậu cũng coi chừng đấy. Biết đâu, đến một lúc nào đó, máu pan trong tim cậu lại chả bốc lên. Khi ấy thì cả với cậu nữa, cũng sẽ như vậy.

– Anh ngốc lắm, Rurôgơ ạ, - tôi lạnh nhạt đáp, - Xvetilôvich cũng nói pan, vậy mà suốt một đời ngăn ngui chỉ làm mỗi một việc là đi bênh vực bọn ngu ngốc các anh, chống lại bè lũ sliăcta tham lam cùng bọn quan tòa hống hách. Anh không nghe dân chúng khóc anh ta à? Tôi cũng sẵn sàng chết như vậy... vì đám dân cày các anh. Anh nên im đi thì hơn, nếu như thượng đế đã quên ban trí khôn cho anh.

– Thôi được, cậu đừng giận... Cậu có lá thư đây. Nó nằm ở nhà Xvetilôvich đã ba hôm nay, thư để địa chỉ nhà cậu ấy mà... Ông đưa thư bảo hôm nay lại vừa đem đến lâu đài Rừng Tùng Đầm Lầy cho cậu một lá nữa. Thôi chào cậu. Mai tôi lại đến.

Tôi bóc thư ngay tại chỗ. Đó là thư từ trên tỉnh gửi về, của một chuyên gia phá hệ địa phương đây mà tôi đã từng viết thư nhờ vả. Thư giải đáp một trong những vấn đề quan trọng nhất.

“Trình quý ngài chí tôn kính, pan Bêlôrétxki. Tôi xin gửi tới quý ngài những thông tin về người mà quý ngài quan tâm. Trong toàn bộ các mục lục phá hệ của tôi cũng như trong các bộ thư tịch cổ bìa bọc gấm, không một nơi nào tôi tìm được chút gì chứng tỏ sự lâu đời của dòng họ Bécman – Gatxêvich. Tuy nhiên, trong một văn bản cũ tôi bắt gặp một thông báo đáng lưu ý. Hóa ra, vào năm 1750, trong vụ án người tà thuyết tên là Nhêmirich có nhắc đến một kẻ họ Bécman – Gatxêvich vì những hành vi bất lương đã bị kết tội trục xuất ra khỏi cương phận vương quốc Ba Lan cũ và tước hết các quyền lợi quý tộc. Người mang họ Bécman ấy là anh em cùng cha khác mẹ với Jarôsr Janôpxki biệt hiệu là “Kẻ ly giáo”. Chắc hẳn quý ngài phải biết rõ rằng khi chính quyền đã thay đổi thì các bản án cũ không còn hiệu lực, nên ông Bécman, nếu quả là hậu thế của Bécman nói trên đây, có thể đòi hỏi được thừa kế dòng họ tiểu thư Janôpxkaia trong trường hợp ngành trưởng của gia tộc này tuyệt tự. Xin kính chúc quý ngài v.v và v..v.”

Tôi sửng sốt, đứng như chôn chân đọc đi đọc lại bức thư, mặc dù trời đã tối, nét chữ lòa nhòa trước mắt.

– Quý thật!... Thế là rõ cả. Cái tên Bécman bị ối, cái tên vô lại ranh ma ấy cũng là người thừa kế Janôpxkaia.

Đến đây, trong đầu tôi vụt lóe lên một ý nghĩ:

– Bàn tay... Bàn tay ấy ở đâu ra nhỉ? À! Người lùn Đầm lầy khi hẳn nhìn tôi qua khung kính cửa sổ, có bàn tay y hệt bàn tay của Bécman, cũng những ngón tay dài ngoẵng, không giống ngón tay người.

Tôi lao vào lầu đài. Ghé vào phòng vẫn dành riêng cho tôi: bức thư không còn đây. Mụ quản gia xác nhận là có lá thư mới gửi đến cho tôi, nó phải ở đâu đấy thôi. Mụ xun xoe quanh tôi, vẻ ăn năn hối lỗi: sau cái đêm đụng độ dưới phòng lưu trữ, mụ nịnh tôi ra mặt.

– Dạ, thưa pan, tôi quả không rõ lá thư biến đi đâu... Dạ, thưa phong bì không có dấu bưu điện ạ... Dạ, có lẽ là thư ở lãnh địa Janốpxki hay ở huyện gửi xuống ạ. Dạ, không ai vào đây cả. Chỉ có pan Bécman ghé qua vì tưởng pan có nhà ạ...

Tôi không nghe tiếng nữa, đưa mắt nhìn khắp mặt bàn, thấy giấy tờ tung tóe, chắc bị lục lọi. Xong tôi chạy vội đến thư viện. Ở đó không có ai, chỉ thấy cả một chồng sách chất cao trên bàn. Rõ ràng, người ta đã vội vã bỏ chúng đấy để chạy đi làm một việc quan trọng hơn. Tôi liền đến phòng Bécman. Cả ở đây cũng thấy những dấu hiệu vội vã, thậm chí cửa cũng quên khóa. Ánh sáng le lói của que diêm hắt một quầng nho nhỏ lên mặt bàn đủ để cho tôi nhìn thấy một chiếc khăn tay và một bì thư bị xé rách chéo, giống hệt chiếc phong bì Xvetilôvich đã nhận được vào cái chiều khủng khiếp nọ

“Pan Bêlôrétxki, người anh em kính mến! Tôi biết không nhiều về đội săn, nhưng dấu sao cũng có thể báo cho anh biết đôi điều đáng chú ý. Ngoài ra, tôi còn có thể tiết lộ một bí mật về vài sự việc mờ ám trong tòa nhà anh đang trú ngụ. Rất có thể, đó chỉ là những chuyện bịa đặt, song tôi có cảm tưởng là anh bạn quý mến đang truy tìm không trúng nơi cần tìm. Một hiểm họa đang ở ngay trong lầu đài của tiểu thư Janốpxkaia. Nếu như anh muốn biết đôi điều về Người lùn Rừng Tùng Đầm Lầy thì xin mời chín giờ tối nay đến địa điểm ông Rôman đã lâm nạn và hiện có cây thánh giá tưởng niệm ông ta. Ở đó người hảo tâm tạm phải ẩn danh sẽ nói cho anh rõ ngọn nguồn của mọi mối hiểm họa”.

Tôi do dự giây lát vì sức nhớ đến số phận bi thảm của Xvetilovich, nhưng cũng không còn thời gian để suy nghĩ lâu la nữa: kim đồng hồ đã chỉ chín giờ kém mười lăm. Nếu như Bécman là đầu sỏ đội săn và Người Lùn là tác phẩm của hắn thì nhất định hắn sẽ lo ngại sau khi đã đọc bức thư bóc trộm. Vậy phải chăng hắn tranh chỗ tôi, đi gặp tác giả bức thư để kịp bịt miệng anh ta lại? Rất có thể lắm. Hơn nữa, đáp lại câu hỏi của tôi về Bécman, người gác cổng lại khoát tay về hướng tây bắc, tức về đúng hướng có con đường dẫn đến chỗ cây thánh giá tưởng niệm Rôman.

Tôi lập tức chạy về phía đó: Trời! Trong những ngày qua tôi đã phải chạy biết bao đường đất, nói theo từ ngữ ngày nay là đã “việt dã” cũng khá đấy! Cầu cho quỷ tha ma bắt cái trò “troning” này đi cùng cái Rừng Tùng Đầm Lầy này nữa!

Đêm ấy sáng trời hơn mọi khi. Mặt trăng đã lên, soi sáng các bãi hoang – tròn vành vạnh, to tướng và sáng như gương, rực rỡ huy hoàng và thần tiên, nguy nga tráng lệ quá đi khiến lòng tôi phải se lại vì nỗi nhớ nhung một cái gì đó trong sáng, dịu hiền không mấy may giống những đầm lầy và bãi hoang nơi đây...

Trăng càng lên cao càng nhỏ đi, mờ nhạt đi và bắt đầu bị bao phủ bởi mấy đám mây trắng nho nhỏ, trông giống như những mảng kết tủa trong sữa chua. Cảnh vật lập tức lại trở nên lạnh lẽo, âm đạm và bí ẩn...

Vượt qua khu vườn rậm rạp, tôi ra đến con đường mòn và hầu như đã đến gần cây thánh giá Rôman, bên trái, sừng sững một cánh rừng u ám. Cạnh cây thánh giá thấp thoáng một bóng người.

Bỗng... Tôi không còn tin ở mắt mình nữa. Không hiểu từ đâu bỗng vụt hiện ra những bóng kỳ sữ. Chúng tiến lạnh gùn người đứng cạnh thánh giá. Tất cả điều diễn ra lặng lẽ, không một tiếng động, và trên đỉnh đầu họ rực sáng một ngôi sao lạnh lẽo, không nhấp nháy.

Ngay khoảnh khắc sau đó, một phát súng ngắn nổ vang, đoàn ngựa chuyển sang phi nước đại, đè bẹp bóng người lẻ loi dưới vó hung hãn. Tôi

bàng hoàng. Tôi đinh ninh sẽ bắt gặp cuộc hội ngộ của bọn bất lương, nhưng lại chứng kiến một vụ giết người nữa.

Mắt tôi tối sầm. Khi tôi bừng tỉnh, đoàn kỵ sĩ đã biến mất.

Một tiếng kêu rùng rợn, không còn giống tiếng người nữa vang vọng khắp khu đồng lầy. Trong tiếng kêu ấy có cả nỗi khủng khiếp, cả sự căm giận, cả nỗi tuyệt vọng – và còn những gì nữa, có quý sứ mới biết được! Tuy nhiên, tôi không hề sợ hãi. Xin nói rằng, từ đây tôi không còn biết sợ là gì nữa. Mọi điều kinh khủng nhất mà tôi gặp phải sau những ngày ấy, đối với tôi chỉ còn là chuyện vợ vẫn, chẳng nghĩa lý gì.

Thận trọng, tôi trườn như một con rắn đến gần cái tử thi đen đen nổi bật trên nền cỏ. Tôi nhớ: tôi chỉ lo lọt vào ổ mai phục, tôi bỗng cũng thèm được giết chóc, tôi trườn ngoằn ngoèo trong đám lau cỏ mùa thu, cố lợi dụng từng hốc, từng mô đất. Đến tận bây giờ tôi vẫn còn nhớ như in những bóng tối tím xanh trên mặt đất, hương ngải cứu thoang thoảng, mùi cỏ xạ hương ngào ngạt. Cuộc sống vẫn tươi đẹp biết bao ngay cả ở chốn khủng khiếp này! Vậy mà con người phải trườn bò như loài rắn độc, ẩn náu trong cỏ, không được vươn lồng ngực thở hít không khí lạnh khỏe khoắn, không được ngửa mặt lên trời ngắm trăng sao, đặt cái hôn dịu dàng lên đôi mắt người yêu rồi “trồng cây chuối” mà đi vì niềm vui tràn trề.

Ánh trăng soi lên cái xác của Bécman. Cặp mắt to hiền lành lồi ra, mặt nhăn nhó vì một sự đau đớn khủng khiếp.

Vì sao anh ta bị giết? Chẳng lẽ anh ta hoàn toàn vô tội ư? Vậy mà tôi cứ đinh ninh đầu sỏ chính là anh ta.

Ôi, cỏ xạ vẫn đưa hương, vừa ngọt ngào vừa cay đắng làm sao! Cái loài cỏ, ngay cả khi đang lụi tàn, vẫn đưa hương, vừa cay đắng vừa ngọt ngào.

Ngay lúc ấy tôi bắt giác, theo bản năng chứ hoàn toàn chưa rõ nguyên do, vội bò lui lại. Tôi đã lùi ra khá xa thì chợt nghe có tiếng chân bước. Có hai bóng người đang tiến lại. Tôi đang nằm dưới một gốc liễu lòa xòa. Tôi nhòm dậy (hai người kia không thể trông thấy vì tôi lẩn vào thân cây), nhàu

lên bám vào cành, đu cả người lên nắp kín như một con nhái bện giữa cành lá um tùm.

Hai cái bóng bước lại gần xác chết. Trắng rọi thẳng vào người họ, nhưng hai bộ mặt đã che kín bằng những mảnh vải đen. Hai cái thân hình đến kỳ lạ: cùng ăn vận những kiểu quần áo cổ xưa, tóc dài lòa xòa, đầu đội những chiếc mũ nhỏ bện bằng dây da (có thể chiêm ngưỡng những cái mũ y như vậy ở viện bảo tàng thành Vilnô). Vai họ khoác những tấm áo choàng dài.

Họ bước lại bên cái xác, cúi xuống xem xét. Tiếng họ trao đổi vọng đến tận chỗ tôi ngồi.

– Cả hai đứa đều mắc một mồi câu... Likôl... Hề. Chẳng hiểu sao chúng lại tin cái biệt hiệu con nít ấy kia chứ - cả thằng yếu tướng kia, cả cha lợn nòi này. Likôl với chả... Đấy, Likôl cho ăn kẹo đấy.

Bỗng một tên ngạc nhiên kêu lên:

– Trông này, Pátxúk, không phải thằng ấy!

– Không phải là thế nào? Cậu ba hoa gì vậy?

– Thì tớ bảo cậu là không phải thằng ấy mà. Đây là cái thằng cha gàn gàn làm quản lý cho Janôpxkaia ấy mà.

– Ôi quý sứ nhà trời! Bé cái lắm rồi!

– Vì cái tội nhầm lẫn này, - tên thứ hai càu nhàu,- Likôl sẽ vắn cổ bọn mình đấy. Dở ẹt, anh bạn ạ. Hai nhân mạng bị hạ sát – thật kinh khủng! Thế này thì quan trên dễ hỏi tới lắm.

– Nhưng tại sao hãn lại dẫn xác đến đây thế mạng nhỉ?

Tên thứ hai không đáp. Chúng rời xác chết, đi lại đứng dưới gốc cây liễu tôi đang ẩn nấp. Nếu tôi muốn, tôi có thể thả chân đứng lên chốc đầu một trong hai tên, hoặc tặng chúng hai phát đạn súng ngắn. Cự ly như vậy thì đến đứa con nít cũng bắn trúng. Người tôi run lên vì hồi hộp, tuy nhiên tiếng nói của lý trí lạnh lùng thầm nhắc tôi không được hành động như vậy: tôi sẽ đánh động bọn còn lại. Với cái đội săn ma quái này: phải kết liễu bằng một đòn thôi. Tôi đã phạm liên tiếp nhiều sai lầm, nếu như giờ đây cả

Nadêia nữa cũng bị giết thì tôi chỉ còn nước ra Bãi thụt Khổng lồ, nhảy xuống đó rồi chờ nghe tiếng khí hơi từ dưới sinh lầy thoát ra rít lên man rợ khi bùn nâu ngập lút đầu.

– Không hiểu tại sao ông ta căm thù lão Bêlôrétxki thế nhỉ? – thẳng tên là Pátxúk hỏi.

– Tớ cho chỉ tại lão Bêlôrétxki định lấy cô ả Janốpxkaia. Nếu vậy thì tòa lâu đài sẽ tuột khỏi tay Likôl.

– Ông ta cần quái gì nó – đó là cái quan tài mục nát chứ đâu còn là tòa lâu đài.

– Không, cậu đừng tưởng. Tòa nhà chẳng đem lại được lợi lộc gì cho dòng họ Janốpxkaia vì nó là tài sản của gia tộc, chứ đối với người ngoài nó sẽ là mối lợi lớn đấy. Hơn nữa, ông ta lại chuộng các đồ cổ, lúc nào cũng nằm mơ thấy mình là chủ nhân tòa lâu đài đồ sộ, như của tổ tiên thừa xưa.

Chúng cùng im bật. Một ánh lửa nhỏ lóe lên, những cuộn khói thuốc lá lượn lơ bay lên phía tôi. Tôi đã hiểu ra: đứng dưới chân tôi là hai sliăctich. Một thứ thổ ngữ tồi tệ, pha trộn với những từ ngoại lai gốc Ba Lan nên càng trở nên thô tục, chối tai. Hai giọng nói tôi đều nghe quen quen.

– Tớ nghĩ, - sau một hồi lâu lặng thinh, Pátxúk lại lầu bầu: ở đâu còn một nguyên nhân nữa là bọn tôi tớ.

– Cậu nghĩ đúng. Nếu bọn ta diệt được thẳng cha này nữa thì chúng sẽ nhũn như chi chi ngay. Chứ không, chúng trở nên láo xược quá. Vụ nổi loạn mới đây, rồi vụ giết viên quản lý của Garabuôcđa. Mất đứa nào cũng lơ lơ láo láo. Nhất là từ ngày tên Xvetilôvich về đây. Thẳng cha ấy mới sống ở đây có một tháng mà đã gây rối cho bọn ta còn tệ hại hơn hỏa hoạn. Hẳn giành được bốn tên mugik ngay trong tay các quan tòa, phát đơn kiện hai nhà quý tộc. Đến khi cái lão Bêlôrétxki đến đây nữa thì bọn ta hết sống nổi. Lão ngồi lì ở các nhà bọn mugik, ghi ghi chép chép những chuyện tào lao ngu ngốc. Nhưng không sao, bọn ta mà vắn cổ nốt tên phản bội cả giới sliăcta này nữa thì lũ khố rách áo ôm sẽ hết ho he... Có điều, phải dò xét

thêm đứa này cầm đầu cái lũ lác lác ấy. Tôi quyết không tha cho hãn cái tội đốt trụi cây rơi của tớ.

– Có lẽ tớ biết cái thằng khốn nạn ấy là đứa nào. Chính tên gác cổng nhà Kunsu, thằng Rưngôơr ấy. Cái mặt hãn mới các lác chứ, cứ như mõm sói ấy. Không coi ai ra gì nữa.

– Không sao, rồi hãn cũng có ngày.

Chúng lại im lặng. Lát sau, một tên nói:

– Này kể ra cũng thương con bé Janốpxkaia. Một đứa con gái xinh đẹp như thế mà làm cho mất trí hay giết đi thì ngu ngốc thật. Những cô tiểu thư như vậy, xưa, người ta phải quỳ mọp xuống mà hôn gót son ấy chứ. Cậu có nhớ đêm vũ hội cô nàng vận xiêm y cổ mà múa như thiên nga không? Chà... tuyệt!

– Thì chính ông ta cũng thương, - tên thứ hai đáp.- Nhưng biết làm sao được.

Đoạn, phá lên cười ha hả.

– Cậu làm sao thế?

– Khử nhằm phải thằng khác! Bọn ta đến xúi quẩy. Ông ta lại càng gay. Cậu có nhớ Rôman la hét gì khi bị bọn ta dồn xuống bãi thụt không? Hãn bảo xuống âm ti rồi hãn vẫn sẽ tố giác bọn ta. Thế mà đến nay vẫn cam như thóc.

Sau đó, chúng bỏ đi. Tôi còn nghe được cái giọng ồm ồm của Pátxúk:

– Không sao, chẳng bao lâu nữa bọn ta sẽ đến thăm hỏi cả thằng cha kia nữa.

Tôi nhẹ nhàng tụt xuống đất, lần theo chúng. Chân tôi bước không một tiếng động trên cỏ, có chỗ tôi lại nằm xuống bò.

Và, đương nhiên, tôi lại bị hố một lần nữa vì quên khuấy mất là chúng có ngựa. Chúng khuất sau bụi cây, tôi vừa mới ghìim bước, sợ chạm trán với chúng thì nghe tiếng vó ngựa phóng đi.

Ra được tới đường, tôi chỉ còn kịp trông theo hai kỵ sĩ đang phóng ngựa như điên rồ về hướng đông nam.

Những ý nghĩ buồn rầu lớn vờn trong đầu tôi: tôi biết chúng đang săn tìm Nadêia và tôi, sẽ tiêu diệt chúng tôi không thương tiếc, tôi đã để xống hai tên côn đồ, lại đã nhảm về Bécman một cách thảm hại. Tất nhiên, tôi biết anh ta là một nhân vật mờ ám: bóc trộm thư của tôi, rồi chẳng hiểu vì lẽ gì lần mò ra cái nơi kinh khủng này để phải đón nhận một cái chết thể thảm. Chính cái chết ấy đã khiến tôi quên đi mọi tội lỗi khác của anh ta. Nhưng dẫu sao, nhờ nghe lỏm được câu chuyện, tôi đã biết thêm nhiều điều, trước hết, hiện giờ tôi biết đích xác một tên trong cái đội săn ấy. Câu chuyện về những cây rơm bị đốt cháy đã tố giác hẳn. Kẻ có những cây rơm bị đốt cháy là sliäctich Mackơ Xtakhêvich, mà tôi từng gặp trong bữa tiệc nhà Đubôtôpkơ. Hôm ấy, hẳn làm nhân chứng cho Vôrôna trong vụ đấu súng. Tôi đã lảm về Bécman, nhưng về Vôrôna, có lẽ, tôi không nghĩ lắm. Hẳn sẽ không thoát tay tôi. Có điều, từ giờ tôi cần phải kiên quyết hơn...

Nửa đêm, đội săn của Quốc vương Xtác lại xuất hiện. Lại vẫn cái giọng ma quái gào thét, rền rĩ:

– Rôman đòi chót, ra ngay! Chúng ta sẽ về. Chúng ta phải kết liễu mi! Rồi chúng ta mới yên nghỉ! Rôman! Ới Rôman!

Tôi lại nấp trong bụi cây cạnh thêm xả súng vào những cái bóng kỵ sĩ ma chơi thấp thoáng ở tận cuối hàng cây bàng bạc ánh trăng mờ. Tôi vừa mới nổ phát đầu tiên thì đoàn người ngựa đã lao vào lùm cây biến mất, như thể chúng không hề tồn tại bao giờ. Thực không khác gì một giấc mơ khủng khiếp...

Đã đến lúc phải kết thúc. Tôi sực nhớ đến lời Mackơ Xtakhêvich nói khi đứng dưới gốc cây, là Rôman đe sẽ tố giác bọn sát nhân ngay cả khi ông ta chết. Tôi chợt nảy ra một ý: có lẽ ông Rôman đã để lại ở nhà hoặc tại nơi bị sát hại một bằng chứng nào đó mà ngay cả cặp mắt tinh tường của Rưgôr ngày ấy đã bỏ sót.

Khi Rưgôơ đến, hai chúng tôi vội ra ngay nơi Rôman bị sát hại. Tôi đi bộ không đến nổi tời, vậy mà chạy theo không kịp anh thợ săn cao lớn. Thoạt nhìn, tưởng như Rưgôơ bước chậm chạp, nhưng các động tác của anh nhịp nhàng, chân anh bước không như người thường mà hơi chụm ngón vào phía trong, đúng kiểu đi của những thợ săn bẩm sinh. Phải nói rằng, người ta đã phát hiện ra là mỗi bước như vậy dài hơn bước bình thường đến ngót ba phân.

Trên đường đi, tôi kể lại cho Rưgôơ nghe câu chuyện của Mackơ Xtakhêvich với một tên Patxúk nào đó.

– Bọn thủ hạ của Vôrôna đấy, - Rưgôơ giận dữ lâu bầu. Im lặng một lát, anh tiếp: - Thế mà bọn ta cứ tưởng “Likôl” là phần đầu của một cái họ nào đó. Thành thử cậu hỏi không trúng. Té ra, “Likôl” là biệt hiệu. Phải hỏi tiểu thư Janôpxkaia xem ai có cái biệt hiệu ấy. Nếu như Xvetilôvich, thậm chí rất có thể cả Bécman, biết điều đó, thì tiểu thư cũng phải biết.

– Tôi đã hỏi tiểu thư rồi.

– Cậu hỏi về họ, lại bảo phần đầu của một cái họ, chứ đã hỏi về biệt hiệu đâu.

Vừa trò chuyện, chúng tôi vừa đi đến địa điểm lừng danh mà tôi đã hai lần tả lại, tức chỗ cha của Nadêia bị sát hại. Chúng tôi sục tung lớp cỏ khô, mặc dù tìm tòi bất kỳ thứ gì ở đây sau hai năm trôi qua thì quả thực ngu ngốc. Cuối cùng, chúng tôi tiến đến chỗ bờ cao nhô ra cheo leo trên bãi thụt.

– Chỗ này đây, - Rưgôơ nói.

Sát mép bờ cao có một gốc cây đã gãy. Bộ rễ chằng chịt của nó như một ổ rắn to tướng lan bò khắp bờ cao, vươn xuống mặt sinh lầy như thể muốn uống nước, hoặc lòng thòng lơ lửng trên không.

Tôi yêu cầu Rưgôơ nhớ lại xem hôm ấy anh có trông thấy hai tay ông Rôman vươn trên mặt sinh lầy không.

Rưgôơ cụp hai mi mắt nặng nề xuống, suy nghĩ.

– Có. Thậm chí tay phải duỗi thẳng ra, có lẽ ông ta định tóm lấy rễ cây, nhưng không với tới.

– Hay là ông ta ném cái gì vào dưới gốc cây, chỗ trông thấy cái hốc cây?

– Thì ta thử tìm xem.

Bám lấy rễ cây, chúng tôi trèo xuống gần sát mặt sinh lầy, cố bấu víu vào những mô đất nhỏ trên sườn dốc thẳng đứng. Dưới ổ rễ cây quả có một hốc đất, nhưng trong đó chẳng có gì. Tôi đã định leo lên thì Rượơơ dừng tôi lại:

– Bọn ta ngu thật. Nếu như ở đây quả có gì thì nó phải nằm sâu dưới bùn rồi. Ông ta có thể ném thứ gì đó vào đây, nhưng đã hai mươi năm qua rồi, đất trong hốc sạt lở vùi mất vật đó cũng nên.

Chúng tôi dùng ngón tay đào bóc lớp bùn đã kết lại, hất ra khỏi hốc. Có tin hay không – tùy các bạn, chỉ lát sau, ngón tay tôi chạm phải một vật gì cứng cứng. Một hộp đựng thuốc lá lọt vào lòng bàn tay tôi. Ngoài ra, trong hốc không còn gì khác.

Chúng tôi leo lên bờ cao và thận trọng cạo sạch lớp bùn này lẫn đất sét trên mặt hộp. trong hộp có một mẫu vải trắng, có lẽ dùng răng xé ở áo sơ mi. Trên mẫu vải ấy còn lờ mờ những nét chữ đã ngả màu nâu: “Vôrôna giế...”

Tôi nhún vai. Có mà quý sứ biết được! Lời tố cáo Vôrôna giết Rôman, hay lời yêu cầu Vôrôna giết ai đó?! Rượơơ nhìn tôi.

– Vậy là ta đã tìm ra thủ phạm. Chính Vôrôna đã dồn ông ta xuống đó. Mai, chúng ta sẽ tóm cổ hắn.

– Tại sao lại mai? Rất có thể, hắn sẽ xuất hiện ngay hôm nay.

– Hôm nay thứ sáu. Cậu quên mất điều đó. Người đời vẫn bảo: hôm nay muốn tìm quân ăn cướp, phải đến nhà thờ. Bọn chúng thế mà rất một đạo, thờ chúa chí thành kính đấy. Tay cắt cổ, miệng gọi tên thánh ba ngôi. Chúng sẽ đến ngay ngày mai thôi, vì hết chịu nổi rồi. Chúng phải thanh toán cậu bằng được. – Anh im lặng một lát, rồi bỗng cặp mắt long lanh lên một ánh dữ tợn: - Ngày mai rút cục, tôi sẽ dẫn đám mugik tới – Đem theo

đình ba. Cho cả cậu nữa. Đã đi với bọn tôi, đi cho đến cùng. Ta sẽ rình bọn chúng ở chỗ rào đố. Diệt cho kỳ hết, cho đến mống cuối cùng. Triệt tận gốc cái giống ma quỷ ấy...

Hai chúng tôi cùng trở về lâu đài Rừng Tùng Đầm Lầy và được báo cho biết là tiểu thư Janốpxkaia có khách. Ông Garabuôcđa đang ở chỗ nàng. Những ngày gần đây, Nadêia lánh mặt tôi. Mỗi khi bắt gặp nhau, nàng thường nhìn lảng đi nơi khác, đôi mắt u tối như mặt nước hồ mùa thu, buồn rười rượi.

Vì vậy tôi phái mục quản gia lên mời nàng xuống phòng dưới, nơi Rưgôrơ đang gườm gườm đứng nhìn Tượng thánh Juri – trông anh chàng cường tráng cao lớn chẳng kém gì pho tượng. Khi Janốpxkaia bước va ò, Rưgôrơ vội giấu đôi chân xuống gầm ghế bành, ngượng nghịu vì trót in dấu bùn bê bết khắp sàn. Tuy nhiên, giọng nói khi anh hỏi Nadêia, vẫn cục cằn như thường ngày, chỉ đâu đó sâu kín tận đáy lòng thoáng có gì rung động.

– Này tiểu thư, chúng tôi đã tìm ra Quốc vương Xtác. Hãn chính là Vôrôna. Tiểu thư cho mượn vài khẩu súng. Ngày mai bọn tôi sẽ kết liễu chúng.

– Nhân tiện, - tôi xen vào, - tôi đã lầm khi hỏi tiểu thư có biết người nào mang cái họ bắt đầu là “Likôl” hay không. Bây giờ tôi xin phép hỏi lại: tiểu thư có biết ai mang biệt hiệu là “Likôl” không? Vền vền hai tiếng “Likôl” thôi? Đó là một tên nguy hiểm nhất trong đảng cướp, thậm chí rất có thể hãn chính là đầu sỏ.

– Không! – Nadêia bỗng kêu lên, hai tay ôm lấy ngực, mắt mở to, đờ ra hãi hùng. – Không! Không!

– Hãn là ai vậy? – Rưgôrơ cau có hỏi.

– Xin các bạn hãy thương tôi! Không thể như thế được. Ông hiền hậu, chân thành là như vậy. Ông từng bế Xvetilôvich và tôi trong lòng. Ngày ấy, chúng tôi còn quá bé thơ, không đánh vần nổi tên ông, nói ngọng thành ra cái biệt hiệu ấy, sau này chỉ dùng để gọi ông giữa người thân thích. Rất ít người biết biệt hiệu ấy.

– Hẳn là ai vậy? – Rưgôơ tàn nhẫn lặp lại câu hỏi, hầu như chỉ khê nhếch hai hàm cứng như đá.

Nadêia òa khóc. Nàng khóc nức lên như một đứa trẻ. Cuối cùng, qua tiếng thốn thức, nàng thốt lên:

– Pan Likôl... Pan Rưgôơ Đubôtôpkơ.

Tôi như bị đâm trúng giữa tim, đứng ngây ra.

– Vô lý! Tiểu thư nói gì vậy? Một người tốt bụng như vậy! Và cái chính, ông được lợi lộc gì cơ chứ? Ông có là người thừa kế đâu!

Nhưng ký ức đã thềm nhắc tôi lời một trang hai tên vô lại đứng dưới gốc cây “Chuộng các đồ cổ”. Và thậm chí cả những mẫu từ bí ẩn... “ân... tiết...” trong lá thư gửi Xvetilôvich cũng lập tức biết hành câu nói cửa miệng của Đubôtôpkơ: “Ôi chư vị thánh nhân tuân tiết, điều gì đang xảy ra trên trái đất thế này?!”

Tôi dụi mắt, cổ xua tan nổi bàng hoàng.

Một phỏng đoán vụt lóe lên trong đầu tôi.

– Tôi xin tiểu thư Nadêia chờ cho một lát. Cả anh Rưgôơ nữa. Tôi lên gặp pa Garabuôcđa. Sau đó, tôi cần phải xem xét giấy tờ của Bécman.

– Vâng, - Nadêia rầu rĩ đáp. – Người ta đã chôn ông ấy rồi.

Tôi chạy lên tầng trê. Trong đầu, cùng một lúc nảy ra hai hướng suy nghĩ: một là Đubôtôpkơ có thể cấu kết với Bécman (vậy tại sao lão giết anh ta?) hai là Garabuôcđa cũng lệ thuộc gì đó vào Đubôtôpkơ.

Khi tôi giật tung cửa, một người đàn ông đã luống tuổi rời ghế bành đứng dậy. Ông ta ngạc nhiên nhìn gương mặt quyết liệt của tôi.

– Xin lỗi pan Garabuôcđa, - tôi thốt lên cộc lốc như ném một viên đá xuống vực thẳm, - tôi buộc lòng phải đặt một câu hỏi về mối quan hệ của ngài với pan Đubôtôpkơ: vì lý do gì ngài lại cho phép ông ta thao túng ngài đến như vậy?

Trông lão như một kẻ trộm bị bắt quả tang. Cái trán thấp bè bè đỏ lựng, cặp mắt láo liên. Nhưng có lẽ nhìn vẻ mặt tôi, lão hiểu ra là đùa cợt với tôi

không xong.

– Biết làm sao được. Các ký phiếu... – lão lặp bặp.

Một lần nữa, nhằm vu vơ, tôi lại trúng đích:

– Ngài đã viết ký phiếu cho pan Đubôtôpkơ về trang tấp của tiểu thư Janôpxkaia vốn chưa thuộc quyền sở hữu của ngài, có phải không?

– Một món tiền nhỏ xíu ấy mà. Vền vền có ba nghìn bác. Cái chuồng chó săn nó ngốn tiền ghê quá...

Mọi sự bắt đầu đâu vào đấy. Cái kế hoạch quỷ quái của Đubôtôpkơ sáng tỏ dần.

– Theo chúc thư của ngài Rôman Janôpxki, - lão lặp bặp, những ngón tay run rẩy cố cựa gì đó trên tấm danh thiếp, - thì... trình tự thừa kế được ấn định như sau. Những người thừa kế trước tiên là con cái Nadêia Janôpxkaia... – Lão ngược lên nhìn, trông đến thảm hại. – Sẽ không bao giờ có những đứa con ấy. Tiểu thư sẽ chết mà... Không bao lâu nữa đâu... Sau đó đến lượt người chồng được thừa kế. Nhưng tiểu thư loạn trí, ai lấy? Bậc tiếp theo là những người cuối cùng thuộc dòng học Janôpxki. Cũng không còn những người như vậy sau cái chết của Xvetilôvich. Tôi là người thân thích với họ Janôpxki theo dòng bên ngoại. Nếu như cả con cái lẫn chồng đều không có, thì tòa lâu đài sẽ thuộc về tôi. – Lão mếu máo: - Nhưng tôi chờ đợi sao được? Ký phiếu ngập tận cổ rồi. Tôi thật là một kẻ bất hạnh. Đa số các ký phiếu ấy, pan Đubôtôpkơ đã mua lại hết... Lại còn đưa thêm ba nghìn nữa... Giờ đây, ông sẽ trở thành chủ nân tòa lâu đài này.

– Ngài nghe đây, - tôi rít qua kẽ răng, - ở đây đã có, đang có và sẽ chỉ có một chủ nhân, đó là pani Nadêia Janôpxkaia.

– Tôi có hy vọng được thừa kế đâu. Rất có thể, Janôpxkaia vẫn sẽ lấy chồng... Nên tôi chỉ mượn tòa lâu đài làm bảo đảm văn tự ký nợ với pa Đubôtôpkơ thôi mà.

– Thôi được. Ngài không có một chút liên si, cũng không có lương tâm. Cả hai thứ ấy chưa hề ngủ trọ với ngài lấy một đêm. Nhưng không có lẽ

ngài không biết việc làm đó là một hành vi vô hiệu về mặt tài chính hay sao? Rằng đó là một hành vi phạm pháp.

– Không, tôi quả không biết ạ. Tôi còn mừng nữa là khác.

– Vậy ngài có biết là chính ngài đã đẩy Đubôtôpkơ đến chỗ phạm những tội ác kinh khủng mà ngôn ngữ loài người không thể định danh được hay không? Người con gái đáng thương ấy có tội tình gì mà các người rắp tâm sát hại?

– Tôi vẫn nghi ngờ có tội ác trong những chuyện ở đây ạ, - lão lặp bập, - nhưng còn chuồng chó, nhà của tôi...

– Đồ thói tha! Tôi không thềm bán tay với ông. Tòa án tỉnh sẽ hỏi đến. Tạm thời tôi quyết định giam ông một tuần dưới hầm tòa lâu đài này để ông không thể báo động cho bè đảng vô lại của ông.

– Như thế là lộng hành ạ, - lão mếu máo.

– Ông, một tên vô lại, mà cũng mở miệng kêu lộng hành và cầu cứu pháp luật ư? – tôi quát lên. – Ông biết gì về pháp luật! Đồ nhơ bẩn!

Tôi gọi Rượơơ lên. Anh ta đẩy Garabuôcđa xuống nhà hầm không cửa sổ ở phần trung tâm tòa lâu đài.

Cánh cửa sắt đóng sầm lại.

CHƯƠNG 16

Ngọn lửa leo lét đầu đó xa thẳm sau mặt kính mờ tối. Mỗi lần ngừng đầu lên, tôi lại bắt gặp ngay cạnh, ngay sau lớp kính, khuôn mặt mình, đôi mắt thâm quầng.

Tôi đang soạn giấy tờ của Bécman. Tôi vẫn có cảm giác là tôi có thể tìm thấy trong đồng giấy tờ này đôi điều lý thú. Bécman là con người quá phức tạp nên không thể sống đơn giản như một chú cừ non.

Thế là được sự đồng ý của nữ chủ nhân, tôi lôi trong tủ ra toàn bộ các giấy tờ, chất lên mặt bàn cả sổ sách, thư từ, công văn và ngòi hắt xì hơi liên tục vì lớp bụi phủ đầy trên đồng di vật ấy.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý lại quá ít. Tôi vợ được bức thư của bà mẹ Bécman yêu cầu anh ta trợ giúp cho bà và bản nháp thư trả lời của Bécman viết anh ta còn phải nuôi em, giờ đây nó không còn cản trở bà sống theo ý thích riêng, thế là đôi bên đã sòng phẳng với nhau rồi. Lạ thật: đứa em nào nhỉ, giờ nó ở đâu?

Sau đó, tôi bối lực được một cuốn sổ kiểu như nhật ký, trong đó, lẫn với những con số chi thu và những nhận xét khá thông minh về lịch sử Bêlôruxia, tôi đã đọc được những suy luận của Bécman, đại khái như những dòng sau đây:

“Xứ Tây Bắc ^[34] như một khái niệm chỉ là hư vô. Rất có thể vấn đề là ở chỗ bằng máu nóng và trí não của mình, nó phục vụ ý tưởng toàn vũ trụ, chứ đâu phải chỉ vền vẹn năm tỉnh, nó trả giá cho tất cả và nuôi dưỡng trong lòng mình Đấng Cứu thế thứ hai nhằm cứu giúp loài người. Bởi vậy, phận của nó là chịu đau khổ. Tuy nhiên, điều này không can hệ đến những đại diện ưu tú của nó, những con người của sức mạnh, những quý tộc phần hồn”.

– Gồm chưa, một hiệp sĩ của tinh thần, một con người của sức mạnh trong bộ quần áo rách mướp, - tôi lắm bẫm.

“Mối tình duy nhất của tôi là đứa em trai. Đôi lúc tôi có cảm tưởng mọi người khác chỉ là những bức tranh khôi hài mờ nhạt bắt chước nó. Cần có một người có thể nặn lại cả loài người theo mẫu nó. Con người phải là tạo vật của bóng tối. Có như vậy trong cơ thể con người mới hiện lên rực rỡ tất cả những thú tính tuyệt đẹp mà ta phải gìn giữ và yêu quý. Phải chăng, người thiên tài khác với kẻ ngu độn chẳng qua chỉ ở chiếc lá nho cuối cùng mà con người tự bày vẽ ra. Anh chàng Bêlôrétxki, với cái tầm thường của anh ta, làm tôi khó chịu, nên, lạy chúa, anh ta nên biến đi sớm sẽ tốt hơn cho chính anh ta”.

Một đoạn ghi chép khác:

“Tiền - ấy là hạt nhân của quyền lực một con người đối với bầy người khác (thực đáng tiếc!). Cần phải tìm ra cách hoạn nã tất cả những kẻ không xứng đáng với cuộc sống có ý thức. Và đem lại cho những phần tử ưu tú một hạnh phúc vô hạn, bởi vì những của như “công bằng”, tạo hóa không hề trừ liệu. Đối với trường hợp tôi cũng vậy. Tôi cần sự yên ổn mà nơi đây thừa thãi hơn bất kỳ nơi nào khác, và cần tiền để nuôi dưỡng ý tưởng mà vì nó tôi đã ra đời, - ý tưởng về một sự bất bình đẳng tuyệt vời, đặc biệt. Và tôi nghĩ rằng bậc thang đầu tiên có lẽ phải là thắng lợi của tôi đối với cái thể xác tôi khao khát nhưng lại cần phải diệt trừ - tức đối với nữ chủ Rừng Tùng Đầm Lầy. Đẳng nào thì cô ta cũng đã bị số phận mù quáng kết án diệt vong rồi. Lời nguyện truyền kiếp đối với cô ta phải linh ứng cùng với sự xuất hiện của đội săn. Nhưng cô ta tỏ ra kiên cường hơn tôi tưởng: cho đến nay vẫn chưa mất trí. Quốc vương Xtác té ra quá yếu, nên tôi có sứ mệnh sửa lại sai lầm của lão. Khốn nỗi, tôi ghen cô ta với tất cả các chàng trai trẻ, đặc biệt với Bêlôrétxki. Hôm qua tôi đã bắn vào hắn, nhưng tôi đã phải đánh bài chuẩn. Tôi bắn tòi quá”.

Từ tiếp theo:

“Có thể, nếu tôi hoàn thành được sứ mệnh của Thượng đế, thực hiện được thiên chức tối cao (đã từng có những trường hợp như vậy xảy ra đối

với người trần tục kia mà!) thì cả các thần sẽ rời khỏi nơi đây và tôi sẽ trở thành chủ nhân lâu đài. Tôi thuyết Bêlôrétxki rằng mối nguy hiểm chính là đội săn. Có điều, những ảo ảnh thì nguy hiểm nổi gì? Làm nên chuyện sẽ là Người Lùn!

... Vàng, vàng! Cần phải xướng lên ngàn vạn bài ngợi ca uy lực của người đối với lòng người. Người là tất cả: cái tã của trẻ thơ, tấm thân đã ngã giá của thiếu nữ, tình bạn, tình yêu và quyền lực, trí tuệ của các thiên tài, thậm chí đến cả cái huyết tươg tất nữa. Tất cả những thứ đó, ta sẽ đạt tới”.

Tôi vò nát trang giấy, nắm chặt tay đến đau các ngón.

– Quân dê tiện!

Bỗng giữa đống giấy tờ tay tôi sờ phải một tờ giấy da cừu gấp tư. Giở tờ giấy ra, trải trên đầu gối, tôi chỉ còn biết lắc đầu: đó là sơ đồ tòa lâu đài Rừng Tùng Đầm Lầy, sơ đồ từ thế kỷ XVI. Trên bản sơ đồ ấy có vẽ rõ bốn đường truyền thanh ngầm trong tường! Những bốn đường! Nhưng chúng đều được nguy trang rất kín đáo, tìm được chúng không phải dễ. Một đường dẫn từ các gian hầm dưới tòa lâu đài đến căn phòng cạnh thư viện (hẳn để nghe trộm câu chuyện của tù nhân). Đường thứ hai nối liền thư viện, những phòng cho gia nhân ở tầng dưới, đã bỏ không, và... phòng riêng của Nadêia. Hai đường khác, tôi không lần ra được: Chúng đều dẫn ra hành lang, nơi có phòng tôi, phòng Nadêia, nhưng tiếp đó bị xóa rất kỹ.

Tên vô lại đã tìm thấy bản sơ đồ ở phòng lưu trữ và giấu biệt đi.

Bản sơ đồ còn cho biết vài điều đáng lưu ý khác. Tường phía ngoài của lâu đài có vẽ một ngách đi qua rất hẹp và ba cái cũi gì đó. Lối thoát ra được đánh dấu ở góc ngoặt của hành lang, chỗ một lần tôi đã nạy bóc những tấm ván bịt lối vào căn buồng trống không.

Chưa bao giờ tôi chửi thề tục tĩu như lần này. Lẽ ra tôi đã tránh được biết bao sự rắc rối nếu như chịu khó gõ kỹ những bức tường lát ván. Tuy nhiên, làm việc đó bây giờ vẫn chưa muộn. Tôi vơ vọi cây nến, liếc nhìn đồng hồ (đã mười rưỡi tối) và chạy ra hành lang.

Tôi gõ chừng nửa tiếng thì dò đúng chỗ tiếng gõ nghe âm vang như gõ vào đáy thùng. Tôi loay hoay tìm một kẽ hở trên ván để móc vào bóc một mảnh ra nhưng vô ích. Mãi sau tôi mới phát hiện ra những vết xước mờ mờ do một vật gì đó nhọn để lại. Tôi mở con dao díp ra chọc chọc vào vết khe hở lờ mờ giữa các tấm ván. Lát sau, tôi lách được lưỡi dao vào một chỗ có thể ấn sâu. Tôi ấn mạnh lưỡi dao hơn thì tấm ván kết một tiếng và từ từ quay nghiêng, hé ra một khe hẹp. Ngó vào mặt sau tấm ván, chỗ vừa mới chọc dao vào, tôi thấy ở đó nhãn thín, tức là từ phía trong không thể mở cửa được. Tôi thử xuống sâu hơn, nhưng vừa mới bước được chừng mười lăm bậc thì cánh cửa ở sau lưng bắt đầu rên lên ken két. Tôi đâm bổ trở lên, may sao vừa kịp đệm bàn chân vào ngăn cánh cửa sập lại. Thực ngu ngốc nếu phải ngồi trong cái ổ chuột này với một mẫu nển leo lét mà chờ mong ngày chúa giáng thế một lần nữa.

Vì vậy, tôi nhét chiếc khăn tay vào khe ở trụ cửa, giữ cho cánh cửa luôn hé mở, ngồi rình ngay cạnh đó, súng để sẵn trên đầu gối. Ngọn nển đành phải tắt đi vì ánh sáng có thể đánh động con quái vật bí ẩn nếu như nó định chui ra khỏi hang ổ.

Cây nển đặt ở chỗ ngoặt, vẫn cháy suốt đêm, lờ mờ soi hành lang, với lại, từ ô cửa sổ nhỏ cũng rọi xuống một ánh đục lờ.

Tôi không còn nhớ đã phải ngồi đó bao nhiêu thời gian, đầu gục xuống gối. Khoảng gần mười hai giờ đêm thì cơn buồn ngủ ập đến làm tôi díp mắt lại. Tôi gắng gượng hết sức chống trả nhưng vẫn gà gật liên hồi: kết quả tất nhiên của mấy đêm liền mất ngủ. Rồi đến một khoảnh khắc nào đó, ý chí không còn điều khiển nổi nữa và tôi lập tức rơi tùm xuống một vực thăm đen ngòm, ngọt ngọt.

Bạn đã có bao giờ dựa lưng vào tường hay gốc cây mà ngủ ngồi chưa? Bạn hãy thử xem. Bạn sẽ được thấy là cảm giác rơi, mà nằm trong chăn ấm chỉ đôi khi mới cảm thấy, chính là giác quan thứ sáu của chúng ta thừa hưởng được của loài khỉ - tổ tiên của chúng ta, bởi vì giác quan này, chúng nhất thiết phải có để khỏi ngã từ trên cây xuống. Cho nên, ngủ ngồi cạnh gốc cây, bạn sẽ luôn mê thấy mình bị ngã, bừng tỉnh dậy rồi lại ngủ thiếp

đi. Cuối cùng, những giấc mơ kỳ lạ xâm chiếm tâm hồn bạn: sẽ biến đi cả triệu năm dài tồn tại của loài người, và bạn sẽ có cảm tưởng bạn trông thấy một con voi mamút thời tiền hồng thủy đang đủng đỉnh xuống suối uống nước, hoặc bạn bắt gặp ánh mắt rực lửa của một con gấu khổng lồ đang chăm chăm nhìn bạn từ trong hang đá.

Đêm ấy, tôi luôn ở một trạng thái đại loại tương tự. Lúc nào cũng mơ mơ màng màng... Tôi có cảm tưởng đang ngồi chót vót trên ngọn cây, không dám leo xuống vì phía dưới, một con đười ươi pilêk đang rình mò. Đêm đen ngòm, có cả tiếng sói hú sau rừng. Đúng lúc ấy tôi “ngã” và mở choàng mắt ra.

Trong bóng tối nhập nhoạng, một sinh vật kỳ quái đang lần đi trước bóng tối. Áo quần màu xanh lá cây, kiểu cổ lỗ, đầy bụi bặm và mạng nhện, đầu dài thuôn như một hạt đậu, rủ xuống tư lự, hai mí như mí cóc hầu như che kín cặp mắt buồn bã, hai tay buông thõng và những ngón tay dài ngoẵng gần chạm tới tận sàn.

Người Lùn Rừng Tùng Đầm Lầy đi sát ngang qua chỗ tôi ngồi và lững thững đi tiếp, tôi cầm súng bám sát theo sau. Nó mở một cửa sổ, rồi cửa sổ thứ hai và chui ra ngoài. Tôi cũng thò đầu ra thì thấy con quái vật ấy men theo gờ tường rất hẹp, chỉ bằng ba ngón tay chụm lại, khéo léo như một con khỉ. Vừa đi men nó vừa vớ cánh tay bứt quả trên cành gia vượn sát tường, bỏ vào mồm nhai chóp chép. Tay kia, nó vẫn men theo tường. Sau đó, nó lại chui vào hành lang, đóng cửa lại, chậm chạp lê bước đi đâu đó, ghê rợn như một bóng ma. Có một lần tôi nghe nó lẩm bẫm gì đó. Người Lùn bỗng vỗ trán và mất hút vào bóng tối vì ánh sáng leo lét của cây nến ở tí xa không lọt tới đó. Tôi vội lao theo, sợ nó biến mất. Khi tôi cũng lọt vào vùng tối thì bắt gặp hai ánh mắt sáng quắc từ trong góc chiếu thẳng vào tôi, lừ lừ đe dọa.

Tôi lao tới, nhưng Người Lùn rên lên một tiếng nặng nề và bỏ đi, lão đảo trên đôi chân khăng khiu. Nó quay lại, nhìn tôi chăm chăm, giơ một ngón tay dài ngoẵng lên hăm dọa.

Tôi kinh hoàng sững lại giây lát, nhưng rồi trấn tĩnh ngay, đuổi kịp Người Lùn, thộp vai nó. Tim tôi nảy lên mừng rỡ bởi vì đó không phải là cái bóng ma.

Khi tôi lôi con quái vật ra ánh sáng, nó liền chỉ tay vào miệng, cất giọng khàn khàn:

– Ma-ăm!

– Màỵ là ai? – tôi lắc mạnh hẳn.

Người Lùn – bóng ma vừa mới rồi, trả lời như cái máy:

– Con là Bazưlơ. Con là Bazưlơ.

Bỗng trong khóe mắt hẩn lóe lên một ánh ranh mãnh thường thấy ở những kẻ đần độn.

– Con đã nhìn thấy ông rồi cơ. Khi con ngồi dưới gầm bàn, dưới gầm cái bàn ấy mà, hôm ấy, anh con đang cho con ăn thì ông xộc vào.

Hẩn chớp chớp cái miệng rộng đến mang tai.

Tôi đã hiểu ra cả. Hai tên vô lại – đầu só đội sấn và Bécman cùng theo đuổi một mục đích là loại trừ Janốpxkaia, đã nghĩ đến một độc kế như nhau. Bécman, khi biết mình là một người có họ hàng với Janốpxkaia, lập tức đến Rừng Tùng Đầm Lầy, lục tìm ra sơ đồ các đường truyền thanh bí mật và các đường ngầm trong tường tòa lâu đài. Sau đó, hẩn bí mật trở lại thành phố, đuổi bà mẹ đi tha hương, chỉ đem đứa con trai về đây. Em hẩn lẩn tránh mọi người chẳng phải do ưa thích sự cô độc mà vì một lẽ đơn giản: nó bẩm sinh là đứa đần độn. Còn chuyện ở câu lạc bộ mọi người ngạc nhiên về việc nó được giáo dục quá tồi, thì cũng chẳng có gì lạ: Bécman đã dẫn đến đó một người ba vạ nào đó, chứ không phải là đứa em trai hẩn. Ở trang ấp Rừng Tùng Đầm Lầy, Bécman giấu đứa em trong phòng riêng của mình, lợi dụng việc không một ai lai vãng phòng hẩn. Hẩn bắt đứa em ngồi ru rú im lặng trong phòng. Tôi đã bắt gặp hai anh em trong một bữa hẩn cho đứa em ăn. Lần ấy, té ra Người Lùn ngồi thu lu dưới gầm bàn, chỉ thò tay xuống là tôi có thể tóm được cổ hẩn.

Đêm đến, Bécman đưa Người Lùn vào đường ngầm để nó đi đi lại lại trong đó, tạo ra trong các đường ngầm truyền thanh những tiếng chân bc mà mọi người trong tòa lâu đài đều nghe thấy.

Thỉnh thoảng Bécman cũng cho Người Lùn ra hành lang. Trong trường hợp ấy, Bécman mặc cho hắn một bộ quần áo cổ lỗ đã may sẵn. Suốt thời gian đưa em dạo chơi. Bécman đứng đợi ở cửa vào đường ngầm bởi vì Người Lùn không thể tự mở cửa từ phía trong. Đôi khi Người Lùn còn được phép đi thở hít khí trời trong lành. Những khi ấy, nó chạy trên các gờ tường tài tình như một con khi, hay đúng hơn – như một con nhện. Nó ngó nhìn vào các cửa sổ, và khi có động, nhanh như chớp mắt hút sau vô số những góc tường lâu đài.

Làm tất cả những việc đó đối với Người Lùn dễ như bỡn bởi vì trong trí não thô sơ của nó hoàn toàn không có bản năng tự vệ. Nó đi trên gờ tường bình thản như đôi khi chúng ta đùa nghịch đi trên thanh đường sắt.

Chính trong một lần dạo chơi như vậy, Người Lùn đã ghé nhìn vào cửa sổ phòng tôi. Rồi sau đó ra sao nữa ư? Likôl gửi cho tôi lá thư, trong đó, để nhử tôi ra khỏi nhà, đã ngu ngốc tiết lộ rằng có biết đôi điều về Người Lùn. Bécman thời gian gần đây vẫn theo dõi tôi, đọc trộm được lá thư bèn vội vã nhào ra chỗ hẹn hòng thỏa thuận với tác giả lá thư. Nhưng ở đấy, hắn bị ngộ nhận là tôi, nên đã xảy ra tấn bi kịch mà tôi tới chứng kiến hơi muộn.

Suốt thời gian vừa qua, tên Lùn vẫn bị nhốt trong đường ngầm, không sao thoát ra được, đói đến run rẩy cả thay chân. Nếu như tôi không mở được cửa thì có lẽ nó đành chịu chết đói mà vẫn không hiểu ra tại sao người anh vẫn cho nó ăn uống, từng vuốt ve nó bỗng dừng lại bỏ rơi nó.

Tôi biết làm gì với nó bây giờ? Kẻ bất hạnh ấy đâu có lỗi về việc nó sinh ra đã như vậy. Từ đây, nó sẽ biến khỏi câu chuyện của tôi. Tôi cho nó ăn, báo cho Nadêia biết kết cục của một trong những bóng ma từng lần khuất trong những bóng ma từng lần khuất trong lâu đài, và ngày hôm sau tôi gửi nó tới nhà thương điên của huyện.

Và cũng lần đầu tiên tôi được thấy một tia hy vọng ánh lên le nói trong
khóe mắt của nữ chủ Rừng Tùng Đầm Lầy.

CHƯƠNG 17

- Anh Rưgôơ đấy à?

- Tôi đây, cậu Andruxơ ạ. Nói đúng hơn. Chúng tôi đây.

Tôi chìa tay, bắt tay Rưgôơ. Những ngày gần đây đêm nay là đêm đầu tiên trời quang mây và sáng trắng. Vầng trăng tròn tươi ánh bạc trong xanh lên khắp sinh than bùn, khắp các bãi hoang, khu vườn trong trang ấp Rừng Tùng Dầm Lầy và lấp lánh xa tít trong ô kính cửa sổ nhà ai đứng cô đơn. Về đêm, trời trở lạnh, sinh lầy bốc hơi, sinh ra những mảng mây mù trắng xóa bay là là khắp các lũng.

Rưgôơ rời đám bụi rậm cạnh đoạn rào đổ bước ra, theo sau anh, từ trong bóng tối hiện ra chừng hơn chục người.

Đó là anh em mugik. Tất cả đều mặc áo da lộn mặt lót lông thú ra ngoài, trong đều mặc áo cánh trắng, trông họ giống nhau như đúc, như thể ruộng đồng đã sinh ra họ trong một lúc. Tôi thấy hai người mang những khẩu súng kíp dài như của Rưgôơ, người thứ ba cầm một khẩu súng ngắn, những người còn lại vũ trang đòn sóc và đinh ba, có một người chỉ cầm gậy lớn bằng gỗ sồi. Tôi ngạc nhiên, hỏi:

- Những ai thế?

- Anh em mugik đấy mà, - Rưgôơ đáp, giọng ồm ồm từ đáy lồng ngực, - chịu đựng như thế đủ lắm rồi. Hôm kia, đội săn đã giẫm đạp chết em trai bác mugik này ở bãi lau. Tên bác ấy là Mikhalơ.

Mikhalơ trông quả giống “ông Nâu” tức là một con gấu lớn. Cặp mắt ti hí sâu hoắm, gò má cao, tay chân chẳng thua kém gì tay chân Đubôtôpkơ. Cặp mắt đỏ hoe sưng húp, hai bàn tay nắm chặt khẩu súng đến nỗi các ngón tay trắng bệch cả ra. Ánh mắt u ám, cau có nhưng thông minh.

– Đủ lắm rồi! – Rurôgơ nhắc lại. – Lũ chúng tôi chỉ còn nước chết nhăn răng. Nhưng chúng tôi không muốn chết. Cậu Bêlôrétxki ạ, nếu như có điều gì không vừa ý, xin cậu im lặng cho. Việc là việc của chúng tôi. Đối với bọn ăn cắp ngựa, ngay cả đức Chúa cũng cho phép cả làng quật chết. Đêm nay chúng ta sẽ chẳng những dạy cho chúng chừa thói giẫm đạp lên mọi người, mà còn cho chúng nghỉ ăn bánh mì luôn.

– Tất cả đấy à?

– Không, - Trùm quý ^[35] thời nay đáp. – Số anh em này, do Mikhalơ cầm đầu, sẽ ở lại đây với cậu, làm thủ hạ của cậu. Còn tôi sẽ đón lõng chúng ở bãi thụt quanh rừng cấm Janôpxki, gần Cối giã Mụ yêu. Đàng ấy, còn lại chục người nữa. Nếu chúng qua đó, bọn tôi sẽ đón tiếp, nếu chúng đi đường bọn tôi chưa biết thì các bạn đón tiếp chúng ở đây. Bọn tôi sẽ theo dõi rừng cấm, Hẻm Lạnh và các bãi hoang cạnh đó. Các bạn bám sát lâu đài Rừng Tùng Đầm Lầy. Khi cần, ta gặp nhau ở Hẻm Lạnh. Nếu cần chi viện, cậu cứ cho người đến báo.

Nói xong, Rurôgơ biến vào đêm đen.

Chúng tôi bố trí một ổ phục kích. Tôi ra lệnh cho sáu mugik phục hai bên đường cạnh chỗ rào đỏ, ba người nữa bố trí xa hơn một chút, thành hình một cái túi. Ba người còn lại phải chặn đường rút của đội săn. Tôi nấp sau một gốc cây lớn ngay cạnh đường.

Tôi còn quên chưa nói là mỗi người chúng tôi mang sẵn ba bó đuốc, nghĩa là đủ để trong trường hợp cần đến sẽ soi sáng cả một vùng xung quanh.

Đội quân mặc áo da lông thú của tôi vừa mới phục xuống đã lập tức lẩn với mặt đất, không tài nào phân biệt nổi họ với các mô đất, lông áo màu xám hòa lẫn với mặt cỏ thu úa tàn.

Chúng tôi chờ đã khá lâu. Mặt trăng vẫn trôi đi giữa bầu trời trên cánh đồng lầy, thảng hoặc đó đây lập lòe đôi ba ánh lửa xanh lẹt, mây mù lúc kết thành một tấm màn dày đặc bay là là mặt đất, chỉ đến giữa cặng chân ngựa, lúc lại tản ra.

Đội săn xuất hiện cũng như mọi lần, rất bất ngờ. Chừng hai chục kỵ sĩ mờ mờ ảo ảo cười hai chục con ngựa cũng ảo ảo mờ mờ. Chúng lừng lững tiến lại, không một tiếng động. Không nghe tiếng hàm thiếc lách cách, cũng không một giọng người. Một khối lù lù câm lặng tiếng dần đến. Bờm tóc lòa xòa cùng những tấm áo choàng bay phấp phới. Đội săn đang phóng nước đại.

Đi đầu, cũng vẫn như mọi lần, là Quốc vương Xtác, mũ chụp sùm sụp xuống mặt. Chúng tôi tưởng chúng sẽ ào tới như một cơn lốc, nhưng cách độ trăm bước chúng... xuống ngựa, loay hoay dưới chân ngựa, sau đó, khi chúng lại lao đi thì chúng tôi bỗng thấy tiếng vó ngựa rầm rập, rất đột ngột sau sự câm lặng trước đó.

Chúng đang tiến lại gần. Đã qua bãi thụt, đã tiến đến đoạn rào đỡ, rồi vượt qua nó. Quốc vương Xtác phóng ngựa thẳng đến chỗ tôi đứng. Tôi trông rõ mặt hăn trắng bệch như phấn.

Hăn đã đến ngay cạnh gốc cây tôi đứng. Tôi liền tiến lên một bước, chộp lấy cương ngựa. Đồng thời, tay trái tôi đang xiết chặt khẩu súng lục và chiếc roi ngựa, hất ngược mũ hăn ra sau gáy.

Bộ mặt nhợt nhạt màu xác chết của Vôrôna nhìn tôi với cặp mắt mở trừng trừng. Vì quá bất ngờ nên có lẽ hăn không biết xử trí ra sao, nhưng tôi thì biết rõ mình cần phải làm gì.

– Té ra chính mày là Quốc vương Xtác đấy? – vừa hỏi, tôi vừa quất mạnh roi ngựa vào giữa mặt hăn.

Con ngựa Vôrôna cười chồm lên, nhảy lui vào giữa đám kỵ sĩ.

Ngay lập tức, mấy khẩu súng trong ổ phục kích nổ vang, các nòng đuốc bùng lên sáng trưng, tất cả nhốn nháo trong ánh lửa quay cuồng. Ngựa chồm lên, kỵ sĩ ngã xuống, có tiếng ai đó hét lên thất thanh. Tôi chỉ nhớ rõ bộ mặt của Mikhalơ đang lạnh lùng ngắm bắn. Một quầng lửa vụt ra khỏi nòng súng dài. Tiếp theo, trước mắt tôi lướt qua bộ mặt có đôi gò má cao của một chàng trai, tóc tai rối bù xõa kín trán. Anh ta hoa cây đinh ba lên, như thường làm trên sân phơi rơm ra, đoạn dồn hết sức bình sinh xọc thẳng

vào bụng một con ngựa đang chồm lên. Kỵ sĩ, ngựa và chàng trai cùng ngã lăn xuống. Tôi vẫn đứng y nguyên, mặc dù từ phía đội săn cũng đã bắt đầu vang lên những tiếng súng bắn trả, đạn réo quanh đầu tôi. Tôi ngấm bắn vào từng kỵ sĩ đang loay hoay trên lưng ngựa. Nhưng từ phía sau lưng, súng cũng đang nhả đạn vào chúng.

- Anh em ơi, chúng ta bị phản rồi!
- Sướng chưa, chả phóng nữa đi!
- Chuồn thôi!
- Trời ơi! Lạy chúa tôi!

Tôi đã thấy rõ vẻ kinh hoàng trên mặt lũ côn đồ ấy, và một niềm hoan được trả thù tràn ngập lòng tôi. Lẽ ra bọn chúng nên sớm suy nghĩ đến điều một ngày kia sẽ phải đền tội. Tôi được chứng kiến bác mugik cần ngang cây gậy gỗ sồi to tướng xông vào giữa đám hỗn chiến mà phang ngang phang dọc. Bao phần nộ tích tụ từ xa xưa, bao nhẫn nhục lâu năm, giờ đây đều bộc phát thành cơn thịnh nộ chưa từng thấy, thành lòng quả cảm táo tợn. Một mugik khác nhảy lên lôi tuột một kỵ sĩ ra khỏi yên và con ngựa cứ thế kéo lết đầu hấn va bừa vào các gốc cây.

Mười phút sau, cuộc hỗn chiến kết thúc. Lũ ngựa không kỵ sĩ đứng hí vang: người chết, người bị thương nằm ngổn ngang như những bó rạ vứt lẫn lóc trên mặt đất. Riêng một mình Vôrôna vẫn quay cuồng giữa đám mugik, vung kiếm đánh trả. Khẩu súng lục hấn cắn ngang miệng. Hấn chiến đấu khá lăm. Bỗng hấn trông thấy tôi. Mặt hấn méo xệch đi vì một sự căm thù kinh khủng, khiến đến nay tôi vẫn còn nhớ y nguyên, thỉnh thoảng vẫn thấy rõ trong cơn mê.

Hấn giật cương cho ngựa chồm lên giẫm chết một người nông dân, đoạn vồ lấy súng.

– Thằng dê tiện, hãy coi chừng! Mày đã giành được con bé! Nhưng đừng hòng mà âu yếm nhau!

Một bác nông dân râu ria xồm xoàm vội túm lấy chân hấn giật mạnh, chỉ nhờ vậy mà tôi không bị gục xuống với một viên đạn xuyên thủng sọ.

Vôrôna biết hẳn có nguy cơ bị kéo tụt xuống đất, nên quay lại bắn chết bác rậm râu.

Chớp thời cơ, tôi nạp đạn vào ổ súng và xả cả sáu phát vào người hẳn. Vôrôna, tay chơi với, đổ nghiêng người trên yên, nhưng vẫn kịp quay ngựa đạp ngã chàng trai có gò má cao và phòng về phía sinh lầy. Tay chơi với bắt không khí, nhưng hẳn vẫn ngồi được trên yên, cùng cái yên đổ dần sang một bên (có lẽ đai thắt yên đã đứt) cho đến khi bị kéo lết trên mặt đất. Con ngựa bỗng ngoặt gấp, đầu Vôrôna đang đà lao nhanh đập vào cột đá hàng rào. Ốc hẳn tung tóe.

Vôrôna bay ra khỏi yên, rơi bộp xuống đất, nằm cứng đờ.

Thật là một cuộc đại phá. Cái đội săn khủng khiếp bị chính bàn tay của những người mugik bình thường đập tan ngay trong ngày đầu tiên khi họ nỗ lực một chút và tin rằng có thể cầm đỉnh ba vùng dậy chống lại cả ma quỷ.

Tôi đưa mắt nhìn khắp quang cảnh chiến trường. Những người nông dân đang tập trung ngựa lại. Đó quả những con đứctăng vùng Pôlexia – giống ngựa này đã tụyete chúng. Tất cả đều vằn vằn và lốm đốm như mèo rừng hay báo hoa mai, lỗ mũi trắng và mắt đỏ rực ánh lửa. Tôi biết giống ngựa này có đặc điểm là phi bẫm những bước dài và khi phóng nước đại thì nhảy những bước xa như bước nhảy của loài nai. Chẳng có gì lạ là trong sương mù có cảm tưởng như chúng bay bổng trên không.

Còn hai điều bí ẩn nữa được khám phá một cách bất ngờ. Một là, cạnh yên ngựa của mỗi kỵ sĩ có treo bốn cái túi khá sâu bằng lông cừu để khi cần thiết có thể bịt vào vó ngựa và buộc chặt lại ở đốt cổ chân, nhờ đó bước đi hoàn toàn không có tiếng động. Hai là, giữa đám kỵ sĩ chết và bị thương tôi trông thấy ba thằng hình nhân ăn mặc hoàn toàn như các kỵ sĩ. Chúng cũng được đội mũ cắm lông, đeo giáp trụ, mặc áo khoác và được buộc chặt vào yên. Rõ ràng là Vôrôna không đủ người.

Thế nhưng, tổn thất của chúng tôi cũng khá lớn. Có lẽ chúng tôi sẽ không đời nào thắng nổi cái bọn cướp giết người chuyên nghiệp ấy nếu như

không có yếu tố bất ngờ trong cuộc phục kích. Ấy thế mà kết quả vẫn rất tồi tệ vì anh em mugik hoàn toàn chưa biết chiến đấu. Chàng trai có đôi gò má cao bị Vônôna thúc ngựa đạp ngã, giờ đây đang nằm kia, đầu phọt óc. Bác nông dân rậm râu bị một phát đạn giữa trán, vết xuyên thủng sâu hoắm. Bác mugik cầm cây gậy gỗ sồi nằm ngửa trên mặt đất, chân vẫn giãy giụa: bác đang hấp hối. Số bị thương nhiều gấp đôi. Tôi cũng bị một vết: viên đạn va phải vật rắn, bật vào gáy tôi.

Chúng tôi đang cãi nhau: Mikhalơ băng bó đầu cho tôi, nhưng tôi không chịu, cho là vết thương xoàng thôi. Trong khi đó, anh em phát hiện trong đám kỵ sĩ có một tên còn sống và giải đến cạnh đồng lửa. Đứng trước mặt tôi là Mackơ Xtakhêvich, chính tên sliăctich từng nói chuyện với Patxúk ở dưới gốc cây mà tôi đã nghe lỏm được. Một tay hăn treo lưng lẳng như sợ thùng. Trông hăn khá hùng dũng trong bộ giáp trụ màu mận chín, đầu đội mũ nhỏ, sườn vẫn đeo cái bao kiếm không.

– Hình như anh từng đe anh em mugik, có phải không Xtakhêvich? Anh sẽ phải chết như bọn kia, - tôi nói, giọng bình thản. – Nhưng chúng tôi có thể tha cho anh, bởi vì còn có một thân một mình, anh không đáng sợ. Anh sẽ được đi khỏi lãnh địa Janốpxki và sống ở một nơi khác nếu như anh thành thực kể cho chúng tôi biết toàn bộ những trò đốn mạt của các anh.

Hăn do dự, đưa mắt nhìn những bộ mặt khắc nghiệt của đám mugik đang bùng bùng ánh lửa, nhìn những chiếc áo da lộn trái, những bàn tay nắm chặt đinh ba. Hăn hiểu ra rằng không thể chờ mong ở họ sự tha thứ. Những mũi đinh ba đang vây lấy hăn từ bốn phía, chạm cả vào da thịt.

– Tất cả đều do Đubôtôpkơ, - hăn nói, mặt cau có. – Tòa lâu đài của dòng họ Janốpxki sẽ truyền lại cho Garabuôcđa, nhưng ông ta mắc nợ Đubôtôpkơ một khoản lớn. Không ai biết điều đó, trừ bọn ta là thuộc hạ của Đubôtôpkơ. Bọn ta thường chèn chén ở nhà ông, được ông cho tiền. Ông chỉ mơ ước có tòa lâu đài thôi. Ông không muốn bán bất cứ vật gì ở đó, mặc dù tòa lâu đài khá cao giá. Vônôna bảo nếu đem bán tất cả đồ vật trong lâu đài cho các viện bảo tàng có thể được hàng chục nghìn. Một sự tình cờ đã xui khiến Đubôtôpkơ và Vônôna gặp nhau. Thoạt tiên, Vônôna không muốn

giết Janõpxkaia mặc dù cô bé đã khước từ lời cầu hôn của anh ta. Nhưng sau khi Xvetilõvich xuất hiện ở đây thì cả Vôrõna cũng đồng ý với Đubõtõpkơ. Đubõtõpkơ nảy ra ý lợi dụng truyền thuyết về đội săn của Quốc vương Xtác từ ba năm trước đây. Chẳng hiểu do nguồn nào mà dẫu sống có vẻ chẳng sung túc gì, Đubõtõpkơ có những món tiền lớn giấu rất kỹ. Nói chung ông là một con người rất tinh khôn, xảo trá và kín đáo. Người khôn ngoan đến đâu cũng vẫn có thể bị ông dặt mũi, ông giả ngây giả dại, khù khờ như một chú gấu. Vậy là ông ta cất một chuyến mò đến tận trại nuôi ngựa tốt nhất của một điền chủ những năm gần đây đã sa sút, mua toàn bộ đàn ngựa đứctăng, đưa chúng về rừng cấm Janõpxki, nơi bọn ta đã dựng sẵn lán và chuồng ngựa. Tất cả đều ngạc nhiên là bọn ta có thể phóng ngựa trên những sinh lầy không ai qua được. Nhưng không ai biết là bọn ta đã lần mò khắp Bãi thụt Khõng lồ để tìm các con đường mòn bí mật. Và đã tìm ra, nghiên cứu kỹ, dạy cho lũ ngựa đi qua. Sau đó thì tha hồ phóng ngựa ở những nơi đường mòn ngập sâu dưới bùn lầy đến một cánh tay, hai bên là bãi thụt chết người. Với lại, lũ ngựa này thật kỳ diệu! Chúng nhận ra giọng Đubõtõpkơ, chạy đến bên như một lũ chó khôn. Chúng cảm giác được sinh lầy, nên chỗ nào đường mòn đứt đoạn, chúng nhào những bước khõng lồ. Và lại, bọn ta bao giờ cũng xuất hiện vào đêm tối khi sương mù là là mặt đất. Chính vì vậy mọi người cứ tưởng là những bóng ma. Hơn nữa, bọn ta bao giờ cũng câm lặng. Tất nhiên, vụ này liều lĩnh. Nhưng biết làm thế nào? Chịu chết đói nhẩn rãng à? Trong khi đó, Đubõtõpkơ trả tiền đều đều. Hơn nữa, bọn ta chẳng những muốn làm cho Janõpxkaia phải mất trí hoặc chết, mà còn nhằm răn đe bọn tôi tớ láo xược, làm cho chúng phải biết kiêng sợ, không dám eo xèo đòi hỏi gì nữa. Đubõtõpkơ đã thông qua Garabuõcđa buộc mục Kunsã phải mời cô bé đến chơi nhà, bởi vì ông ta biết bố nó nhất định sẽ sinh lo, bố đi tìm. Thế là bọn ta chộp được Rõman, đón tiếp lão ra trò. Ôi, một cuộc săn đuổi thật tuyệt! Lão chuồn nhanh như quỷ sứ... Khõn nổi, ngựa lão lại bị gãy cẳng.

– Chúng tôi thừa biết rồi. – tôi xen ngay vào giọng mỉa mai. – Nhân tiện, xin nói để anh biết: ông Rõman đã tức giác bọn anh đúng sau khi đã chết,

dấu các anh không tin vào lời đe dọa của ông. Thậm chí vài ngày trước đây khi đứng trò chuyện với Patxúk sau vụ ám sát Bécman, anh vẫn còn chưa tin.

Xtakhêvich kinh ngạc, há hốc mồm. Tôi bảo hẳn kể tiếp.

– Bọn ta làm cho cả lãnh địa phải khiếp sợ. Lũ cố nông đành phải chấp thuận giá cả do điền chủ đưa ra. Bọn ta đã bắt đầu sống đàng hoàng hơn. Cô bé Janốpxkaia thì đã đến chỗ tuyệt vọng. Đúng lúc ấy anh, Bêlôrétxki, đến đây. Hôm vũ hội, không phải ngẫu nhiên mà Đubôtôpkơ đem bức chân dung cụ tổ Rôman đến. Nếu như không có anh thì chỉ một tuần sau cô bé sẽ phát điên. Nhưng pan Đubôtôpkơ thấy ngay là ông đã tính lầm. Cô bé đêm ấy rất vui. Anh nhậu với cô ta xuất. Khi làm thủ tục chuyển giao công việc bảo trợ, Đubôtôpkơ cố tình mời anh vào dự để anh thấy là cô bé rất nghèo, mặc dù ông ta quản lý trang ấp rất cừ, bởi vì trong tương lai nó sẽ thuộc về ông ta. Thế nhưng, tình cảnh nghèo khó của Janốpxkaia không mảy may tác động đến anh, cho nên đành phải quyết định thanh toán anh.

– Nhân tiện, - tôi lại xen vào, - xin nói để anh biết là tôi chưa hề có ý định kết hôn với tiểu thư Janốpxkaia.

Xtakhêvich rất ngạc nhiên:

– Thì biết vậy. Dù sao anh vẫn cản trở bọn ta. Có anh, cô bé như sống lại. Công bằng mà nói ông Đubôtôpkơ thực tình yêu quý Nađêia. Phải làm hại cô bé, ông xót lắm, và nếu như có thể tránh được điều đó, ông bằng lòng ngay. Đối với anh, ông rất tôn trọng. Luôn nói với bọn ta rằng anh là một người chân chính, chỉ tiếc là anh không đời nào nhất trí với bọn ta. Tóm lại công việc của bọn ta trở nên phức tạp: buộc phải trừ khử cả anh, cả Xvetilôvich vì anh ta có quyền thừa kế, lại yêu Janốpxkaia. Đubôtôpkơ mời anh đến nhà để cho Vôrôna thách đấu súng. Vôrôna đóng vai kịch đó thành công đến nỗi không một ai nghi ngờ rằng không phải anh ta mà chính Đubôtôpkơ mới là kẻ chủ mưu. Trong khi đó bọn ta tranh thủ ngắm nhìn anh vì cần phải ghi nhớ mặt anh.

– Tiếp đi, - tôi giục.

Xtakhêvich hơi do dự, nhưng Mikhailơ lập tức thúc đỉnh ba vào hông hẳn. Măckơ gườm gườm nhìn quanh.

– Trò đấu súng bị xịt. Đubôtôpkơ chuốc rượu liên tiếp mà anh vẫn không say. Hơn thế nữa lại tỏ ra tài ba đến mức hạ đo ván Vôrôna, buộc anh ta phải nằm liệt giường mất năm ngày.

– Làm thế nào mà hôm ấy bọn các anh vừa dự tiệc lại vừa đuổi theo tôi được?

Xtakhêvich dẫn giọng:

– Đợi anh ở ngoài trại Đubôtôpkơ là một nhóm khác, toàn bọn lính mới. Thoạt tiên, bọn này định cho chúng đuổi theo Xvetilôvich, nếu giết được anh rồi. Nhưng Xvetilôvich ngòi lì với bọn ta đến tận sáng, Vôrôna thì bị thương. Vì vậy mới cho chúng đuổi theo anh. Cho đến nay, Đubôtôpkơ vẫn không thể tha thứ cho bản thân là đã để cho bọn vất mũi chưa sạch đuổi theo anh. Nếu không, anh đừng hòng thoát hôm ấy. Vả lại, bọn ta tưởng anh sẽ đi theo đường cái, nhưng anh lại đi tắt qua bãi hoang, lại còn bắt bọn đội săn tiêu phí cả tiếng đồng hồ trước vạt sinh lầy. Cho đến lúc lũ chó săn đánh hơi được dấu vết thì đã quá muộn. Đến tận giờ bọn ta vẫn không hiểu nổi bằng cách nào hôm ấy anh thoát khỏi tay bọn ta, cừ thật đấy. Hôm ấy mà anh rơi vào tay bọn ta thì chỉ có chết.

– Thế tại sao tiếng tù và luôn cất lên ở hướng khác? Còn cái bọn “lính mới” kia đâu cả rồi?

Xtakhêvich miễn cưỡng tiếp tục:

– Thối tù và cũng là một đứa trong bọn ta. Hẳn đi tách riêng, cách bọn ta không xa. Còn như bọn lính mới thì chúng đây kia, nằm dưới đất ấy. Trước kia bọn ta ít người hơn, nên thường phải dặt theo một lũ ngựa buộc hình nân. Còn một bộ phận trẻ ra Hẻm Lạnh nữa. Bọn ta cứ tưởng anh chỉ có một mình với thằng Rưgôơ rình bắt bọn ta. Không ngờ các anh có cả một đội quân đông đảo thế này. Vụng tính nên phải trả giá đắt. Đấy, họ nằm cả lũ đấy: Patxúk, Jan Xtưôvich, Papliuk, Bôbôet. Thậm chí cả Vôrôna nữa.

Anh không xứng với cái móng tay của anh ta đâu. Vôrôna thực khôn ngoan, vậy mà cũng không thoát khỏi sự phán xử của Chúa.

– Tại sao các anh lại ném cho tôi mẫu giấy báo trước là “đội săn của Quốc vương Xtác thường hiện về lúc nửa đêm”?

– Đâu nào! – Xtakhêvich lắc đầu. – Ai đời hồn ma lại đi ném trộm thư từ. Đời nào bọn ta lại đi làm cái trò ngu ngốc ấy.

“Trò ấy, chắc Bécman làm”, - tôi nghĩ thầm, nhưng lại nói to:

– Chính cái mẫu giấy ấy đã khiến tôi hiểu ra rằng bọn các anh không phải là những hồn ma đúng vào lúc tôi đang bắt đầu tin như vậy. Cho nên các anh phải đội ơn kẻ làm phúc bí ẩn ấy, bởi vì nếu quả là hồn ma thật thì chưa chắc tôi đã dám đương đầu.

Xtakhêvich tái mặt đi, môi mấp máy:

– Thằng cha ấy mà tóm được, bọn ta phải xé xác nó ra. Anh, ta cảm thù, chỉ tiếc là ta không còn đủ sức. Ta không thèm nói nữa đâu.

Bàn tay hộ pháp của Mikhalơ lập tức thộp cổ tên kẻ cướp, bóp mạnh:

– Nói đi. Không thì chúng tao tức khắc...

– Đồ chó má, chúng bay đã thắng thế. Thì cứ việc hí hửng đi, quân tôi đòi... Bọn ta cũng đã kịp dạy cho chúng bay những bài học đích đáng. Ta thách thằng nào moi đâu ra được mấy đũa to mồm nhất ở làng Acki trong cái vụ pan Antôxơ Đukhơxitxa đuổi làng lấy đất. Cứ cho thà hồ đi mà hỏi. Chỉ tiếc là ông Đubôtôpkơ không cho rình bắn chết anh – Bêlôrétxki – giữa ban ngày. Chuyện đó dễ không, nhất là lần anh mò đến nhà Kunsu. Hôm ấy ta có nhìn thấy anh. Ngay từ ngày ấy bọn ta biết anh đang chuẩn bị chịt thòng lọng vào cổ bọn ta. Mụ Kunsu già rồi, lại điên điên dại dại, nhưng vẫn có thể buột mồm buột miệng lộ ra điều gì. Mụ bắt đầu đoán ra mụ là công cụ trong tay bọn ta để giết chế Rôman. Cho nên đành phải cho đội săn hiện về một lần. Đầu óc mụ vốn yếu, nên mụ mất trí luôn.

Tôi sôi tiết lên vì những điều đốn mạt mà con người đó kể lại. Mãi giờ đây tôi mới thấy hết vực thăm sa đọa của tầng lớp sliăcta. Thâm tâm, tôi

đồng tới với Rưgôơ là phải diệt cho nó tuyệt nòi, vì nó bắt đầu làm ô uế cả thế gian này.

– Kể tiếp đi, đồ nhơ bẩn!

– Khi nghe nói Rưgôơ đồng ý tham gia tìm kiếm, bọn ta biết là gay rồi. Lần đầu tiên được chứng kiến Đubôtôpkơ phát hoảng. Thậm chí ông tái mặt đi. Ông bảo phải kết thúc thôi, chẳng còn mong trở nên giàu có nữa mà cốt cứu lấy mạng mình. Bọn ta liền tới lâu đài.

– Lần ấy dứa nào la hét thế?

– Dứa la hét đâu còn nữa. Nó nằm kia kìa... Pátxúk đấy...

Xtakhêvich trâng tráo đùa cợt, kể tất cả với một giọng trịnh thượng, phô trương như thể sắp ca một bản “Tình ca” của Rubinstêin. Tuy vậy, tôi thấy rõ là hăn sợ, dầu cố trấn tĩnh.

– Khó gì, ta cũng la hét được như vậy.

Dứt lời, hăn ngửa đầu, gân xanh trên cổ phồng hết lên. Hăn bắt đầu hú, giọng lúc trầm lúc bổng và tôi được nghe lại lần cuối tiếng thét của đội săn – một tiếng thét kinh khủng, không còn là tiếng người nữa mà đã thành tiếng ma quỷ.

– Rôman! – giọng hăn rền rĩ. - Ồi Rôman! Rôman! A-ôi! Thù phải trả! Chúng ta sẽ về! Rôman đời chót, ra mau.

Tiếng hăn vang dội trên Bãi thụt Khổng lồ, lan xa mãi, hòa lẫn với tiếng vọng, âm vang trong không trung bao la. Tôi sờn hết gai ốc.

Xtakhêvich cười hô hố.

– Bêlôrétxki, lần ấy a không ra. Phải thằng khác thì có lẽ hăn đã nghèo vì khiếp sợ rồi. Mới đầu bọn ta tưởng anh khiếp sợ rồi, nhưng ngày ôm sau đã xả ra một chuyện chí nguy. Thằng Xvetilôvich bắt gặp Vôrôna, hôm ấy đi mộ lính mới nên về muộn. Cuộc chạm trán lại xảy ra ngay cạnh con đường mòn dẫn vào rừng cấm, đến hang ổ mật của bọn ta. Sau đó, bọn ta theo dõi thấy hăn gặp anh ở trong rừng. Và dầu hăn không nói gì với anh, bọn ta thấy vẫn phải kết liễu hăn. Đubôtôpkơ gửi cho hăn lá thư, nhử ra khỏi nhà.

Hôm ấy, một nửa đội săn đến rình ở chỗ ba gốc thông, một nửa kia đến lâu đài. Đubôtôpkơ đích thân xuống ngựa, bò đến sau lưng anh. Khốn một nỗi anh đã kịp nổ súng, bọn lính mới chưa từng người khói súng, liền bỏ chạy ráo. Kỳ lạ nữa là anh đã dần như xương Đubôtôpkơ, khiến ông ta đến giờ vẫn chưa cưỡi ngựa được, phải ru rú suốt ngày ở nhà. Hôm nay, ông cũng phải ngồi nhà, bọn bay cứ liệu hồn... Lần ấy Đubôtôpkơ đã “xiếc” anh rất cừ, cho nên chính mình chưa hoàn hồn mà anh đã loay hoay vức ông ta lên ngựa. Dẫu sao, bọn ta đã may mắn hơn trong vụ thằng Xvetilôvich. Giáp mặt hẳn, Vôrôna hỏi: “Khám phá ra đội săn rồi chứ?”. Hẳn nhỡ vào mặt Vôrôna, Vôrôna bắn hẳn chết tươi. Vừa lúc đó, anh mò đến, nổ súng vào bọn ta, bắn thủng tay một đứa. Sau đó anh đánh tên cảnh sát khu vực, bị gọi ra huyện, cũng lại do bọn ta bố trí. Chắc hẳn anh không biết là sẽ bị bắt và trên đường giải đi sẽ bị đập chết. Thế nhưng anh ranh như quý, lại gặp vận may, lá thư của quan tổng đốc đã buộc lão chán án thôi không giúp bọn ta nữa. Lão quý gởi van xin Đubôtôpkơ khử anh mau mau. Nhân tiện ta nói cho mà biết là khi bắn chết Xvetilôvich, Vôrôna đã áp dụng một mẹo tinh khôn, anh không đời nào đoán ra được.

– Sao lại không? – tôi đáp, giọng bình thản. – Đubôtôpkơ xé trong một tờ tạp chí ở nhà Janôpxkaia mấy trang giấy để làm bùi nhùi. Bọn các anh suy tính rằng nếu như tôi xông khói tay các anh, thoát chết thì căn cứ vào bùi nhùi tôi sẽ phải nghi cho Bécman chứ gì.

Xtakhêvich đưa những ngón tay khoằm khoằm như vuốt lên cào cấu ngực.

– Ma quý! – Hẳn học lên khăn khăn. – Lẽ ra bọn ta không nên dây vào với anh. Ai mà ngờ được cơ chứ? Đấy. Chính không tính đến chữ ngờ mà cả lũ nằm lẫn lóc nhưng những bì rác kia.

Im lặng một lát, hẳn nói tiếp:

– Bọn ta còn mắc một sai lầm nữa. Mãi theo dõi anh, bọn ta bỏ quên bọn tôi tớ này cùng tên Rưgôơ. Cho nên, bọn chúng nó mò tới tận sào huyệt, khám phá ra những con đường mòn bí mật... Thế rồi, anh lại gặp may lần nữa ngay cạnh cây thánh giá của Rôman: bọn ta giết nhầm con gà nhép mà

để xông mất anh. Chỉ tại vừa phóng ngựa vừa bán, không dừng lại. Hạ thủ xong, phóng đi luôn. Sau đó mới quay lại kiểm tra. Và lại đụng phải anh, thực là một lũ ngốc. Sau đó, Garabuôcđa mất hút. Đêm nay bọn ta quyết không trở về nhà chường nào chưa tóm cổ anh. Vậy mà, kết cục như thế này đây...

– Thôi đủ, - tôi ngắt lời. – Nghe mà phát lợm. Anh cũng đáng phải treo cổ, nhưng chúng tôi không thèm giết anh, vì đã hứa tha cho anh. Chúng tôi sẽ xét kỹ sau, nếu tội anh lớn, sẽ lôi ra tòa án tỉnh, nếu không thì sẽ tha cho về.

Tôi nói chưa dứt lời thì Xtakhêvich bỗng gạt mạnh hai mugik, thoát khỏi tay họ, lao như tên bắn đến chỗ để ngựa. Hăn co căng đạp mạnh vào bụng người đứng gác nhảy phóc lên yên, phóng vụt đi. Hăn còn ngoái lại, hét lên, giọng chế giễu:

– Cứ ngồi đấy mà chờ tòa án tỉnh. Tao đến Đubôtpkơ đây. Ông ta sẽ phát động sliăcta trong toàn lãnh địa này tiêu diệt bọn bay đến mống cuối cùng. Cả mi nữa, đồ chó chết kinh đô kia, cũng không thoát đâu, cả cái con nhân ngãi của mi nữa. Cái thằng Mikhalơ kia, nghe đây: tao đã giã nát em mày, thì mày cũng chung phận ấy thôi!

Mikhalơ rê đầu súng và bóp cò, hầu như không ngắm bắn. Xtakhêvich lạng lẽ, như thế đó là điều cần làm, ngã lộn từ trên yên xuống, quay mấy vòng trên mặt đất, rồi nằm bất động.

Mikhalơ bước đến bên hăn, nắm lấy cương ngựa, đoạn bồi thêm một phát vào giữa trán Xtakhêvich. Xong, anh nghiêm nghị bảo tôi.

– Mời thủ lĩnh đi trước. Ngài thương hại chúng nó quá sớm đấy. Hãy vứt cái lòng thương ấy đi. Đám cướp Zigan đâu có cần bánh hạnh nhân. Ngài đi đi, bọn tôi sẽ đuổi theo. Cứ đến Hẻm Lạnh trước đi, và chớ có ngoái cổ lại.

Tôi bỏ đi. Thực vậy, tôi đâu có quyền nương nhẹ bọn bất lương. Thằng kẻ cướp ấy mà chạy thoát về với Đubôtpkơ thì chúng sẽ tắm máu cả cái lãnh địa này. Phải mau mau tóm cổ lão Đubôtpkơ. Phải bắt ngay đêm nay.

Phía sau lưng tôi vang lên những tiếng rên la. Ở đó họ đang giết nốt những tên bị thương. Tôi muốn quay đầu lại nhìn mà không nổi. Cổ họng tắc nghẹn. Nhưng phải chăng bọn chúng sẽ không thanh toán với chúng tôi còn ghê tởm hơn?

Anh em mugik đuổi kịp tôi trên nửa đường tới Hẻm Lạnh. Họ cười những con đứctăng, tay cầm ngang những cây đinh ba.

– Mời thủ lĩnh lên ngựa, - Mikhalơ chỉ ngựa, nói giọng hiền lành. – Bọn tôi kết liễu hết chúng rồi. Bãi thụt nhân từ sẽ không đời nào hé miệng với ai...

Tôi đáp, cố lấy giọng bình thản:

– Thế là tốt. Bây giờ chúng ta mau tới chỗ Rưgôơ. Sau đó, cùng nhau đi đánh chiếm nhà Đubôtôpkơ.

Trong nháy mắt, chúng tôi phóng đến Hẻm Lạnh, và ở đó được chứng kiến màn chót của tấm bi kịch tương tự. Rưgôơ đã giữ đúng lời nguyện, giết hết không tha một mống trong đội săn, dẫu không đem hành hạ tàn khốc như đối với bọn ăn cắp ngựa. Khi chúng tôi đến, trước mặt Rưgôơ còn sót lại một tên cuối cùng đang ngằm ngửa trên mặt đất. Tên sliăctich ấy còn trẻ măng. Tôi lao đến chỗ họ. Nhìn áo quần, hẳn biết tôi không phải là nông dân, nên vội kêu toáng lên:

– Mẹ ơi! Mẹ ơi! Người ta giết con.

– Anh Rưgôơ, - tôi van xin. – Đừng giết hẳn. Hẳn còn trẻ ranh ấy mà.

Tôi níu vai Rưgôơ, nhưng từ phía sau, lập tức hai ba người giữ chặt lấy tay tôi.

– Cút! – Rưgôơ quát lên. – Đem thằng cha ngu ấy đi chỗ khác! Bọn chúng đuổi con trẻ đi khỏi Jacki thì không xót à? Lũ trẻ ấy chết đói cả rồi... Chết đói đấy! Cậu nghĩ sao, con người ta không được quyền ăn cho đỡ đói à?! Hẳn kêu mẹ ơi! Bọn tôi không có mẹ chắc?! Thằng em Mikhalơ không có mẹ chắc? Cậu nữa, cậu không có mẹ hay sao mà cậu nhân từ thế?! Đồ giẻ rách! Cậu biết không, cái thằng trẻ ranh này vừa mới bắn chết Xưmôn – em trai Xôxia đấy! Đã thế, bọn ta sẽ cho chúng một đêm tắm máu!

Dứt lời, Rurôgơ xoay người cầm phập cây đinh ba vào cái thân hình nằm xõng xoài trên mặt đất.

Tôi lùi ra xa, ngồi sụp xuống, nôn ọe... Tôi không nghe thấy tiếng chân Rurôgơ bước lại bên tôi, sau khi họ đã ném tất cả xác chết xuống bãi thụt. Anh đặt ta

y lên vai tôi:

– Cậu ngu lắm... Cậu tưởng tôi không mũi lòng ư? Tim tôi ứa máu. Có lẽ, suốt đời tôi sẽ không thể nào ngủ yên được nữa. Nhưng đã nhịn thì nhịn cho trót, đã đánh thì đánh đến cùng. Không được để sống sót một mống nào, chỉ còn bọn ta biết với nhau, cùng làm cùng chịu... “Trẻ ranh”! Cậu tưởng cái đứa trẻ ranh ấy lớn lên không thành tên kẻ cướp già ư? Thành quá đi chứ! Nhất là khi hăn nhớ lại đêm nay. Và rồi hăn sẽ “thương xót” bà con nông dân bọn tôi phải biết. Thả hăn ra, lập tức hăn sẽ lôi quan tòa về đây. Tôi với cậu sẽ lên giá treo cổ, Mikhalơ và anh em khác sẽ đi đầy biệt xứ. Khắp lãnh địa này sẽ đầu rơi máu chảy, chúng sẽ đánh đập bà con cho kỳ thịt nát xương tan.

– Tôi hiểu, - tôi đáp. – Phải không để thoát một tên nào. Tôi vừa mới nhớ đến anh Xvetilôvich. Phải gấp rút đến thanh toán nốt tên cuối cùng – lão Đubôtôpkơ.

– Thế thì được, - Rurôgơ dịu giọng, lâu bầu. – Cậu dẫn bọn tôi đi.

Cả đoàn rầm rập theo tôi tiến về phía ngôi nhà của Đubôtôpkơ. Chúng tôi phóng nước đại, ngựa lao đi vùn vụt như bị sói đuổi. Ánh trăng lờ mờ chiếu xuống kỵ đội, thấp thoáng những tấm áo da lông thú, những ngọn đinh ba, những gương mặt lầm lì, những hình nhân ngất ngưỡng trên lưng vài ba con ngựa. Chúng tôi phải vòng qua đồng lầy xung quanh rừng cấm Janôpxki. Tôi có cảm tưởng chúng tôi phải đi một chặng đường rất lâu mới thấy hiện ra trước mắt những tán lá um tùm của rặng cây già cạnh ngôi nhà Đubôtôpkơ. Trăng trải ánh sáng bạc lạnh lẽo lên khu trại. Mặc dù đêm đã khuya, trong ba ô cửa sổ vẫn sáng ánh đèn.

Cách nhà Đubôtkơ chừng ba chục mét, tôi hạ lệnh cho mọi người xuống ngựa, bao vây chặt ngôi nhà, cầm sẵn đuốc trong tay, nghe hiệu lệnh thì cùng đốt lên. Các lệnh đều được lặng lẽ chấp hành. Tôi leo qua một bờ rào thấp, tiến lên giữa những hàng cây táo đã rụng gần trụi lá, đứng chết lặng dưới ánh trăng mờ ảo.

– Ai ở lại giữ ngựa? – tôi hỏi Rươgơ, anh vẫn luôn bám sát theo tôi.

– Một cậu trai trẻ. Có gì hấn sẽ báo động cho bọn ta. Hấn hút còi mồm kêu to lắm, chẳng kém gì Họa mi – côn đồ [36], đến lũ ngựa nghe tiếng cũng khuyu gối.

Chúng tôi rón rén bước, giày ủng nhẹ nhàng đập lên mặt đất dẫm sương đêm. Tôi đến bên cửa sổ: Đubôtkơ đang bồn chồn đi đi lại lại trong phòng, chốc chốc lại nhìn đồng hồ treo trên tường.

Tôi không thể nhận ra lão nữa. Trước mắt tôi là một Đubôtkơ khác hẳn, và tất nhiên ở đây, khi chỉ còn một mình giáp mặt với mình, lão mới lộ rõ chân tướng. Đã biến mất tấm vẻ hiền từ, chân thành và trù mến, cũng chẳng còn thấy đâu gương mặt khỏe khoắn và tươi rói của một ông già Nôen. Đubôtkơ trước mắt tôi có bộ mặt vàng vố, hai mép trệ hẳn xuống, hai bên cánh mũi hấn lên hai nếp nhăn. Cặp mắt sâu hoắm, ánh mắt đờ đẫn, u tối. Tôi thấy ghê rợn giống như cảm giác ghê rợn của người qua một đêm ngủ ngon trong chăn nệm êm ấm, sáng hôm sau phát hiện ra có con rắn chui vào sườn ghé.

“Sao ta có thể vô tâm đến thế được?” – tôi hãi hùng thầm nghĩ.

Đúng, phải kết liễu lão ta càng sớm càng tốt. Một mình lão nguy hiểm hơn cả đội săn gộp lại. Thực may là trong cuộc ẩu đả đêm nọ tôi đã làm cho lão mất khả năng cưỡi ngựa trong một thời gian, nếu không chúng tôi sẽ gay go to. Lão nhất định sẽ không đâm đầu vào giữa làn đạn, sẽ không phân tán lực lượng mà sẽ tập trung vó ngựa đè bẹp tôi cùng đám Rươgơ như đè một lũ gà nhép, và hấn giờ đây bọn tôi bị chọc mắt cắt tai, đang chìm sâu dưới đáy bãi thụt.

– Rurgôơ, cử ngay lại đây độ bảy người. Cho họ phá công tiền, tôi sẽ thử bóc ván ở phía kho cỏ và bất ngờ tấn công lão từ phía sau lưng. Phải làm cho cùng một lúc.

– Hay là thử đóng giả làm đội săn, gõ cửa số. Lão mở cửa là ta chộp liền. Lão đuổi người nhà đi đâu cả rồi, chỉ có một mình thôi, - Rurgôơ bàn.

– Không ăn thua. Lão già cáo lắm.

– Thử ta cứ thử xem. Đỡ tốn máu, cậu ạ...

Tôi lắc đầu:

– Coi chừng kéo lại tốn máu hơn đấy, anh bạn ạ.

Anh em dắt ngựa đến gần hơn. Tôi mừng rỡ khi qua ô kính cửa số thấy nét mặt Đubôtôpkơ vụt rạng lên. Lão cầm nển tiến lại gần cửa, nhưng bỗng sững lại, mặt lộ rõ vẻ thắc mắc. Ngay tức khắc, lão tắt phụt cây nển, căn phòng lập tức tối om. Cơ mưu thế là đã bại lộ. Tôi hét to:

– Anh em! Phá cửa!

Lập tức, rộn lên tiếng chân chạy thành thịch, tiếng reo hò. Anh em mugik bắt đầu phá cửa bằng một vật gì đó rất nặng. Ngay lúc đó, vang lên một phát súng từ trên tầng nóc bắn xuống. Tiếp theo là một giọng hét to đầy tức tối:

– Quân chó má, nhâu nhâu quây tứ phía! Liệu hồn đấy. Sliăcta không bao giờ đầu hàng!...

Từ một cửa số khác, lại một quầng lửa tóe ra. Rõ ràng Đubôtôpkơ đang di chuyển từ ô cửa này sang ô cửa khác, nhả đạn ra tứ phía vào những người tấn công.

– Ô, lão có đến cả một kho súng chứ chả chơi, - Rurgôơ nói nhỏ.

Một phát súng nữa ngắt lời anh. Chàng trai đứng cạnh tôi gục ngã, đạn xuyên thủng đầu. Đubôtôpkơ vốn bắn giỏi hơn cả tay thợ săn thiện xạ. Lại một phát súng nữa nổ vang. Tôi hét to:

– Nép vào tường. Đạn sẽ không trúng được.

Đạn do anh em mugik đứng nấp sau các gốc cây bắn ra tước từng miếng gỗ, từng mảng vôi vữa rơi tung tóe. Nhưng khó lòng mà xác định được Đubôôpkơ sẽ xuất hiện ở ô cửa nào. Chiến thắng của chúng tôi nghe chừng sẽ hão huyền.

– Đốt đuốc! – tôi hạ lệnh. – Ném lên mái nhà.

Tức khắc, quanh ngôi nhà bùng lên đến ba chục ngọn lửa. Vài ba ngọn đuốc vạch một đường cung lửa, rơi xuống mái nhà. Nhựa thông cháy chảy lan dần xuống các ô cửa sổ. Tiếng Đubôôpkơ gầm lên:

– Bốn chục thằng đánh một! Lại còn dùng lửa nữa! Cao thượng thế đấy!

– Câm họng đi! – tôi quát. Dễ thường thả hai chục tên côn đồ săn đuổi một người con gái thì cao thượng lắm đấy. Bọn đội săn của mi nằm cả đồng dưới kia, dưới đáy bãi thụt ấy! Mi cũng sẽ phải xuống đó!

Đáp lại, một viên đạn đập cái chát vào tường, ngay cạnh đầu tôi.

Ngôi nhà của Đubôôpkơ bốc lửa. Cố lùi ra xa tường, tôi lao về phía rặng cây và suýt chết: viên đạn của Quốc vương Xtác bay vèo ngay cạnh tai. Tóc tôi dựng ngược cả lên.

Lửa đã lan vào bên trong tầng nóc làm cho những khẩu súng nạp sẵn đạn bắt đầu nổ tung. Chúng tôi yên trí lùi xa ngôi nhà đang cháy ùng ùng như một bó đuốc. Bỗng chàng trai đứng gác ngựa kêu thất thanh. Chúng tôi cùng nhìn về phía đó thì thấy Đubôôpkơ chui từ dưới đất lên, cách ngôi nhà chừng trăm mét.

– Chà! – Rượôơ nghiêng răng: - bọn ta quên mất là hang cáo bao giờ cũng có hai cửa.

Đubôôpkơ đang cầm đầu chạy về phía Bãi thụt Khổng lồ. Tay phải lão buông thõng xuống, lưng lẳng. Có lẽ dầu sao tôi cũng đã găm được vào hắn một viên đạn.

To béo như vậy mà không ngờ lão chạy đến nhanh. Tôi bắn theo một phát súng lục, nhưng cự ly đã quá xa. Một loạt súng kíp của anh em mugik nổ theo – vẫn không nước non gì. Đubôôpkơ băng qua vạt cỏ nhỏ, nhảy đại xuống sinh lầy và bắt đầu nhảy chuyền từ mô đất này qua mô đất khác

như một con cào cào. Khi đã vượt qua khỏi vùng nguy hiểm, lão quay lại giờ nằm dấm lên dọa bọn tôi:

– Cứ chờ đấy, lũ chuột kia! – cái giọng khùng khiếp của lão vọng tới chỗ bọn tôi đang đứng. – Không một mống nào thoát tay tao đâu. Tao xin lấy danh dự sliăcta, lấy máu tao mà thề rằng tao sẽ cắt tiết tất cả bọn bay cùng lũ con cháu.

Chúng tôi đứng ngây cả ra. Nhưng ngay lúc ấy, một tiếng còi mồm rít lên lạnh lạnh làm điếc cả hai tai tôi. Tôi thấy một chàng trai chọc mạnh cành cúc gai khô vào dưới đuôi một con ngựa. Lại một tiếng còi mồm lạnh lạnh rít lên...

Cả bầy ngựa hí vang, chồm lên. Chúng tôi lập tức hiểu ra ý đồ của chàng trai, nhất loạt nhào đến cạnh lũ đứctăng quát chúng tới tấp. Bầy ngựa hốt hoảng lao về phía Bãi thụt Khổng lồ. Trên lưng mấy con ngựa vẫn còn ngất ngưỡng những thằng hình nhân giả dạng kỵ sĩ đội sấn của Quốc vương Xtác.

Tiếng vó ngựa rầm rập xé toạc đêm thanh. Bầy ngựa phóng đi như điên. Đubôtôpkơ hăn cũng hiểu ngay ra nguy cơ. Lão hét lên kinh hoàng, cầm đầu chạy. Bầy ngựa lập tức rượt theo vì chúng đã được chính kẻ đang bỏ chạy dạy cho biết săn đuổi người.

Chúng tôi đứng nhìn đội sấn của Quốc vương Xtác, đã hầu như mất hết kỵ sĩ, lao đi như phát khùng, bồm ngựa phấp phới trong gió, vó ngựa hất tung tóe bùn lầy, và ở trên đỉnh đầu chúng rực sáng một ngôi sao cô đơn.

Ngăn dần! Ngăn dần! Khoảng cách giữa Đubôtôpkơ và bầy thú phát khùng cứ ngăn dần. Tuyệt vọng, lão già rẽ khỏi đường mòn, bầy ngựa điên khùng cũng rẽ theo.

Một tiếng kêu thất thanh đầy kinh hoàng vọng đến tai chúng tôi.

– Cứu tôi với! Ôi Quốc vương Xtác!...

Ngay khoảnh khắc ấy, chân lão già đang đà chạy thụt sâu xuống sình lầy, bầy ngựa đuổi kịp lão cũng theo đà lao xuống bãi thụt. Con đứctăng đầu

đàn đập lên người Đubôtôpkơ, giẫm xuống mặt bùn hôi thối và cất tiếng hí vang rền. Sinh lầy vang lên muôn tiếng ộp oạp.

– Quốc vương Xtác!... – Chỉ còn nghe vọng lại có vậy.

Sau đó, dưới sinh lầy như có con quái vật khổng lồ trở mình, nuốt nước ừng ực. Cả người, cả ngựa đều đã mất hút, chỉ nghe tiếng những bong bóng nước to tướng tan vỡ xì hơi trên mặt sinh lầy.

Ngôi nhà vẫn cháy bùng bùng như một cây đuốc lớn – ngôi nhà của “hiệp sĩ” cuối cùng, hiệp sĩ của cướp đêm và loài lang sói. Đám mugik mặc áo da lông thú lộn trái, tay nắm chắc những cây đinh ba, đứng lạng lẽ quanh ngôi nhà. Một ráng đỏ chập chờn hắt lên người họ.

CHƯƠNG 18

Tôi trở về lầu đài, người lấm bê bết, mệt lử, và sau khi gọi được người gác mở cửa, lập tức về phòng riêng. Rút cục, chúng tôi đã kết thúc tất cả những trò khùng khiếp, đã diệt trừ được cái đội săn quái ác. Tôi kiệt sức đến nỗi chỉ kịp thả cây nển, tháo chiếc ủng mới được nửa chân, đã suýt ngủ thiếp đi trên chiếc ghế bành. Đến khi đi nằm thì trước mắt cứ bồng bênh những sinh lầy, những lưỡi lửa trên nóc nhà Đubôtopkơ, tiếng vó ngựa rền rền, những thân hình kỵ sĩ, tiếng kêu thét ghê rợn và gương mặt của Rurgôơ đang từ từ hạ cây đinh ba nặng chịch xuống đầu ai đó. Phải mất hồi lâu, giấc ngủ nặng nề mới chụp xuống đầu tôi, đè bẹp dí xuống gối như thể vó ngựa đạp đầu Đubôtopkơ xuống sinh lầy. Ngay cả trong giấc ngủ tôi vẫn tiếp tục sống với những sự việc xảy ra tối qua: tôi chạy, bắn, phi ngựa, và luôn có cảm giác là hai chân tôi vẫn cử động trong mơ.

Sự bừng tỉnh lần ấy kỳ lạ, mặc dù trạng thái của tôi khó có thể gọi là thức tỉnh. Ngay từ lúc còn ngủ mê mệt đã xuất hiện cảm giác về một cái gì nặng ghê gớm và hung ác, dường như trên đầu tôi treo lơ lửng bóng đen của một tai họa to lớn, - tai họa cuối cùng. Dường như có kẻ ngồi đè lên hai chân tôi, khiến chúng nặng như đeo đá. Tôi mở choàng mắt và trông thấy tử thần đứng khoác tay Đubôtopkơ, mà lão già thì cứ cười hô hô. Tôi biết là mình lại ngủ mê rồi, nhưng vẫn cảm thấy mỗi tai họa đang tồn tại ngay trong phòng, đang di chuyển, đang nhích tới mỗi lúc một gần hơn.

Bức mừng rú xuống, chụp lấy tôi, làm tôi nghệt thở, tua rua nó đung đưa ngay trước mắt tôi. Tim tôi đập loạn xạ. Tôi cảm thấy rõ một cái gì đó bí ẩn đang lừng lừng tiến lại, những bước chân nặng chịch của nó vang dội khắp nhà, mà tôi thì yếu đuối, bất lực, sức tôi chẳng thấm tháp gì, con quái vật sắp vồ tôi, không phải, nó không vồ tôi mà lại vồ nàng, sắp nghe tiếng những đốt xương mảnh mai gãy răng rắc. Không làm sao ngăn chặn được

nó, tôi ú ớ kêu, lắc mạnh đầu mà vẫn không sao thoát ra khỏi cơn ác mộng nặng nề.

Bỗng ngọn lửa nển bốc lên phía trần, nhỏ đi, cuối cùng tắt ngấm, bất lực trong cuộc vật lộn với bóng tối...

Tôi nhìn ra phía cửa phòng, thấy nó hé mở. Mặt trăng trải ánh sáng nhợt nhạt lên tường, in hình khung cửa sổ xuống sàn. Một làn khói lam mờ bốc lên từ ngọn nển đã tắt.

Bỗng tôi trông thấy hai con mắt to tướng đang thao láo nhìn tôi qua bức rèm hầu như trong suốt. Kinh khủng quá! Tôi lắc mạnh đầu: đừng dương mắt trừng trừng nhìn tôi là một thiếu phụ. Khốn nỗi, cặp mắt thiếu phụ không nhìn thẳng vào mặt tôi mà lại đờ đẫn hướng đi tận đâu đó ra sau lưng tôi, như thể nhìn xuyên suốt qua tôi mà vẫn không thấy tôi.

Sau đó, thiếu phụ lướt đi. Tôi sững sờ nhìn nàng – Thiếu phụ Áo xanh Rừng Tùng Đầm Lầy và tóc mai tôi dựng ngược lên, mặc dù tôi không hiểu đó là thực hay mơ – một giấc mơ của cơ thể tôi đã kiệt quệ.

Nhưng đó là thực, là người thiếu phụ rtong tranh, vừa giống Nadêia lại vừa hoàn toàn khác: khuôn mặt dài ra, lãnh đạm như cái chết – một nét mặt khác lạ - và tầm vóc cũng cao hơn, chắc hơn. Cặp mắt nhìn đờ đẫn mà xuyên thấu, thăm thẳm như hai vực nước tù.

Thiếu phụ Áo xanh vẫn cứ lướt đi trong bộ xiêm áo kỳ lạ, óng ánh lượn sóng dưới ánh trăng mờ ảo. Nàng lướt ra tới giữa phòng, vươn hai tay ra sờ soạng trong không trung.

Tôi cảm thấy mình đã tỉnh hẳn, nhưng hai chân vẫn như bị trói chặt. Bóng ma kỳ quái đang tiến lại gần tôi.

“Có chuyện gì xảy ra với nữ chủ rồi chẳng? Nàng chết rồi chẳng? Đâu phải ngẫu nhiên một nỗi khủng khiếp ghê gớm đến thế vừa mới choán ngập tim tôi trong cơn mê mệ?”

Ý nghĩ ấy đã truyền thêm sức mạnh cho tôi. Tôi hất mạnh chân tung chẵn, sẵn sàng tư thế tấn công. Khi thiếu phụ đến gần, tôi chộp lấy hai tay đang chới với vươn ra phía trước. Một tay tôi vớ phải cánh tay bộ xiêm áo

kỳ quái – một thứ lụa mỏng tang trơn tuột, tay kia tôi nắm chặt một cái gì đó vô cùng mảnh mai, yếu ớt và ấm áp.

Tôi giật mạnh thiếu phụ về phía mình, và nghe một tiếng kêu khe khẽ. Tôi hiểu ra ngay thực chất của hiện tượng khi trông thấy gương mặt nhăn lại hết hoảng, và trong khóe mắt, dường như vừa bừng tỉnh cơn mê, vụt lóe lên yếu ớt một tia ý thức, một ánh lo âu đau đớn và một vẻ gì đó nửa thường thấy trong khóe mắt một con chó nơm nớp chờ đòn roi vụt xuống. Thiếu phụ Áo xanh run bần lên trong tay tôi, nhưng không nói lấy một lời. Tiếp theo, tận đáy lồng ngực nàng thốt lên những tiếng nức nở nghẹn ngào. Người thiếu phụ ấy bỗng giống Nadêia Janôpxkaia đến kỳ lạ, khiến tôi bất giác kêu lên:

– Tiểu thư Nadêia, xin tiểu thư hãy bình tâm! Tiểu thư làm sao vậy? Tiểu thư đi đâu thế?

Nàng không nói được một lời nào. Đôi tròng mắt tràn ngập nỗi khiếp đảm.

– Ái! Nàng kêu lên, mái đầu giật mạnh, kinh hoàng.

Bị bất ngờ thức tỉnh khỏi giấc mộng đubôtôpkơ, nàng vẫn còn chưa hiểu gì, mà mới chỉ thấy hãi hùng – một nỗi hãi hùng kinh khủng choán ngập trái tim nàng bé bỏng, đang run lên từng cơn. Một sự lo sợ khôn tả xiết cũng xâm chiếm lòng tôi, bởi vì tôi biết do một nỗi kinh hoàng đột ngột như vậy, con người thường bị mất trí hoặc trở thành câm.

Tôi không còn hiểu mình đang làm gì nữa, mình phải cứu nàng bằng cách nào, chỉ còn biết hôn liên tiếp lên mái tóc óng mượt ngậy ngất hương thơm, lên hai hàng mi đang run rẩy sợ sệt, lên đôi cánh tay lạnh toát.

– Nadêia! Nadêia! Em thương yêu! Em dịu hiền! Đừng sợ nữa! Anh đây, anh ở bên em, anh đã diệt trừ Quốc vương Xtác rồi! Từ nay sẽ không còn ai xâm phạm cuộc đời thanh bình, êm dịu và đôn hậu của em nữa!

Ý thức dần dần, chậm chạp, rất chậm chạp trở lại với nàng. Đôi mắt nàng mở to. Tôi thôi không hôn nàng nữa. Làn môi nàng khẽ thều thào:

– Sao thế này? Phòng này ở đâu? Sao tôi lại ở đây?

Tôi vẫn đang ôm trong lòng ngọn cỏ mảnh dẻ, yếu ớt ấy: thiếu nó, tôi, một kẻ nam nhi xốc vác, khỏe mạnh, sẽ lập tức đổ gục. Tôi vẫn ôm nàng trong vòng tay bởi vì tôi biết: buông ra lúc này, nàng sẽ khuytu ngã.

Khóe mắt nàng vẫn trào ra nỗi khiếp nhược hòa lẫn cùng một ánh điên dại, khiến tôi bắt đầu hối tiếc là đã lay tỉnh nàng.

– Tiểu thư Nadêia! Xin tiểu thư hãy bình tâm. Đừng sợ nữa. Mọi sự rồi sẽ tốt đẹp, tươi sáng đối với tiểu thư ở trên mảnh đất này.

Nàng vẫn không hiểu gì cả. Một bóng đen bỗng từ đâu đó tận góc phòng đang bò dần tới gần nàng (có lẽ một đám mây đang che khuất dần mặt trăng), nàng nhìn nó trờng trờng, trờng con người và cả mắt nàng mở to, to dần, to mãi.

Bỗng gió đập cánh cửa chớp ở tận đâu đó âm âm, rít lên rền rĩ trong ống khói. Nghe nó sao mà giống đến kỳ lạ tiếng vó ngựa đội sẵn đồn dập xa xa, tiếng la hét ma quái, không còn phải tiếng người: “Rôman! Ôi Rôman! Ra ngay!”. Tôi rùng mình.

Nadêia bỗng kêu thất thanh, nép vào người tôi. Tôi cảm thấy ngực nàng mềm mềm, đầu gối tròn tròn dưới làn vải mỏng. Nàng bám chặt lấy tôi, và tôi, khuất phục một dục vọng khôn cưỡng, ghì chặt toàn thân nàng vào mình.

– Những đồng tiền đáng nguyên rủa! Những đồng tiền chết tiệt. Hãy đem tôi đi, đem tôi đi khỏi chốn này, đem đi mau lên. Anh dũng mãnh, anh can trường, anh là chúa tể của em, anh hãy mang em đi khỏi đây! Ở đây kinh khủng quá, lạnh lẽo quá, tối tăm quá. Em không muốn chết, em không muốn chết...

Tôi bế nàng, nhẹ bỗng như một đứa trẻ, ra giường. Tiếng vó ngựa vẫn rầm rập ngoài cửa sổ. Nàng bám chặt vào tay tôi đến phát đau.

– Mang em đi, anh mang em đi! Em không thể... không thể...

Nàng ép sát vào người tôi, đón nhìn ánh mắt tôi, giấu mặt trên ngực tôi.

Tôi cố quay mặt đi, tôi thấy nghẹt thở. Nhưng tôi không còn làm chủ được mình nữa. Điều ấy ập đến như một cơn lốc. Con người yếu đuối sao

đứng vững nổi. Tất cả hòa nhập, quay cuồng trong thác lửa, và nàng đã tha thứ cho tôi cả sự đau đớn...

Mặt trăng khuất sau mái nhà, những ánh phản hồi cuối cùng rọi lên gương mặt nàng, lên sợi tóc chảy dài trên cánh tay tôi, lên đôi mắt mở to nhìn vào bóng đêm, hân hoan và thanh bình.

Tôi tưởng chừng sắp òa khóc vì sung sướng – một niềm sung sướng muôn thuở hằng xuất hiện sau lần gần gũi với người con gái đầu tiên: và khóc vì ý nghĩ chưa một ai trước đó áp mặt dịu dàng như vậy vào cánh tay mình. Miên man, tôi nghĩ lại mà chưa hết kinh hoàng về nổi ví thử lũ bất lương kia thực hiện được mưu đồ thì nàng, người con gái đầu tiên, duy nhất và vĩnh viễn của tôi, có lẽ đã phải chịu chung số phận với người đàn bà nọ trong gia đình Kunsu.

Điều đó sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Bằng thái độ dịu dàng, bằng tình thương đôn hậu và lòng biết ơn vô hạn, tôi sẽ làm cho chứng bệnh mộng đubôtkơ của nàng mất hẳn. Nàng sẽ không bao giờ phải nghe từ miệng tôi một nửa lời thô bạo. Hai chúng tôi đã chẳng được tác thành bởi nỗi khiếp sợ khôn cùng, bởi trạng thái nơm nớp đợi chờ cái chết và cùng chung lòng khao khát chút hơi ấm bình dị đó sao? Hai chúng tôi đã chẳng liều thân cứu giúp nhau đó sao? Tôi đã chẳng được nàng như người ta được một điểm phúc không dám hoài vọng đó sao?

CHƯƠNG 19

Tất cả câu chuyện chỉ có vậy.

Ngày hôm sau, lần đầu trong suốt thời gian ấy, ánh mặt trời cùng một lớp băng tuyết mỏng rải lên khắp sinh lầy, bãi hoang, lên những ngọn cây tùng trong khu vườn, lên những bức tường rêu phong của tòa lâu đài. Bãi cỏ cao lúc đầu bao phủ một lớp phấn trắng giá lạnh, ửng hồng dưới những tia nắng đầu tiên. Cả tường nhà cũng ửng hồng, tươi trẻ ra, dường như bừng tỉnh sau giấc ngủ mê nặng nề ngự trị trên tòa lâu đài suốt ba năm trời. Những ô kính ngũ sắc lấp lánh tươi vui dưới những tia nắng dịu ban mai, mặt đất cạnh tường đổ mồ hôi, thậm chí trở nên ướt át.

Hai chúng tôi ra đi. Cỗ xe đỗ trước cửa lâu đài. Cửa nả chẳng có là bao, đã buộc sẵn sau xe. Tôi dắt Nadêia mình choàng một tấm áo lông nhẹ, đưa ra khỏi nhà, đỡ nàng lên xe và leo lên ngồi xuống cạnh nàng, chúng tôi cùng đưa mắt nhìn tòa lâu đài lần cuối, nơi chúng tôi đã cùng nếm trải khổ đau và bất ngờ tìm thấy một tình yêu đáng để hiến dâng cả cuộc sống mà không hề hối tiếc.

– Em định làm gì với toàn bộ cái của này? – Tôi hỏi. Nadêia rùng mình như thể bị lạnh.

– Những đồ cổ, hiến cho các bảo tàng; còn đâu, để cho anh em mugik đã đứng dậy bảo vệ cửa nhà của chính mà và đã cứu sống em. Tòa lâu đài, hiến làm bệnh viện, trường học hay cái gì cũng được. – Nàng mỉm cười chua chát: - Gia tộc sản! Biết bao máu đổ, cả một mớ những hành vi đê hèn, những tội lỗi, mưu mô hiểm độc... Vì mục đích gì kia chứ? Vì một chút vàng bạc... Thôi, xin trả lại cho Chúa cái gia tộc sản này.

Tôi ôm đôi vai mảnh dẻ của nàng.

– Anh biết mà. Đúng là phải xử trí như vậy. Chúng ta cần gì cái của nợ ấy, nếu như chúng ta đã tìm được nhau.

Chúng tôi trao tòi lâu đài cho người quản gia mới là chị nông dân góa bụa có đứa con nhỏ mà tôi đã có lần bắt gặp bên lề đường, đưa về. Đám gia nhân vẫn nguyên vị.

Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm khi tòi lâu đài khuất sau rặng cây. Cơn ác mộng đã vĩnh viễn kết thúc.

Xe chúng tôi rời khỏi khu vườn, tiến ra bãi lau lách chạy dài men theo Bãi thụt Khổng lồ. Khi hai cánh cổng khép lại một lần cuối cùng sau lưng chúng tôi và xa xa phía trước đã hiện ra những ngọn đồi, thì tôi trông thấy một người đứng đợi ở ven đường.

Người đó rải những bước dài, tiến lại phía chúng tôi, và khi anh ta cầm lấy cương ngựa thì tôi nhận ra đó là Rượơơ. Anh mặc áo da lông thú, tóc tai rối bù, xoa xuống trán, lòa xòa đến tận cặp mắt hiền như mắt trẻ thơ.

Tôi nhảy xuống xe.

– Anh Rượơơ thân mến, sao không đến chia tay với chúng tôi?

– Định gặp riêng cậu vợ. Sau chuyện đêm ấy, lòng tôi cứ nặng trĩu. Cậu vợ thế mà giỏi, rời đi là phải, chứ ở đây mọi thứ sẽ luôn luôn làm cho phải nhớ lại chuyện cũ.

Anh thò tay vào túi áo, và bỗng đỏ bừng mặt, lôi ra một con rối bằng đất sét nung.

– Cái này, tôi biếu vợ Nadêia... Ví như vợ đặt nó ở đâu đó thì sẽ thỉnh thoảng nhớ đến chúng tôi...

Nadêia kéo đầu Rượơơ lại gần, hôn lên trán.

Nàng tháo đôi hoa tai, đặt vào lòng bàn tay to rộng, sạm đen của anh thợ săn:

– Tặng cô vợ tương lai của anh.

Rượơơ e hèm, lắc đầu.

– Thôi, chúc cậu vợ... chúc cậu vợ... Thôi đi ngay cho... Chả có, thật tội vợ, tôi sắp khóc rống lên như mù đàn bà bây giờ... Cứ như con nít ấy thôi. Tôi cầu mong cho cậu vợ những điều tốt lành nhất trên đời.

Tôi chân thành ôm hôn Rưgôơ.

– Anh Rưgôơ! Bạn quý mến của tôi! Đi cùng chúng tôi đi! Nương náu ít ngày cho qua thời hạn họ truy tìm Đubôtôpkơ cùng đồng bọn. Ngộ nhờ có đứa vô lại nào sẽ hại anh.

Cặp mắt Rưgôơ trở nên nghiêm nghị, quai hàm gân guốc lên.

– Hà, cứ để hẳn thử xem!...

Hai bàn tay anh xiết chặt khẩu súng, lần gân tay nổi hết cả lên.

– Súng vẫn nằm trong tay đây. Cứ để cho chúng thử xem! Tôi không đi đâu cả. Vương quốc của tôi là rừng xanh và vương quốc này cũng phải được sống sung sướng.

– Tôi tin nhất định sẽ như vậy, - tôi đáp giản dị.

Xe đi đã đến tận bìa rừng, mà ngoái lại tôi vẫn thấy cái bóng cao lớn của anh trên đỉnh đồi. Rưgôơ đứng trên nền trời đỏ rực, cây súng dài vượt đầu nằm trong tay, áo da lông thú lộn trái bó sát thân hình cân đối. Gió thổi tung mái tóc dài của anh.

Quả là Chúa sơn lâm!

Xe chúng tôi đi trên đường rừng suốt một ngày một đêm. Buổi ban mai ngày sau đón chào chúng tôi với vàng mặt trời chói lọi, với thảm cỏ tươi tốt ẩm sương, với niềm hân hoan vui mừng!

Chỉ giờ đây tôi mới thấy hết sự cách biệt giữa lãnh địa Janôpxki và mảnh đất này.

Trên đỉnh đồi những mái tranh tinh khôi, chót vót mấy tổ cò trắng trên nền trời xanh êm ả.

Cái thế giới mới này hẳn phải lạ lùng biết bao trong con mắt của người tôi yêu – người thiếu nữ của thế kỷ mười tám! Bởi vì ngay cả tôi, mới xa nó có một thời gian ngắn, mà đã thấy ngỡ ngàng!

Tôi liếc nhìn người con gái sẽ làm vợ tôi. Đôi mắt nàng mở to, tràn trề hạnh phúc, nàng nép vào tôi, thỉnh thoảng vẫn còn thốn thức như đứa trẻ

mới nín khóc. Tôi thầm mong cho nàng cảm thấy sung sướng hơn nữa, nên đã cúi xuống hôn tay nàng...

Lúc ấy và cả sau này nữa, tôi chỉ lo lắng về chứng bệnh của nàng. Vì vậy, tôi đã thuê một căn nhà nhỏ có vườn ở ngoại ô thành phố. Các bác sĩ đều nói rằng với cuộc sống yên tĩnh, chứng bệnh sẽ qua đi. Quả nhiên, nàng đã khỏi hẳn sau hai tháng chung sống với tôi và báo cho tôi biết chúng tôi sẽ có con.

Chúng tôi dành cho nhau cả một biển tình thương yêu, trù mẫn và quan tâm săn sóc lẫn nhau, khiến hai chục năm sau tôi vẫn còn ngạc nhiên như một giấc chiêm bao. Ở đâu, chúng tôi cũng sống hạnh phúc, kể cả ở Xibêri, nơi tôi bị đày đến năm 1902. Đối với tôi, nàng không chỉ là người vợ, nàng đã thực sự là người bạn cho đến trọn đời.

Chúng tôi đã sống một cuộc đời dài lâu và hạnh phúc, như trong một bài ca:

Chùng nào vàng dương còn chói lợi đất này...

Nhưng ngay cả giờ đây, đôi khi tôi vẫn nằm mơ thấy những bãi hoang, lau lách bạc đầu, nhưng mô cỏ lụi tàn trên bãi thụt và đội sấn của Quốc vương Xtác phóng ngựa như bay trên sinh lầy. Hàm thiếc ngựa không lách cách, những kỵ số ngồi ngay lưng trên yên, hoàn toàn câm lặng. Gió thổi tung bay những mái tóc, những tấm áo choàng, những bờm ngựa, và trên đỉnh đầu họ, rực sáng một ngôi sao cô đơn.

Trong sự lặng câm ghê rợn, đội sấn của Quốc vương Xtác điên cuồng phóng ngựa là là mặt đất.

Tỉnh dậy, tôi lại nghĩ miên man: nó chưa hết thời đâu, chùng nào trên trái đất này còn tồn tại sự tối tăm, đói khát, bất công cùng sự khiếp nhược u mê. Bởi nó là hiện thân của tất cả thứ đó.

Ngập chìm đến nửa trong sương mù, đội sấn ma quái vẫn đang phóng ngựa là là trên mặt đất tối tăm ảm đạm.

HẾT

CHÚ THÍCH

[1] Thập kỷ tám mươi của thế kỷ trước, sau vụ những người phái “Ý dân” ám sát Nga Hoàng Alêchxandơ II (1881), là thời kỳ phản động đen tối nhất trong lịch sử nước Nga (N.D.)

[2] Câu thơ trong đoạn kết bài thơ nổi tiếng “Trăm tư bên cổng tiền tòa dinh thự” của nhà thơ Nga vĩ đại N.A.Nhekraxop (1821-1878) – (N.D.)

[3] Mật thám Nga hoàng mặc sắc phục màu xanh lơ (N.D)

[4] Đơn vị đo lường Nga = 2m13 (N.D)

[5] Pan – ông, ngài.

[6] inơ – đơn vị đo lường của Anh 2m54 (N.D)

[7] Folklorist: Chuyên gia sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian (N.D)

[8] Ở Krutôgôrie (sau gọi là Kôidanôp) năm 1249, liên quân Bêlôruxia và Litva, sáu năm trước khi Batu chết đã đánh tan quân Tacta do hãn Kôidan thống lĩnh. (chú thích của tác giả).

[9] Một phong tục ở Bêlôruxia cổ xưa: thêm biệt hiệu thường gọi vào họ. Chẳng hạn, họ bình thường là “Lêônôvich”, họ kèm thêm biệt hiệu là “Pora- Lêônôvich” vì tổ tiên dòng họ này, khi xung trận có tập quán hò hét “Pora! Pora! “ (Đến lúc rồi! Đến lúc rồi!) – (Chú thích của tác giả)

[10] Theo quan niệm xưa, trong huyết quản của những người thuộc tầng lớp quý tộc, máu không đỏ như mọi người bình thường mà màu xanh lơ (N.D)

[11] Vasilô – Anh hùng dân tộc Bêlôruxia, thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa những năm 1746-1944 (Chú thích của tác giả).

[12] Hai thủ lĩnh các cuộc khởi nghĩa ở vùng Minxk và ven sông Nê man (chú thích của tác giả)

[13] Ít ra, vào những thời cổ xưa nhất ông chủ có quyền như vậy, điều này tượng trưng cho quyền hành vô hạn của chủ nô. Trên thực tế không thấy ghi nhận một trường hợp nào sử dụng đến quyền đó (chú thích của tác giả).

[14] Một giống ngựa Bêlôruxia – Balan, nay đã tuyệt chủng, những con tuần mã vằn và lốm đốm như báo, gốc mũi mày hồng – (chú thích của tác giả).

[15] Trận Pôntava xảy ra năm 1709, quân Nga do Piôt Đạ đế thân chinh đốc chiến, đánh bại cả quân của quốc vương Thụy Điển (N.D.).

[16] Nhân vật trong tiểu thuyết “Những linh hồn chết” của nhà văn Nga vĩ đại N. Gôgôn (N.D.)

[17] 1 pút = 16,3kg (N.D.)

[18] Tiền xu Nga (N.D.)

[19] Tarat Sepsenkô (1814-1861) – nhà thơ vĩ đại, nhà cách mạng dân chủ Ukraina, xuất thân nông nô, từng bị chính phủ Nga hoàng bắt giam và lưu đày nhiều năm.

[20] Chế độ nông nô ở đế quốc Nga hoàng bị bãi bỏ từ năm 1861. (N.D.)

[21] Tức “những người ưu tú” (N.D.).

[22] Để làm món “kulaga” phải để cho bột chua ít nhất một ngày một đêm (chú thích của tác giả).

[23] Phong tục một số vùng Bêlôruxia và Ukraina: Khi người con gái từ chối lời cầu hôn thì sai bảo người nhà đem bí ngô biểu người đến cầu hôn (N.D.).

[24] Cách xưng hô thân mật, gia đình (N.D.)

[25] Một loại rượu trắng khá nặng của Bêlôruxia.

[26] “Ngôi nhà cột chân gà”, “Mụ yêu tinh Jaga” – chi tiết và nhân vật phổ biến trong cổ tích Nga (N.D.).

[27] Trận Grunvanđơ (1410) – liên quân Ba Lan, Lít-va, Nga, Ukrana và Bêlôruxia dưới quyền thống soái của vua Ba Lan đánh tan đạo quân hiệp sĩ xâm lược gồm các hiệp sĩ Đức, Pháp, Anh v.v... – (N.D.).

[28] Ôphêlia – nhân vật trong bi kịch “Hamlét” của Sêchxpia, người yêu của hoàng tử Hamlét (N.D.).

[29] Mugik: Nam nông nô, nông dân Nga.

[30] Kalinôpxki K.B. (1838 – 1864) – nhà cách mạng dân chủ Bêlôruxia, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa 1863 – 1864 ở Bêlôruxia chống chế độ Nga hoàng.

[31] Pêrôpxkaia C.M. (1853 – 1881) – nhà cách mạng Nga, phái dân túy, xuất thân quý tộc, nhưng chống lại chế độ Nga hoàng, tham gia ám sát Nga hoàng Alêchxandr II (1881). – (N.D.)

[32] Muraviôp M.N. (1796 – 1866) – bá tước, tướng Nga hoàng, toàn quyền miền Tây bắc Đế quốc Nga, đàn áp tàn bạo cuộc khởi nghĩa 1863 – 1864 ở Ba Lan, Lítva, Bêlôruxia... – (N.D.)

[33] Katkôp M.N. (1818 – 1887) – nhà báo, nhà chính luận, từng tham gia phong trào cách mạng dân chủ trong những năm 30 – 40, sau đó phản bội, trở thành phần tử tối phản động (N.D.)

[34] Bêlôruxia cùng với vùng ven Bantích ở về phía Tây Bắc Đế quốc Nga hoàng (N.D.)

[35] Biệt hiệu của gã “đại hảo hán” Bêlôruxia thời quốc vương Alêchxandr. (1461-1506) một nhân vật nửa thực nửa huyền thoại. – (chú thích của tác giả).

[36] Một nhân vật trong thần thoại Nga (N.D.)

Table of Contents

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[LỜI DẪN](#)

[CHƯƠNG 1](#)

[CHƯƠNG 2](#)

[CHƯƠNG 3](#)

[CHƯƠNG 4](#)

[CHƯƠNG 5](#)

[CHƯƠNG 6](#)

[CHƯƠNG 7](#)

[CHƯƠNG 8](#)

[CHƯƠNG 9](#)

[CHƯƠNG 10](#)

[CHƯƠNG 11](#)

[CHƯƠNG 12](#)

[CHƯƠNG 13](#)

[CHƯƠNG 14](#)

[CHƯƠNG 15](#)

[CHƯƠNG 16](#)

[CHƯƠNG 17](#)

[CHƯƠNG 18](#)

[CHƯƠNG 19](#)